VŨ BÌNH - ĐÌNH CHƯƠNG

Bách Cục Tướng Kỳ

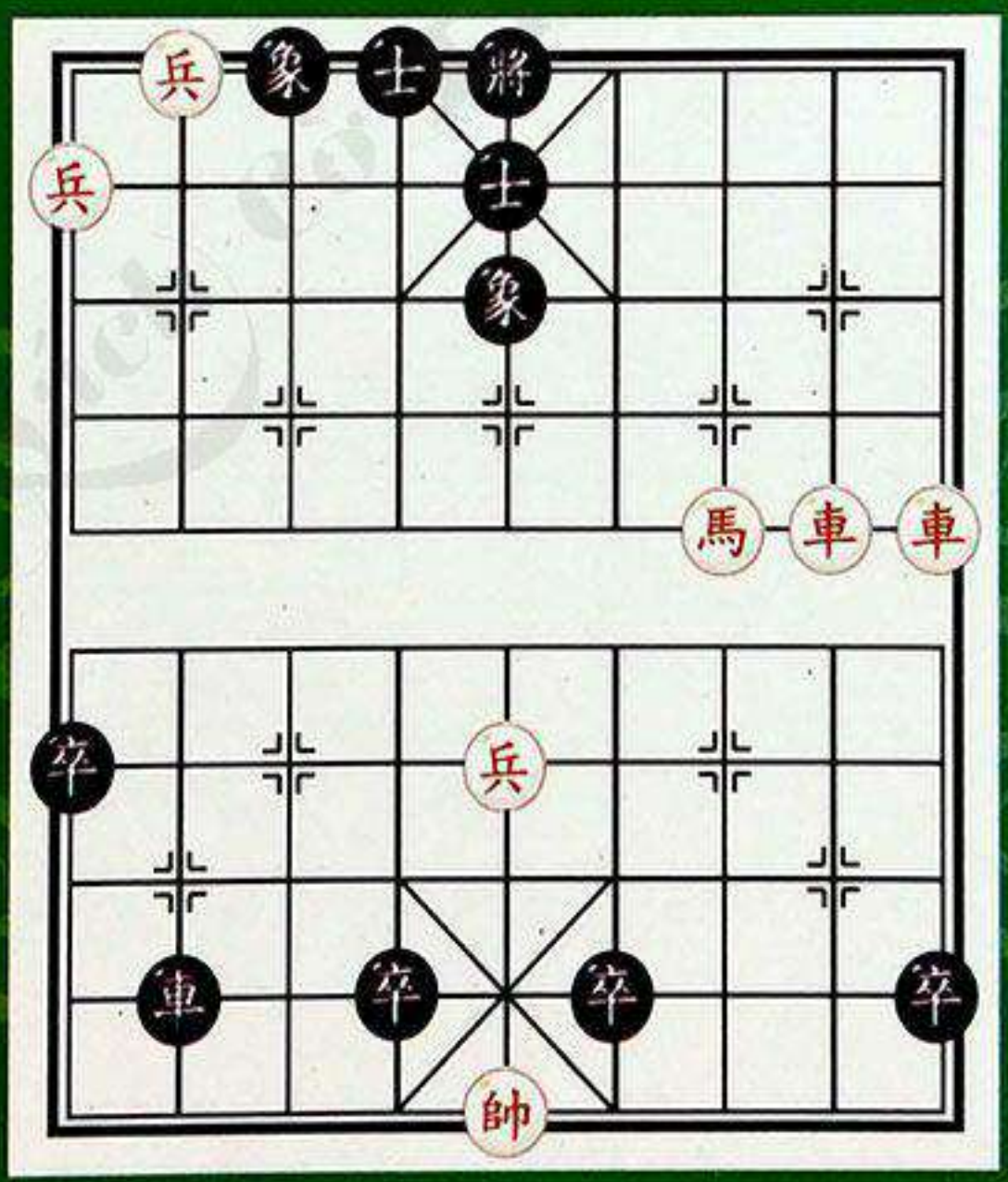

THỊ NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Sách Cờ Tướng.com

VƯƠNG BÌNH - ĐÌNH CHƯƠNG

Bách Cục TƯỢNG KỲ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Sách Cờ Tướng .com

LỜI NÓI ĐẦU

*"**Bách Cục Tượng Kỳ**" cùng với "**Quất Trung Bí**" và "**Mai Hoa Phổ**" đã hợp thành bộ ba nổi tiếng nhất trong lý thuyết cờ Tướng từ cổ chí kim.*

Trong khi hai quyển sau chủ yếu nói về cờ bàn thì Bách Cục Tượng Kỳ lại đi sâu về cờ thế. Với hơn một trăm thế cờ được tuyển chọn và phân tích rất công phu, quyển sách này đã đem lại cho người chơi cờ Tướng những hiểu biết, đa dạng, uyên thâm trong việc giải các thế cờ hóc búa.

Bách Cục Tượng Kỳ chủ yếu đề cập tới phương cách cứu vãn những thế cờ tưởng chừng đã thua mười mươi. Những tình thế cực kỳ nan giải của một bên đã được hóa giải tài tình, sáng tạo, khôn ngoan bằng những đòn thí quân táo bạo sau những tính toán sâu sắc, đảm bảo cho ván cờ không bị đối phương đánh bại.

*Trong Bách Cục Tượng Kỳ có nhiều thế cờ đã trở nên nổi tiếng như "**Thất tinh tụ hội**", "**Kim kê độc lập**", "**Tuyết ủng Lam quan**"... mở ra cho người giải những biến hóa linh hoạt mà nay vẫn còn tranh luận.*

Điều đó có nghĩa là Bách Cục Tượng Kỳ không trói buộc người chơi cờ vào những lời giải đã được khẳng định mà còn gợi ý cho những ai tham gia có được những tìm

Sách Cờ Tướng .com

tòi, phát hiện, bình phẩm, tranh cãi riêng... người đời sau vẫn có thể bổ sung những nước chưa hoàn chỉnh của người đời trước. Chính đó là cái sâu sắc, thần tình và luôn mới của Bách Cục Tượng Kỳ.

Giải được các thế trong Bách Cục Tượng Kỳ, trình độ tư duy cờ của bạn sẽ được nâng lên rất nhiều, vì vậy, chúng tôi tách riêng phần thế và phần giải để tăng sự hứng thú cho độc giả.

Nhóm biên soạn

Sách Cờ Tướng .com

✡ CÁCH GHI CHÉP CỜ TƯỚNG

Để giúp các bạn biết chơi cờ nhưng chưa biết cách đọc các nước đi của cờ tướng trên sách báo chúng tôi xin nhắc lại cách ghi chép nước đi trong cờ tướng.

Bàn cờ tướng có hình chữ nhật, có 9 đường dọc và 10 đường ngang giao cắt nhau, tạo thành 90 giao điểm. Giữa bàn cờ thường có một hàng ngang trống (không có đường kẻ đứng) dùng làm ranh giới phân chia hai bên và được gọi là sông (hoặc "hà"). Đây là ranh giới chia hai bên thành hai trận địa đối nghịch nhau, một bên của quân đỏ, một bên của quân xanh.

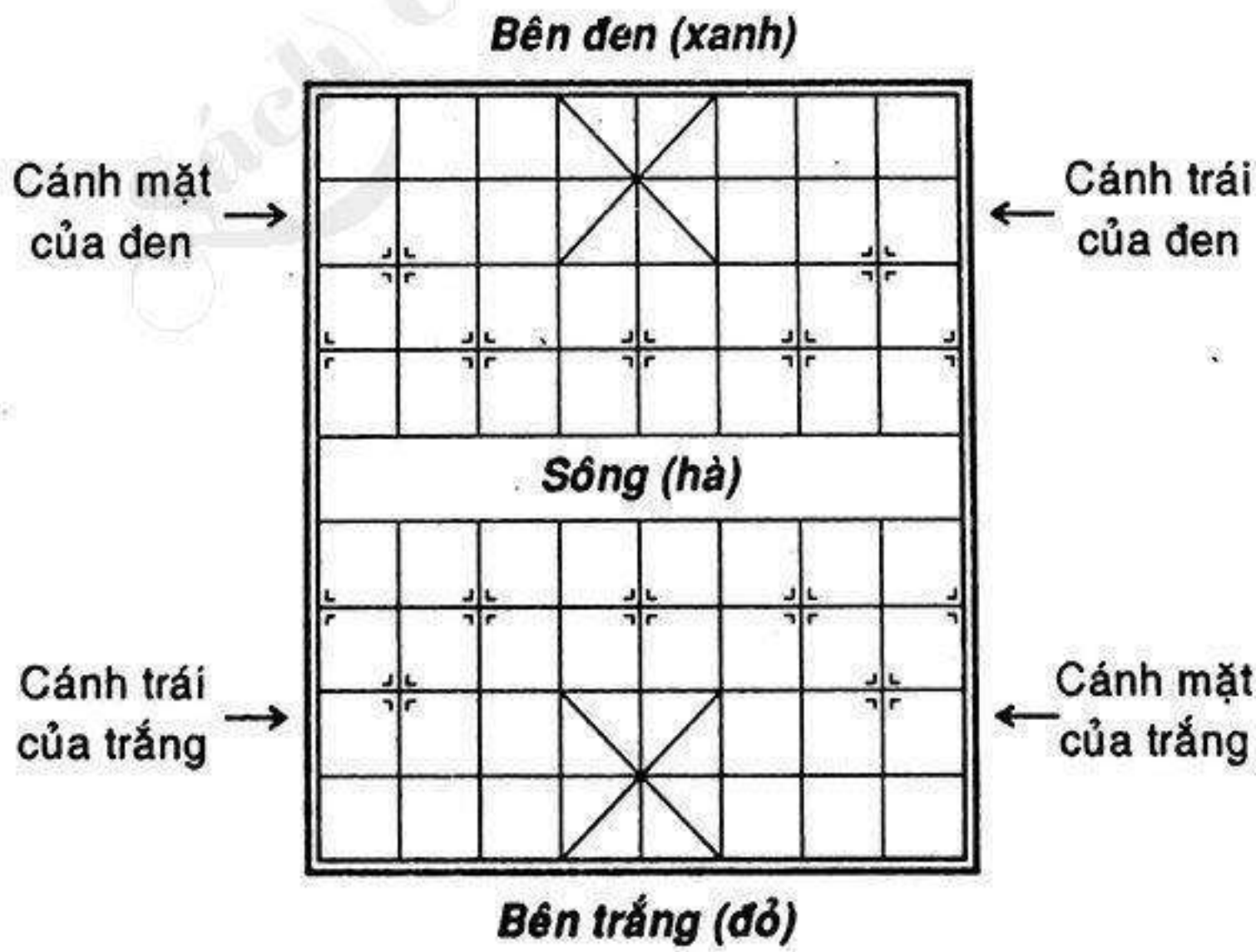

Sách Cờ Tướng .Com

Mỗi bên có 9 giao điểm nằm trên bốn ô vuông phân biệt với các ô khác bằng các đường kẻ chéo gọi là "cung tướng".

(Hiện nay theo Luật cờ của Liên đoàn cờ Việt Nam, dù màu sắc quân cờ như thế nào cũng phải qui về hai màu: trắng và đen. Hình bàn cờ in trong sách, báo được qui ước phía dưới thuộc bên trắng, phía trên thuộc bên đen).

CÁCH GỌI TÊN CÁC VỊ TRÍ

Để chỉ rõ vị trí tọa độ trên bàn cờ cũng như để ghi được sự di chuyển của các quân người ta qui ước đặt tên các đường dọc và các đường ngang như hình vẽ.

Chín đường dọc được đánh số từ 1 đến 9 và khởi đầu từ bên phải sang bên trái của mỗi kỳ thủ. Như vậy cùng một đường dọc, kỳ thủ này gọi là lộ 1 thì kỳ thủ kia gọi là lộ 9, kỳ thủ này gọi là lộ 2 thì kỳ thủ kia gọi là lộ 8. Cứ như thế ta thấy tương ứng các lộ 3, 4 với 7, 6. Chỉ có lộ 5 (còn gọi là trung lộ) là giống nhau.

Còn 10 đường ngang thì mỗi bên lại lấy đường ngang dưới cùng của mình làm chuẩn để gọi tên: tuyến đáy, tuyến áp đáy, hàng tuyến Pháo, hàng tuyến Tốt, tuyến hà (gọi tắt là hà). Tuy nhiên các tên này ít khi được dùng, trừ một số nhà nghiên cứu, bình luận cờ.

Tên các đường dọc được sử dụng thường xuyên, vì các quân cờ đứng trên đường dọc nào thì mang tên đường dọc đó cho dễ nhận và dễ phân biệt.

Sách Cờ Tướng .Com

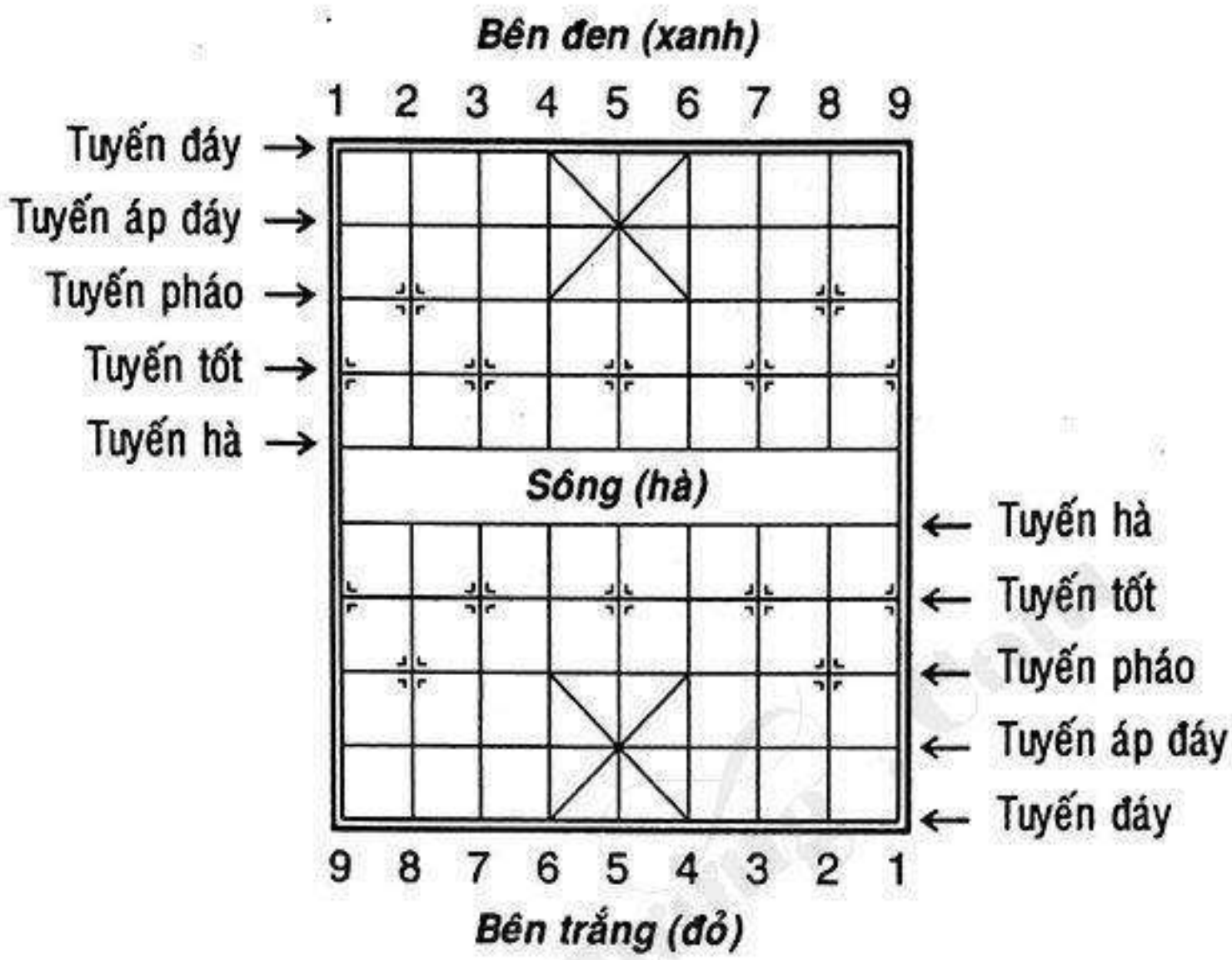

✡ KÝ HIỆU:

A– Về quân cờ: được ghi tắt bằng những chữ như sau:

– Tướng: 帥將 (còn gọi là suý/soái)

– Sĩ: 仕士

– Tượng: 相象 (còn gọi là Bồ)

– Xe: 車車 (gọi là Xa thì đúng hơn)

– Pháo: 炮炮

– Mã: 馬馬 (gọi Ngựa cũng đúng)

– Chốt: 兵卒 (Tốt gọi Binh)

B– Chữ viết tắt: (chỉ dùng khi có 2 hoặc 3 quân nằm chung 1 lộ)

– Trước: t

Sách Cờ Tướng .com

– Sau: s

– Giữa: g

C– Về hướng di chuyển quân:

– Tiến: . (dấu chấm)

– Bình (đi ngang): – (dấu gạch ngang)

– Thoái (lùi): / (dấu gạch xéo)

D– Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự:

– Số thứ tự nước đi

– Tên quân cờ

– Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ

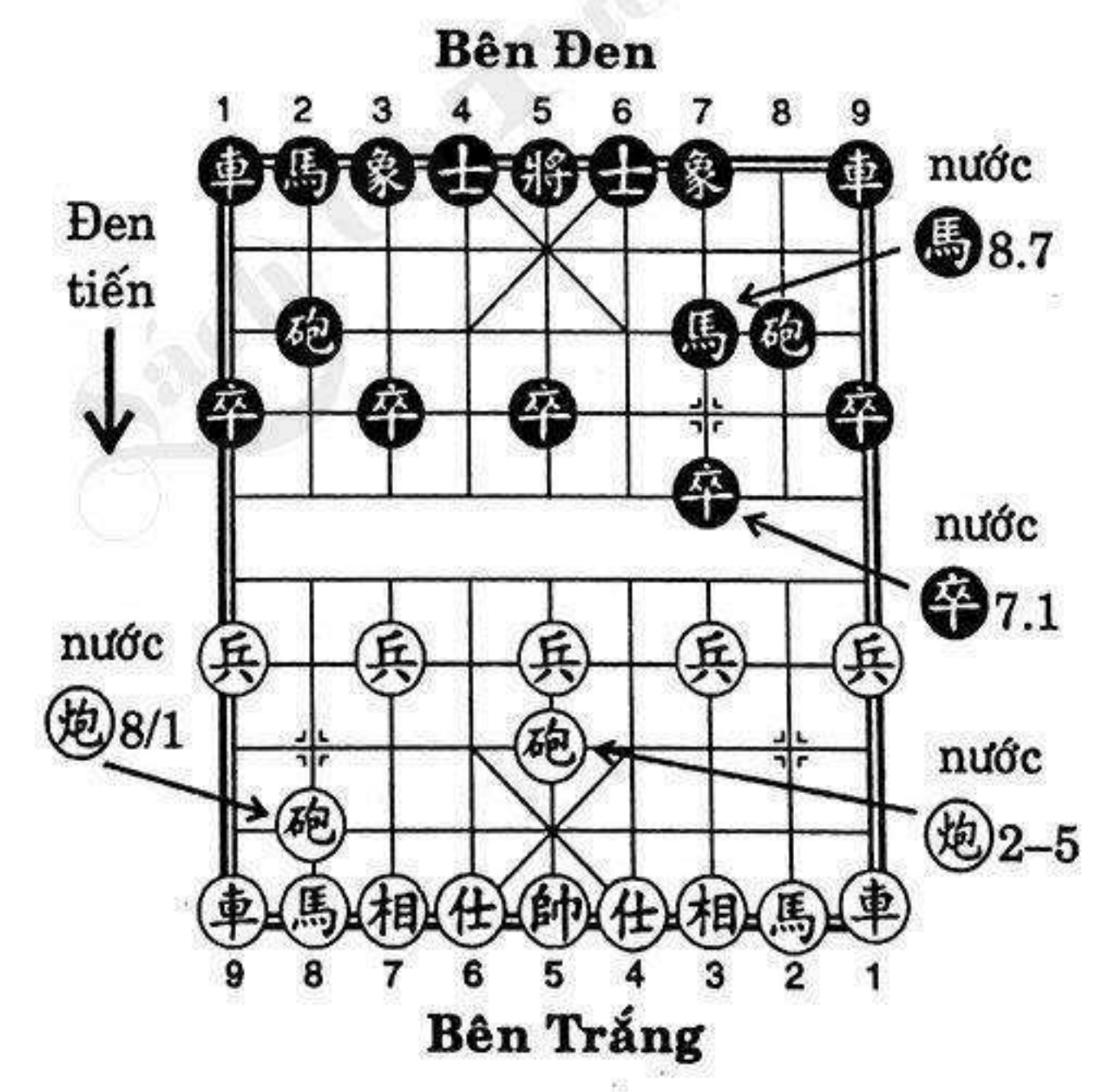

Sách Cờ Tướng .Com

Ví dụ: Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên đen Mã 8 tiến 7 thì ghi:

1. 炮2–5 馬8.7

Nước thứ 2: 炮8/1 卒7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương).

* **Trường hợp 2:** Pháo (Mã, Xe) nằm trên một đường thì ghi 炮t là Pháo trước, 炮s là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì ký hiệu 卒t là Tốt trước, 卒g là Tốt giữa, 卒s là Tốt sau.

Sách Cờ Tướng .com

Sách cô Tường .com
Sách cô Tường .com

THẾ 1

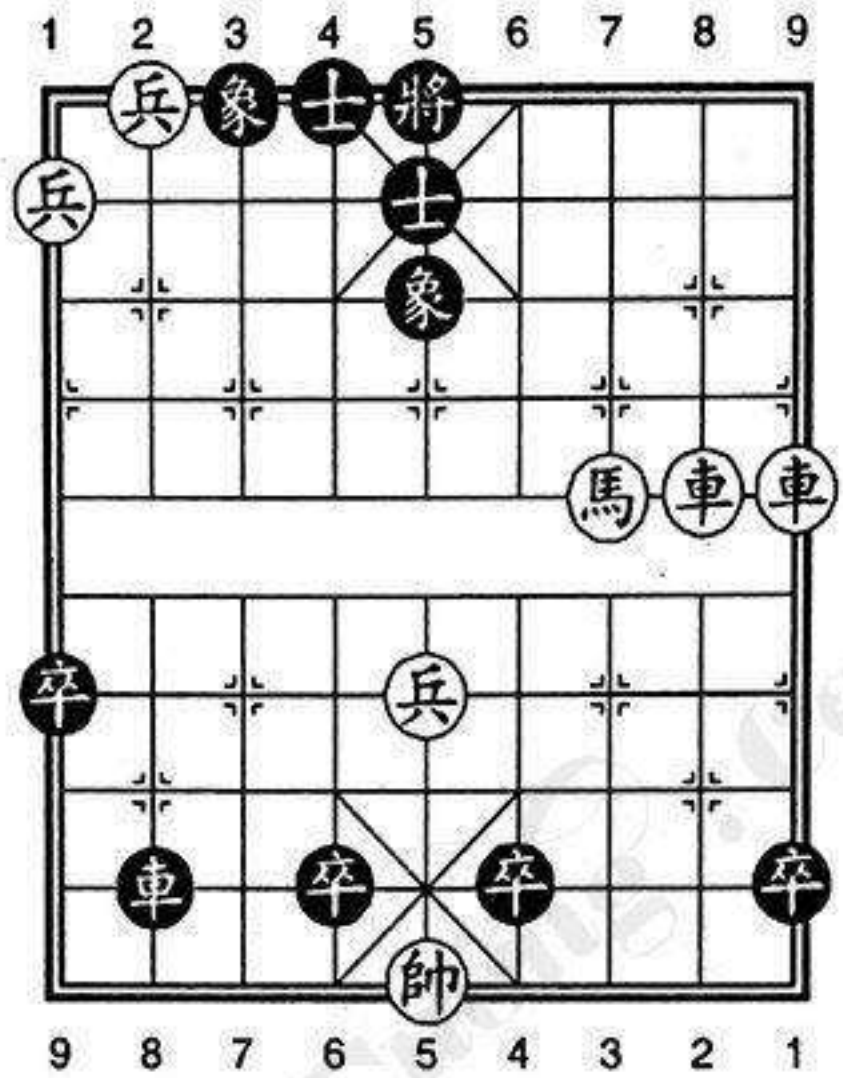

Trắng đi trước hòa

THẾ 2

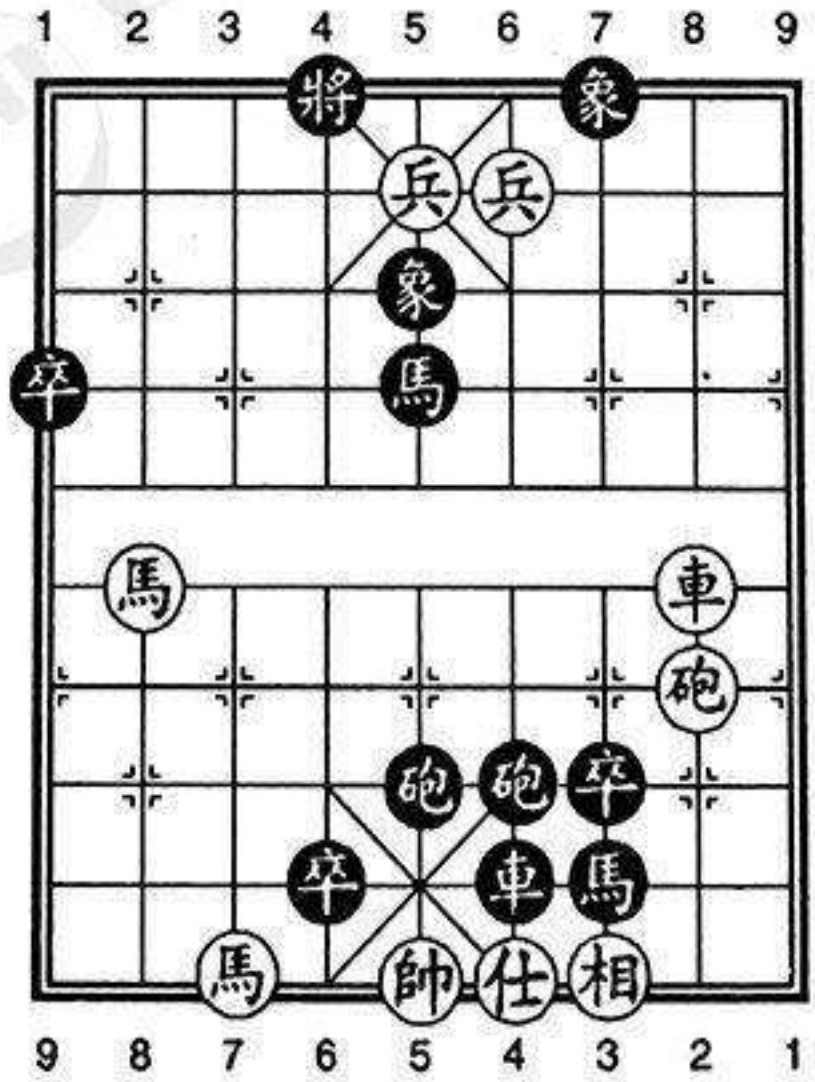

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 3

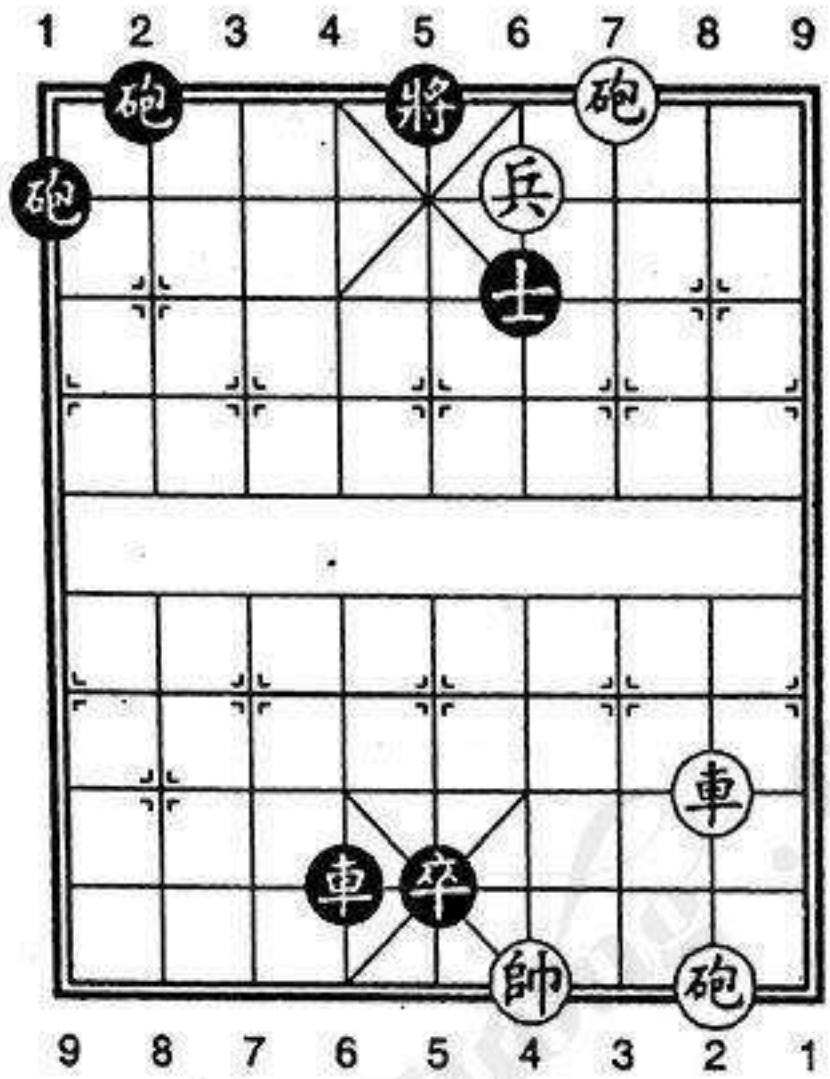

Trắng đi trước thắng

THẾ 4

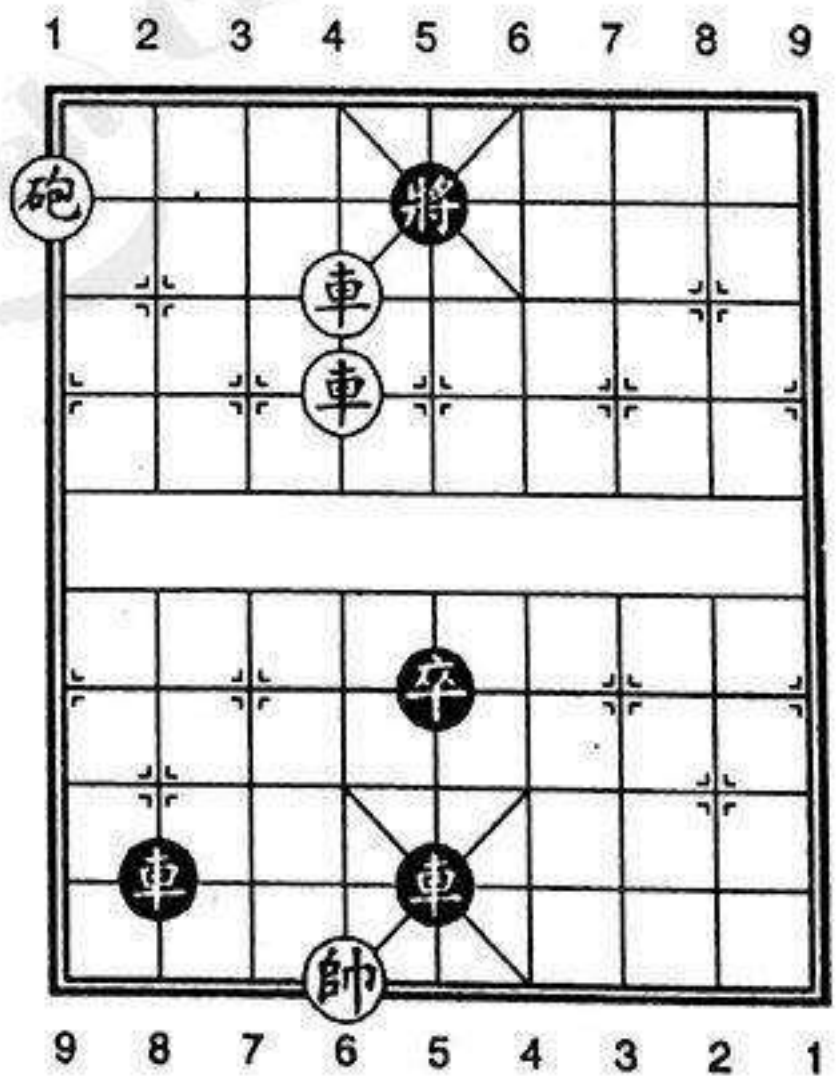

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 5

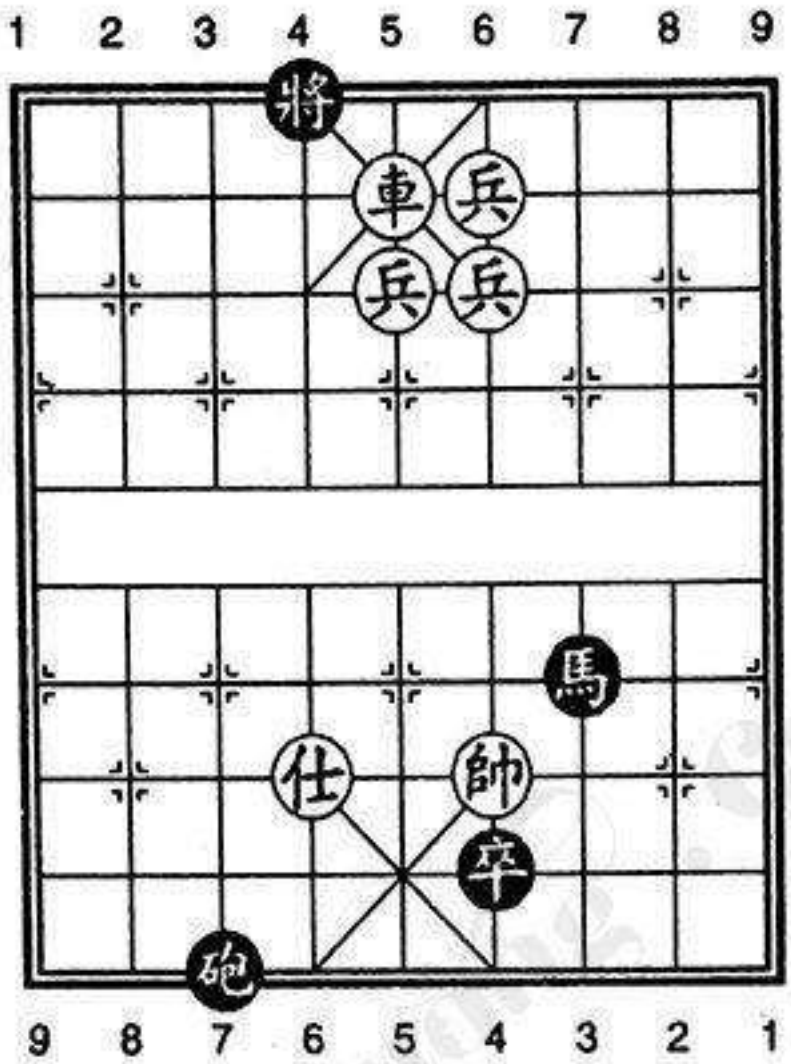

Trắng đi trước hòa

THẾ 6

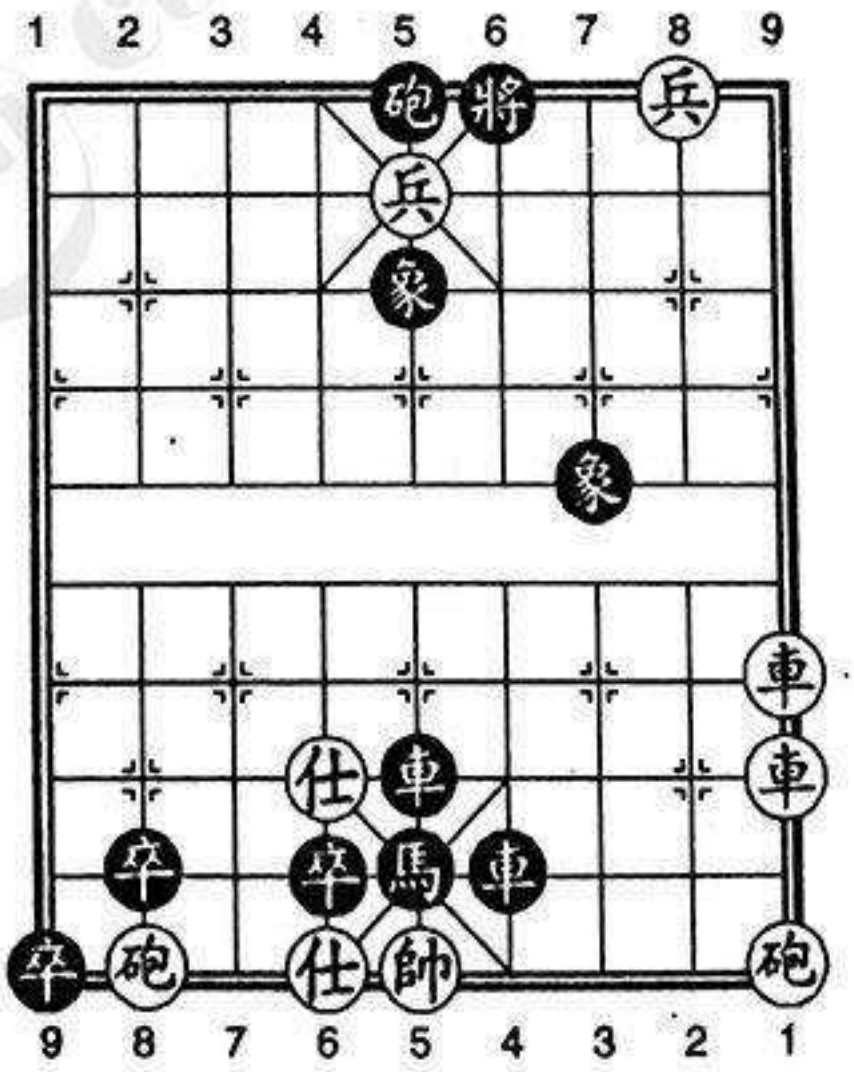

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 7

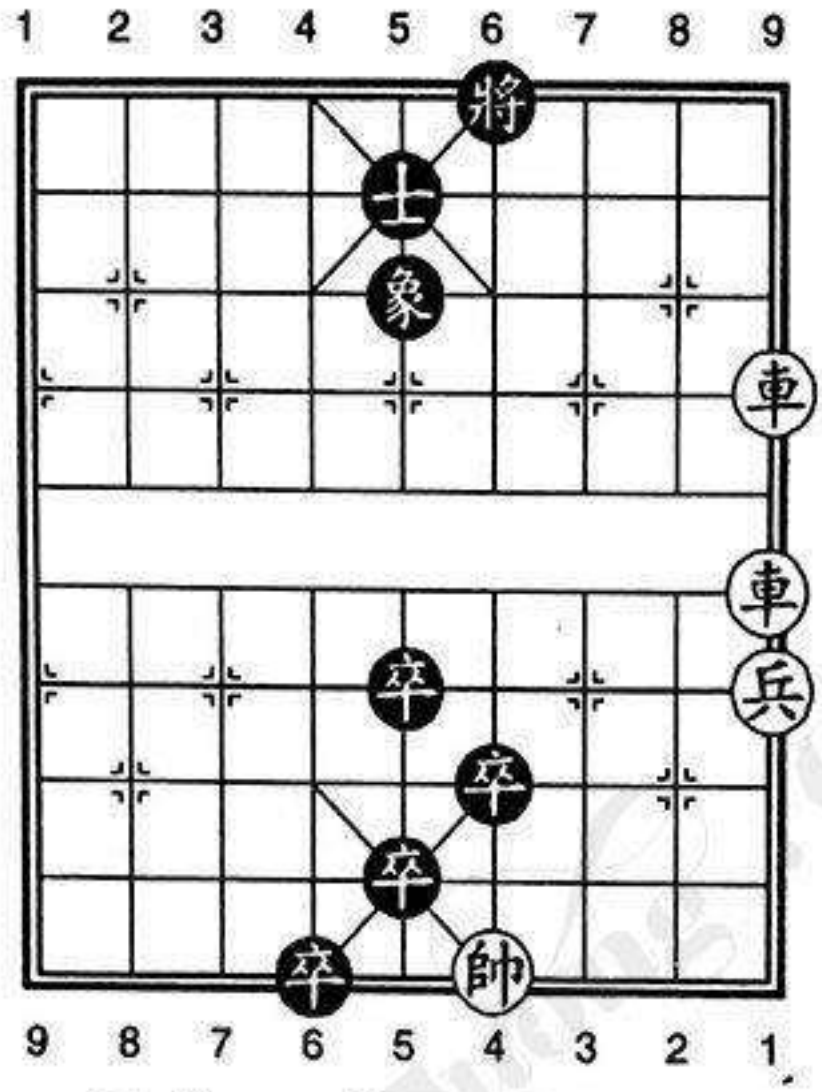

Trắng đi trước hòa

THẾ 8

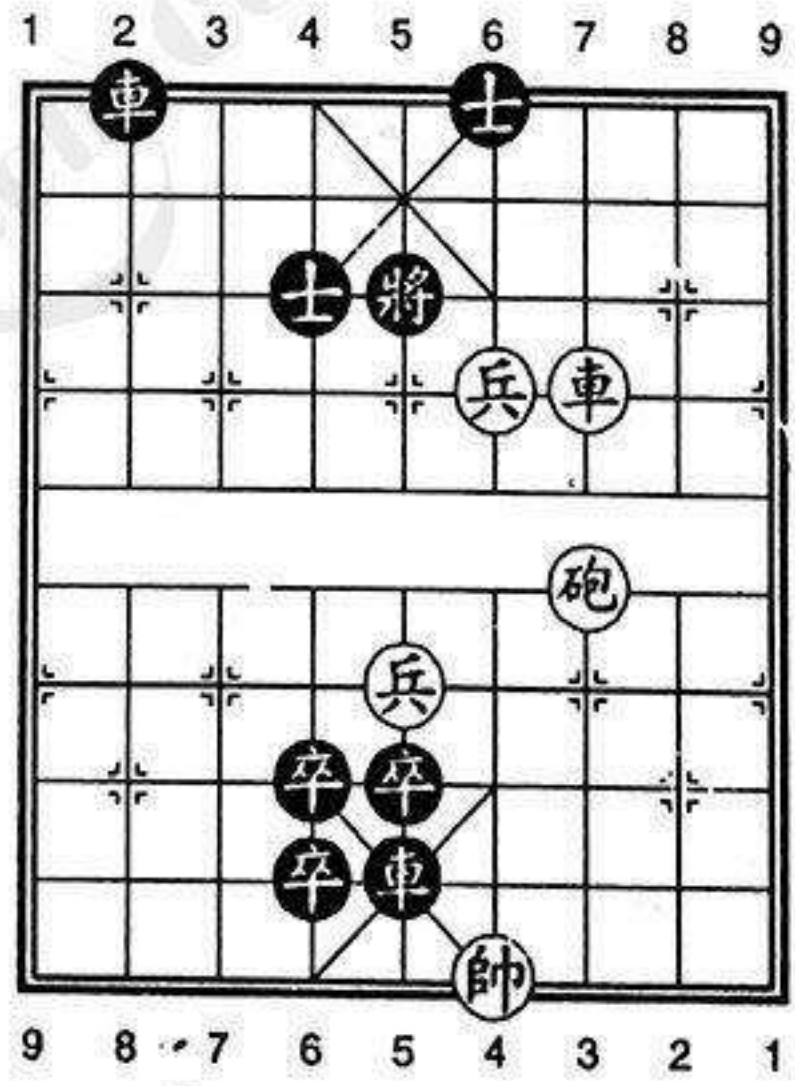

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 9

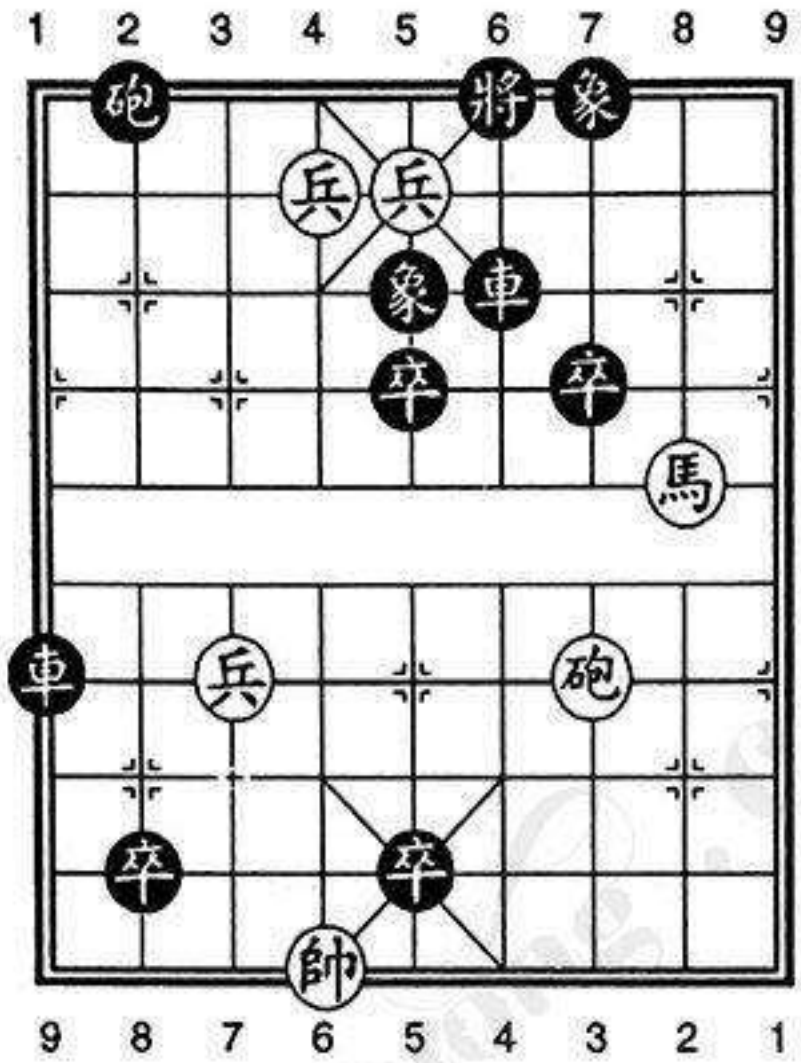

Trắng đi trước hòa

THẾ 10

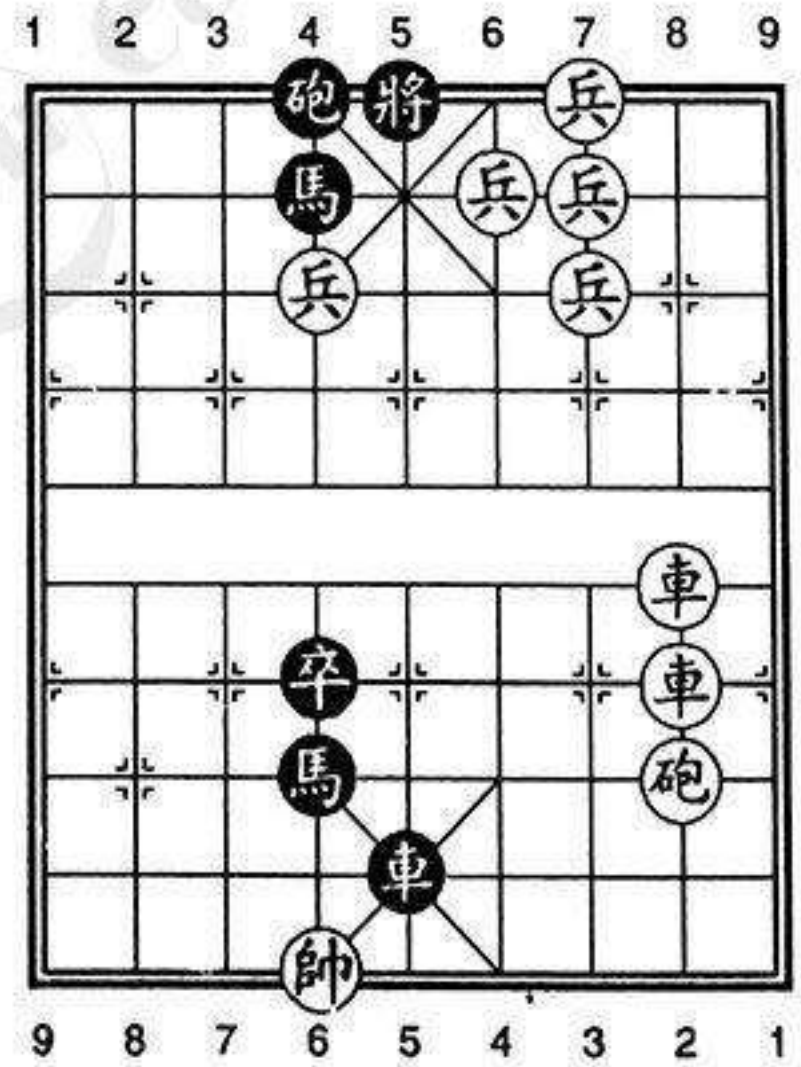

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 11

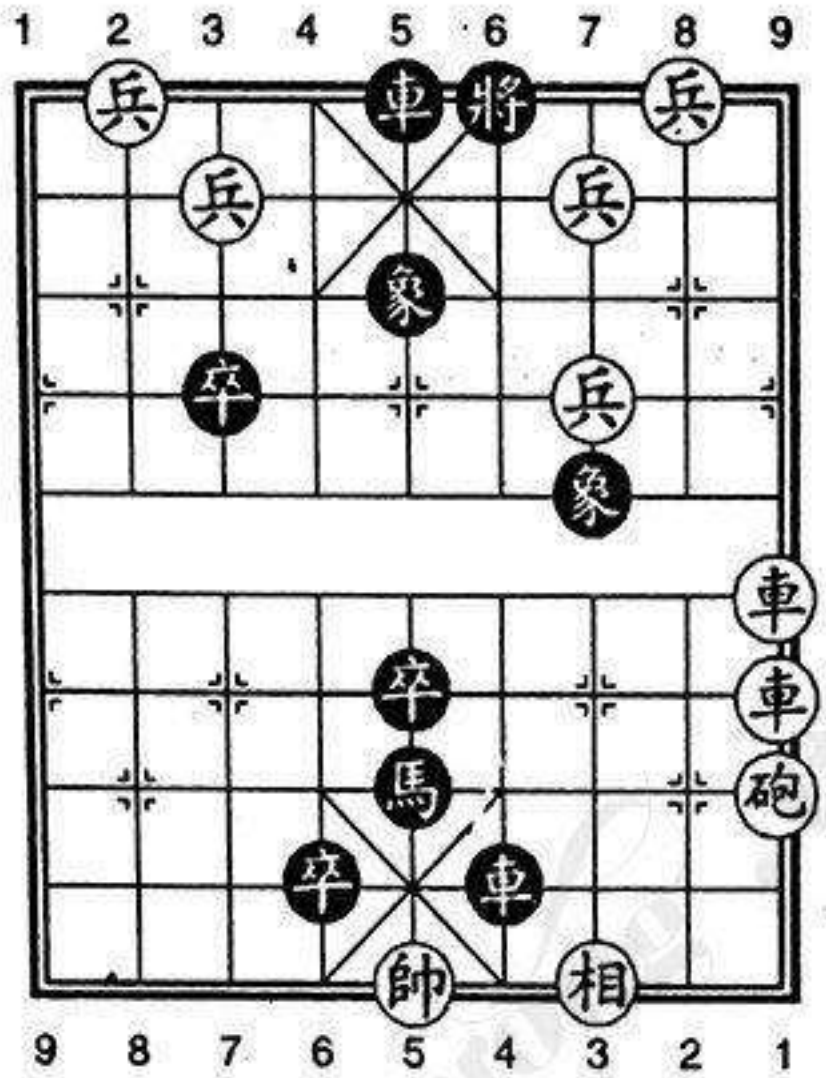

Trắng đi trước hòa

THẾ 12

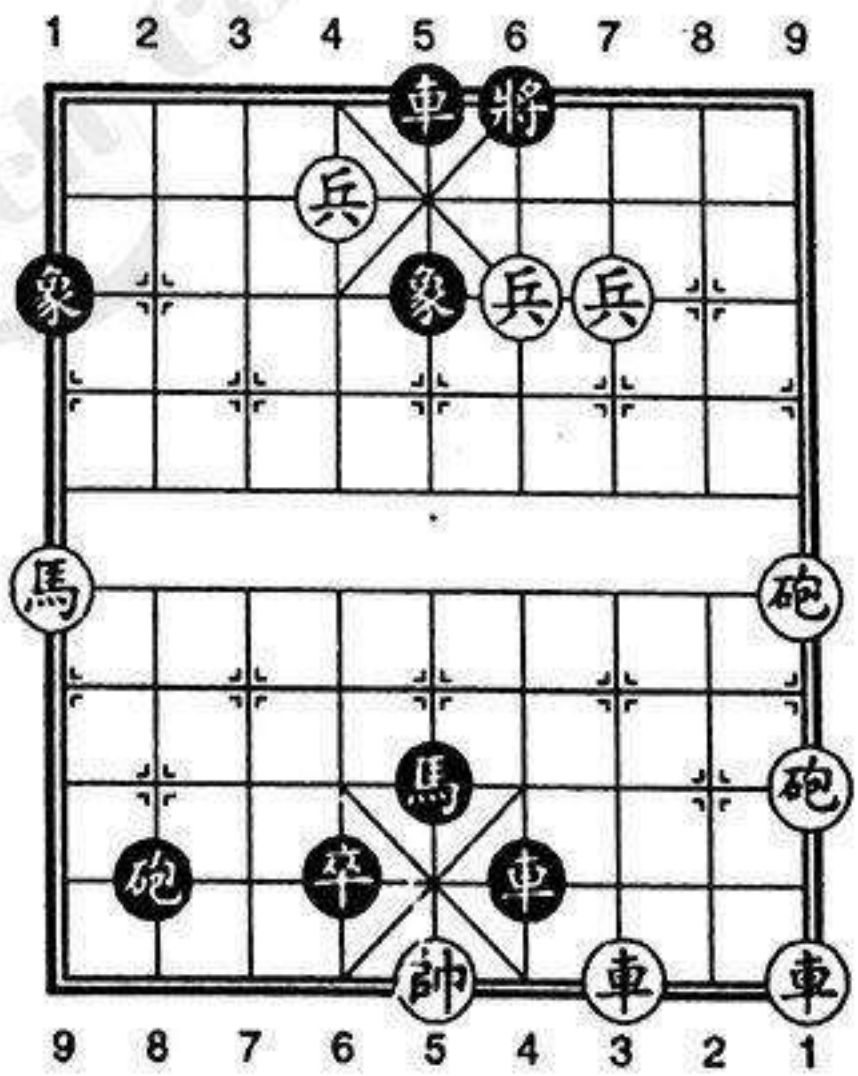

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 13

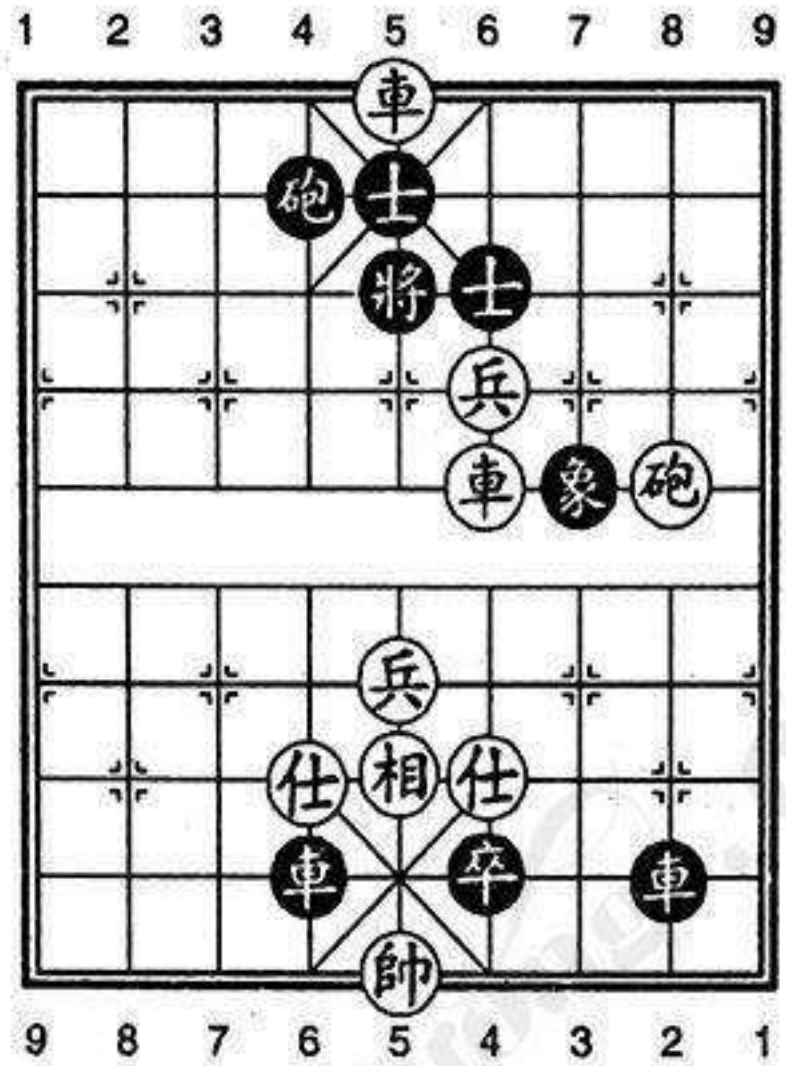

Trắng đi trước hòa

THẾ 14

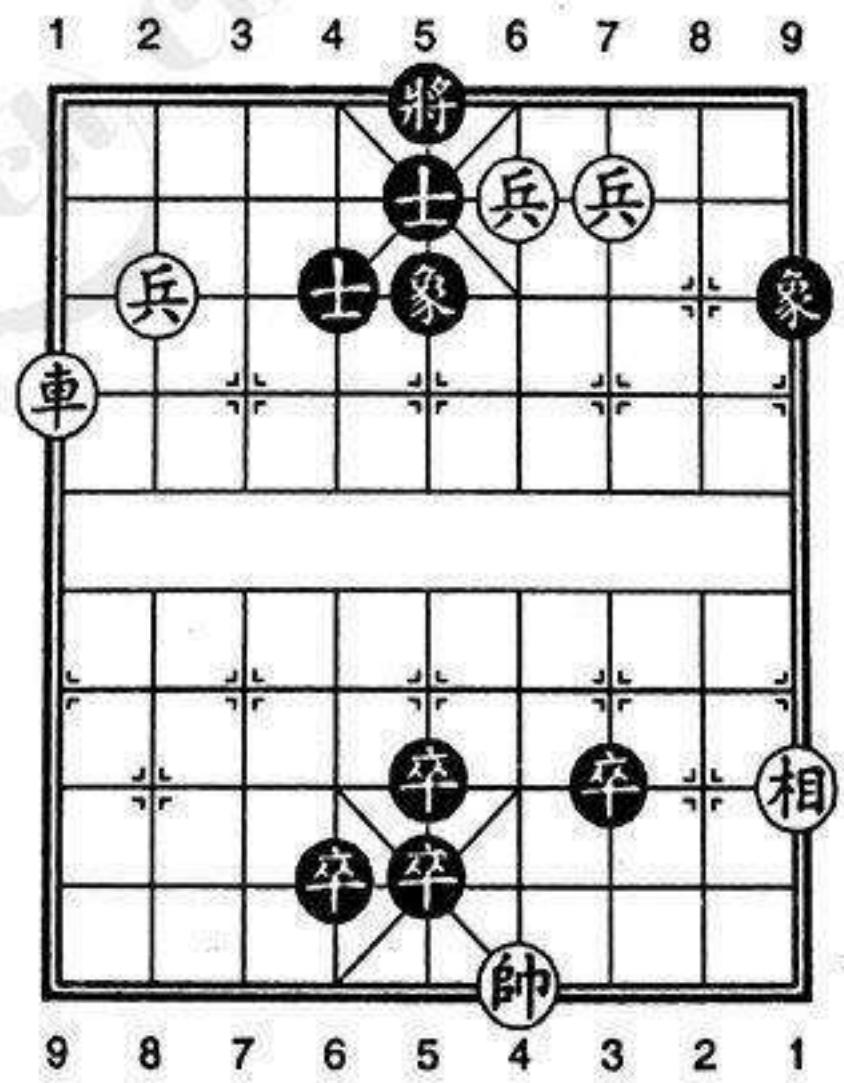

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 15

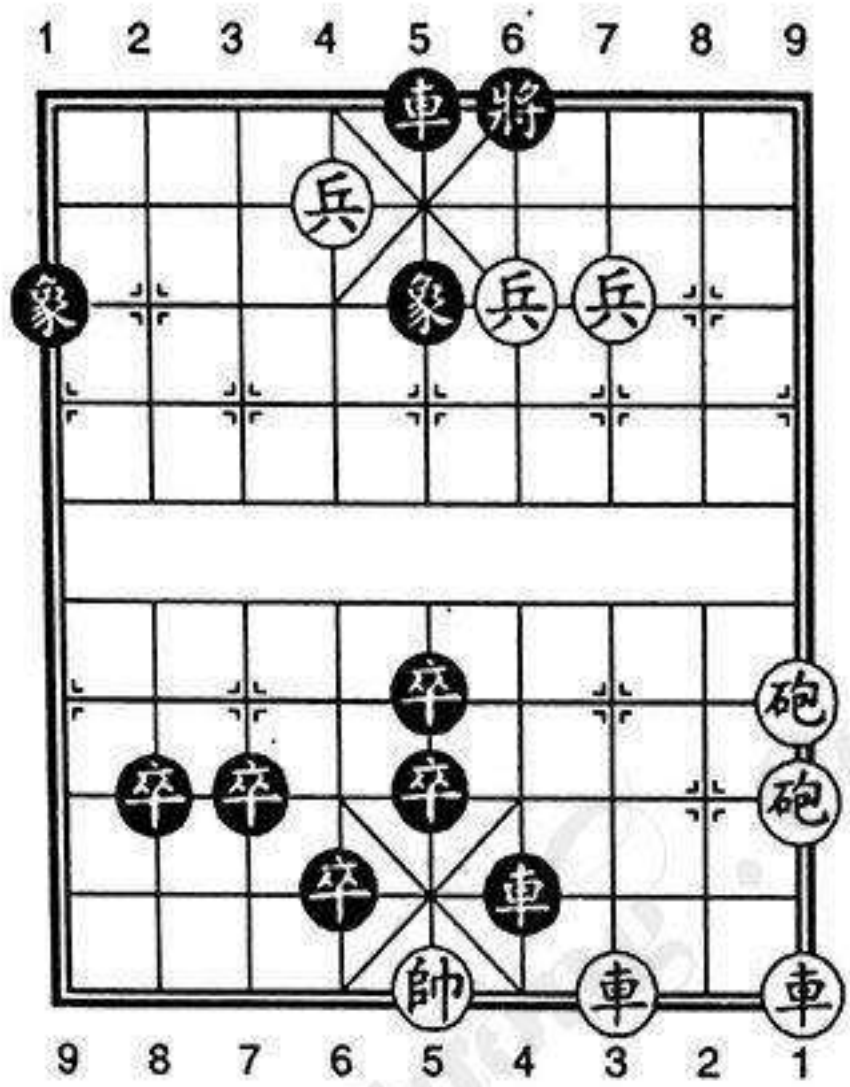

Trắng đi trước hòa

THẾ 16

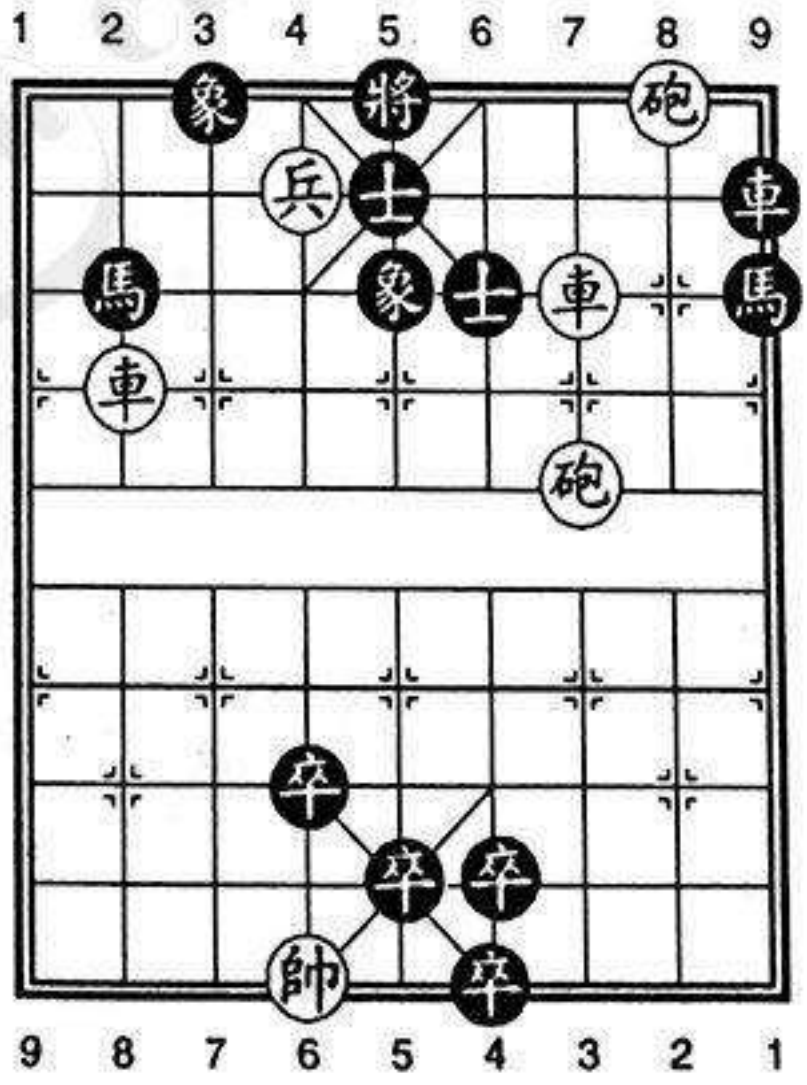

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 17

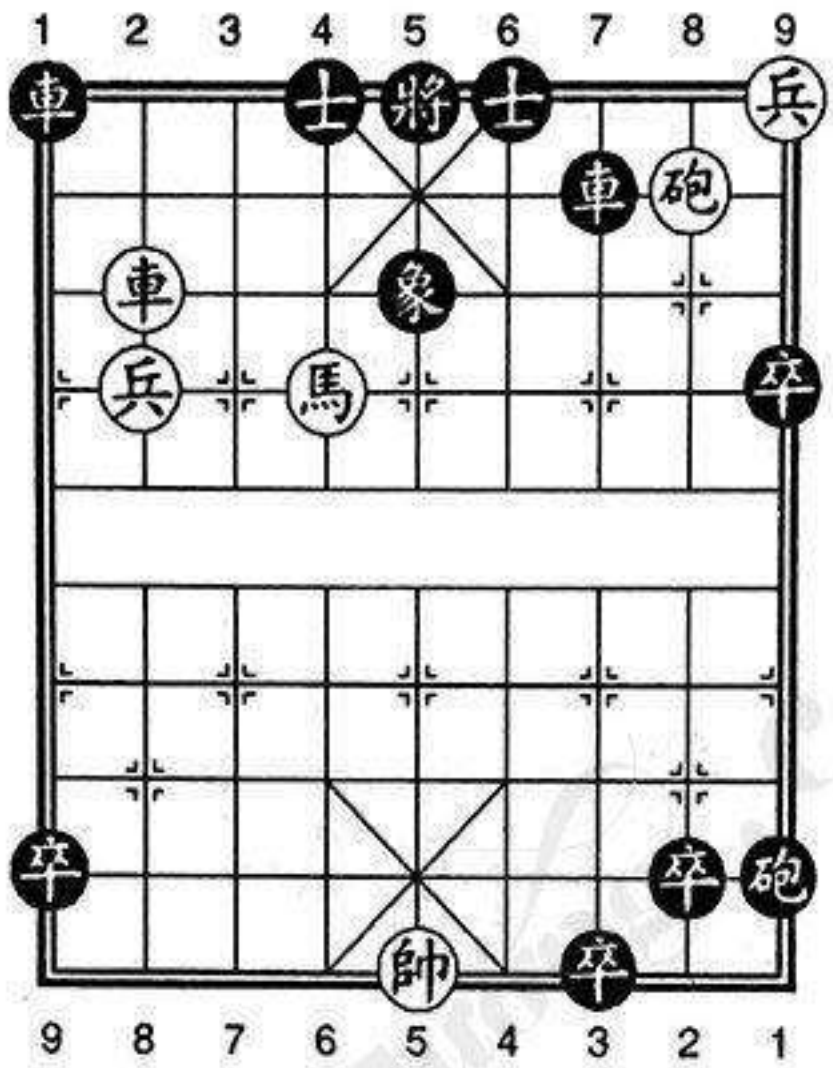

Trắng đi trước hòa

THẾ 18

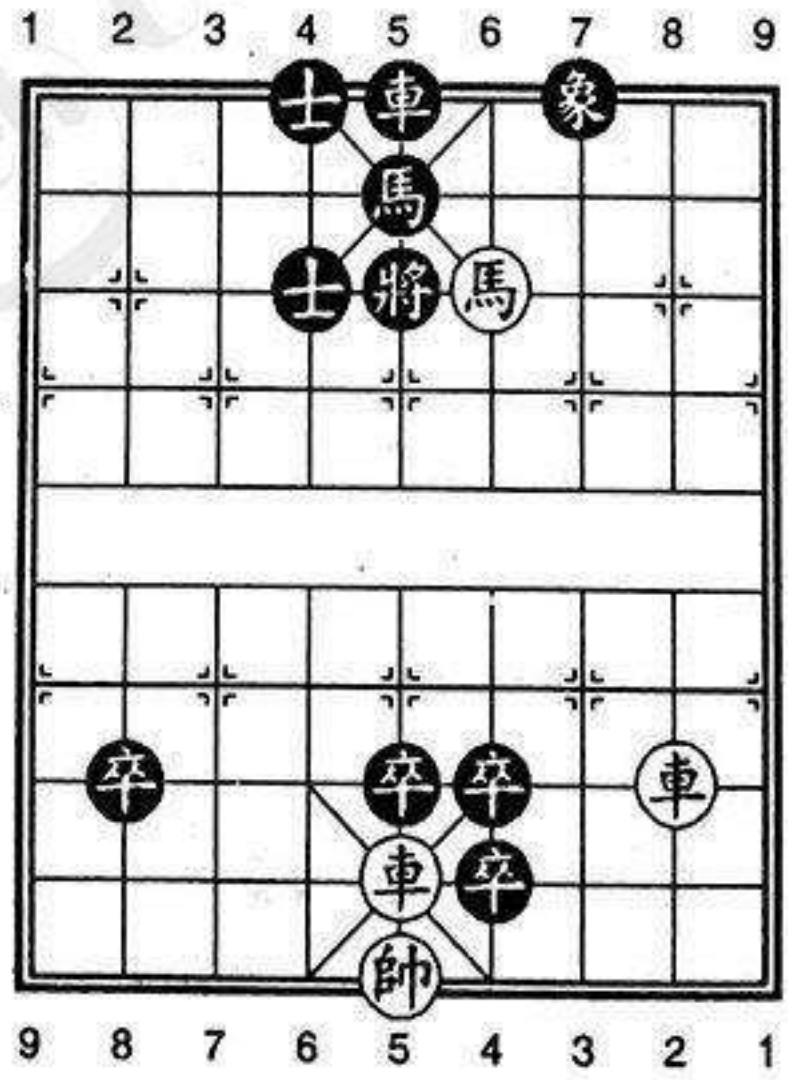

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 19

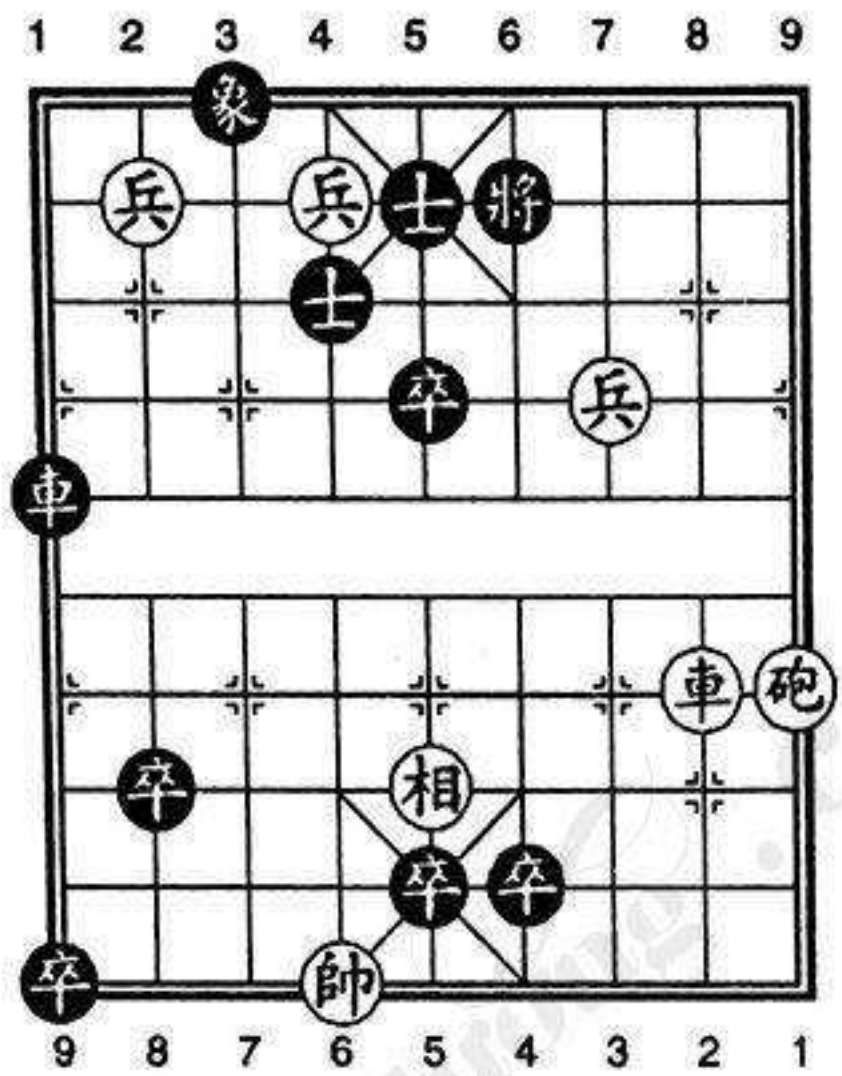

Trắng đi trước hòa

THẾ 20

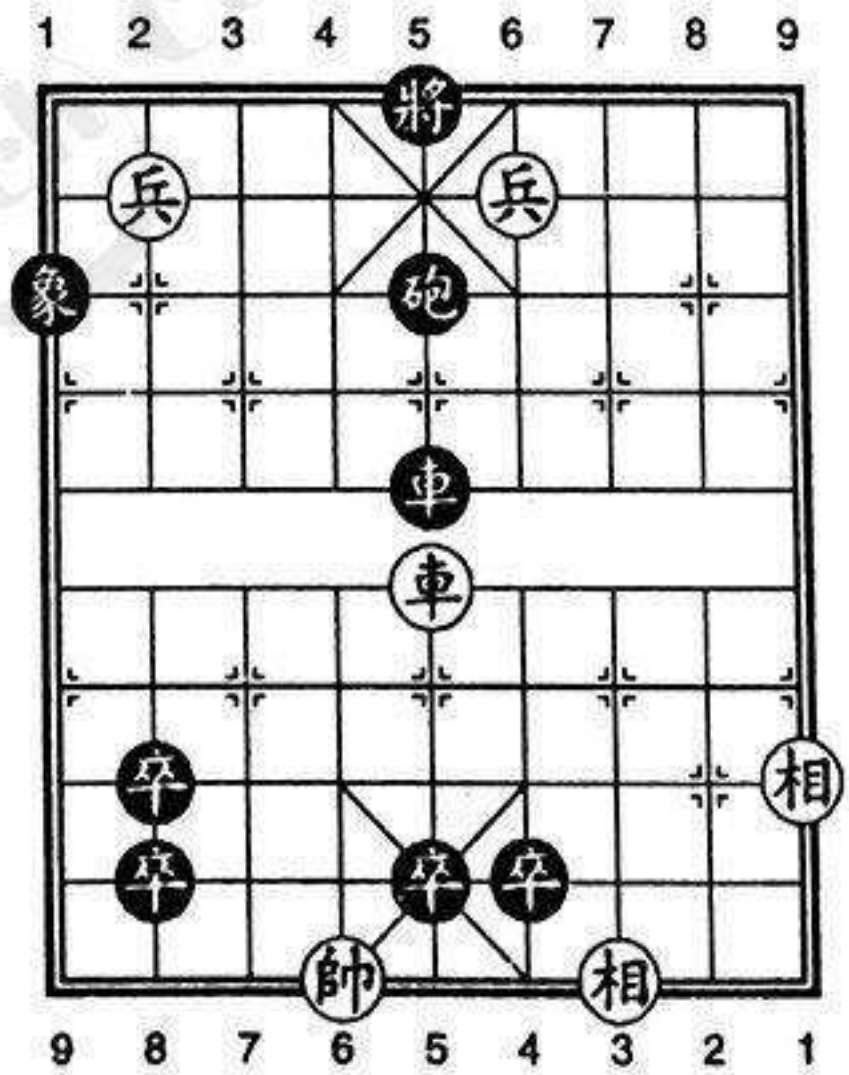

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 21

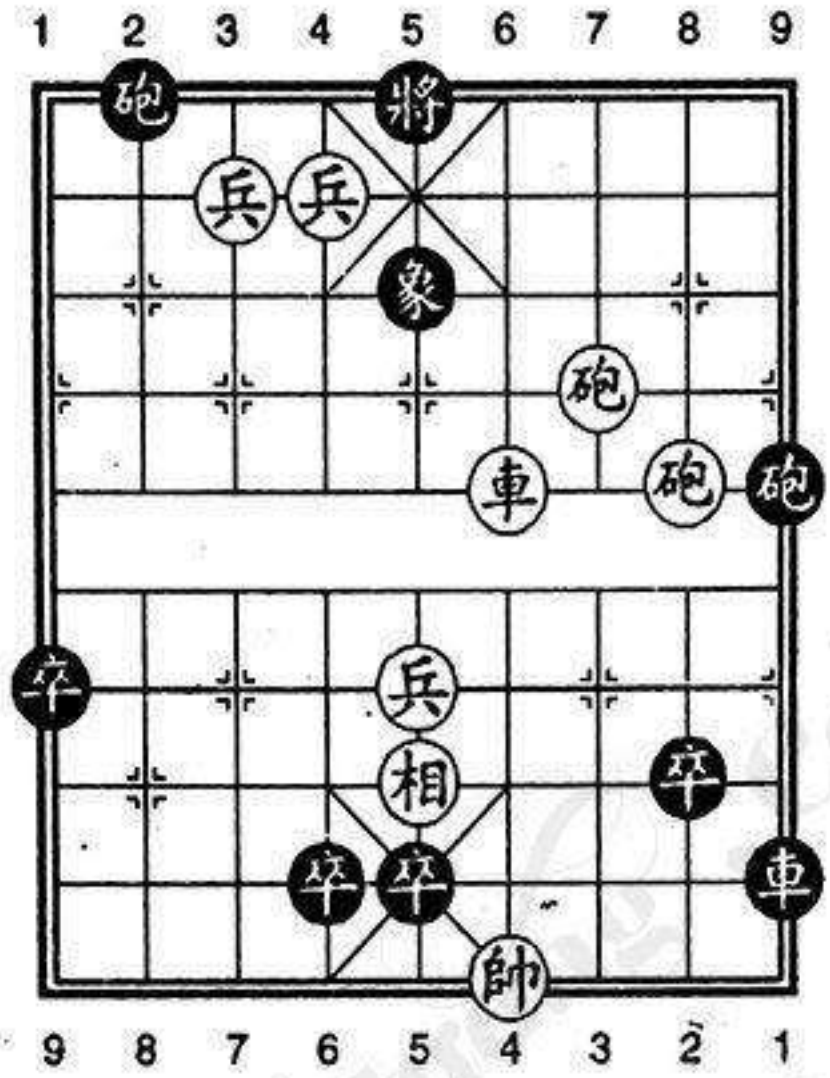

Trắng đi trước hòa

THẾ 22

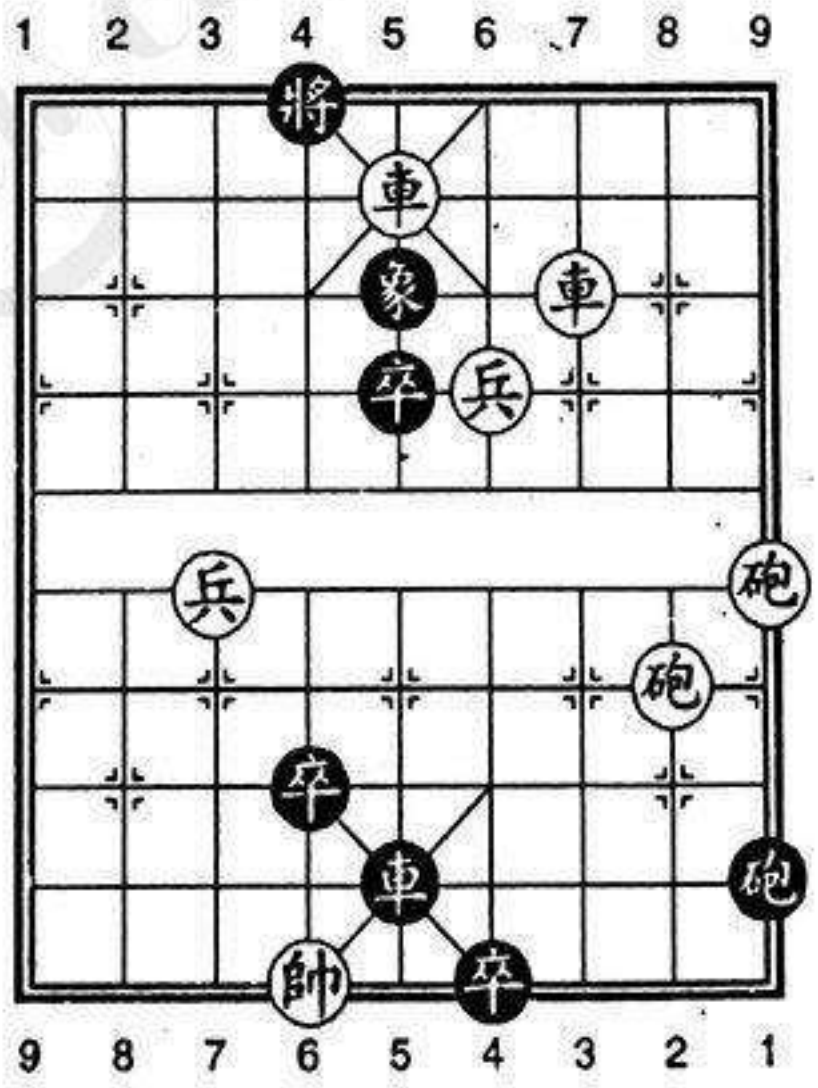

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 23

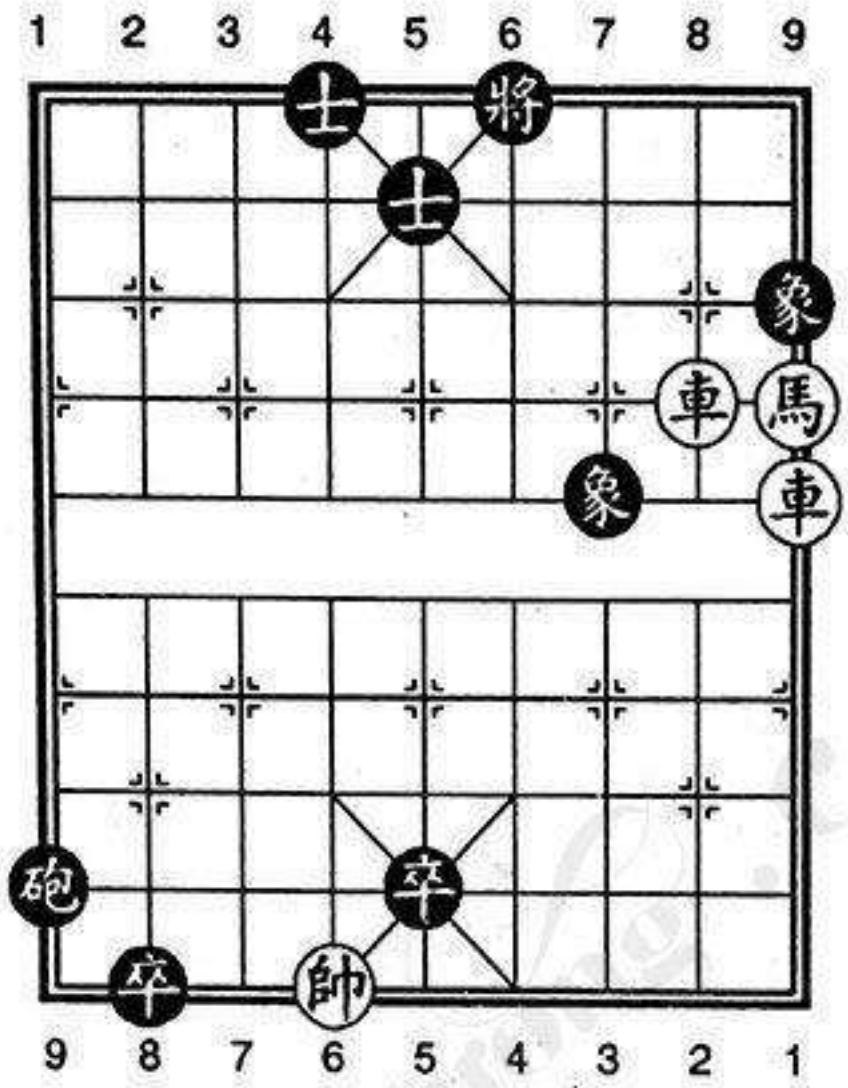

Trắng đi trước hòa

THẾ 24

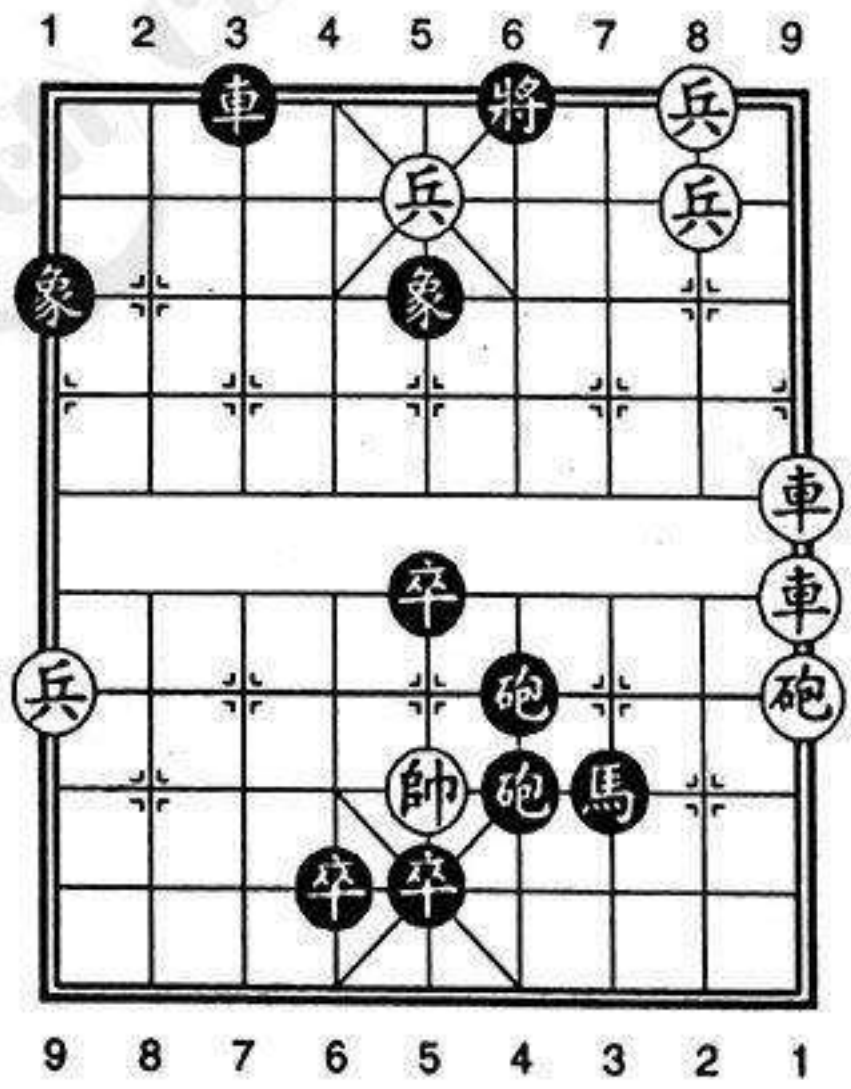

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 25

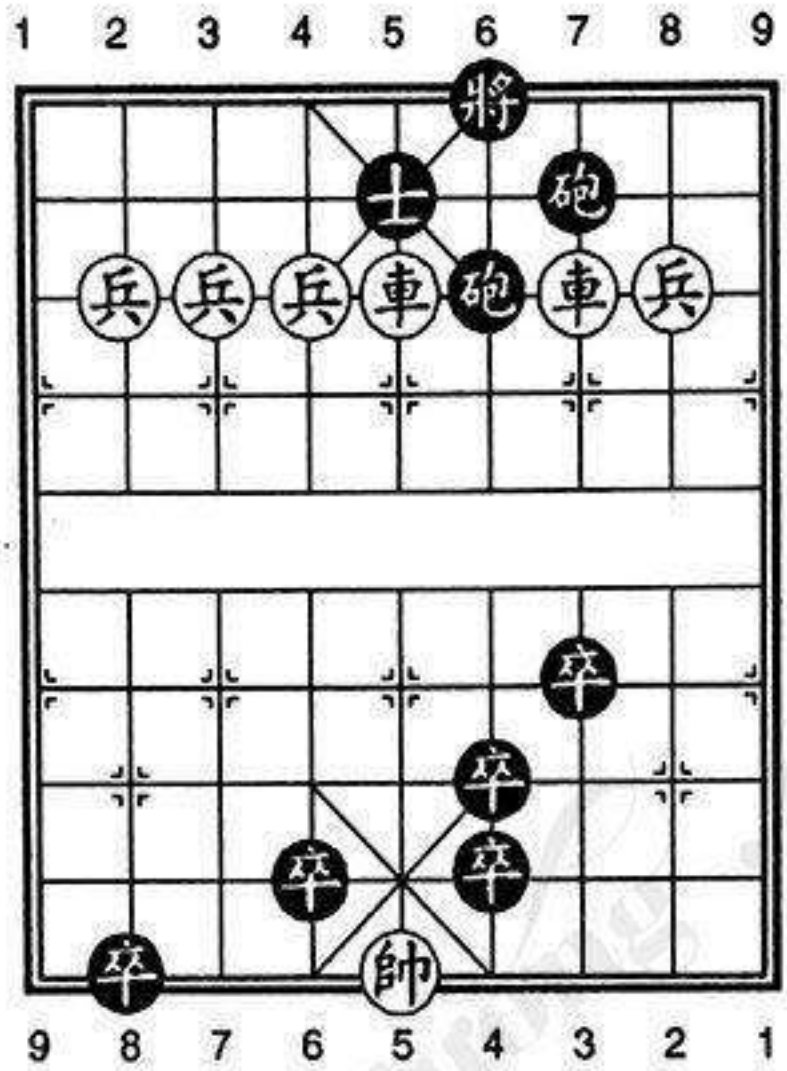

Trắng đi trước hòa

THẾ 26

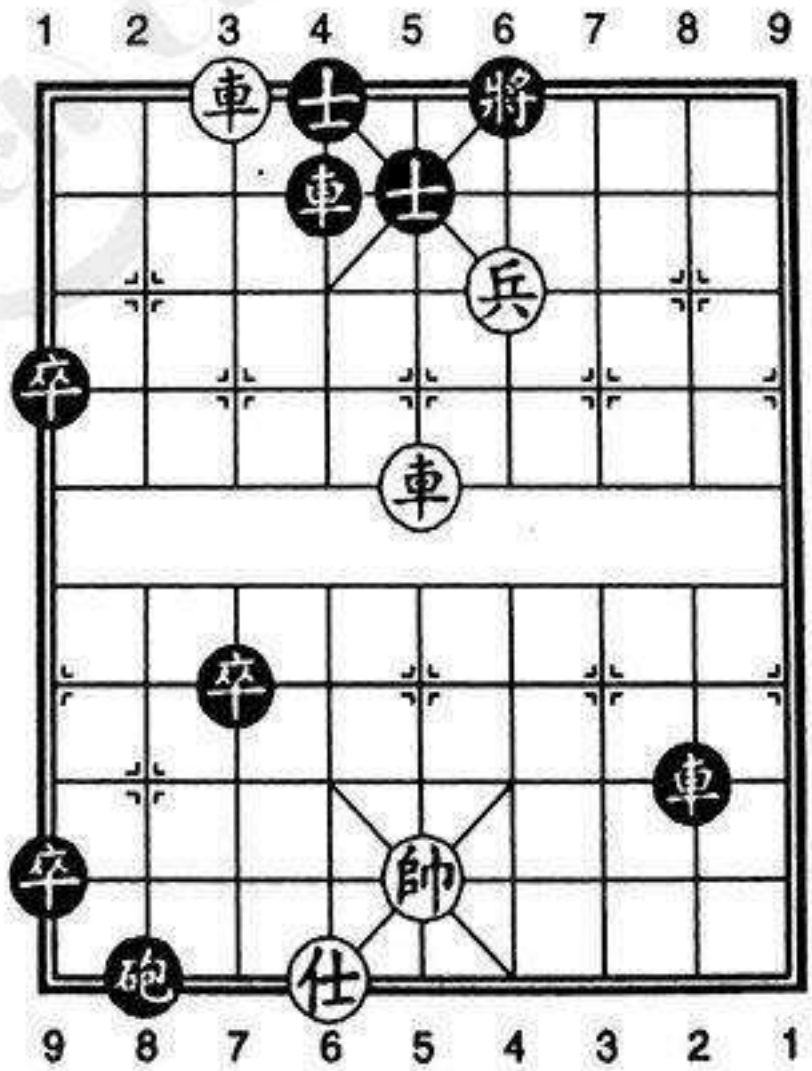

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 27

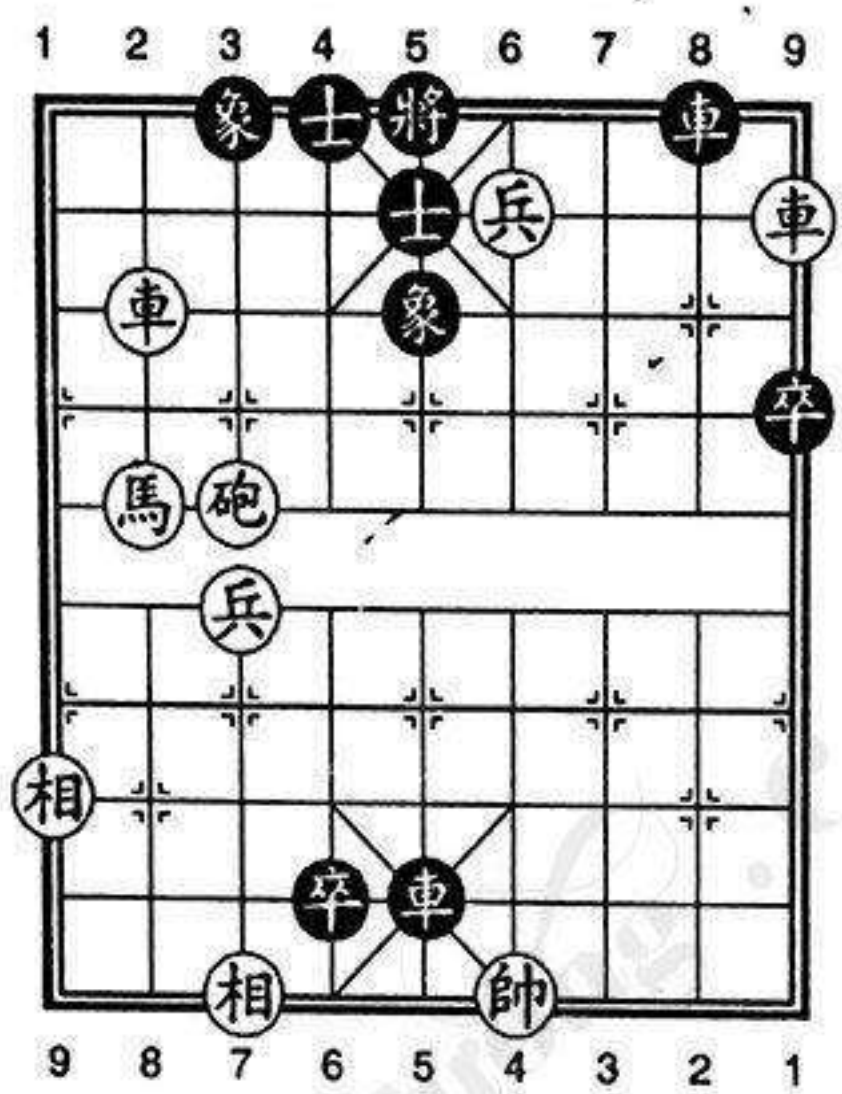

Trắng đi trước hòa

THẾ 28

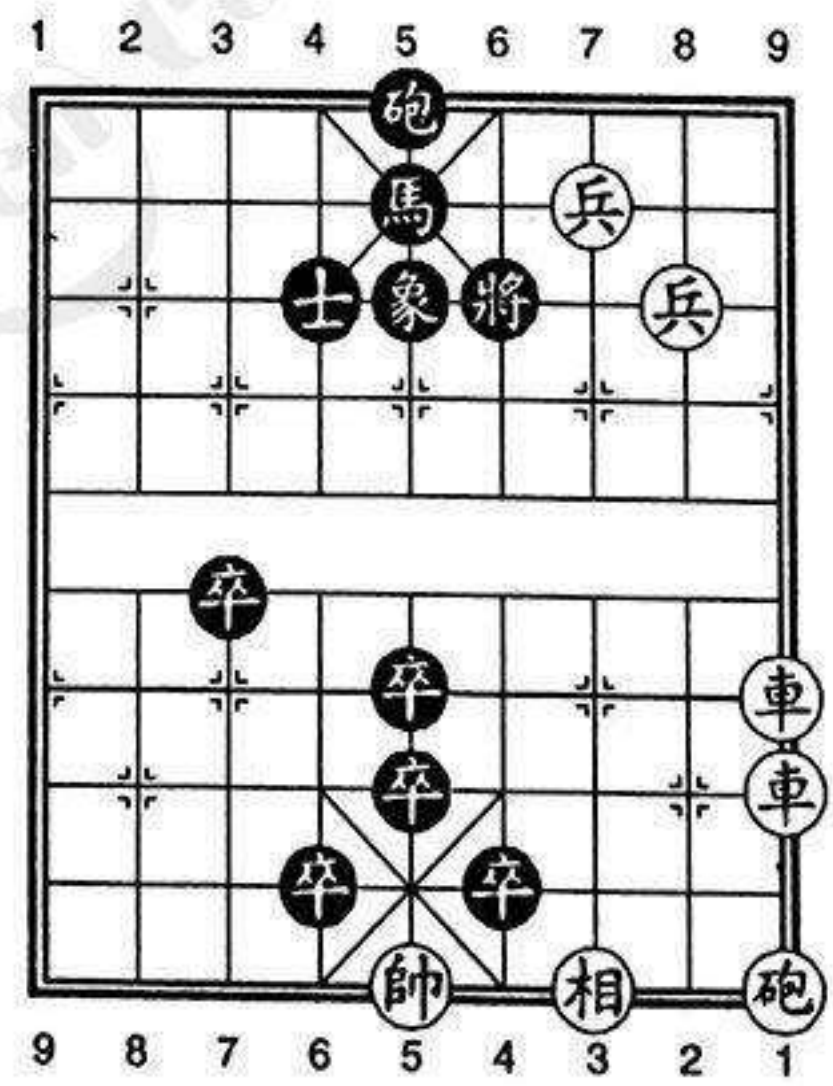

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 29

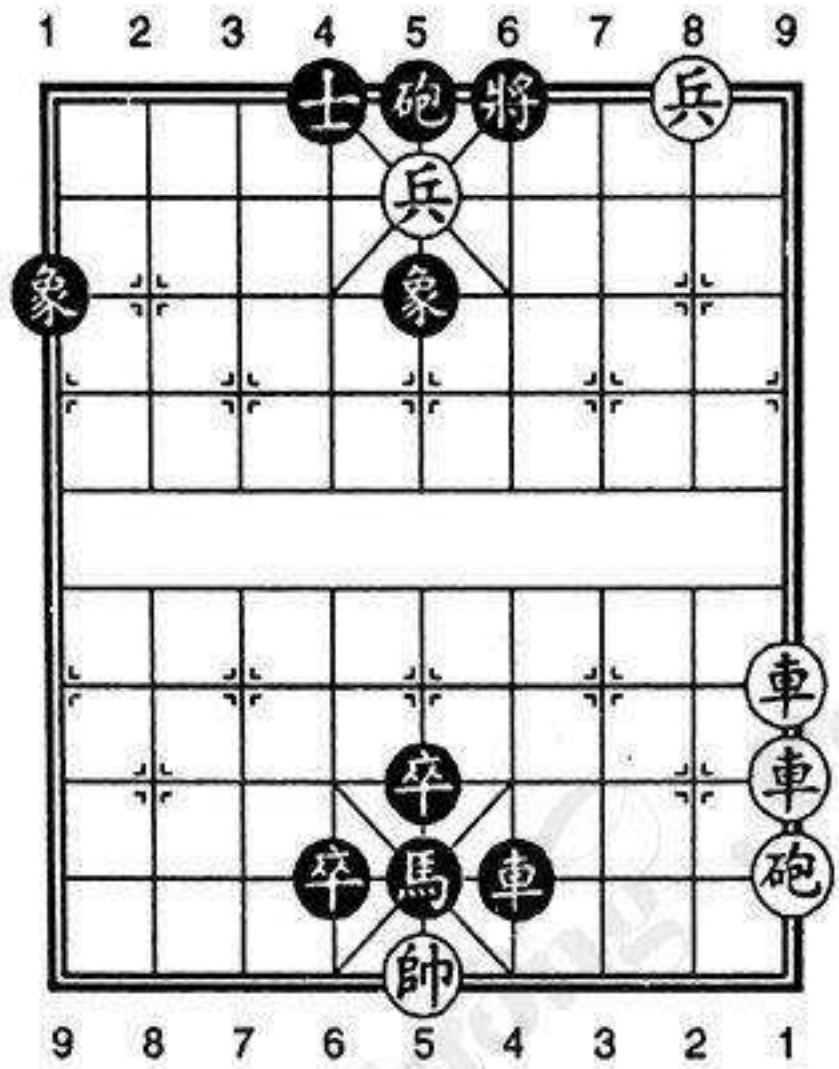

Trắng đi trước hòa

THẾ 30

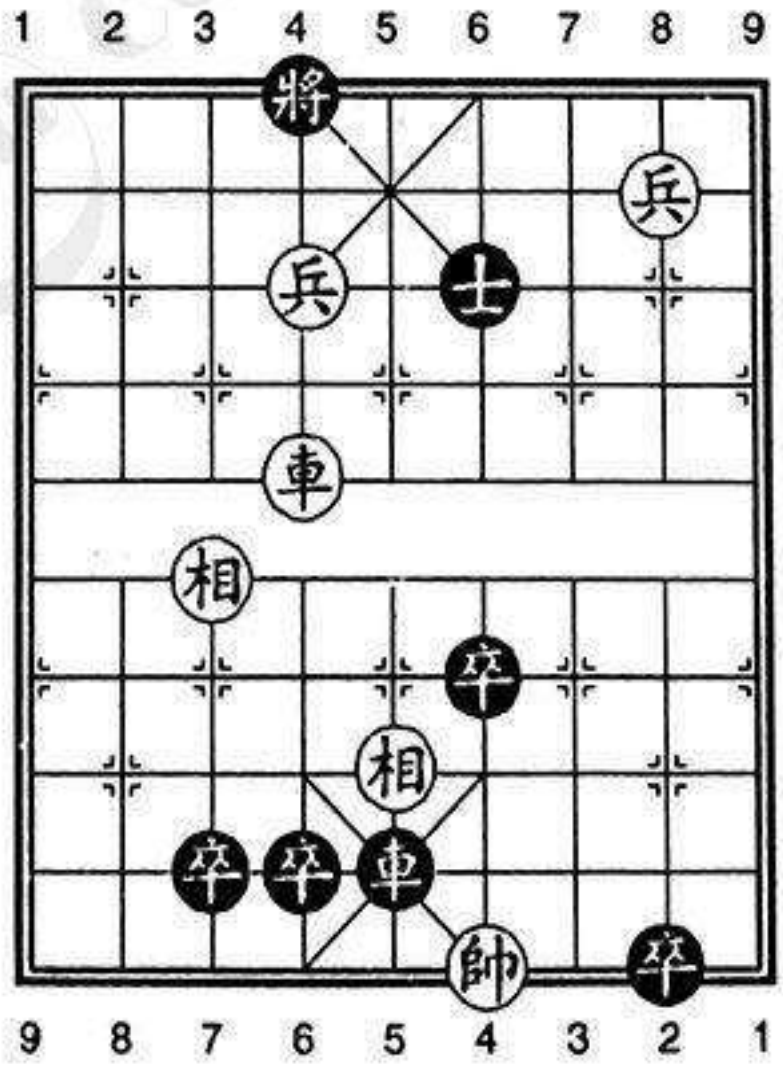

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 31

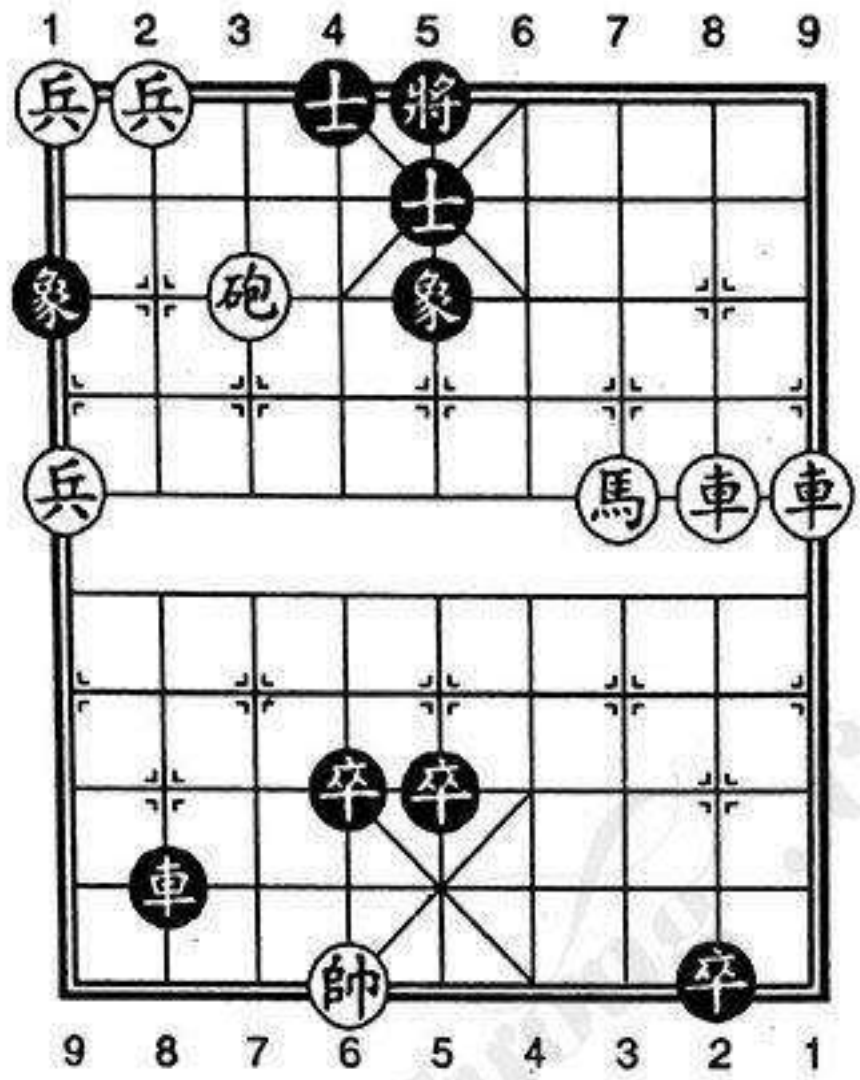

Trắng đi trước hòa

THẾ 32

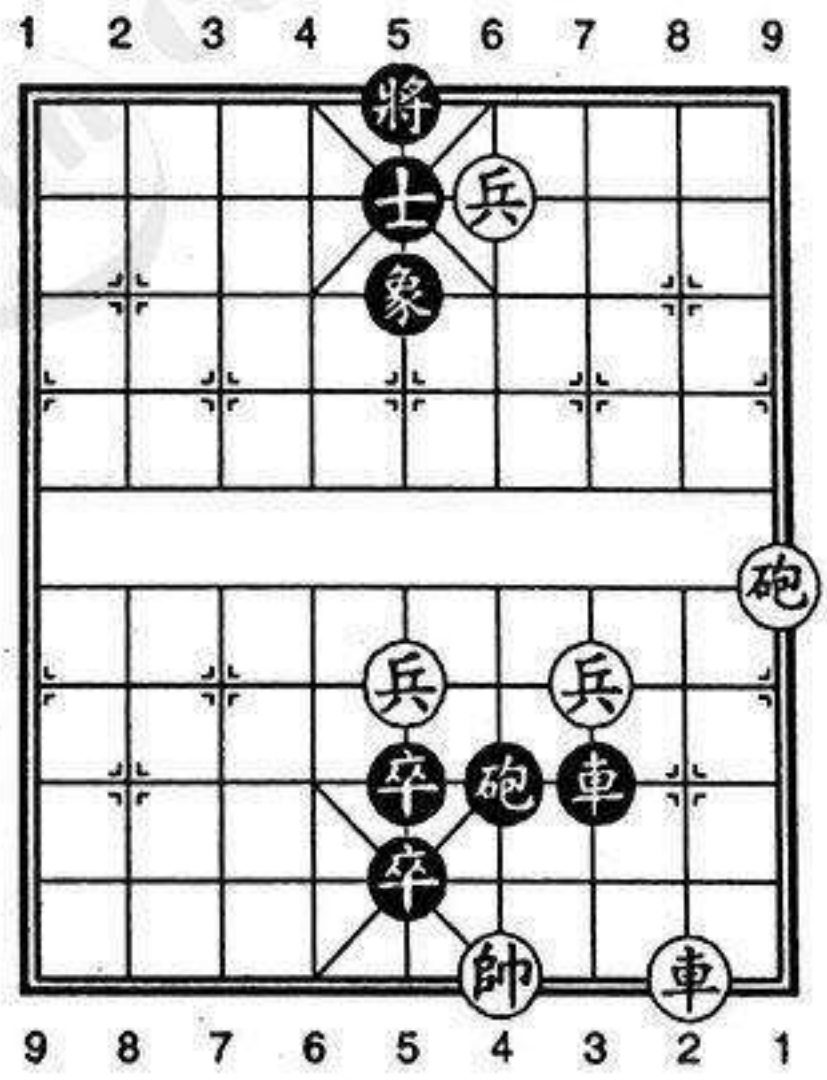

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 33

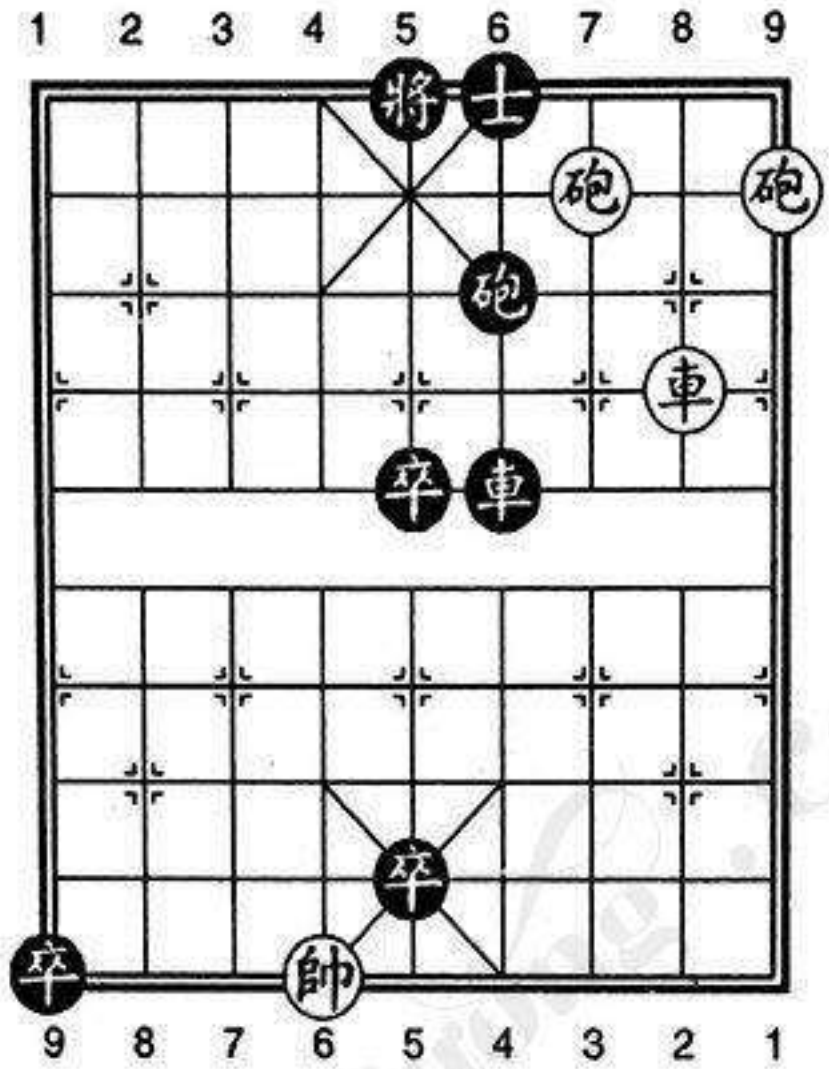

Trắng đi trước hòa

THẾ 34

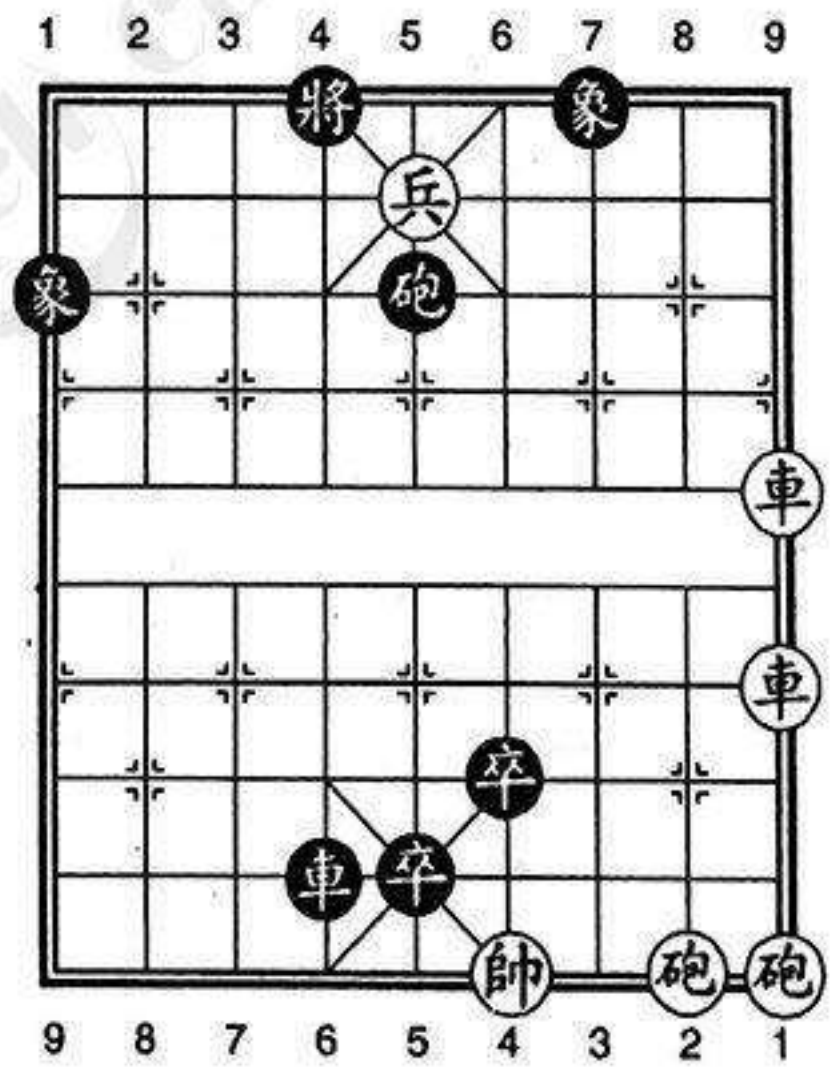

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 35

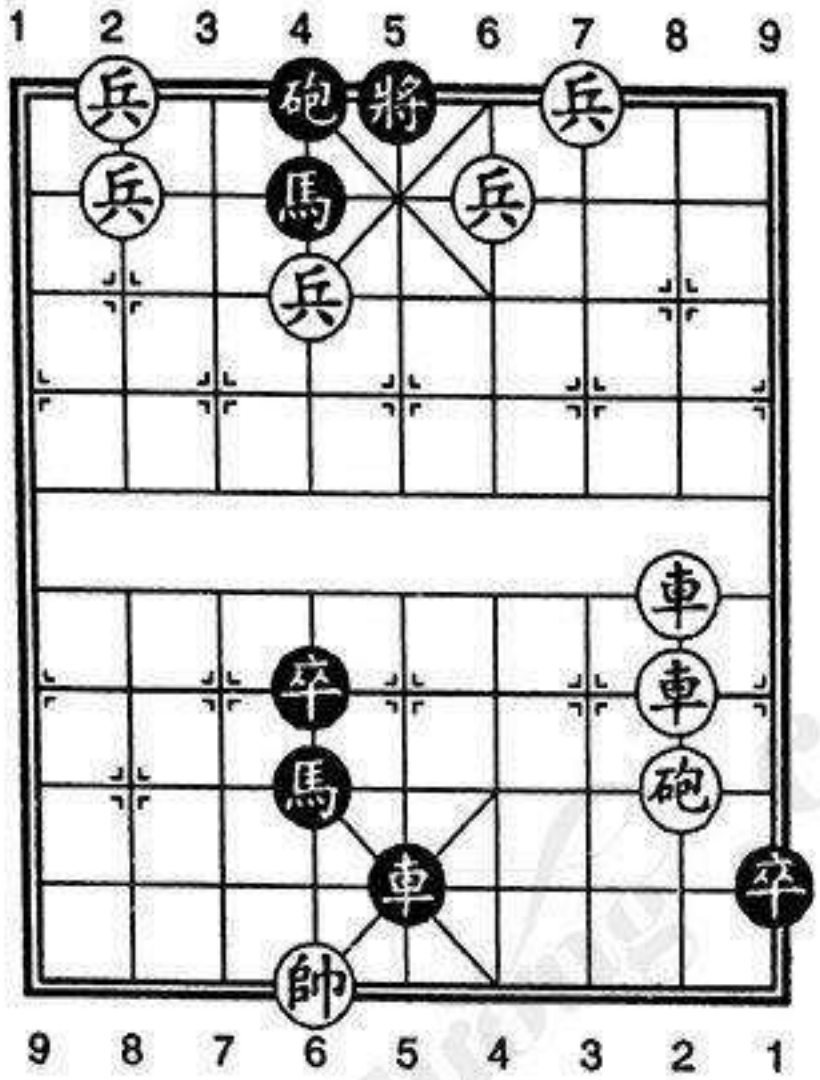

Trắng đi trước hòa

THẾ 36

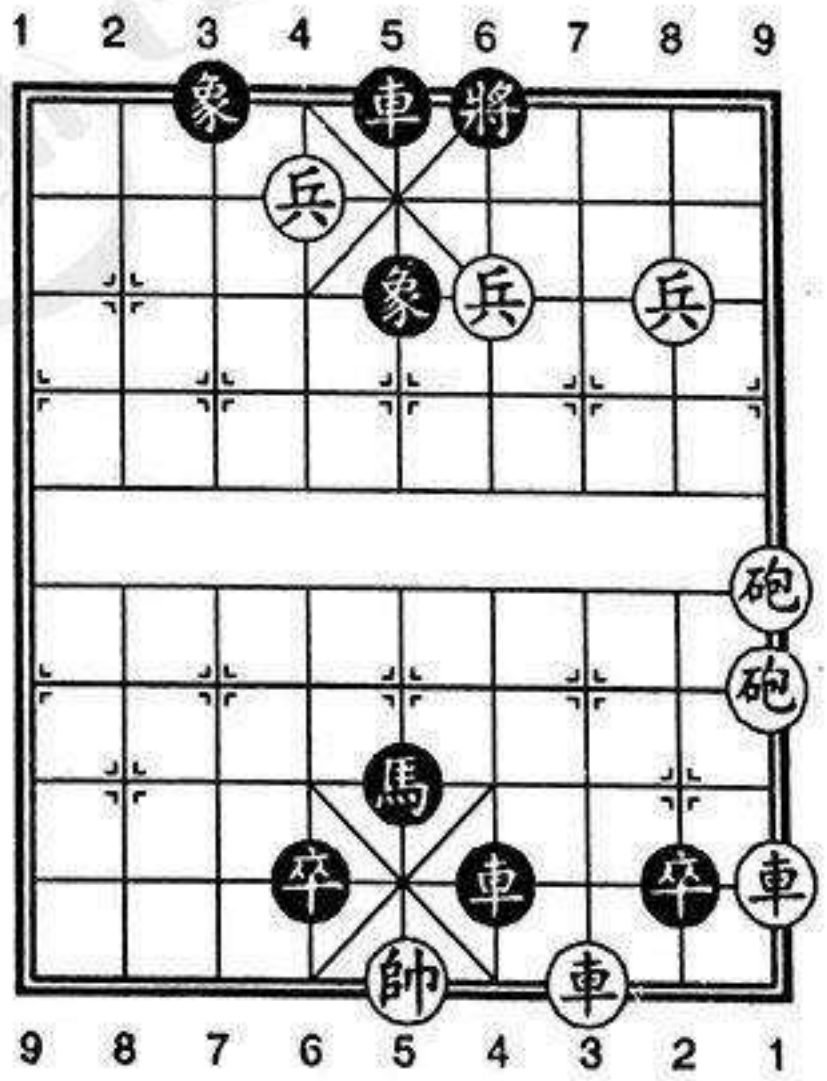

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 37

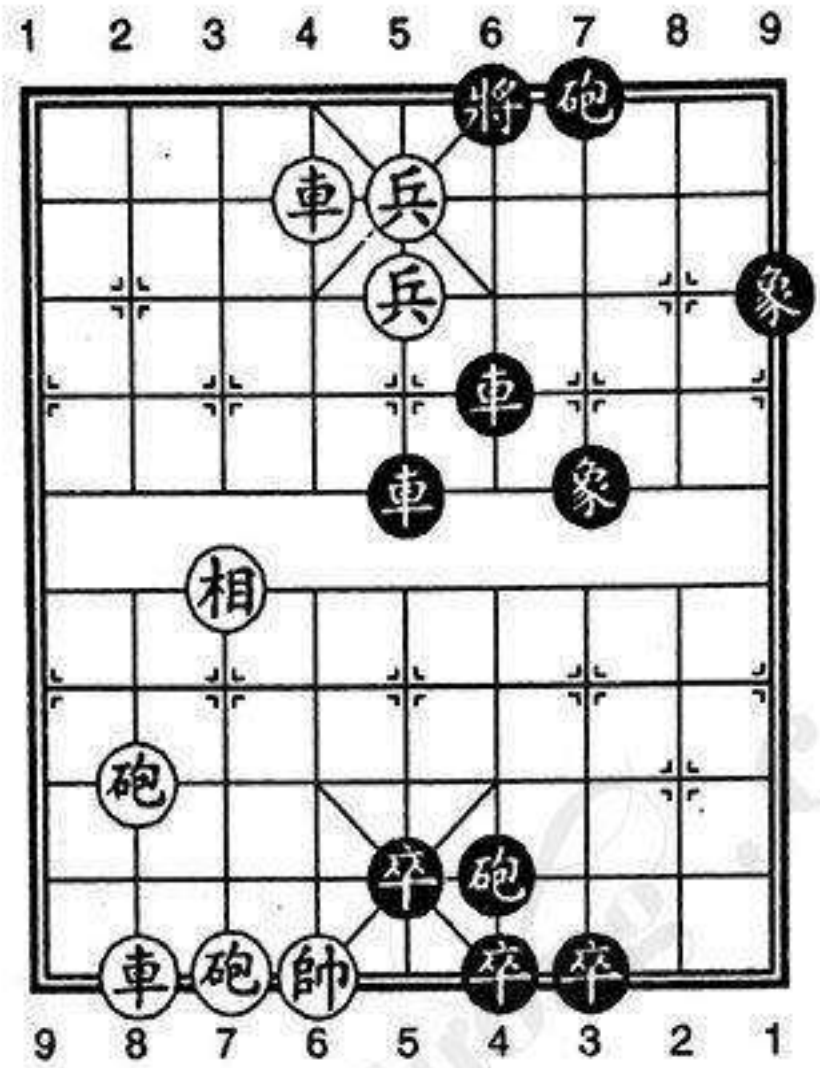

Trắng đi trước hòa

THẾ 38

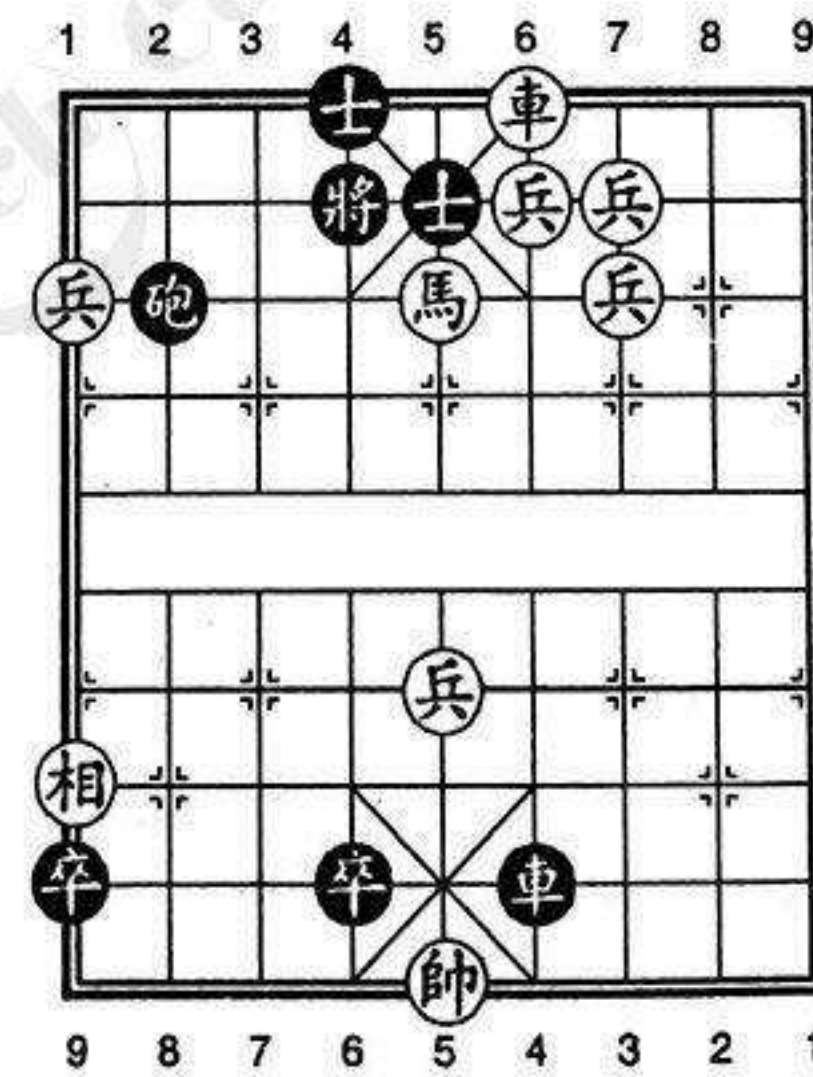

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 39

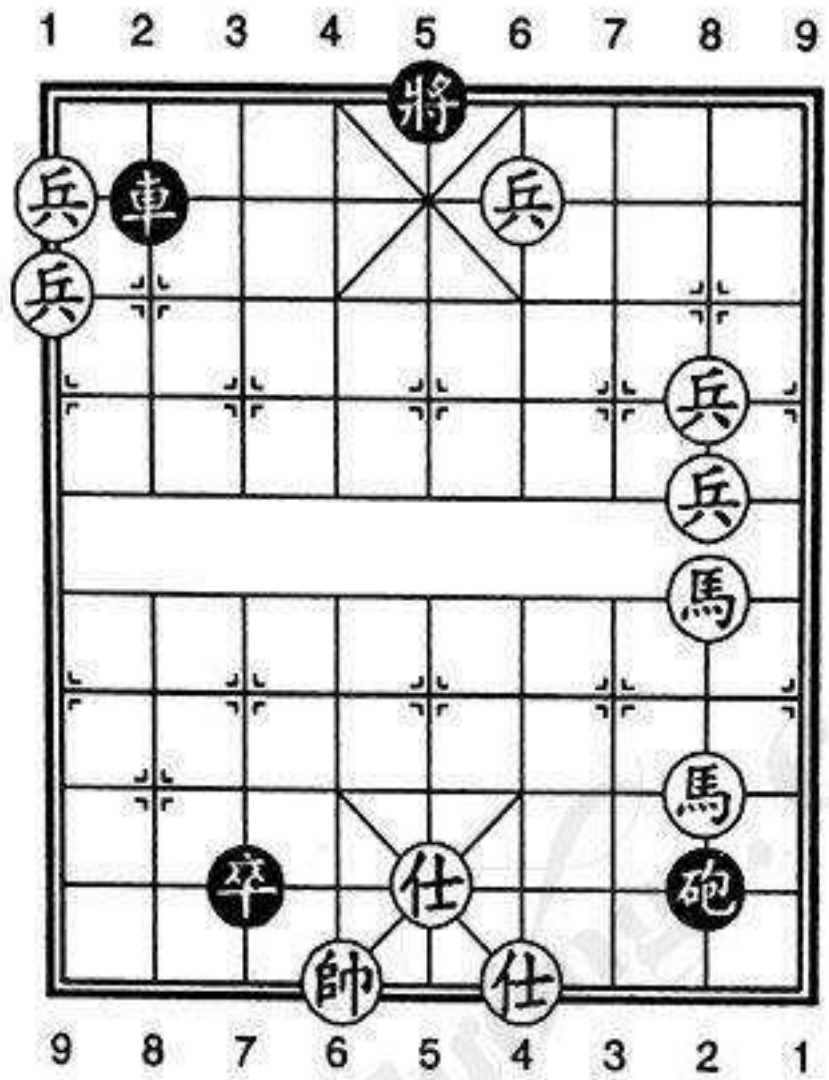

Trắng đi trước hòa

THẾ 40

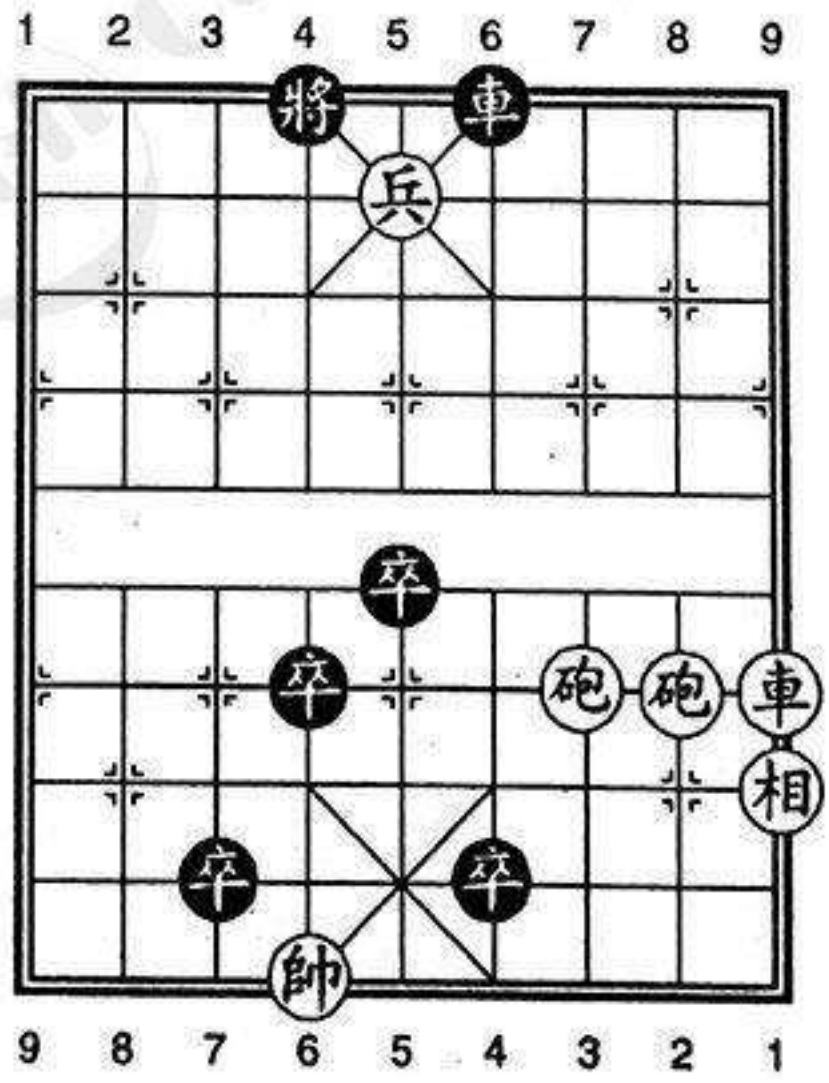

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 41

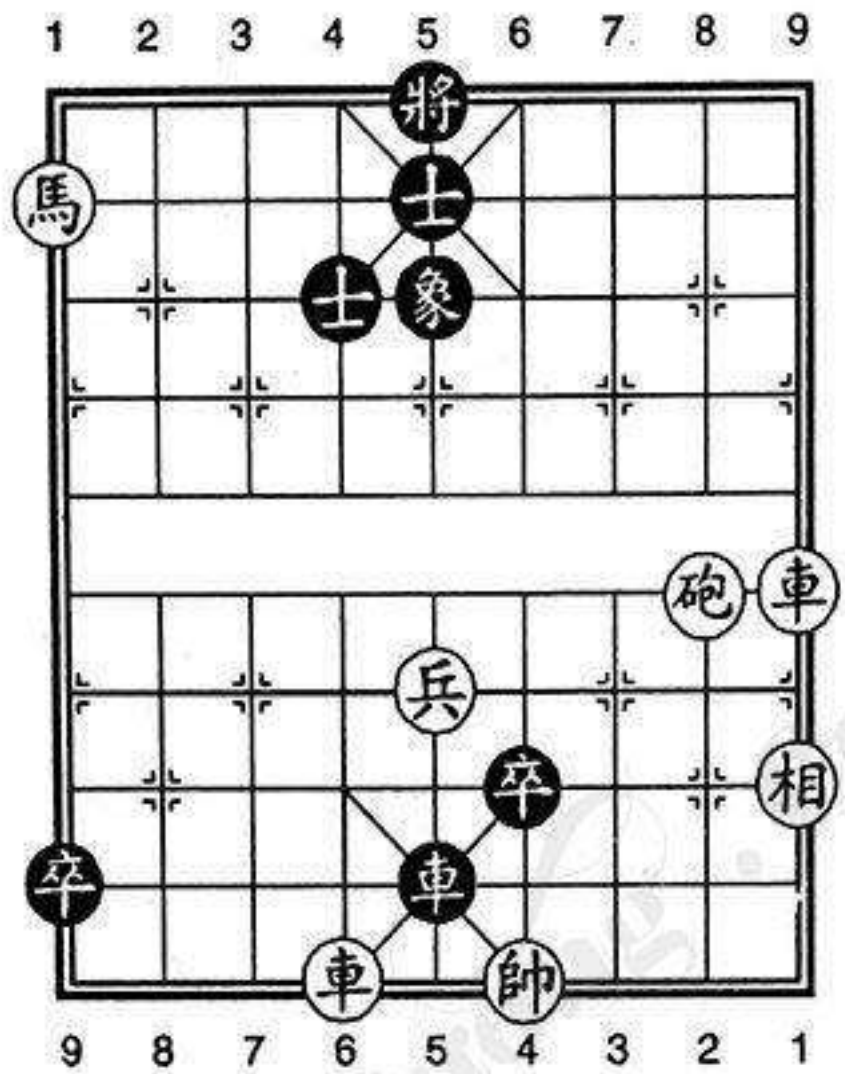

Trắng đi trước hòa

THẾ 42

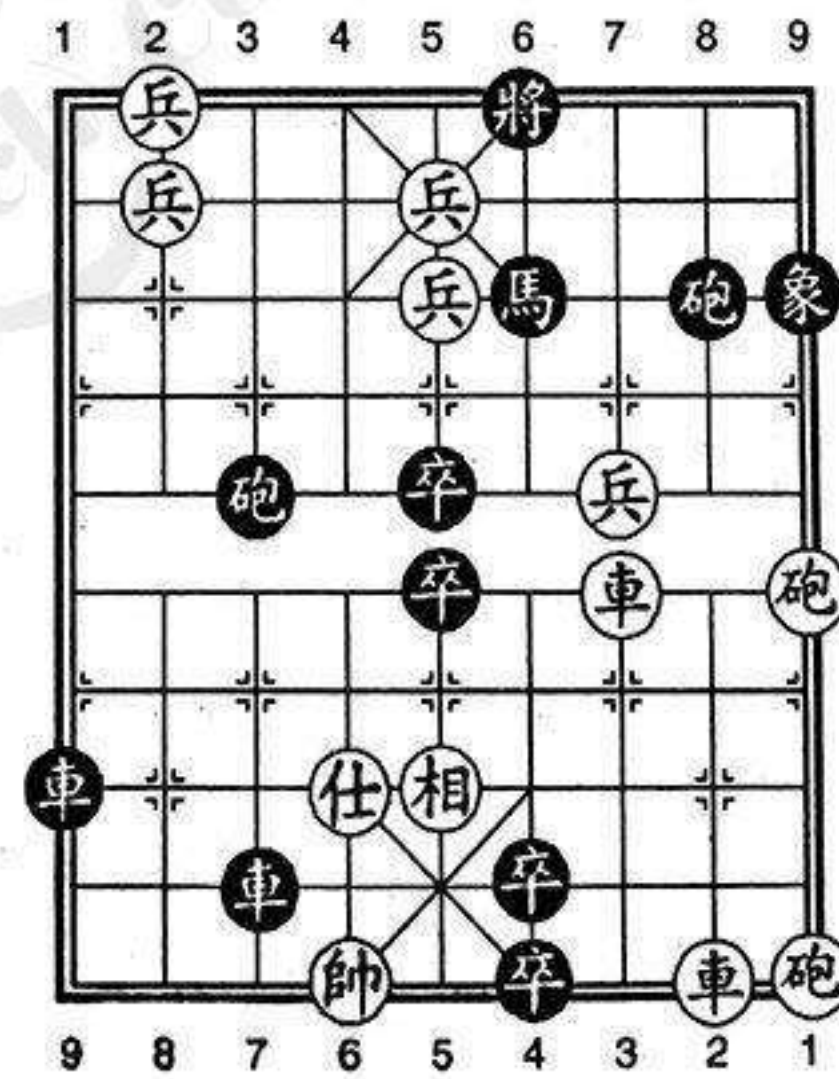

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 43

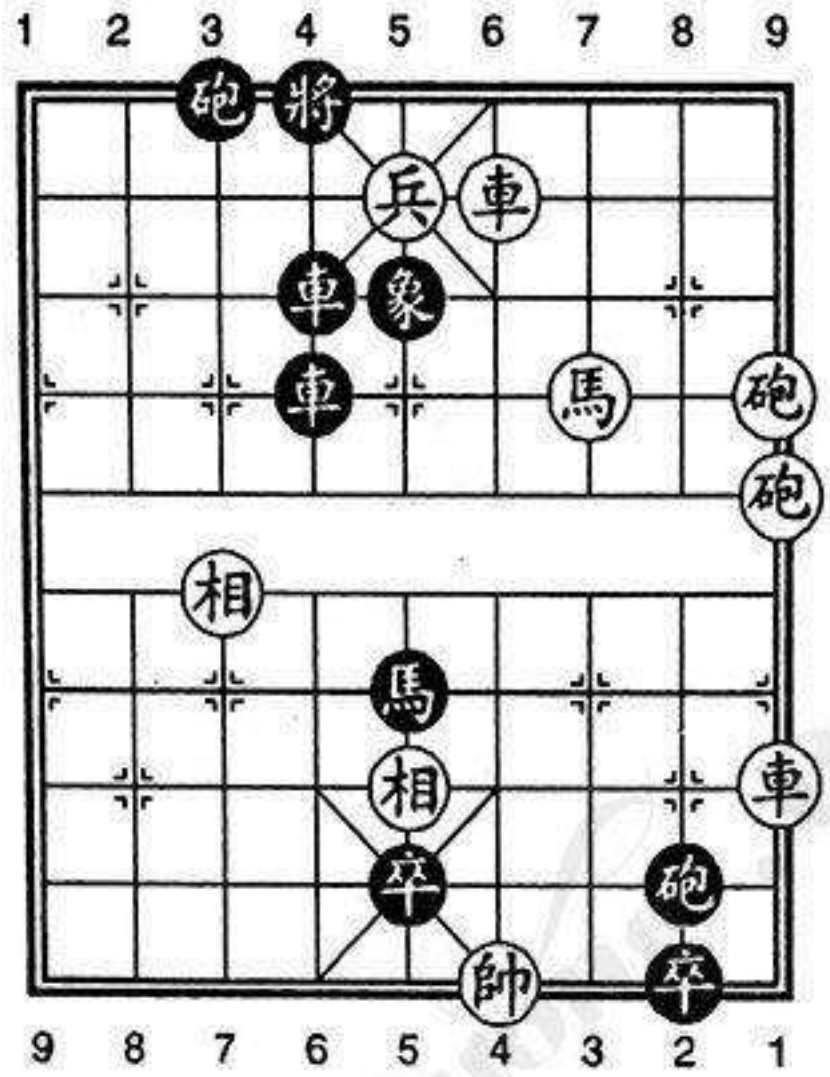

Trắng đi trước hòa

THẾ 44

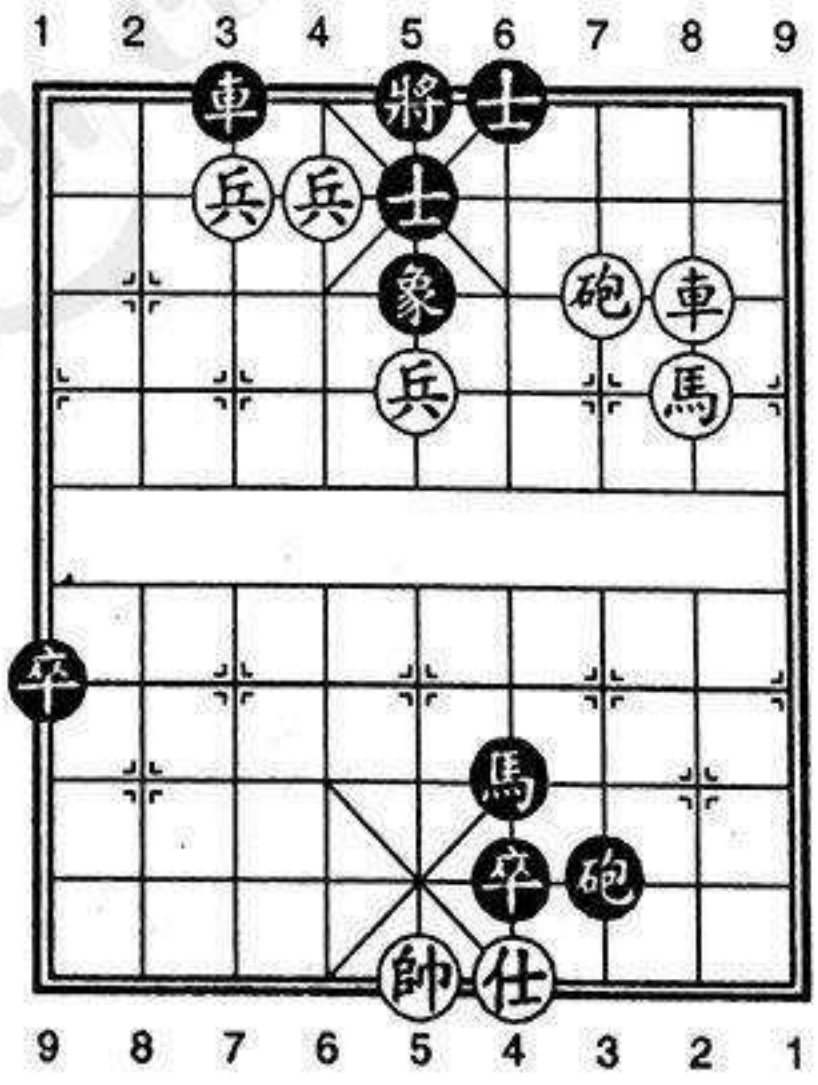

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 45

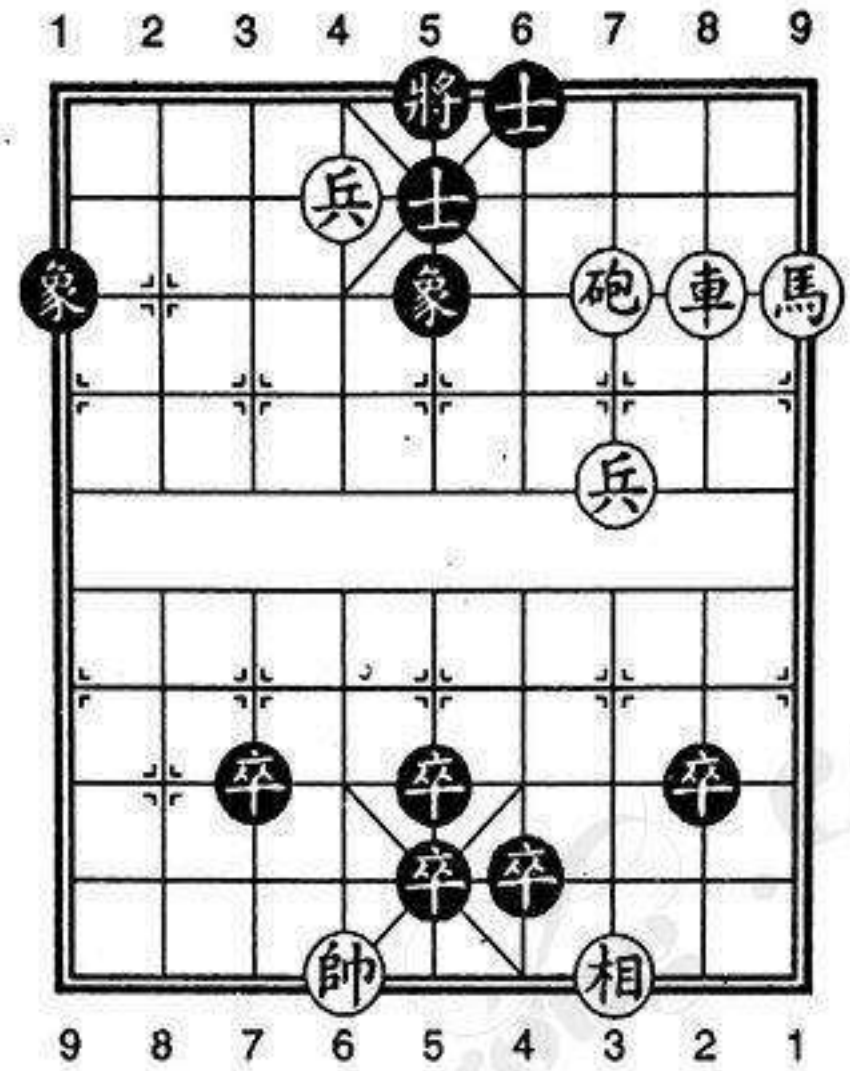

Trắng đi trước hòa

THẾ 46

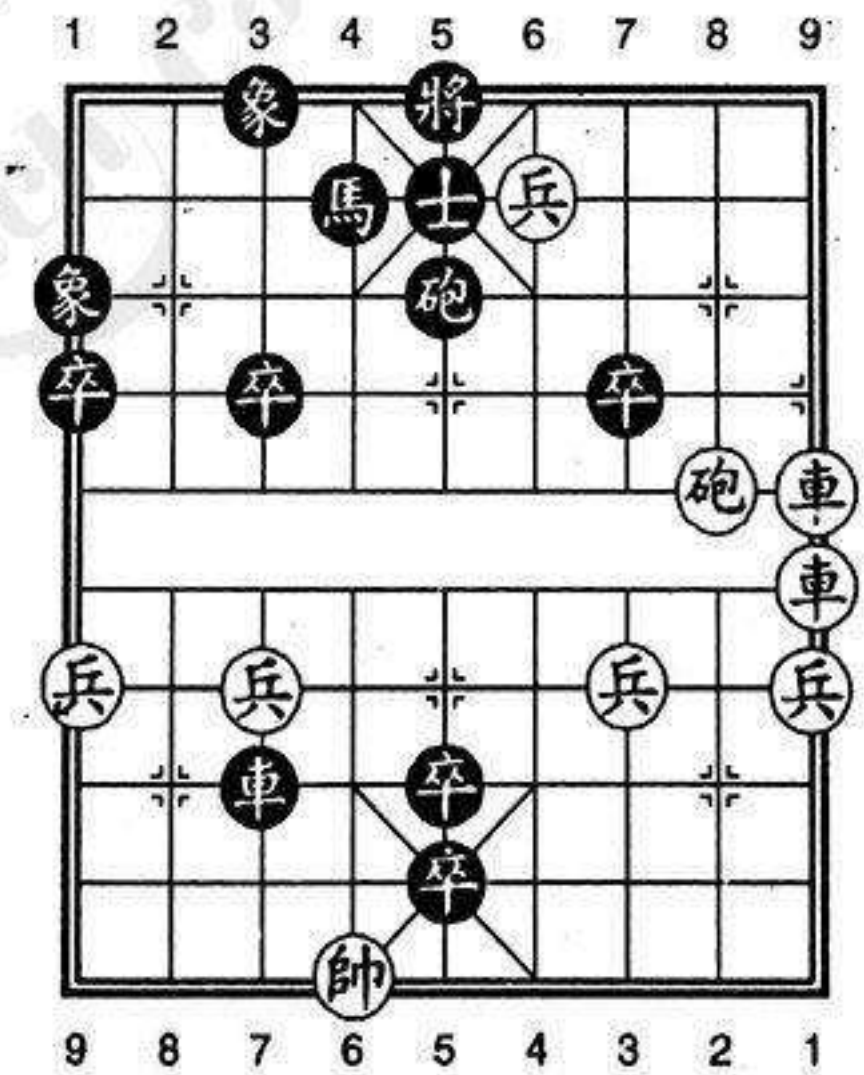

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 47

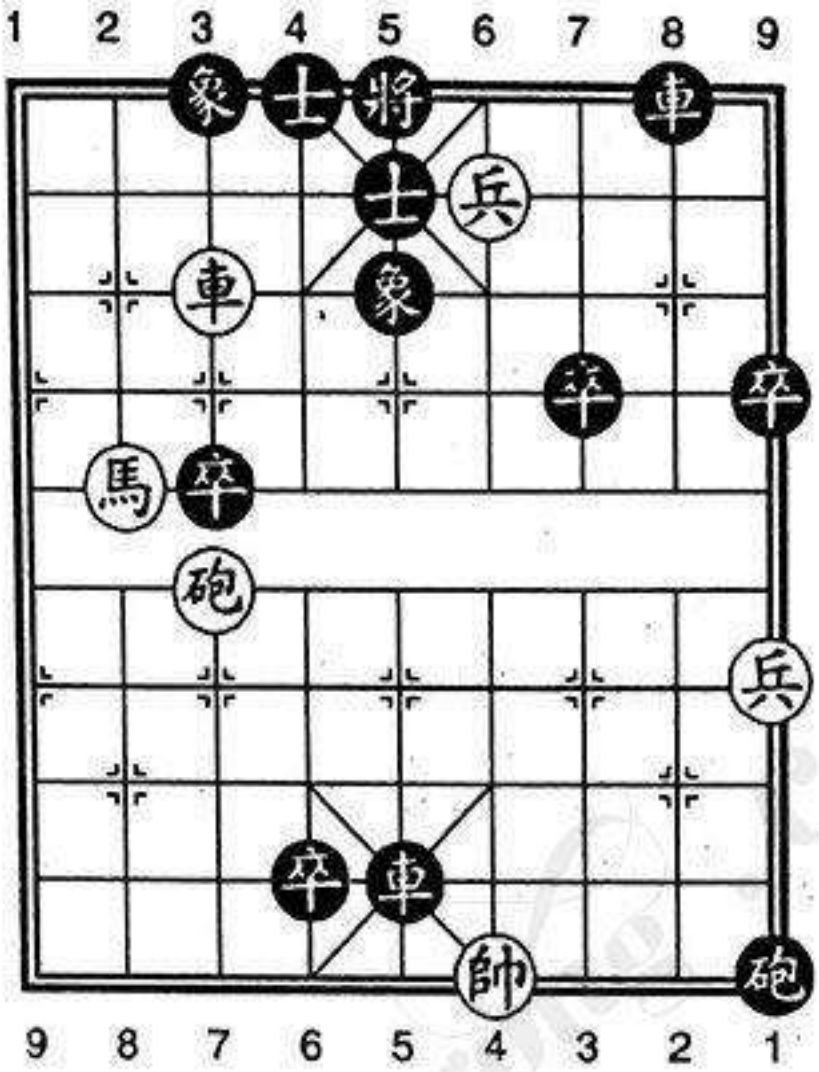

Trắng đi trước thắng

THẾ 48

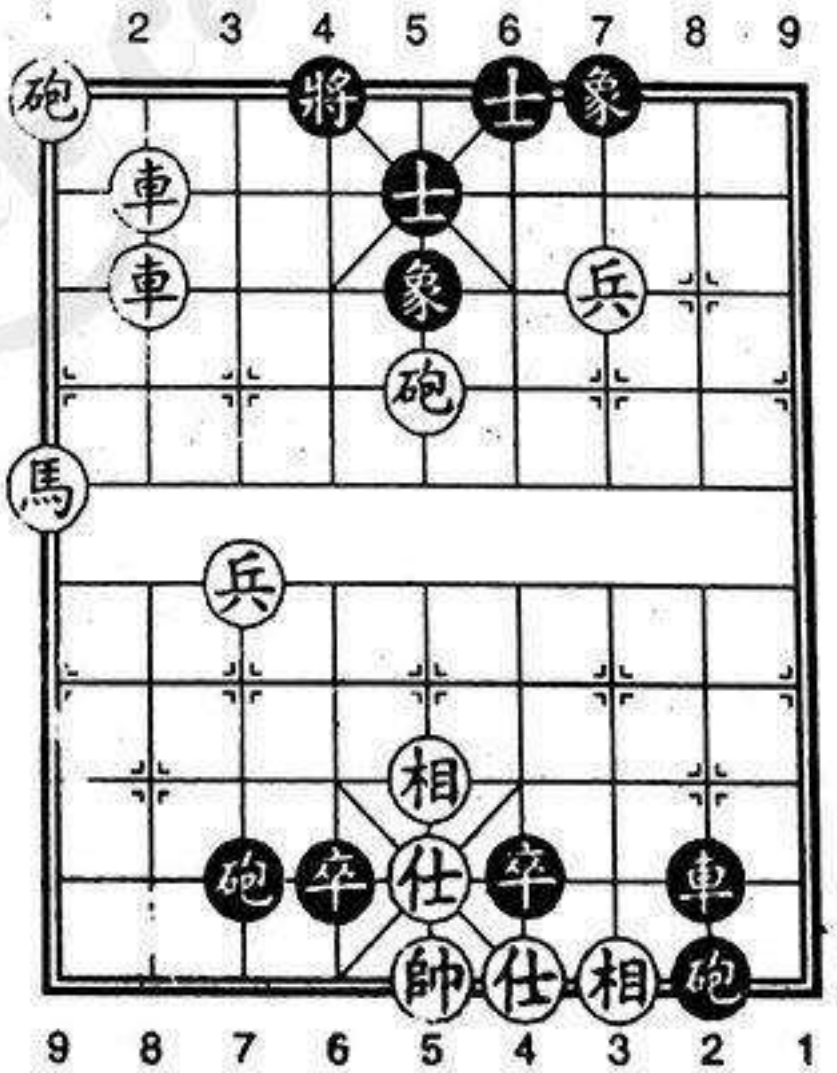

Trắng đi trước thắng

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 49

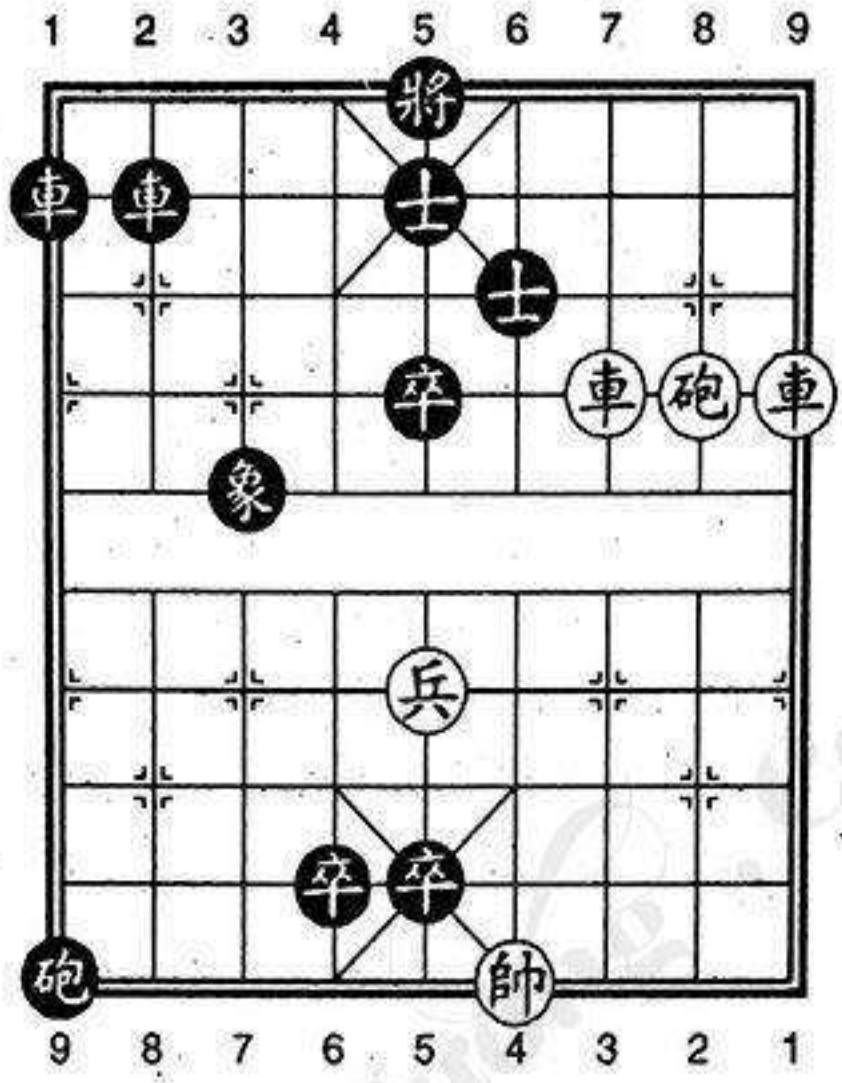

Trắng đi trước hòa

THẾ 50

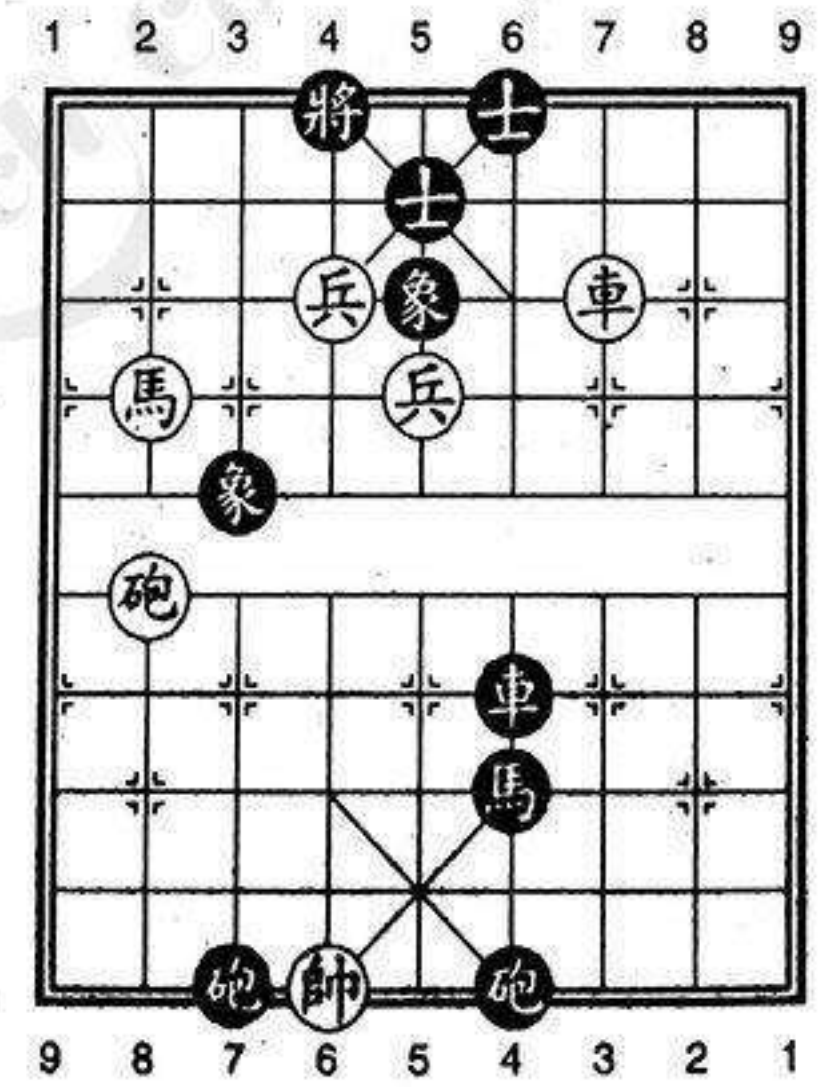

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 51

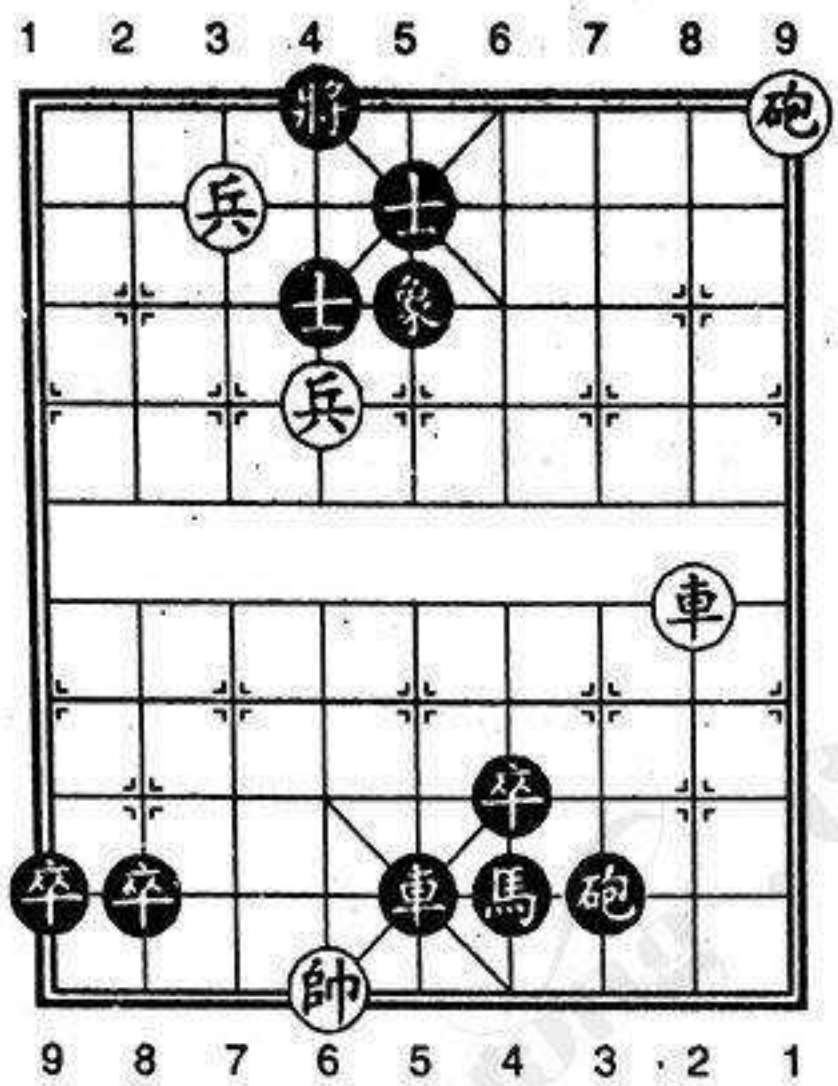

Trắng đi trước hòa

THẾ 52. Cũng là thế 51 nhưng với phương án khác.

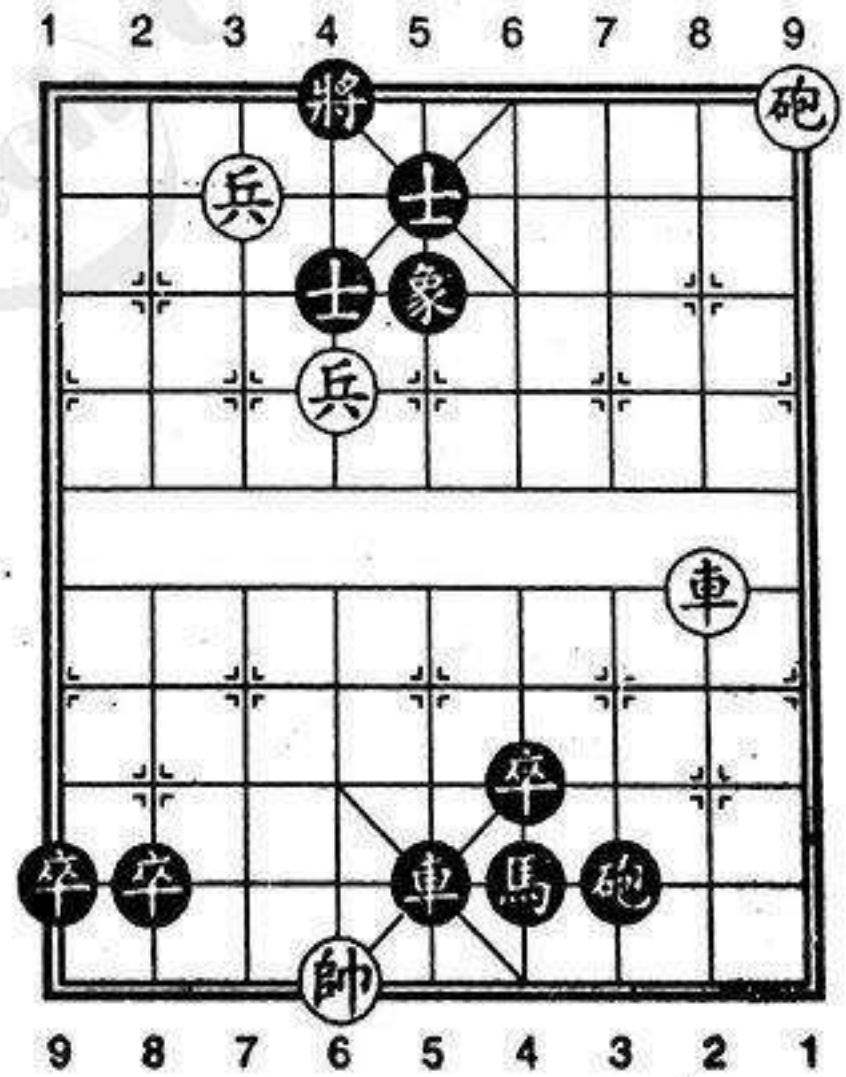

Trắng đi trước thắng

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 53

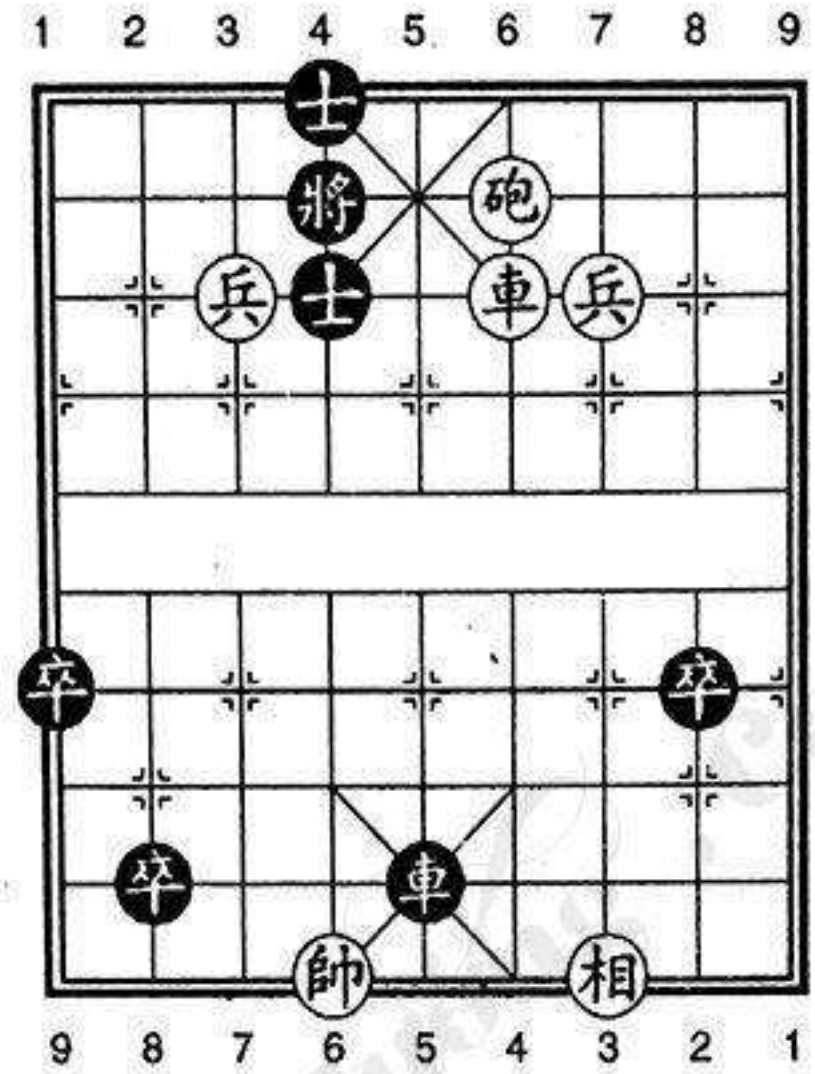

Trắng đi trước thắng

THẾ 54. Cũng là thế 53 nhưng với phương án khác.

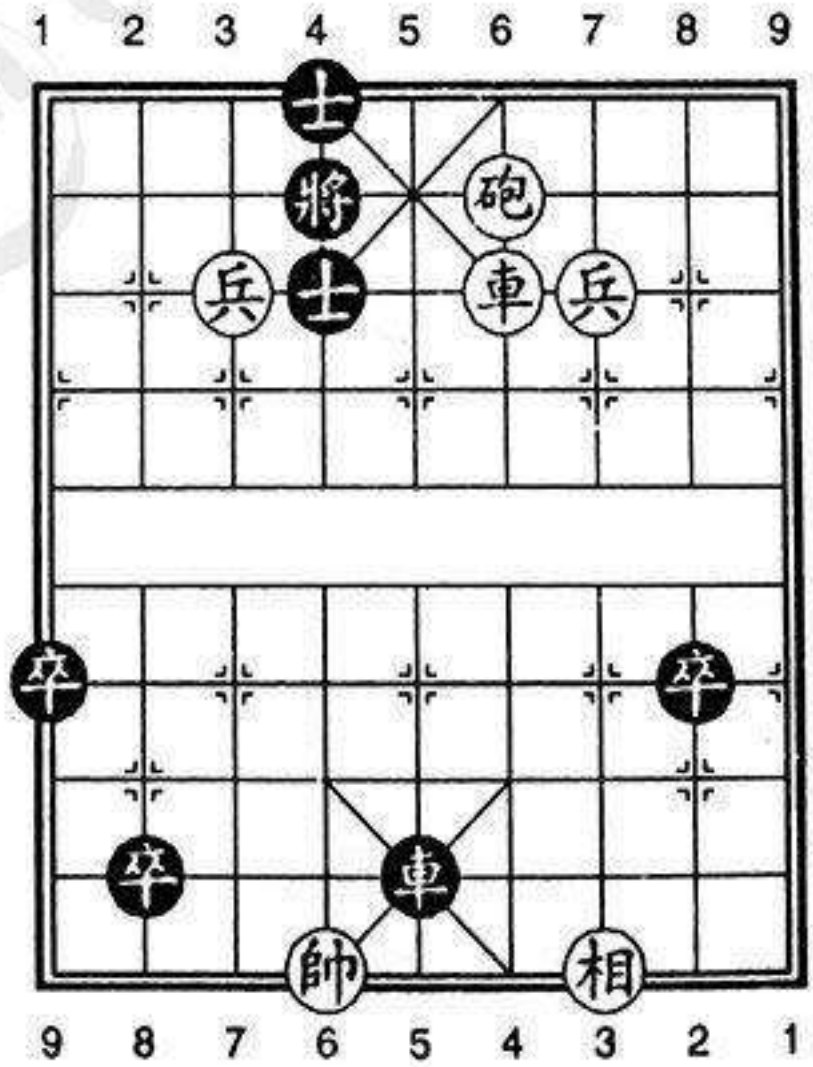

Trắng đi trước thắng

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 55

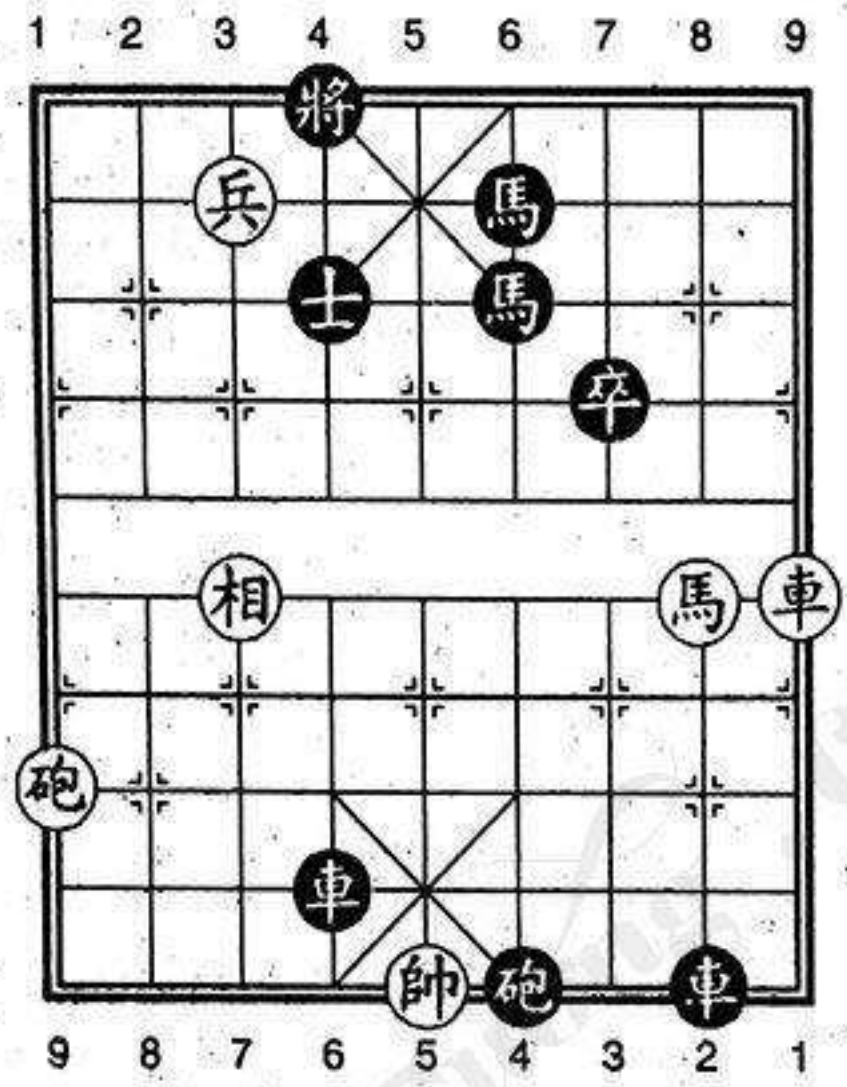

Trắng đi trước hòa

THẾ 56

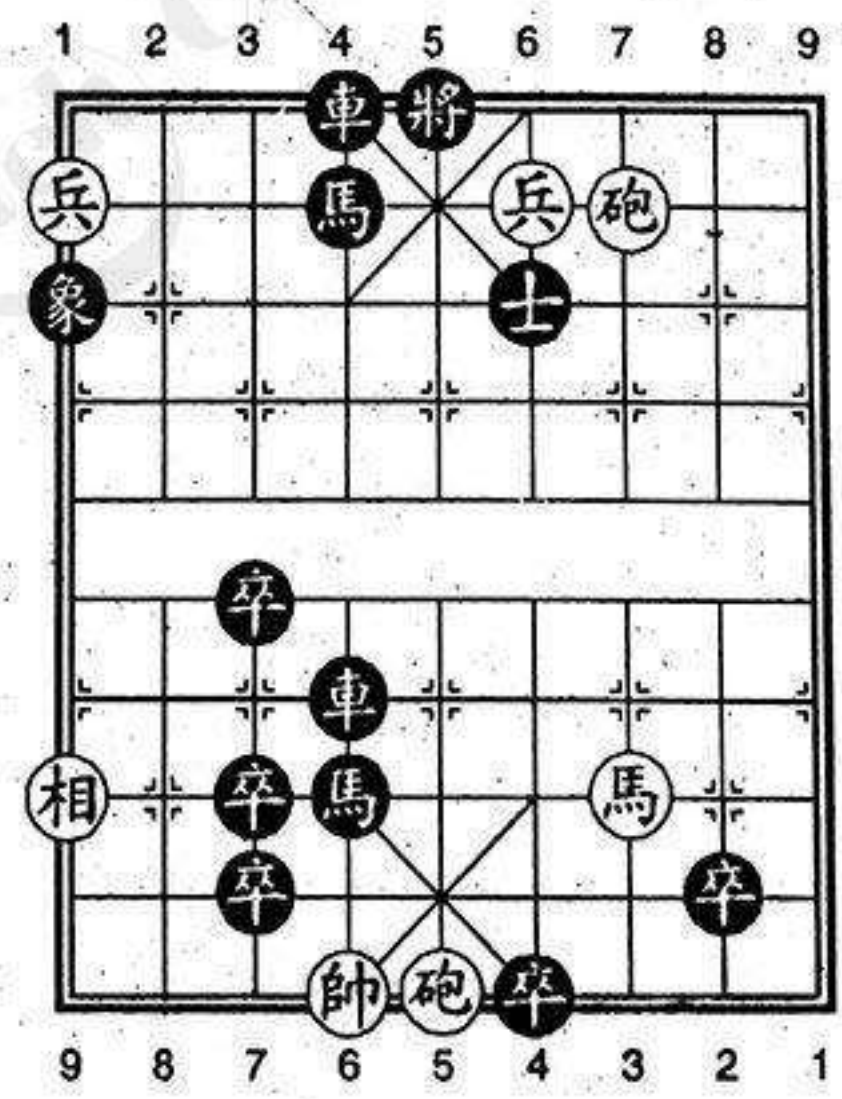

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 57

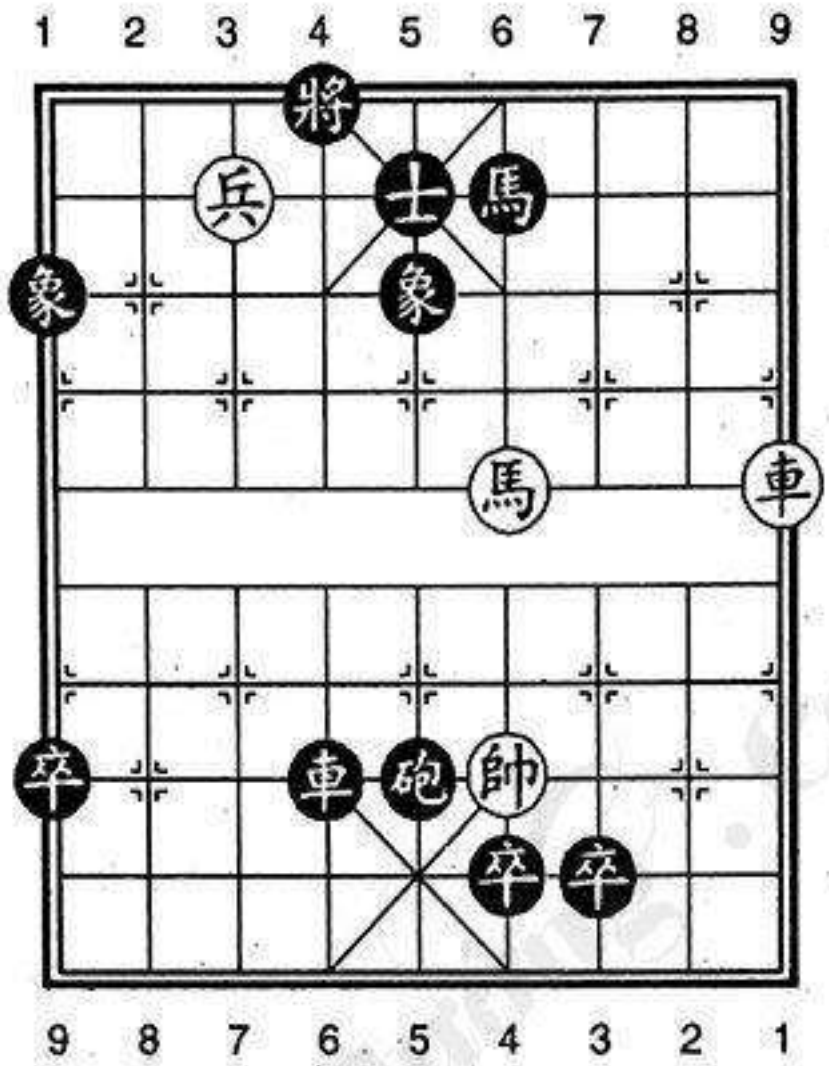

Trắng đi trước hòa

THẾ 58

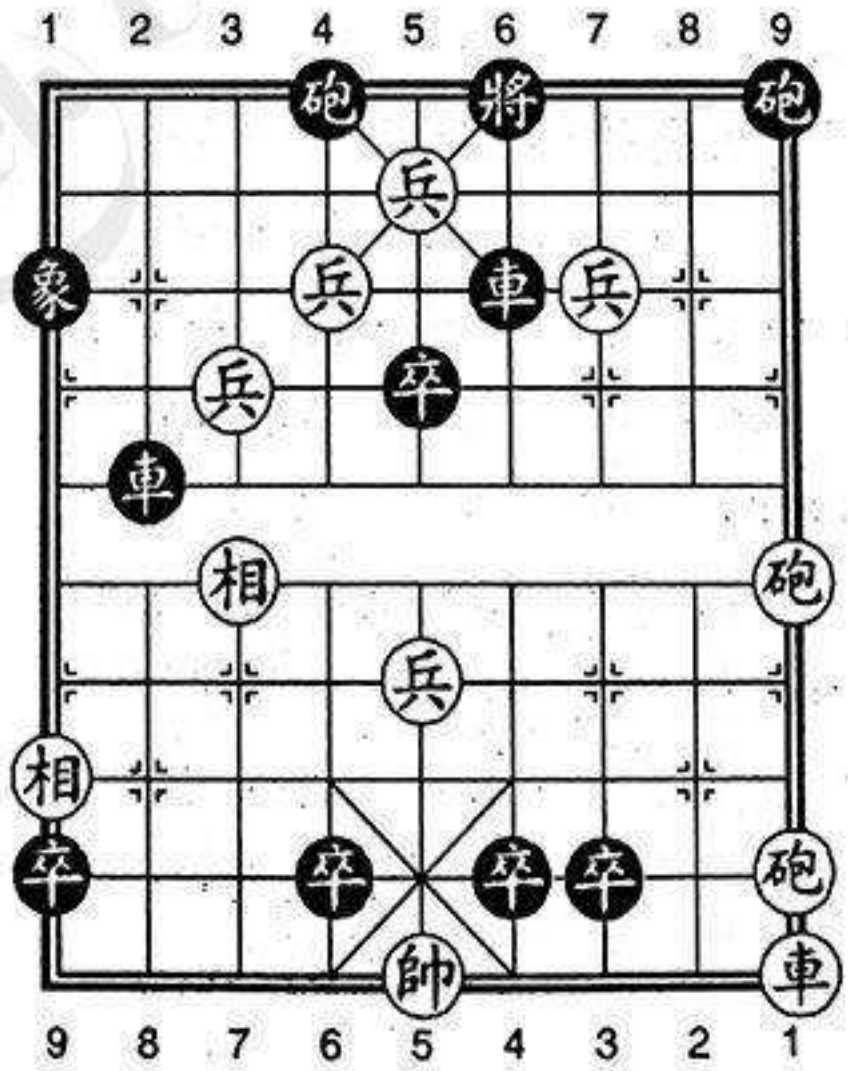

Trắng đi trước thắng

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 59

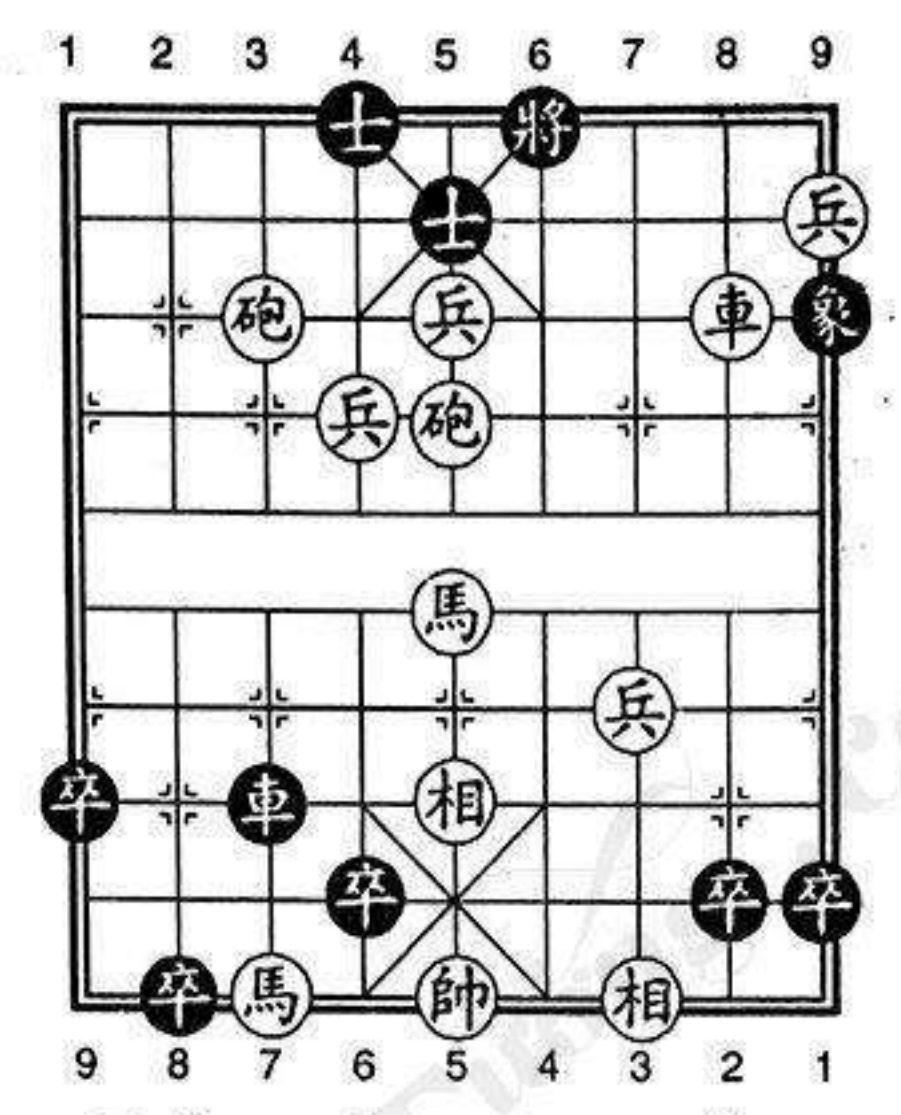

Trắng đi trước thắng

THẾ 60

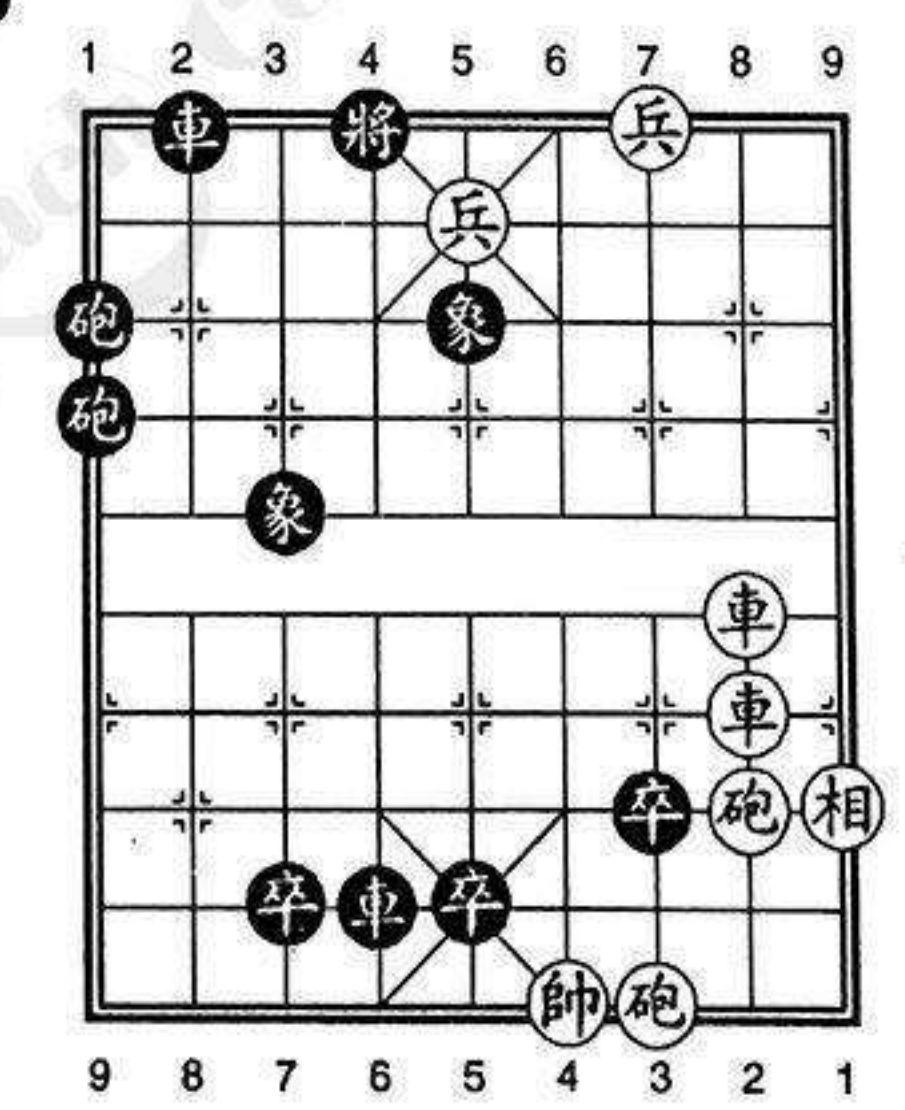

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 61

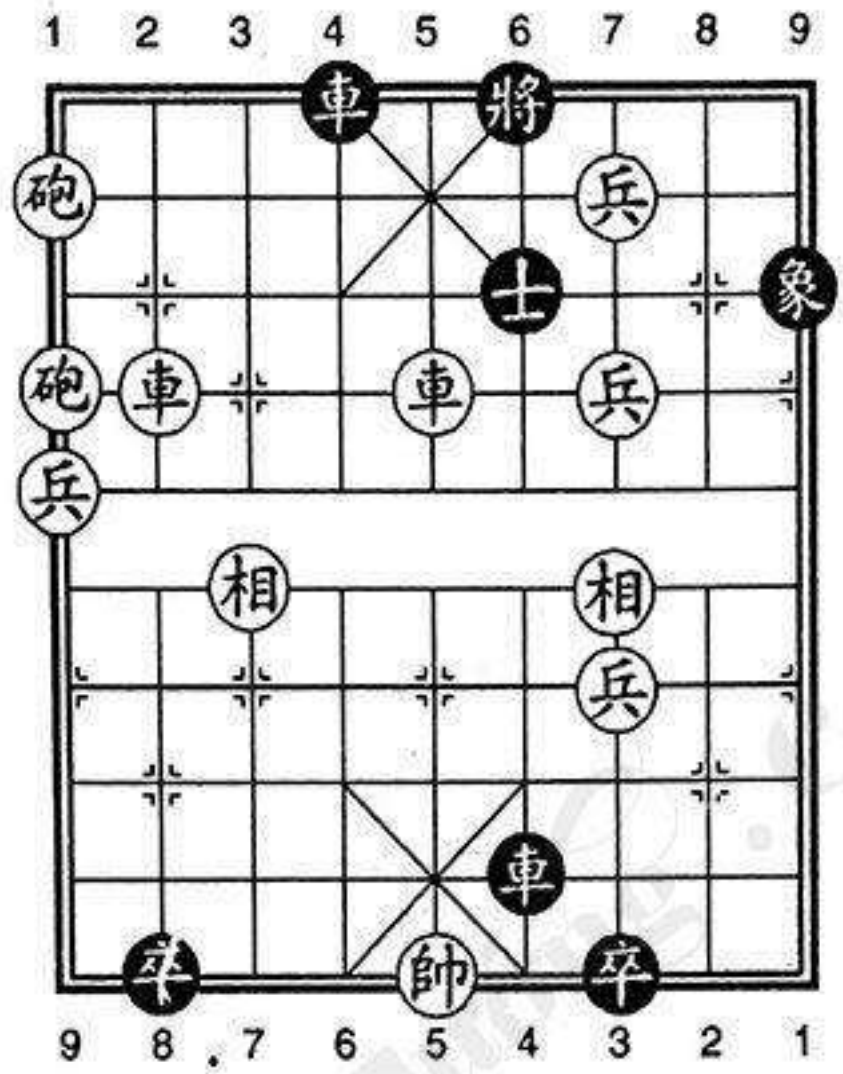

Trắng đi trước hòa

THẾ 62

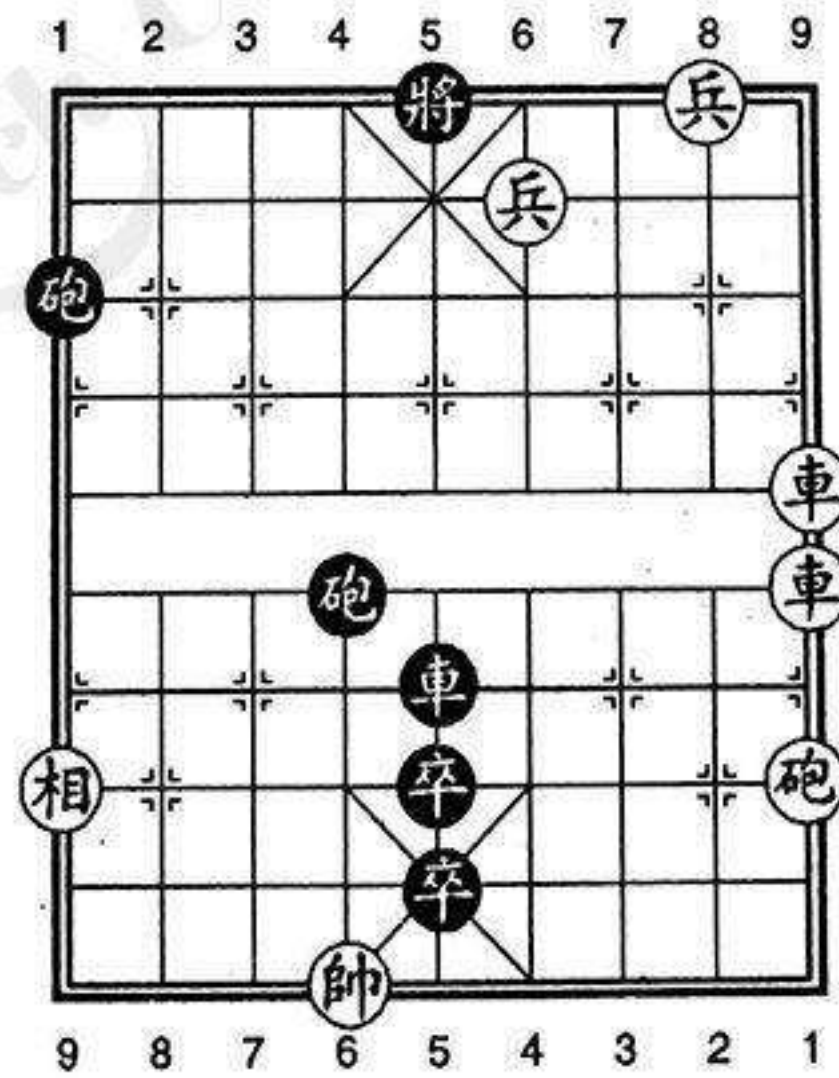

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 63

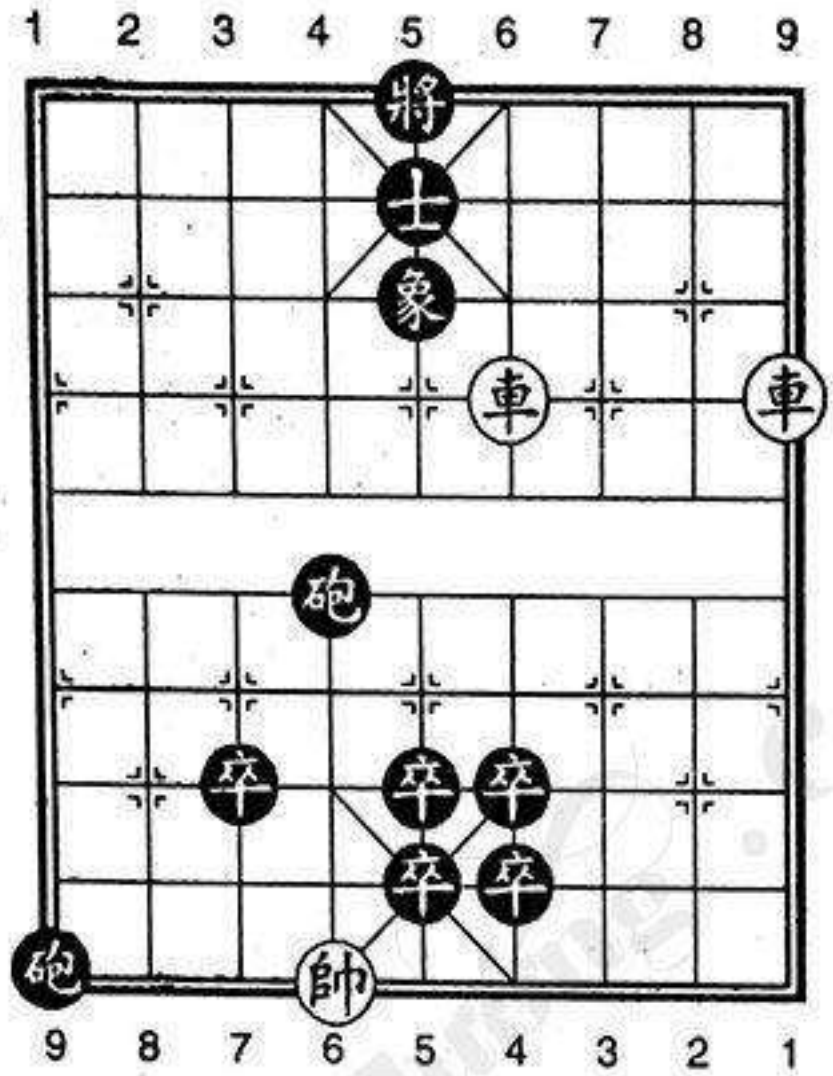

Trắng đi trước hòa

THẾ 64

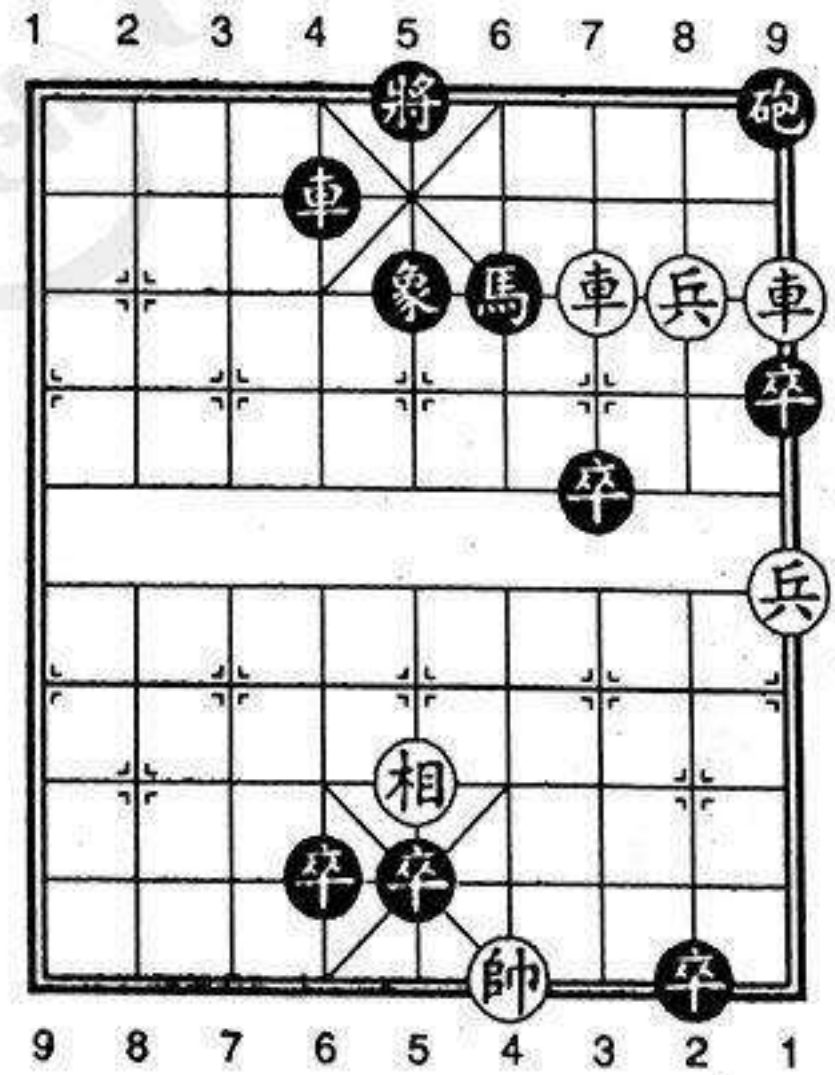

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 65

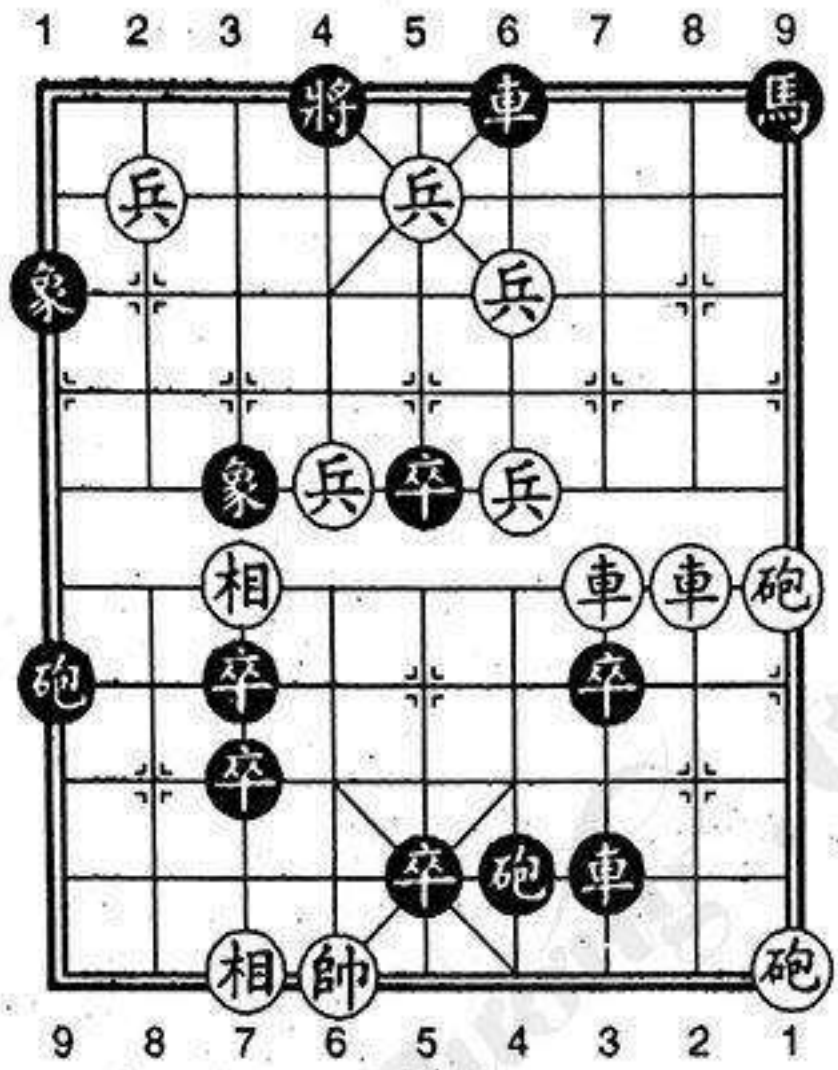

Trắng đi trước hòa

THẾ 66

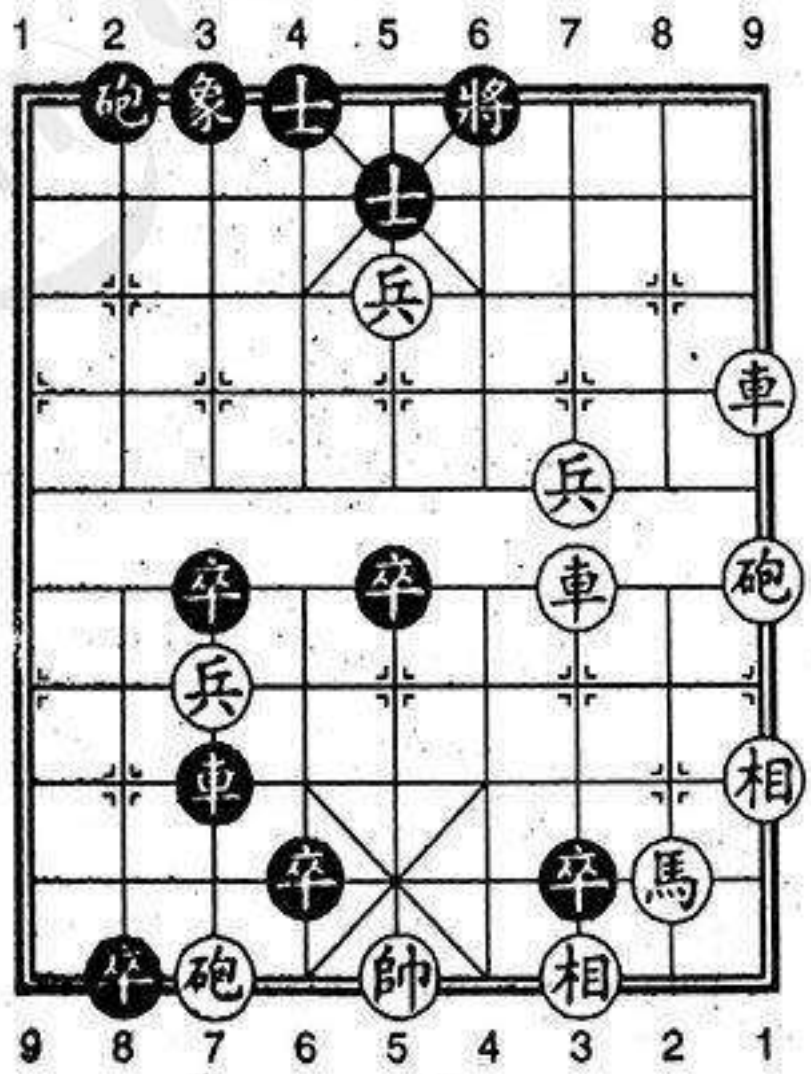

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 67

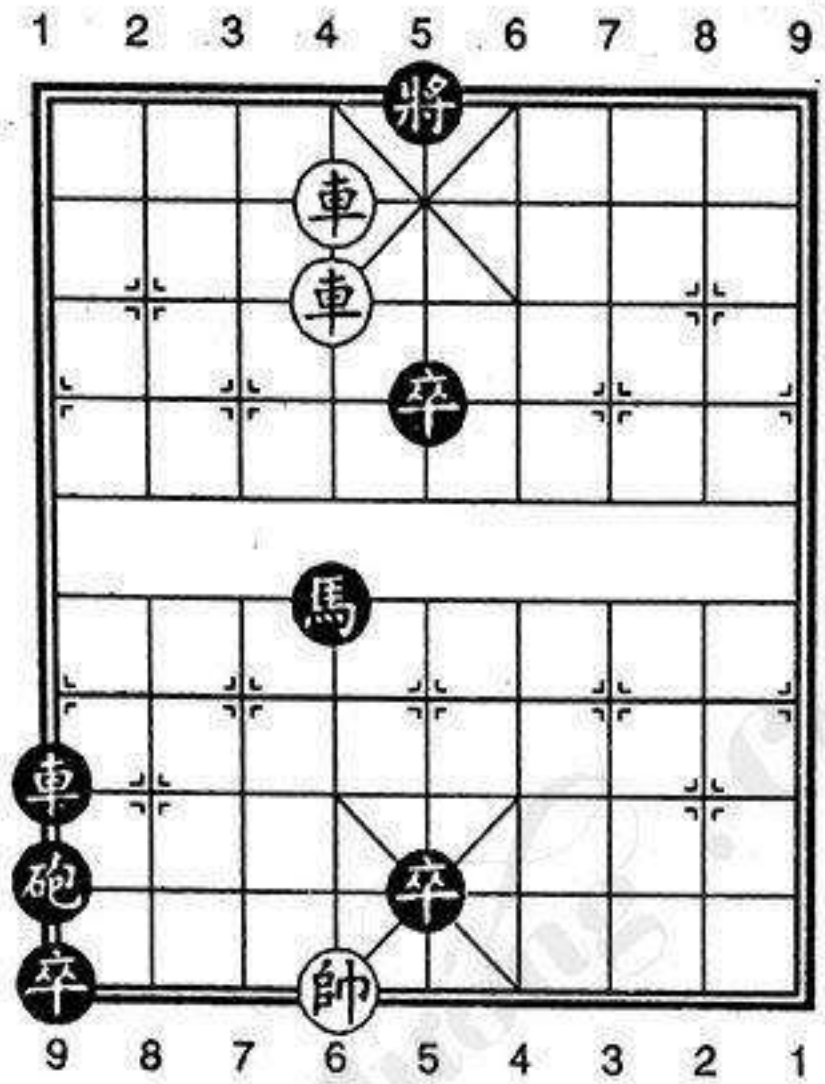

Trắng đi trước hòa

THẾ 68

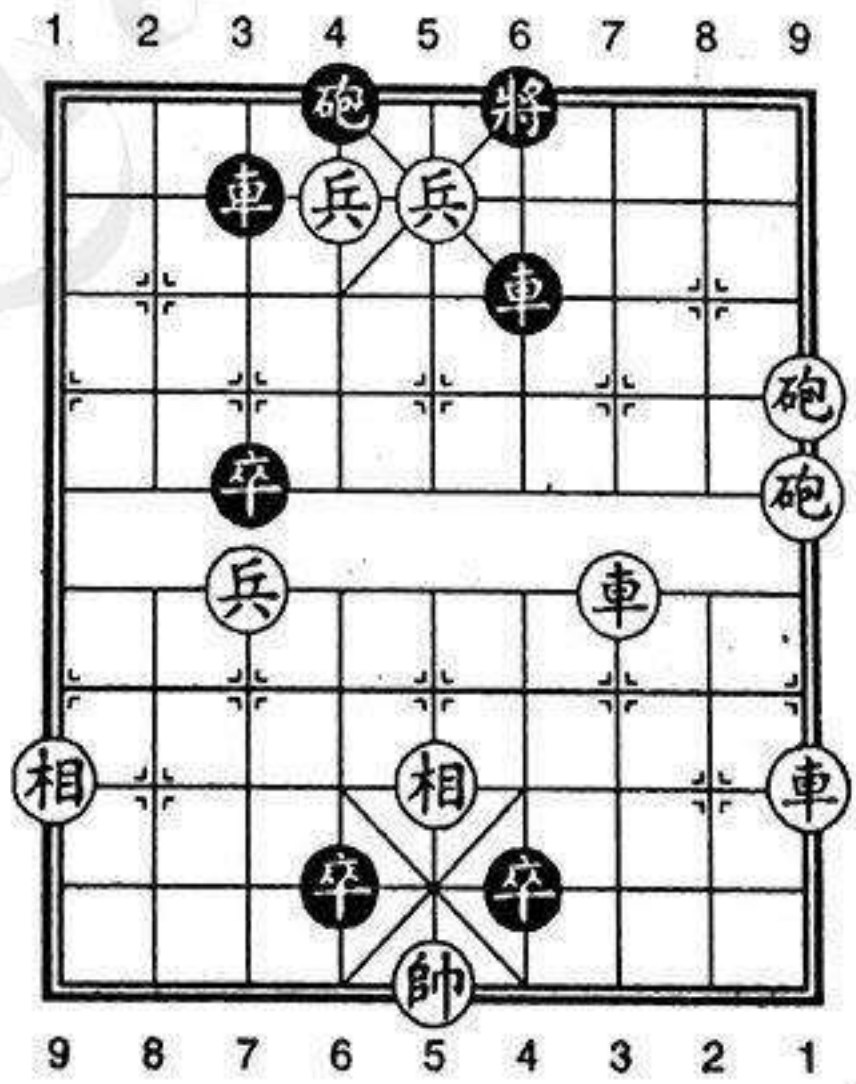

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 69

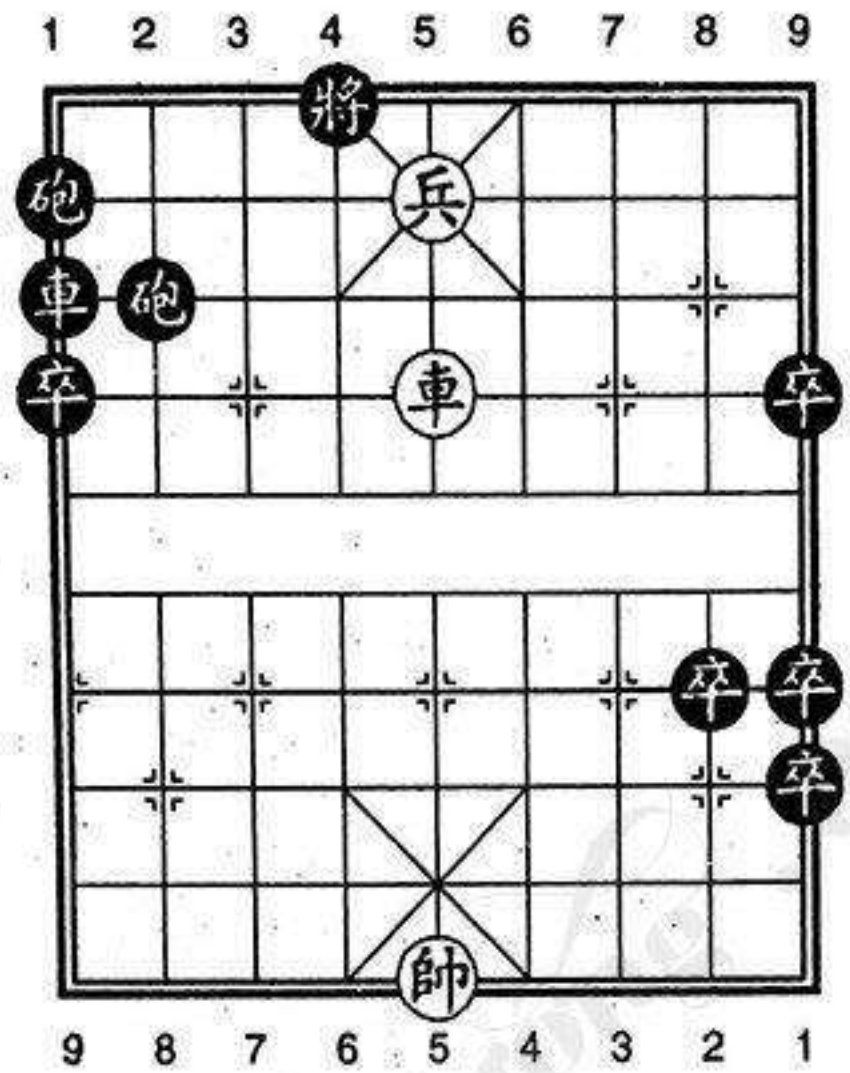

Trắng đi trước hòa

THẾ 70

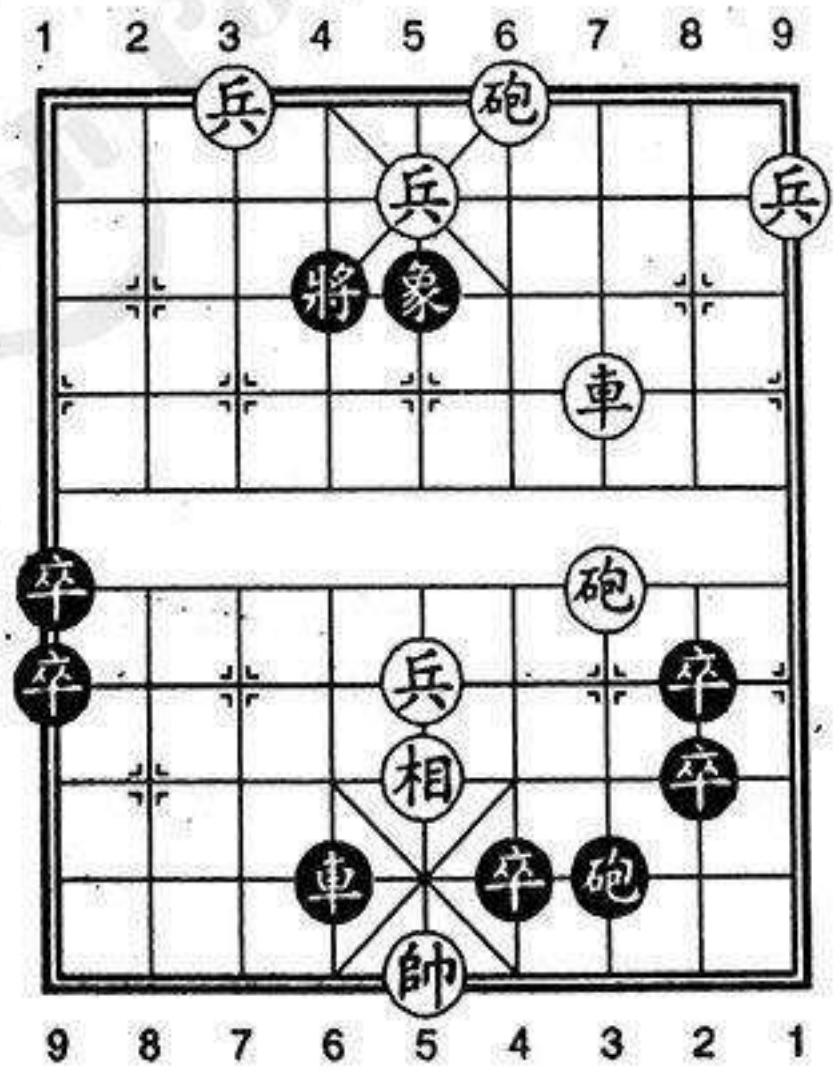

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 71

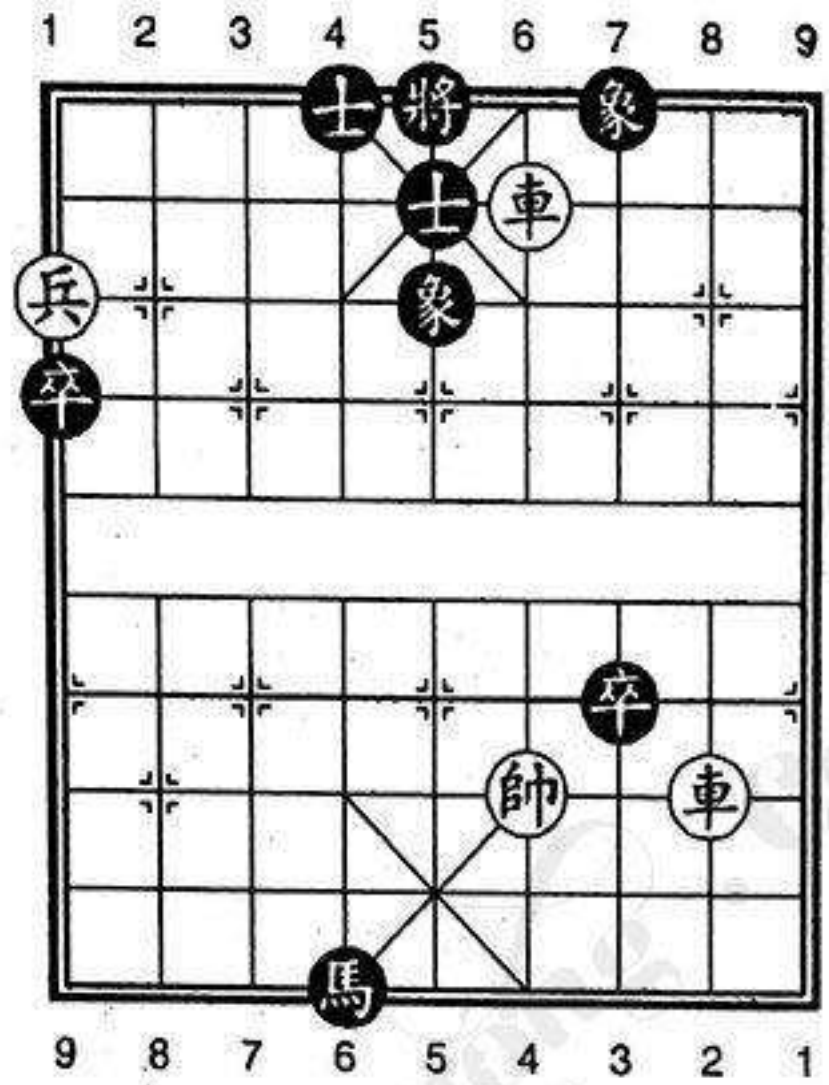

Trắng đi trước hòa

THẾ 72

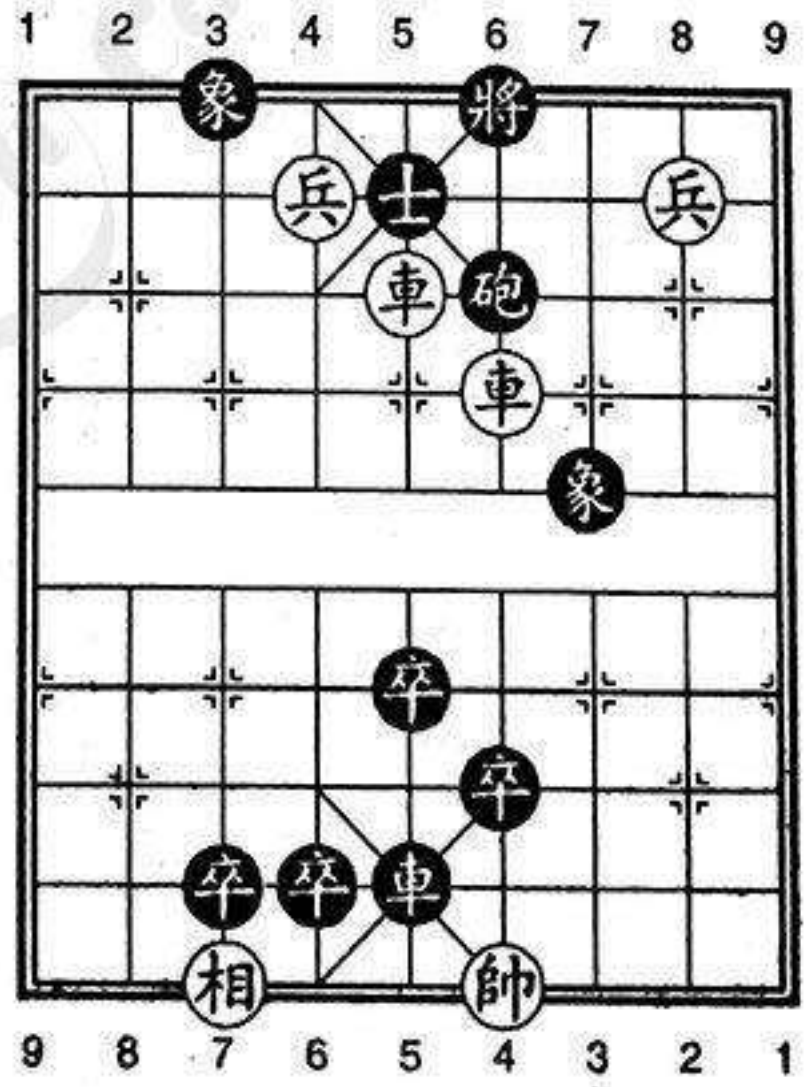

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 73

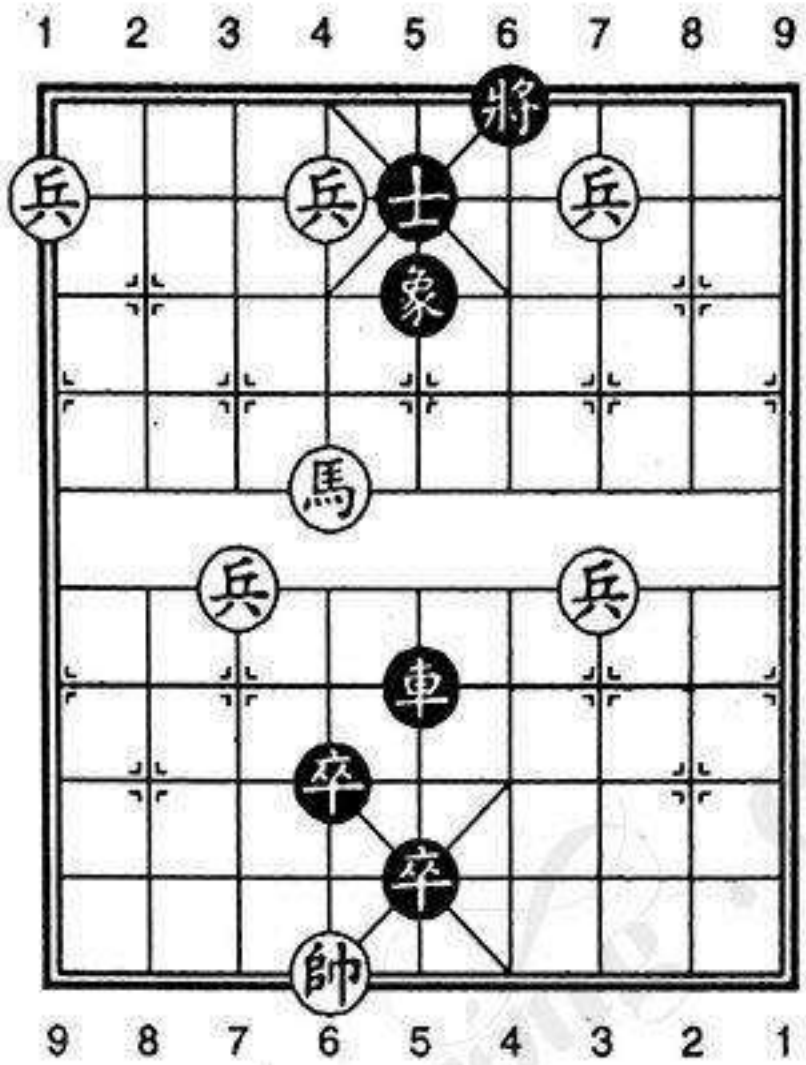

Trắng đi trước hòa

THẾ 74

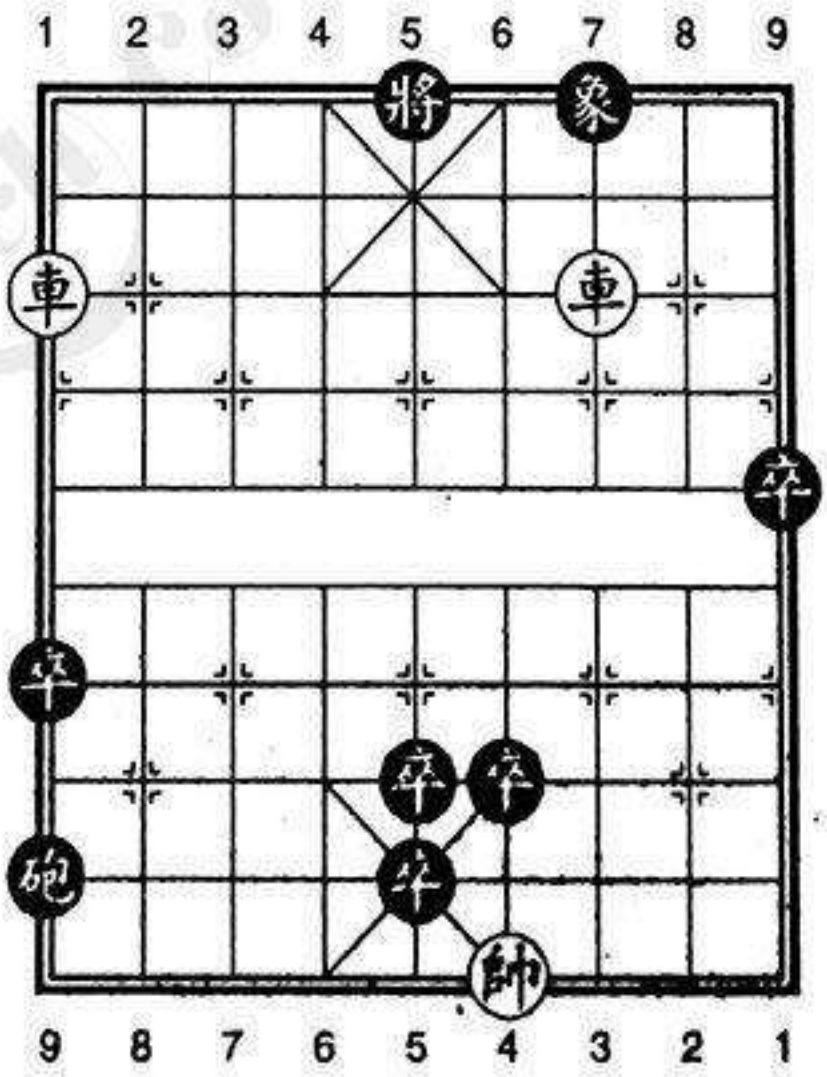

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 75

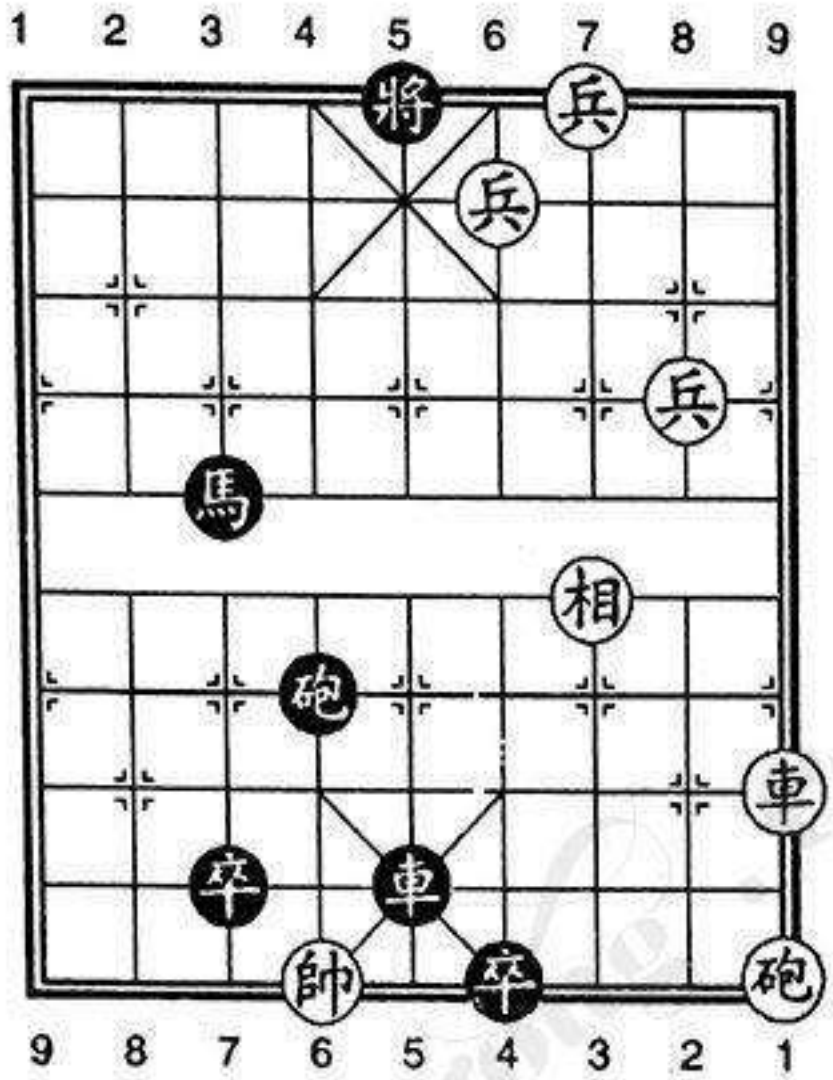

Trắng đi trước hòa

THẾ 76

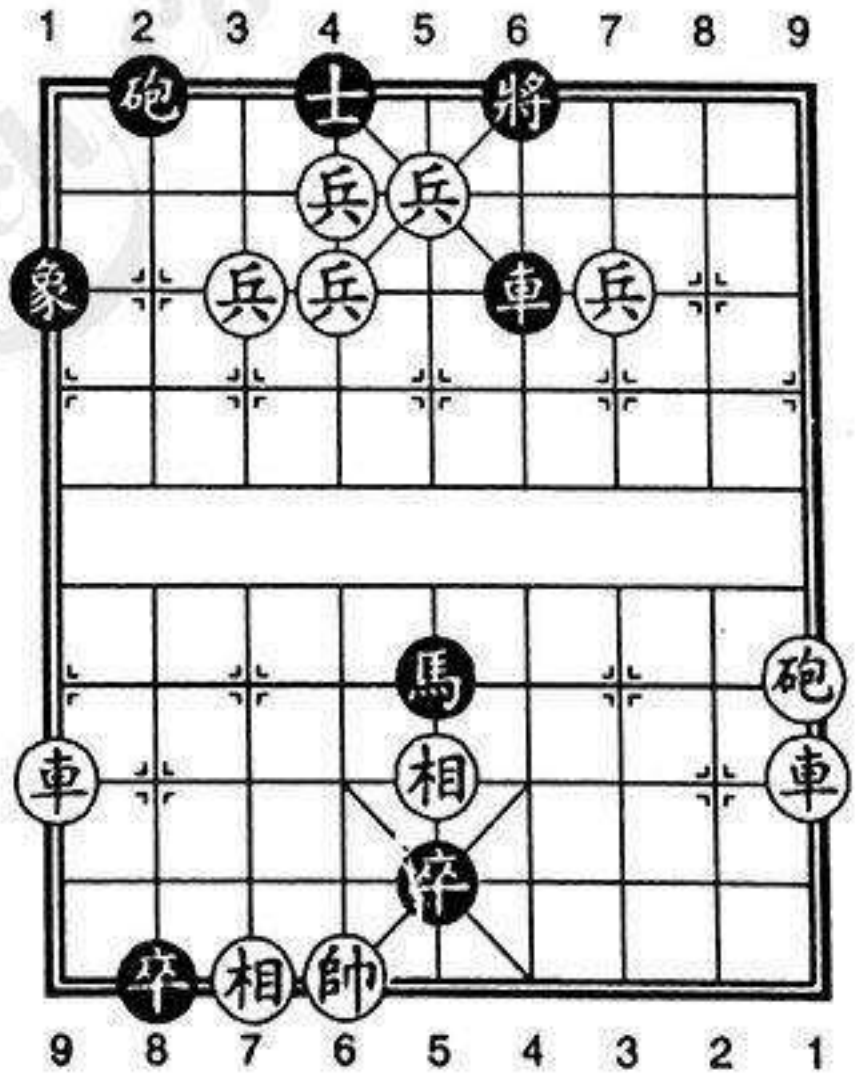

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 77

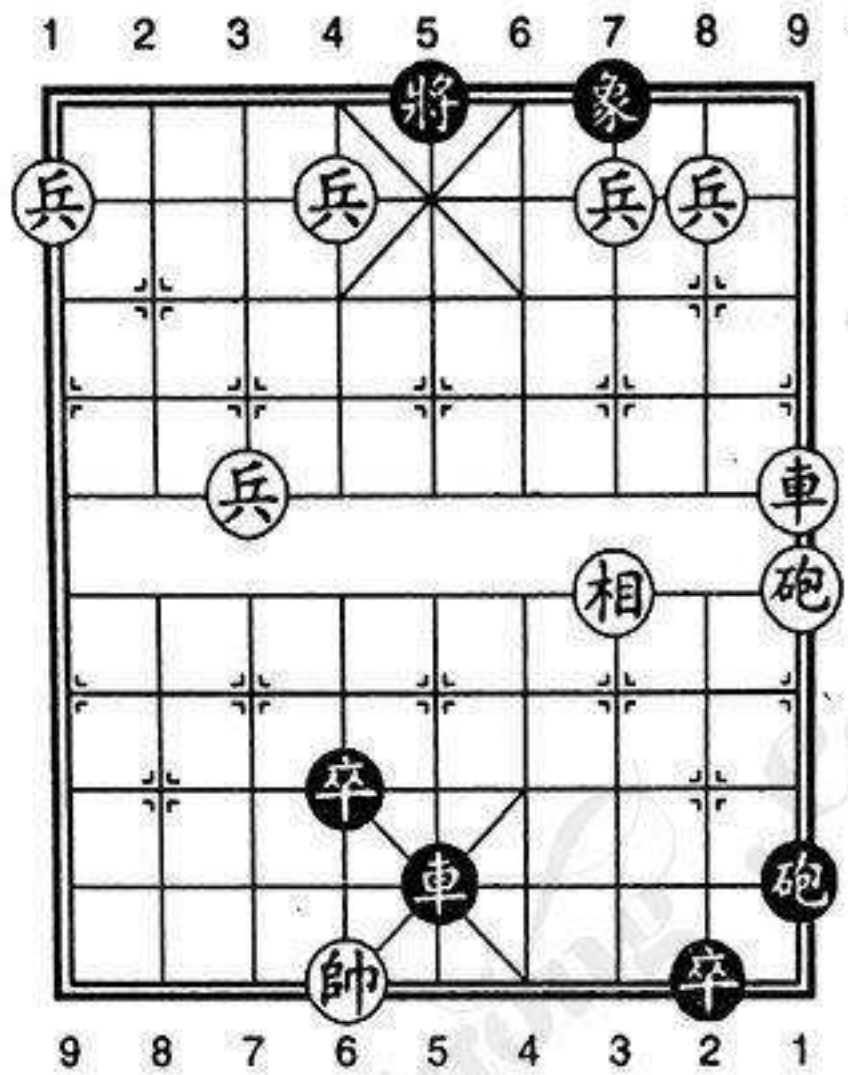

Trắng đi trước hòa

THẾ 78

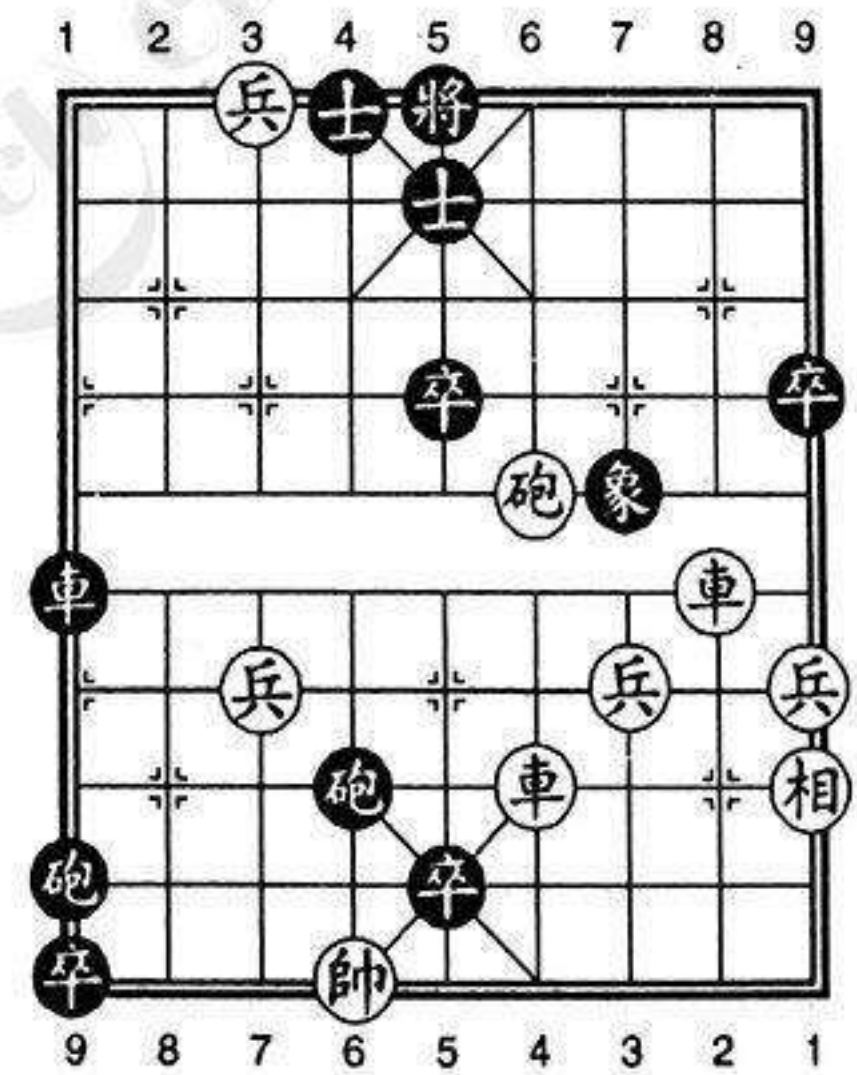

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 79

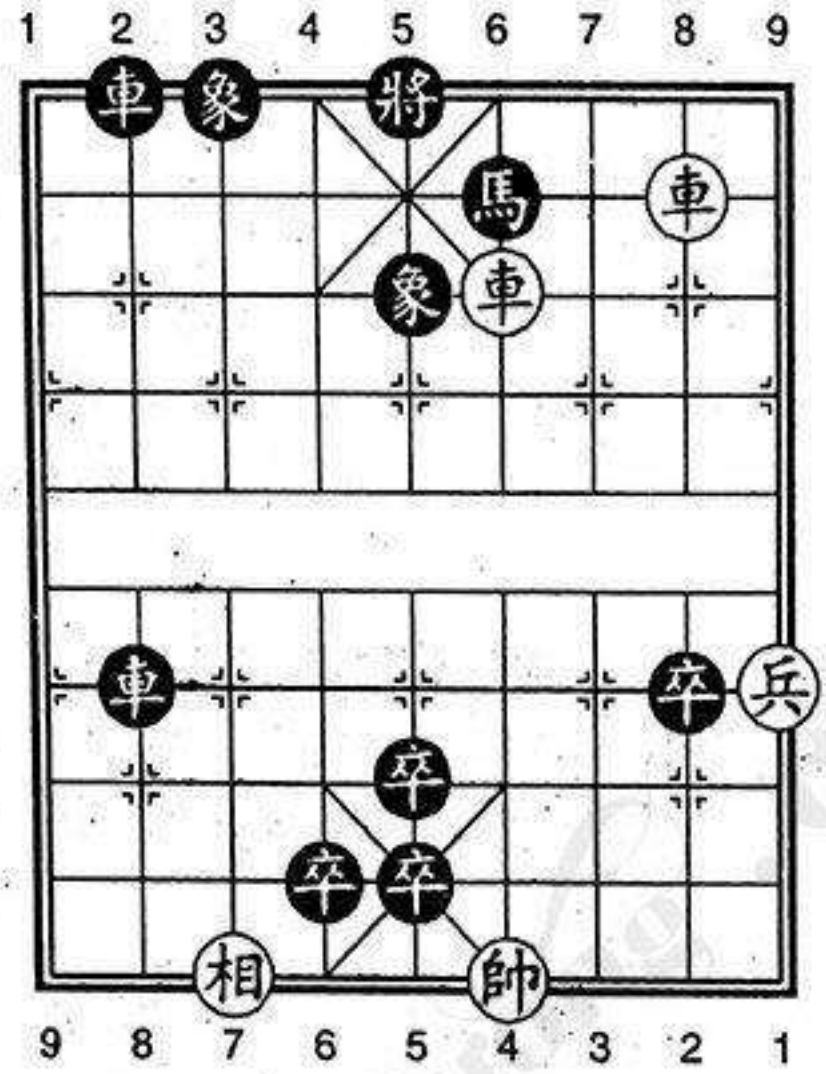

Trắng đi trước hòa

THẾ 80

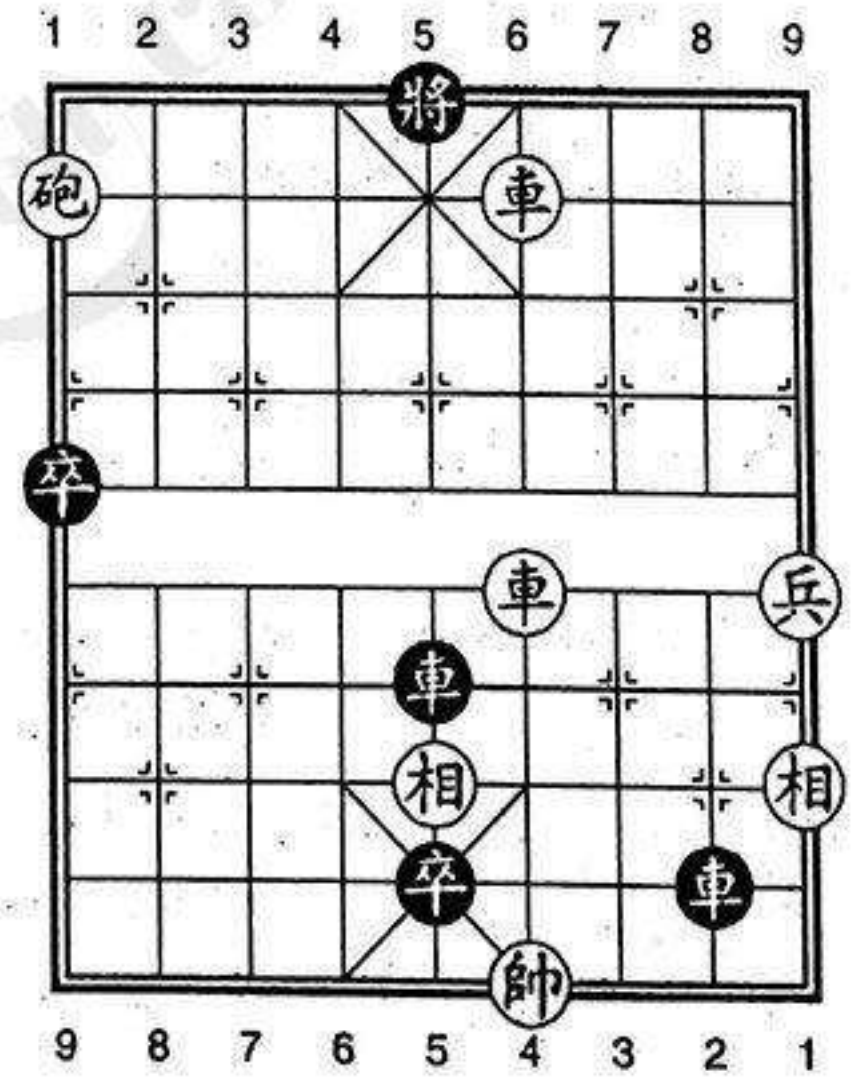

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 81

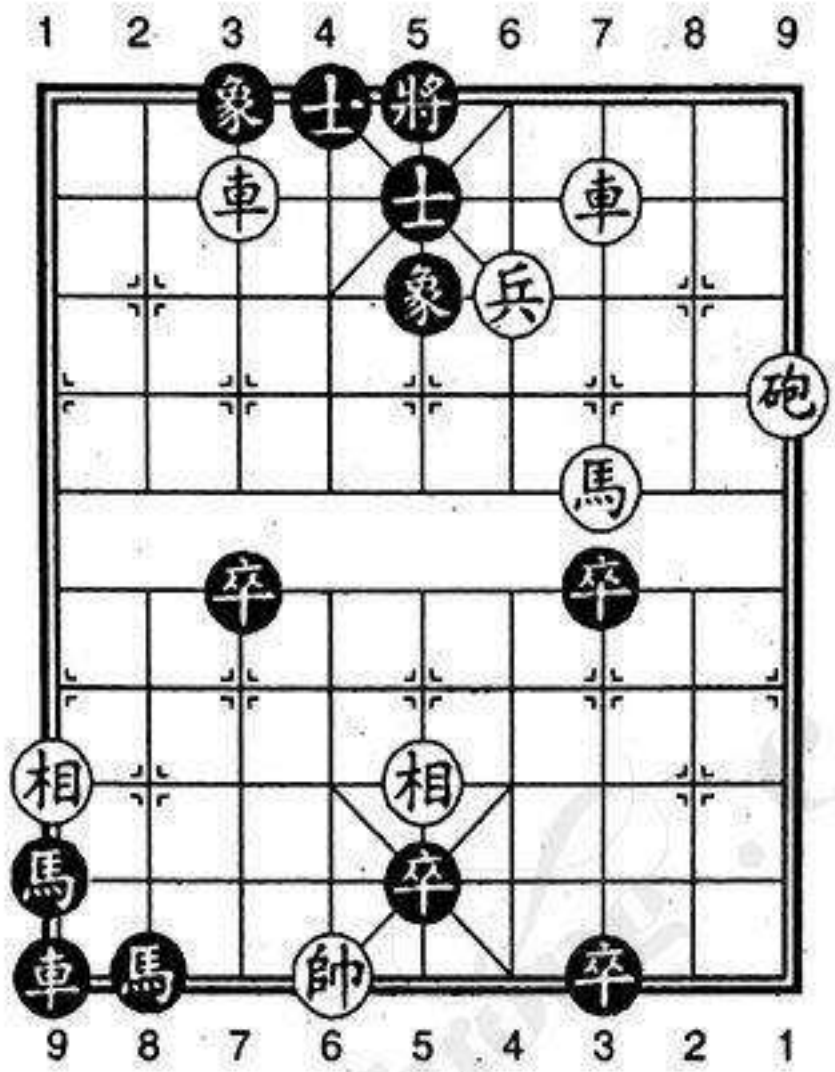

Trắng đi trước hòa

THẾ 82

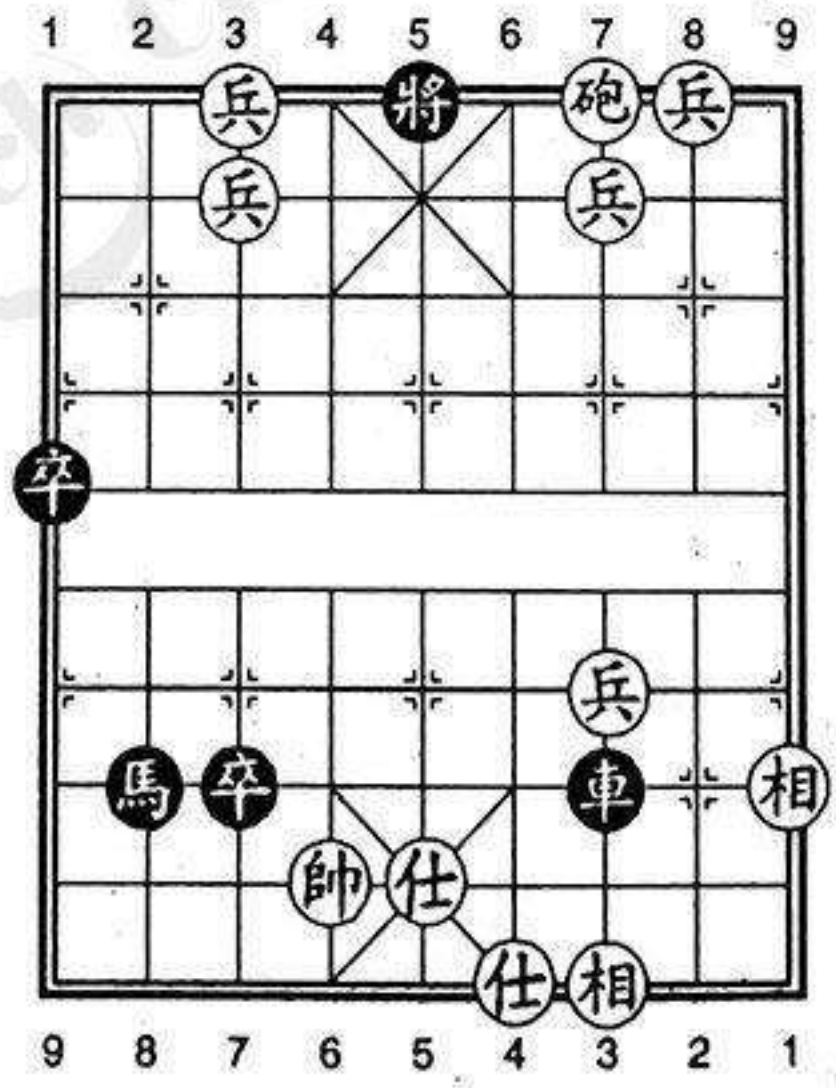

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 83

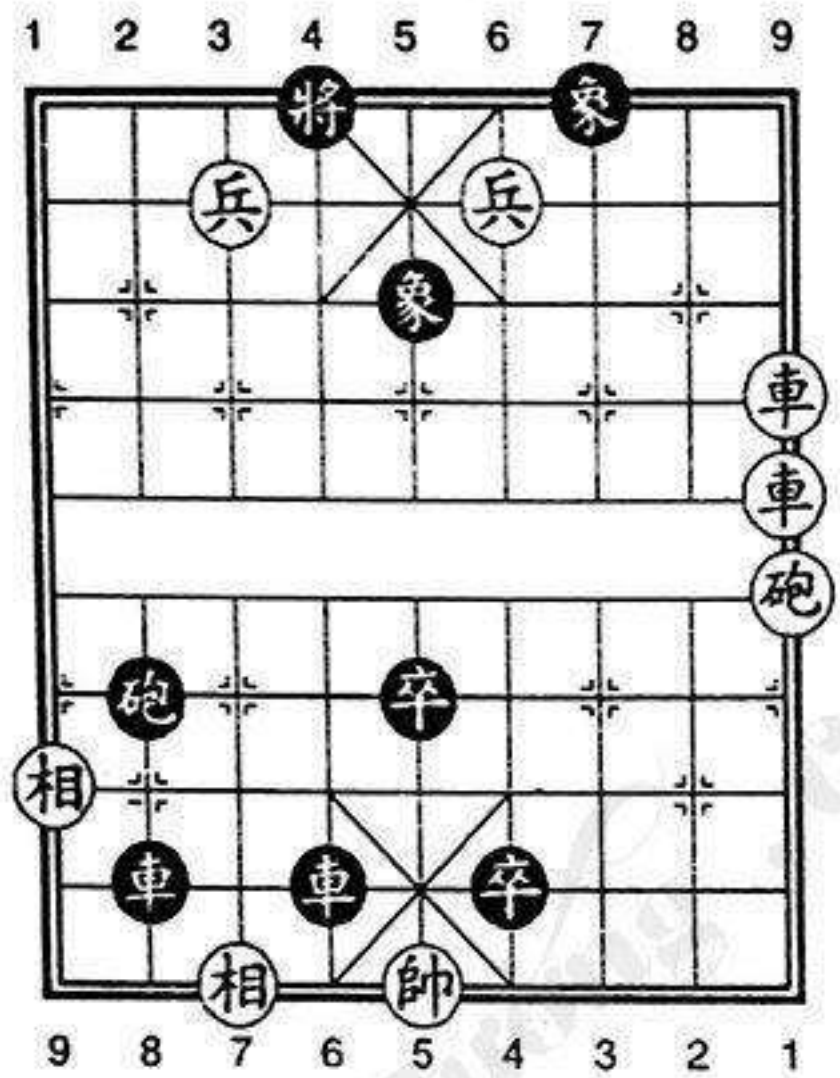

Trắng đi trước hòa

THẾ 84

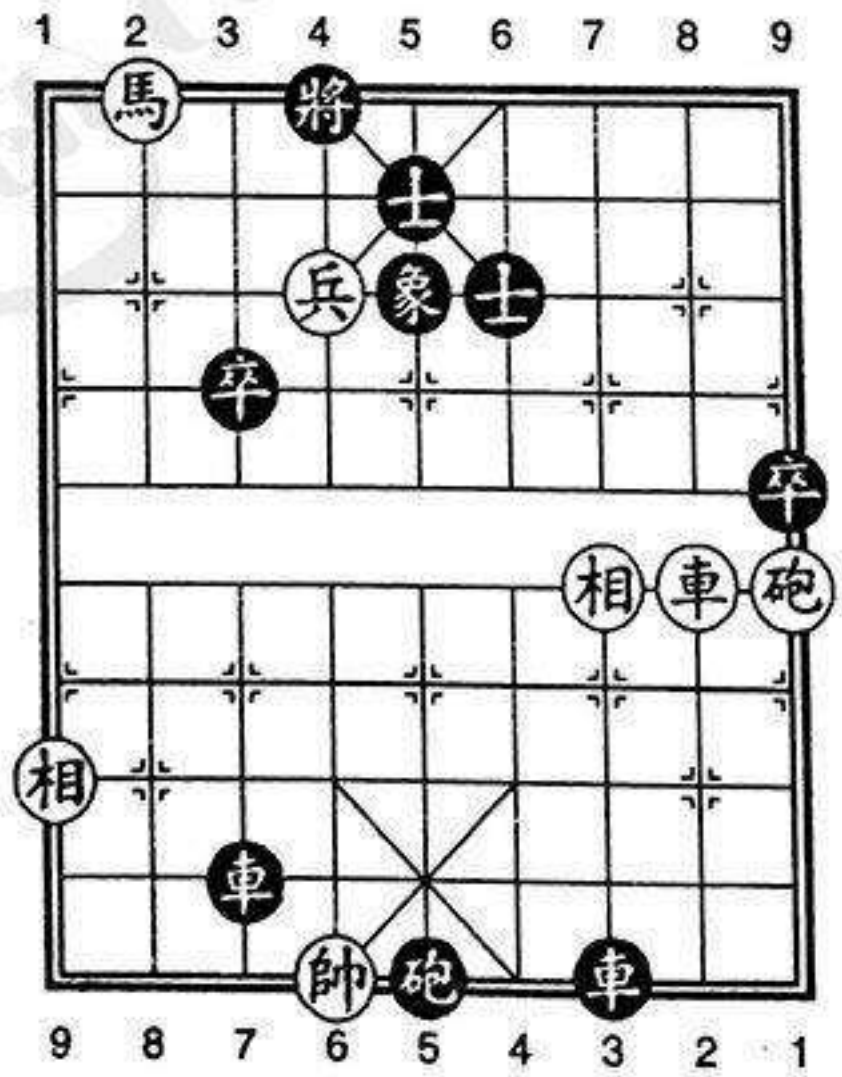

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 85

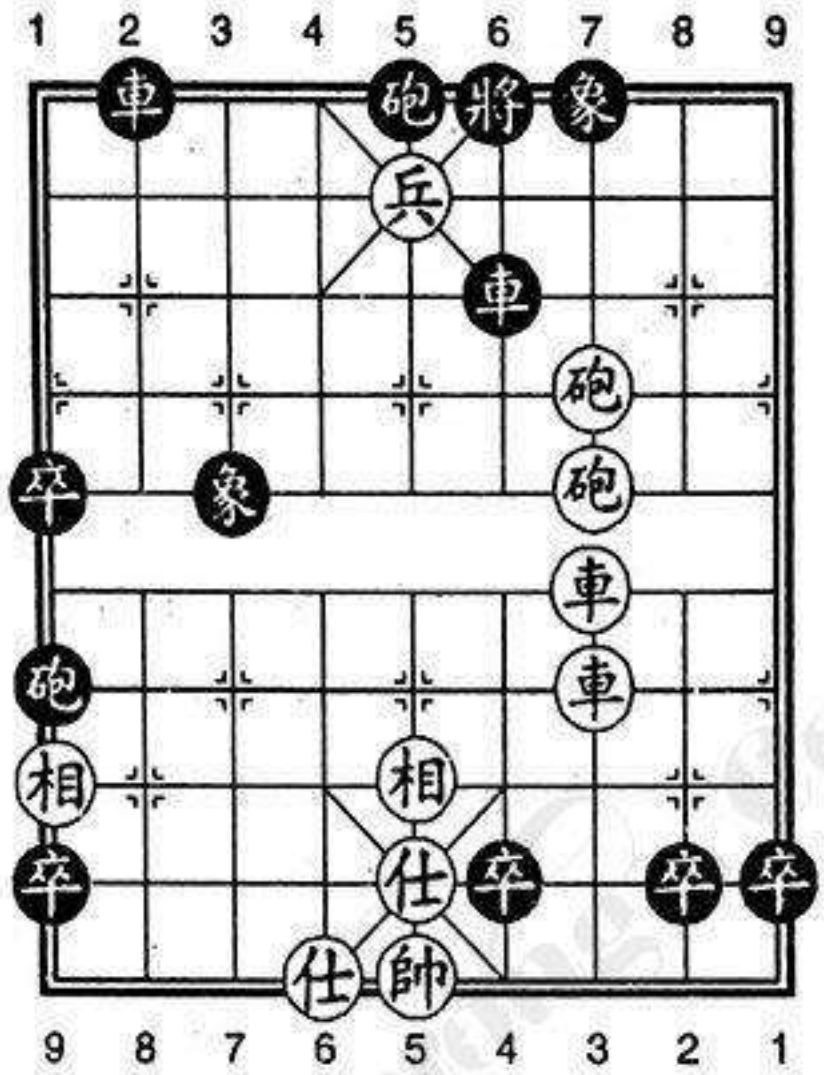

Trắng đi trước hòa

THẾ 86

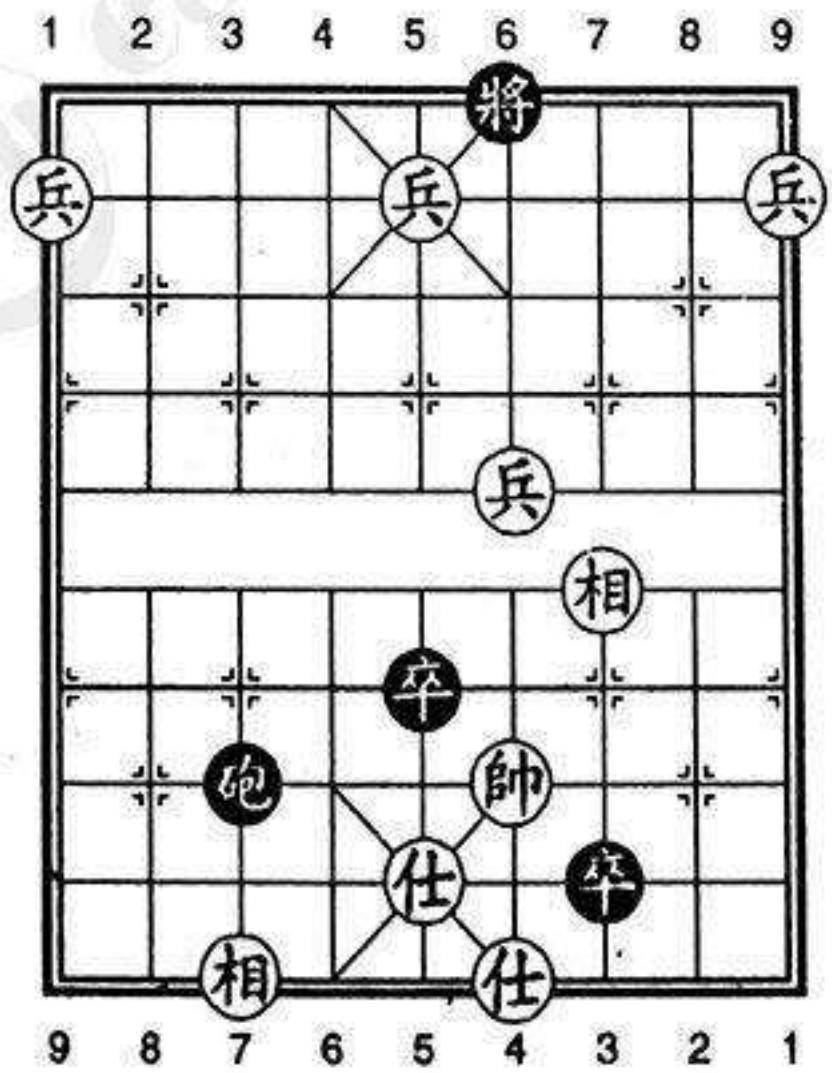

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 87

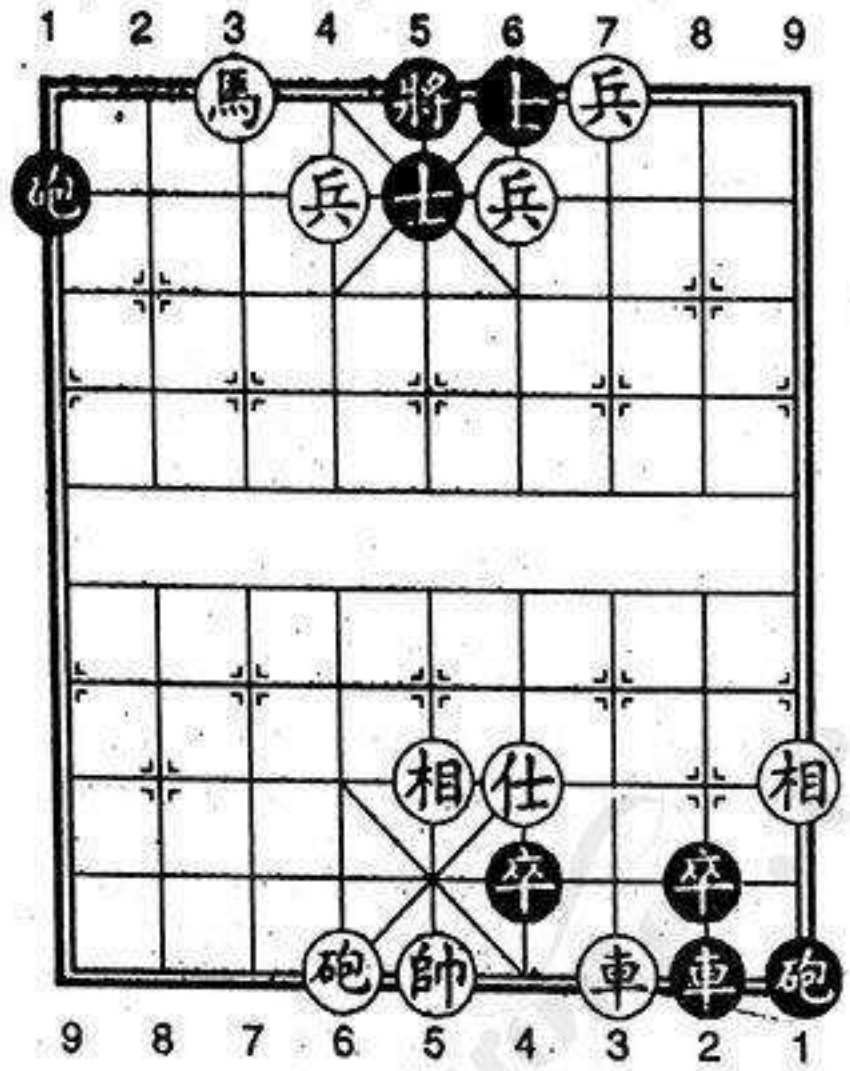

Trắng đi trước hòa

THẾ 88

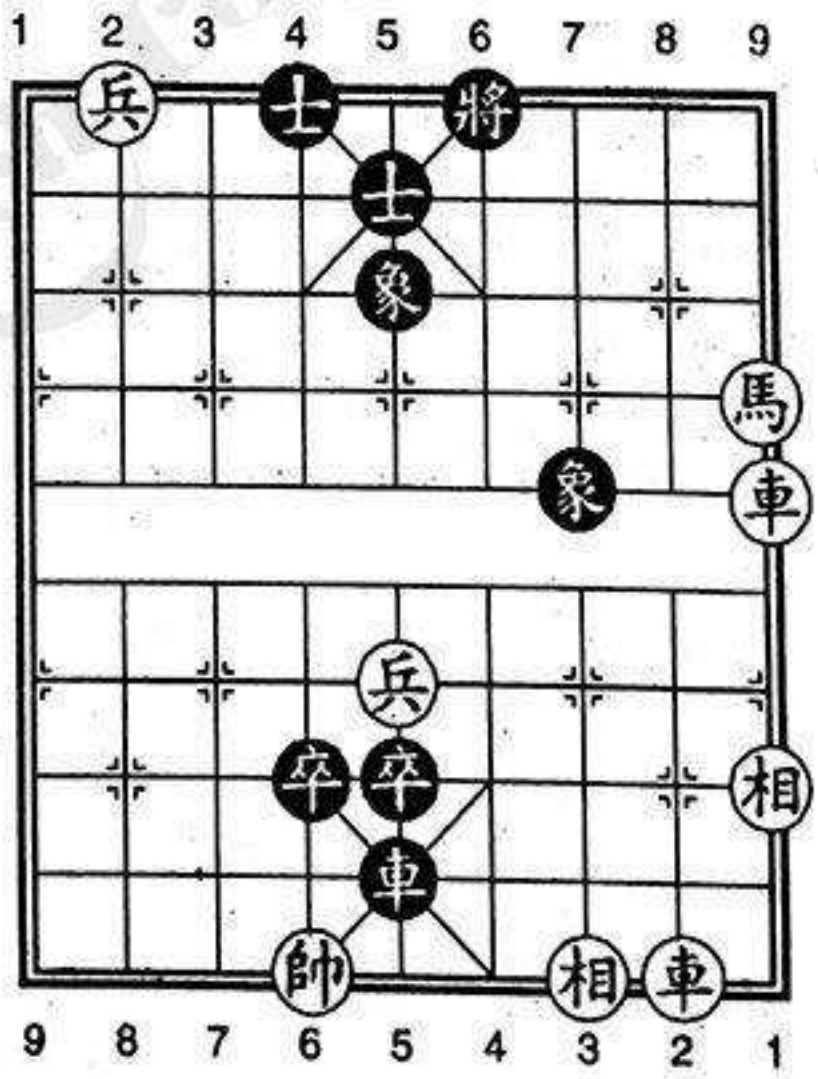

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 89

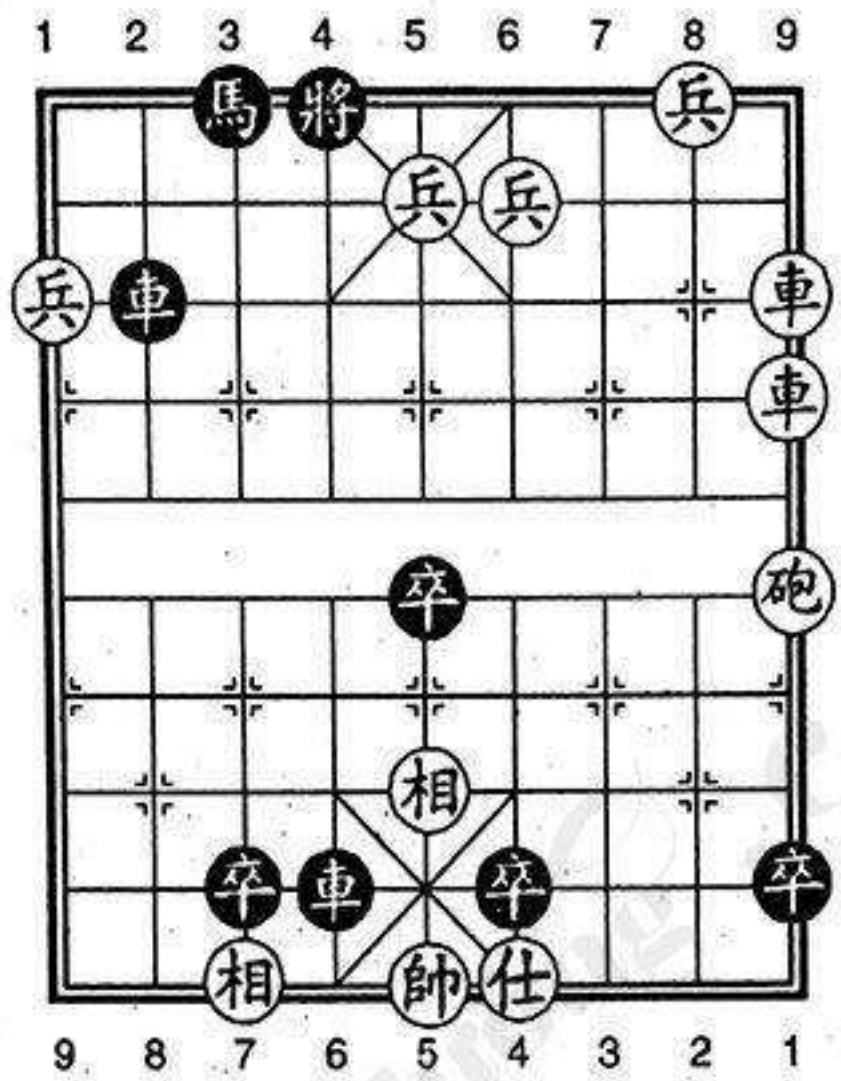

Trắng đi trước hòa

THẾ 90

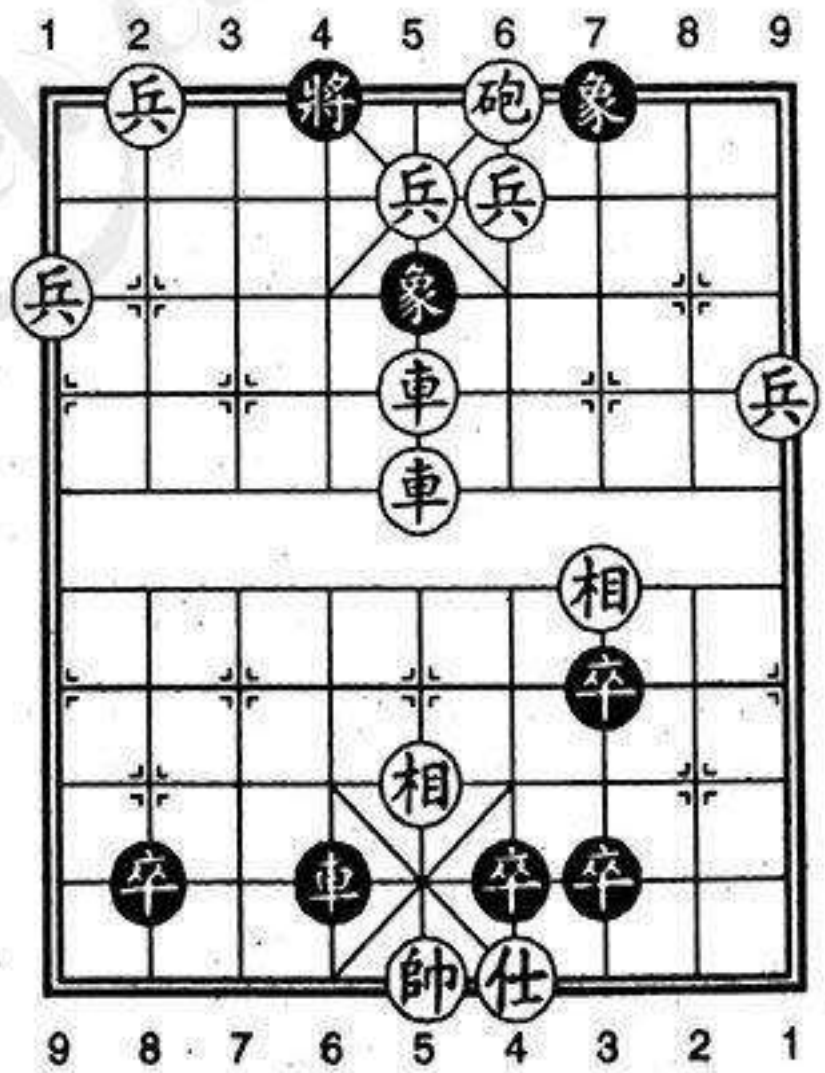

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 91

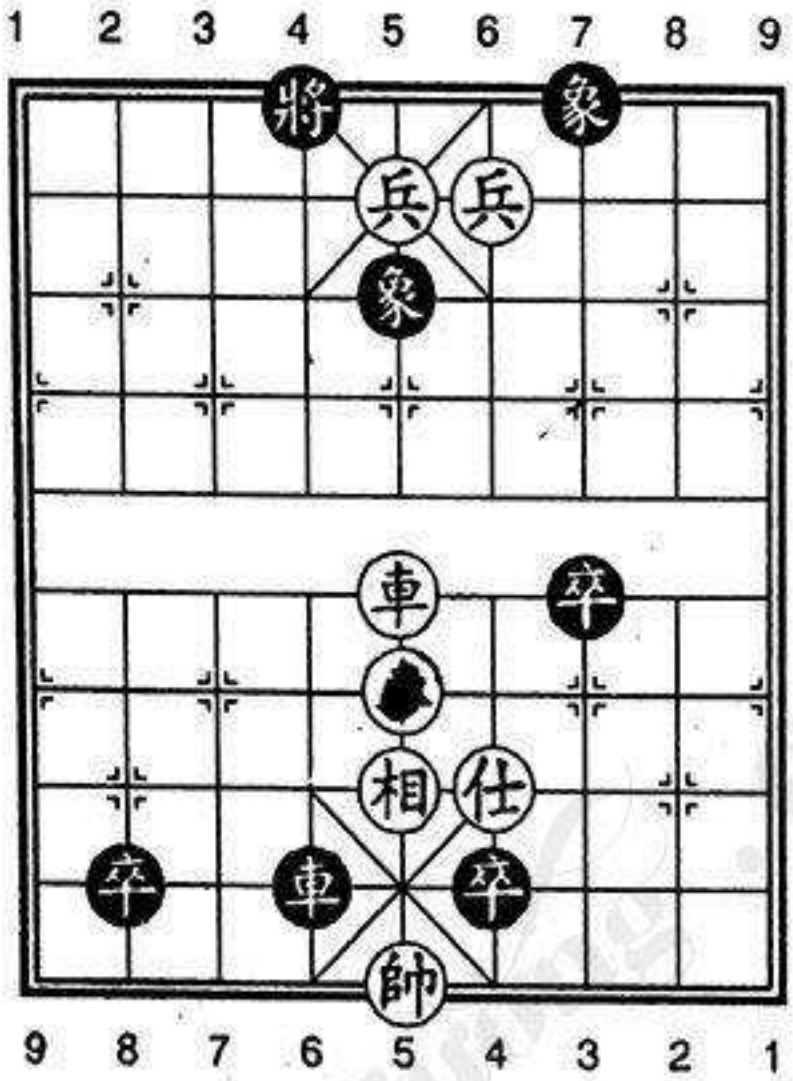

Trắng đi trước hòa

THẾ 92

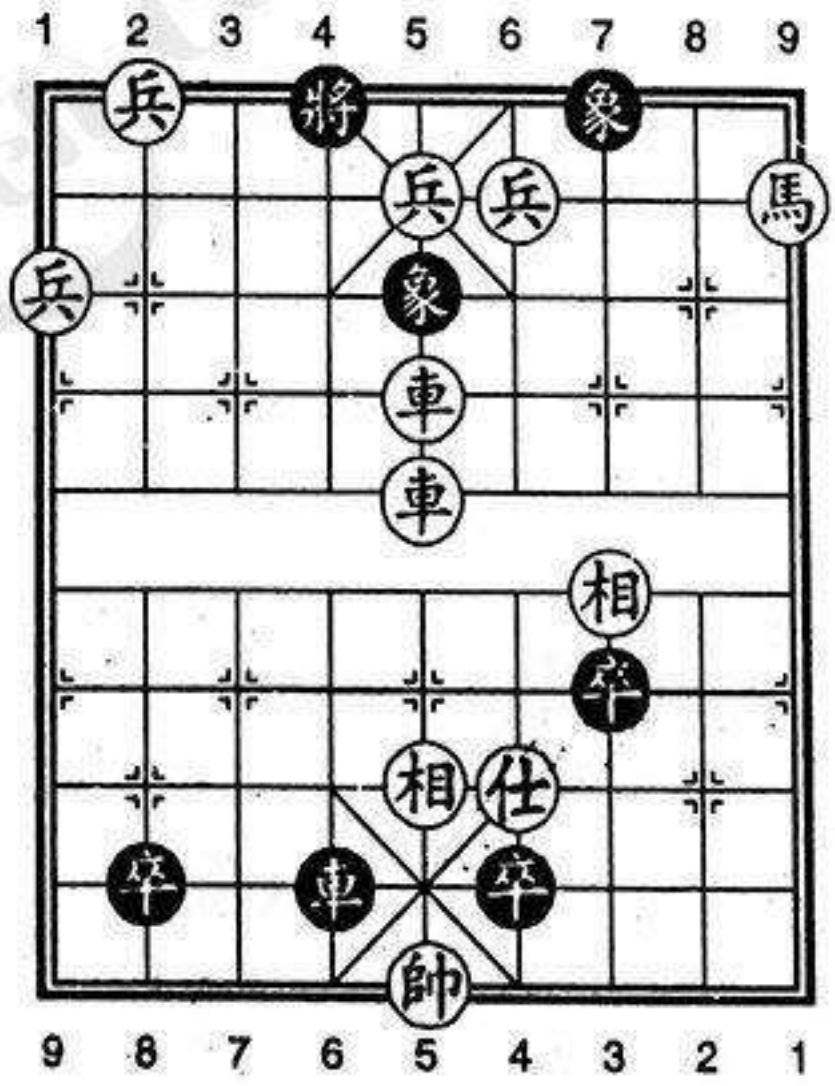

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 93

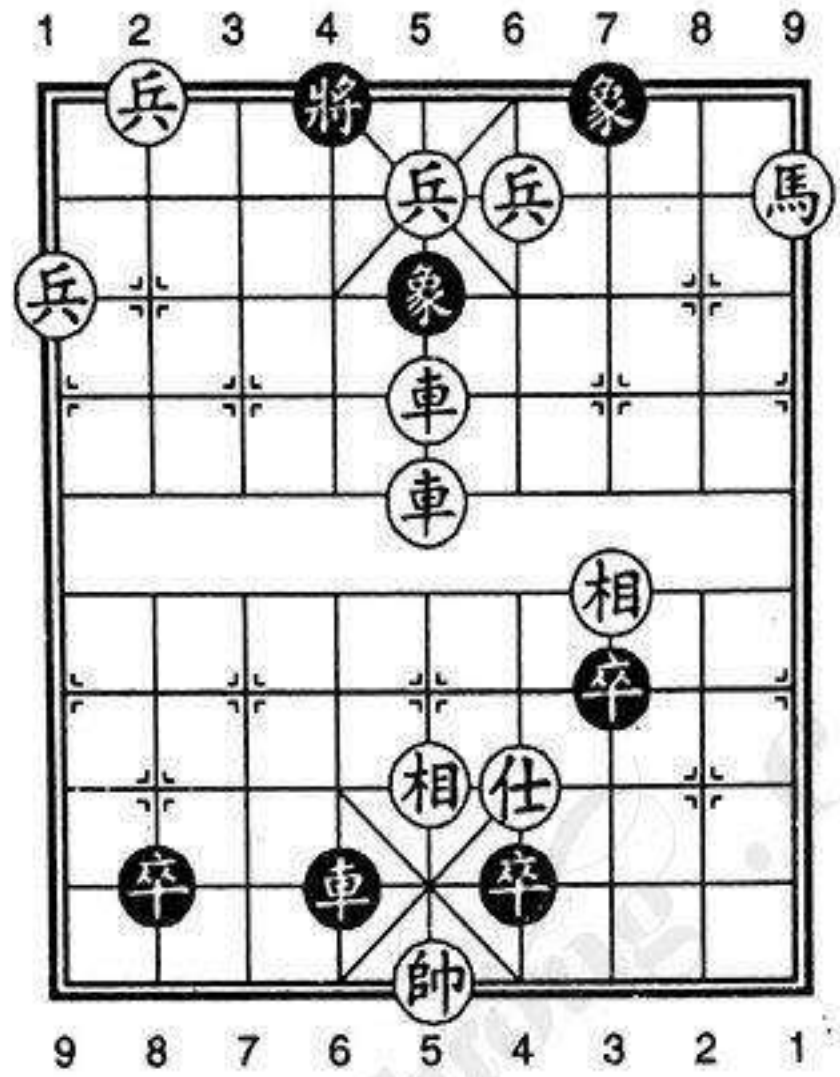

Trắng đi trước hòa

THẾ 94

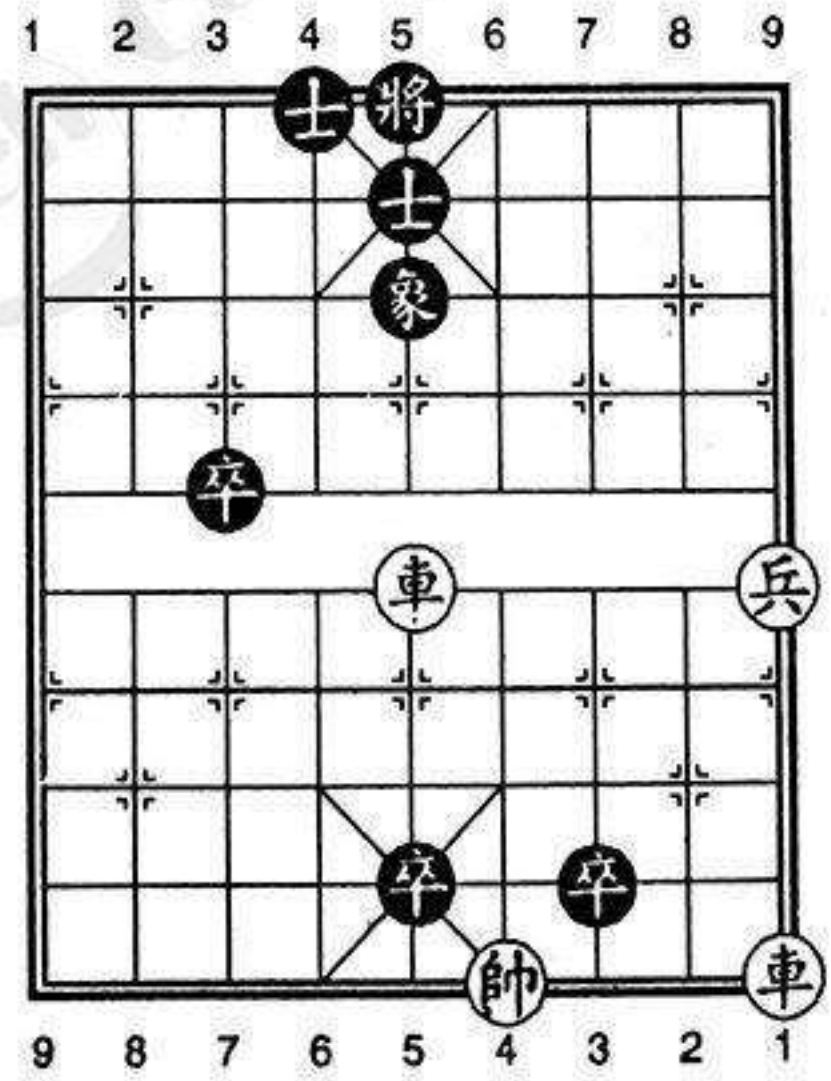

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 95

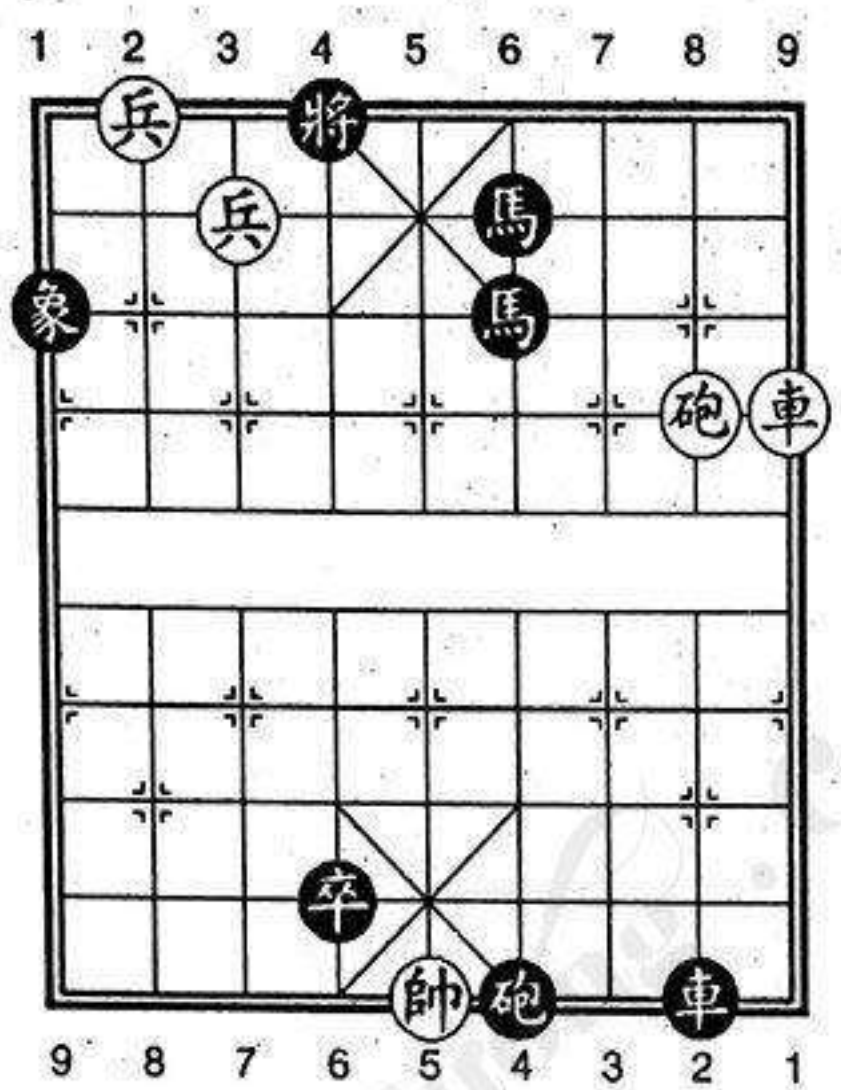

Trắng đi trước hòa

THẾ 96

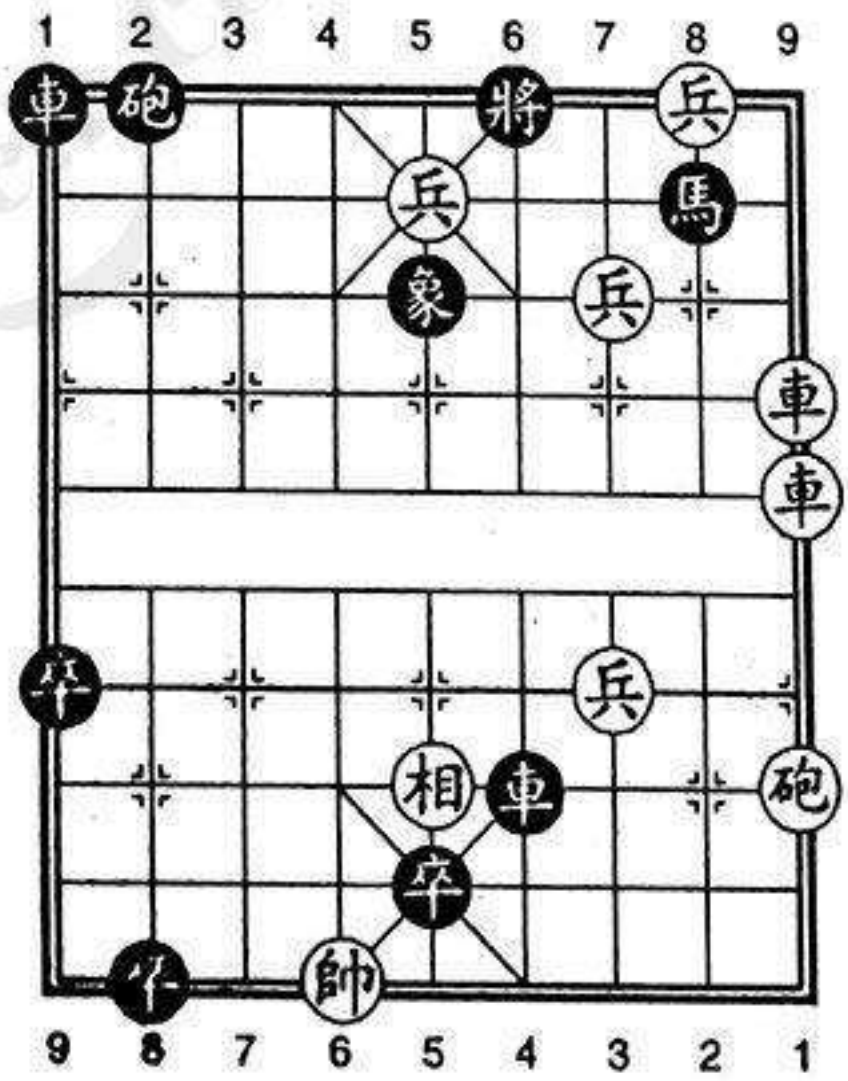

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 97

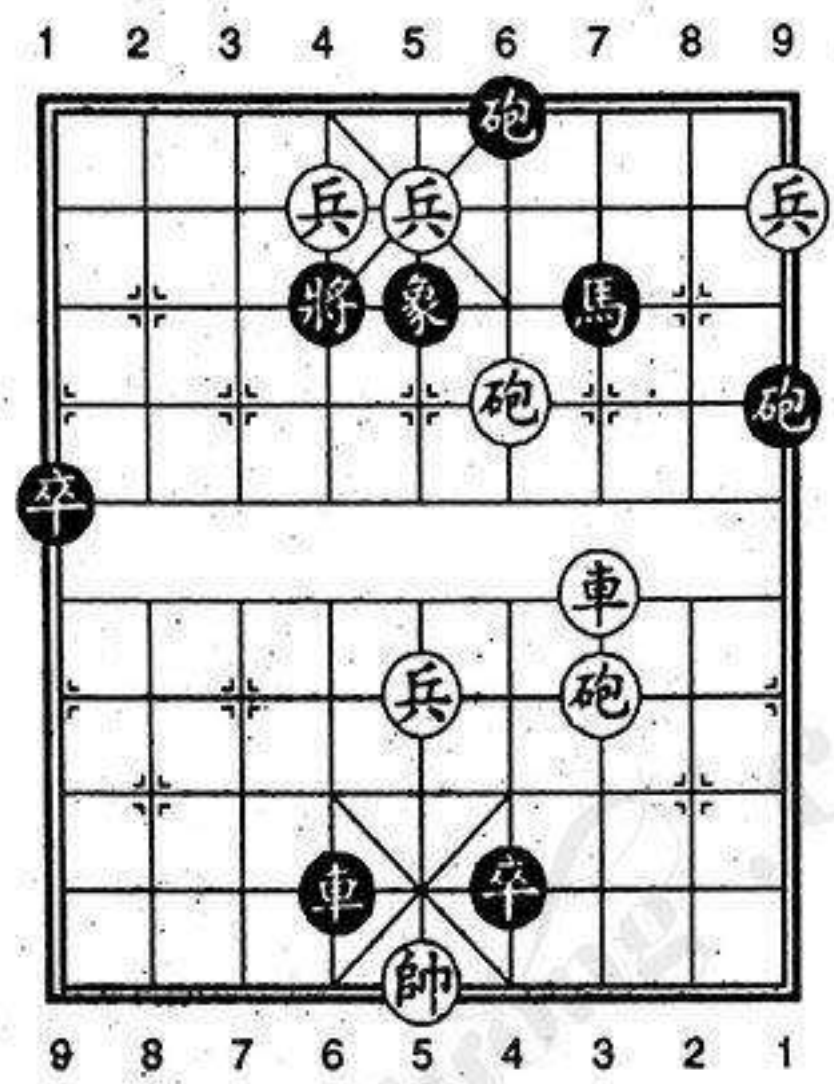

Trắng đi trước hòa

THẾ 98

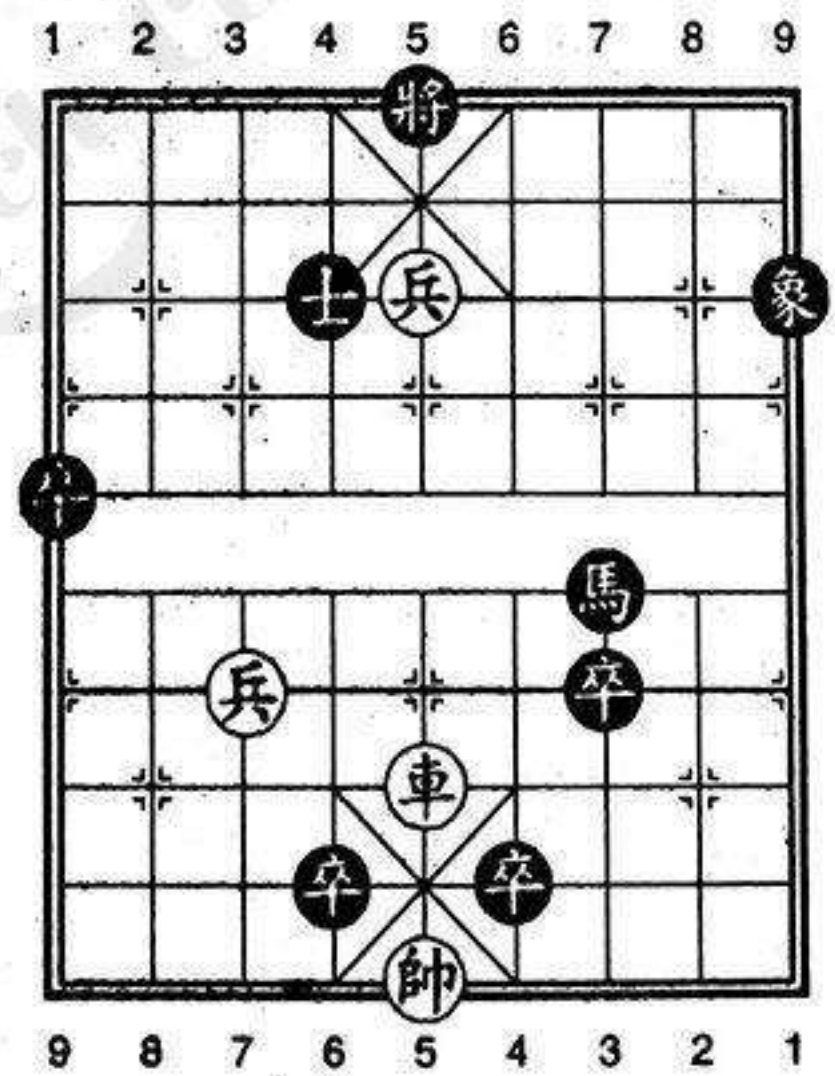

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 99

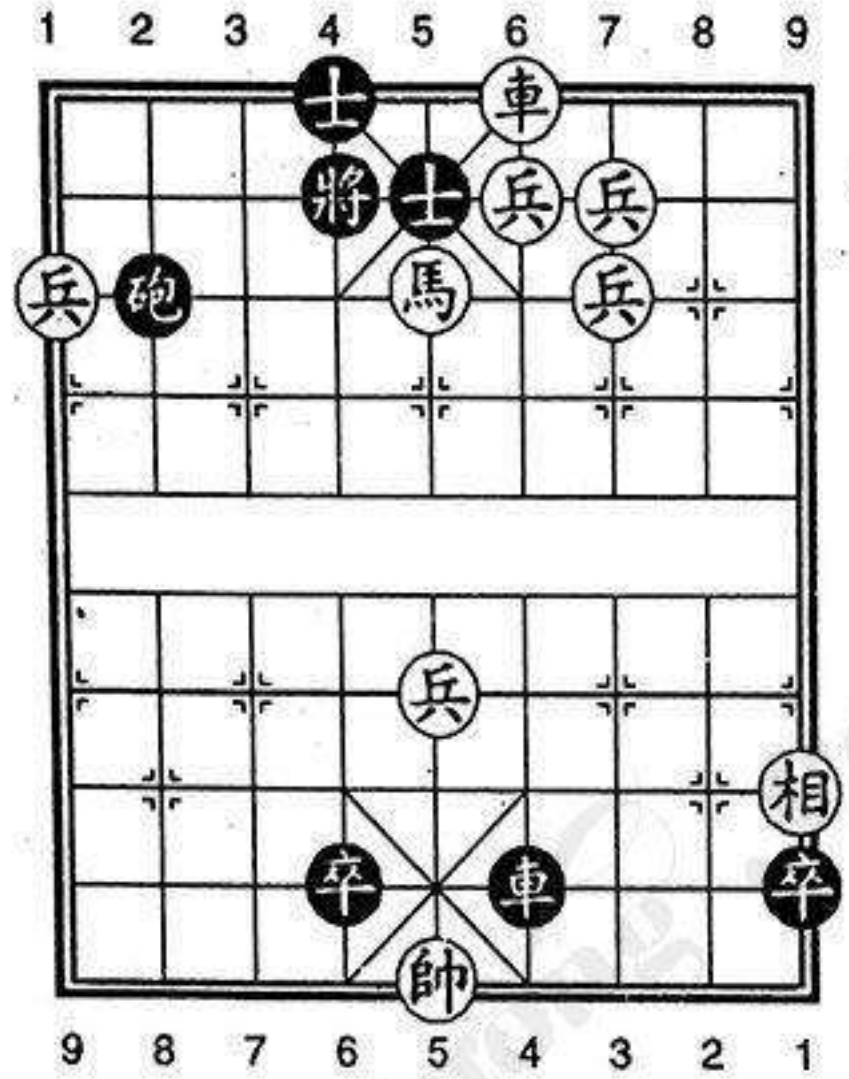

Trắng đi trước hòa

THẾ 100

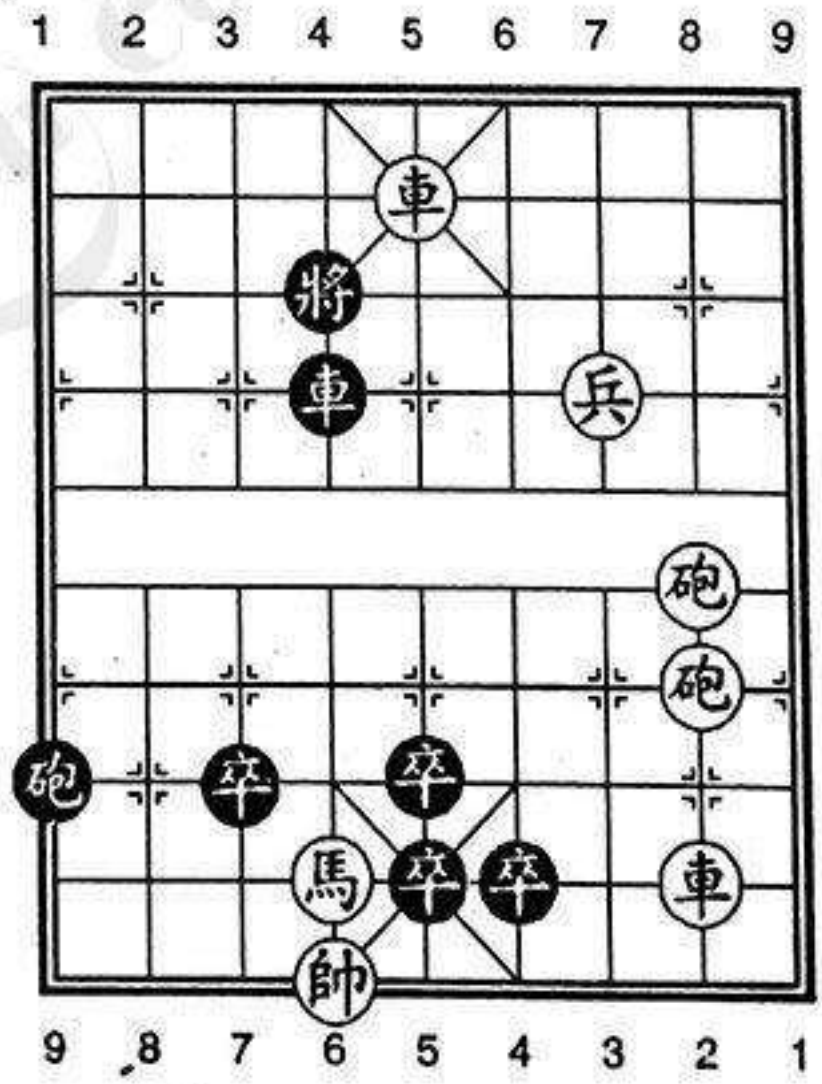

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 101

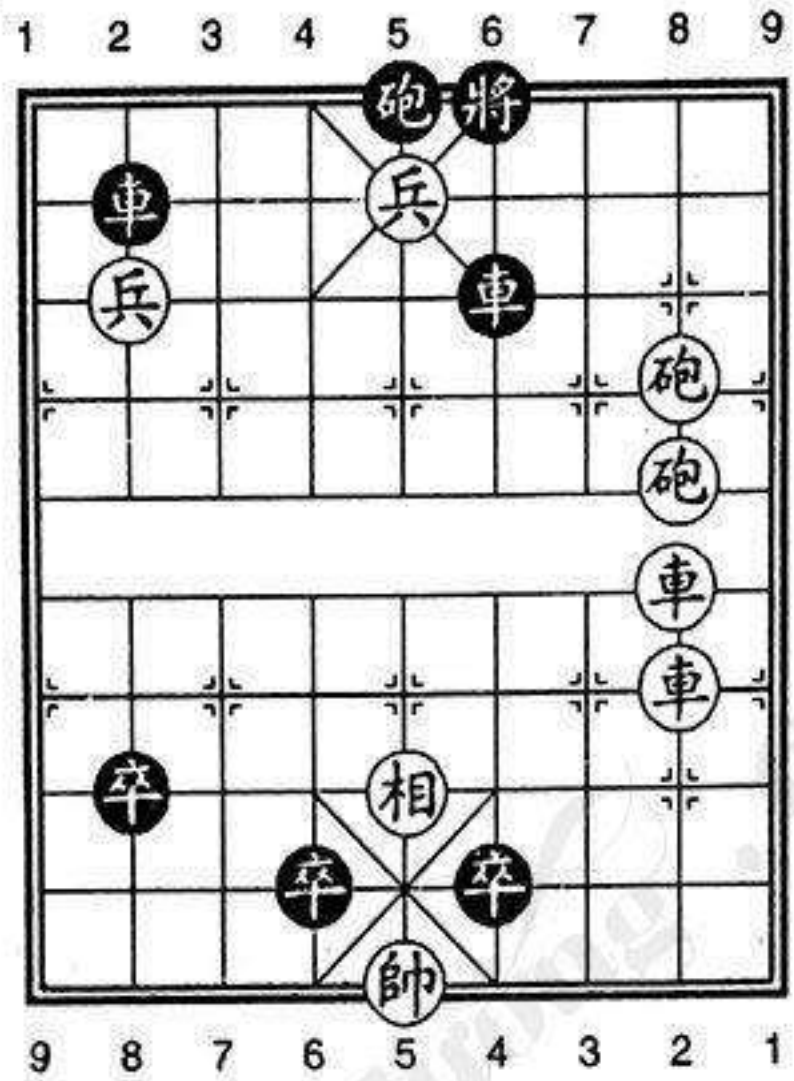

Trắng đi trước hòa

THẾ 102

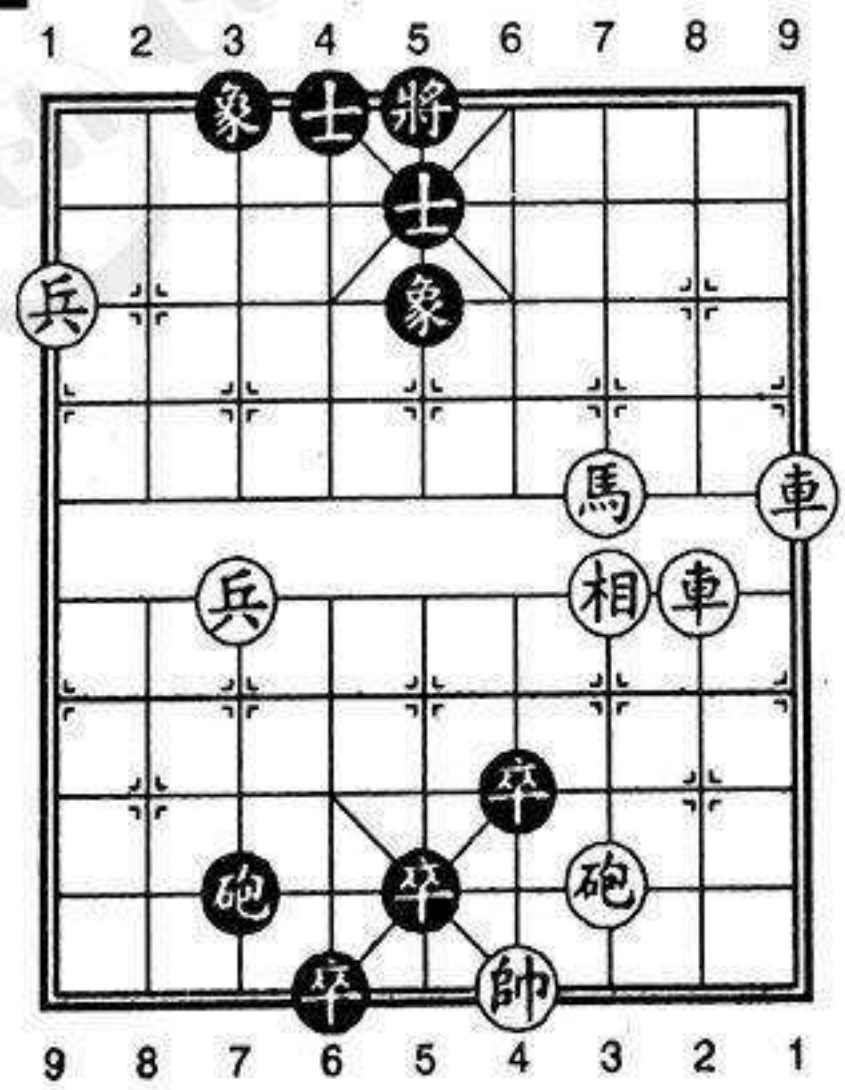

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 103

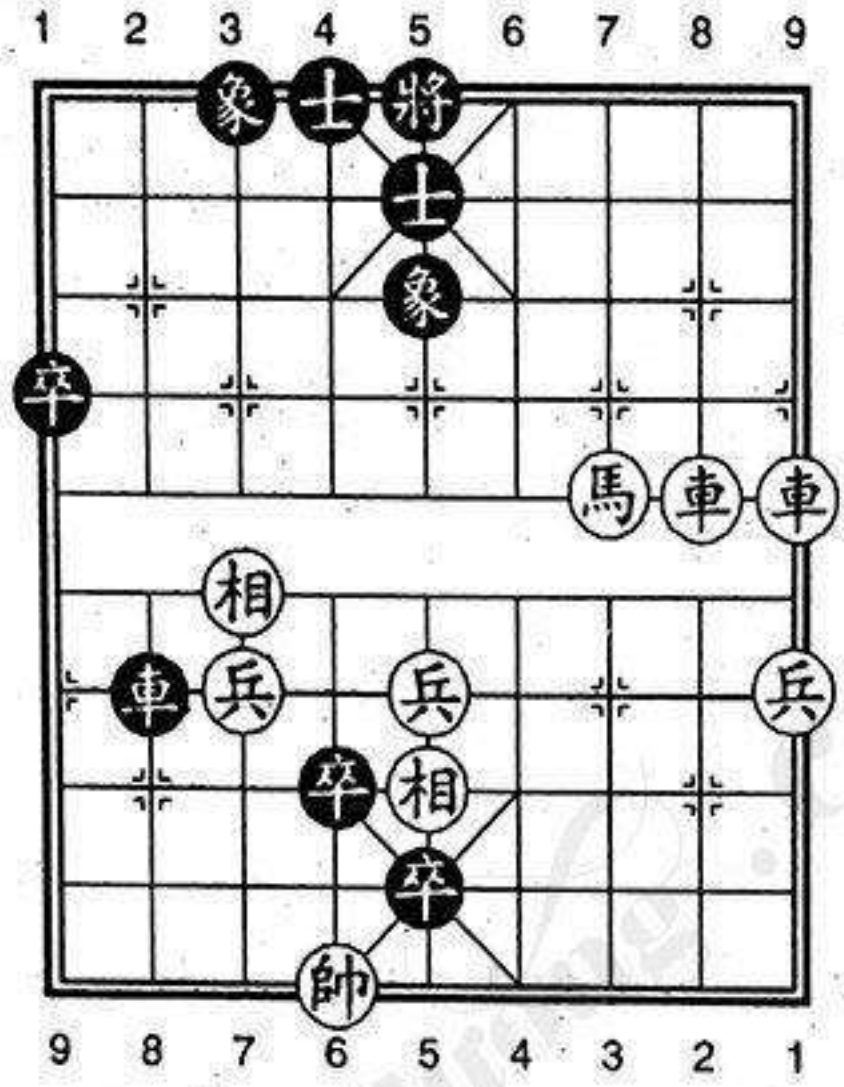

Trắng đi trước hòa

THẾ 104

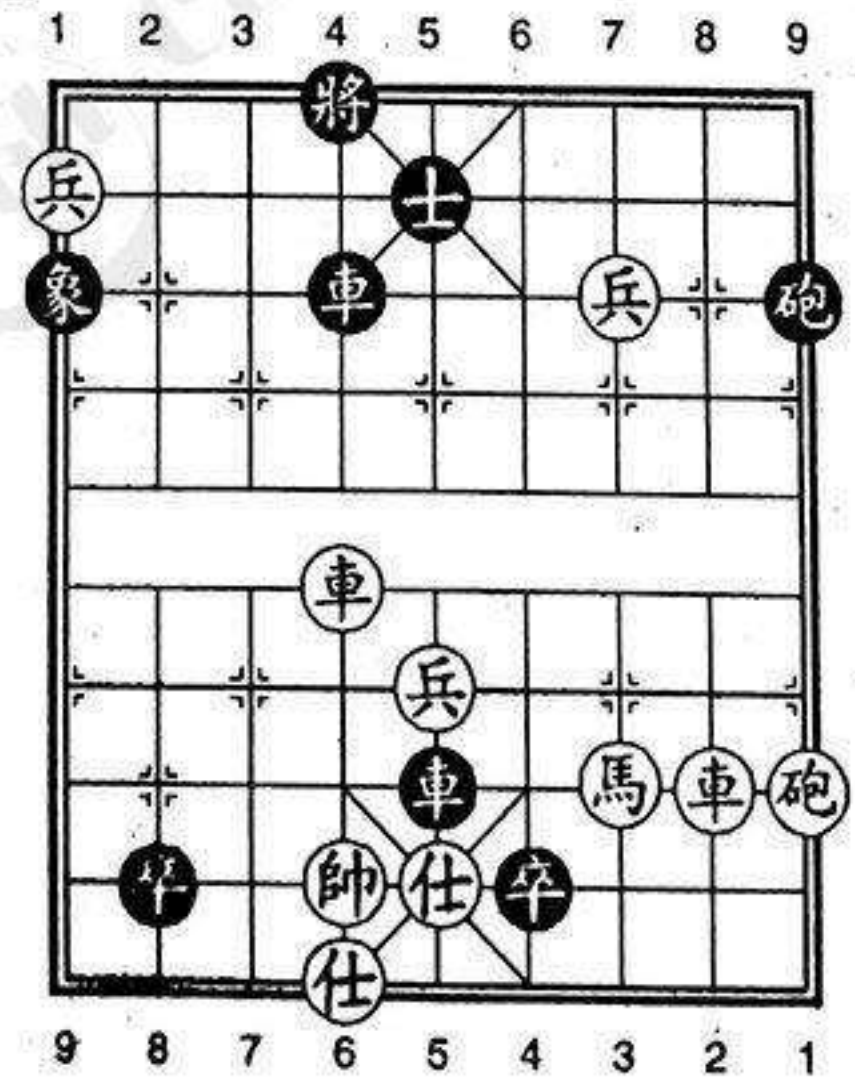

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 105

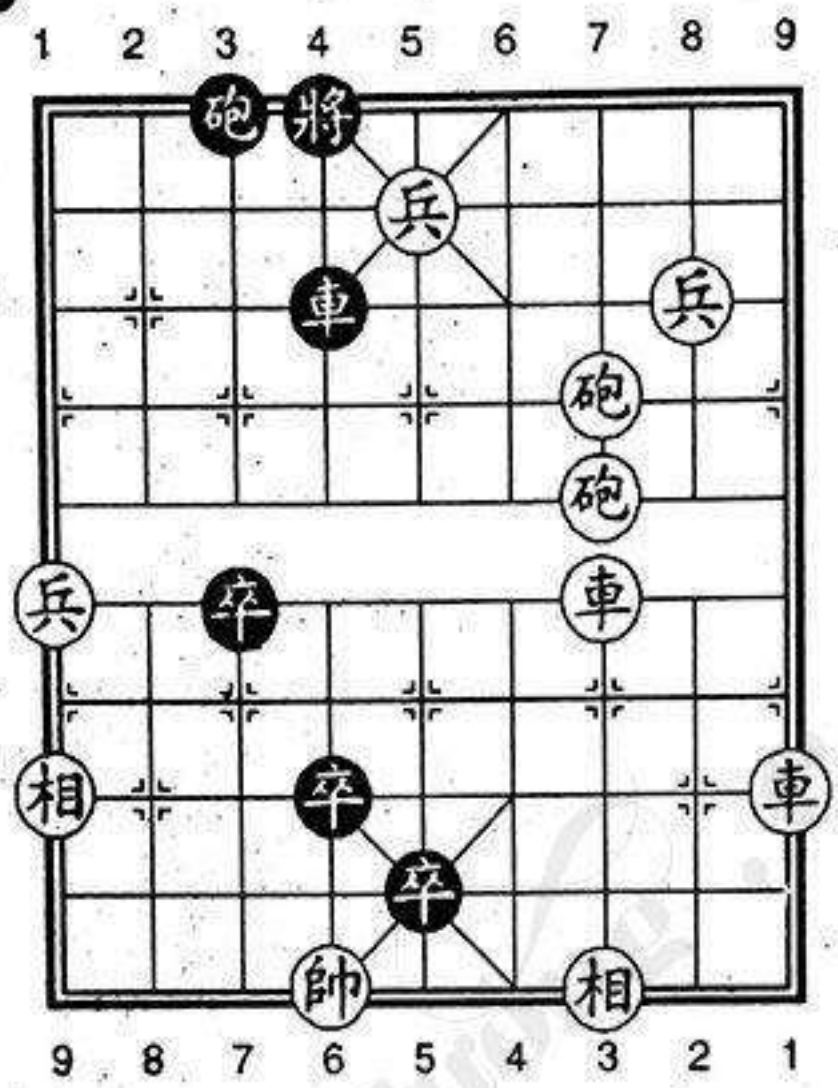

Trắng đi trước hòa

THẾ 106

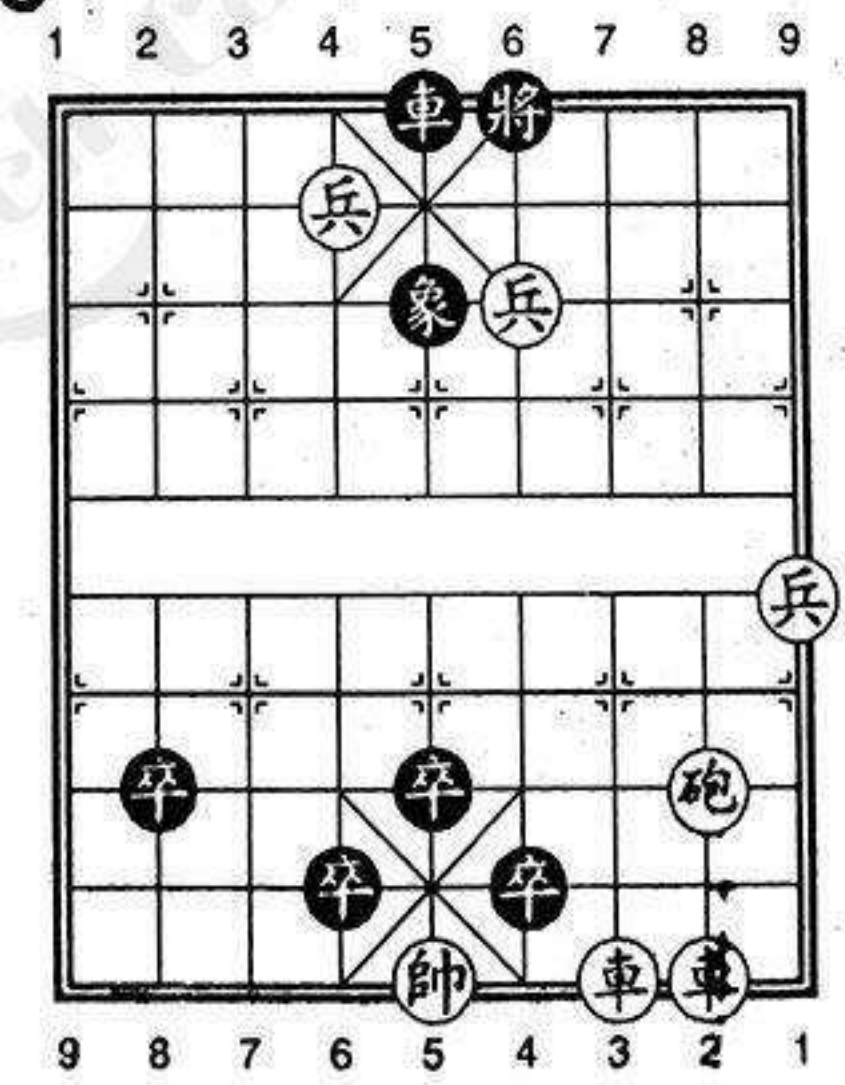

Trắng đi trước hòa

Sách Cờ Tướng.com

BÀI GIẢI CÁC THẾ CỜ

THẾ 1: TRẮNG HÒA

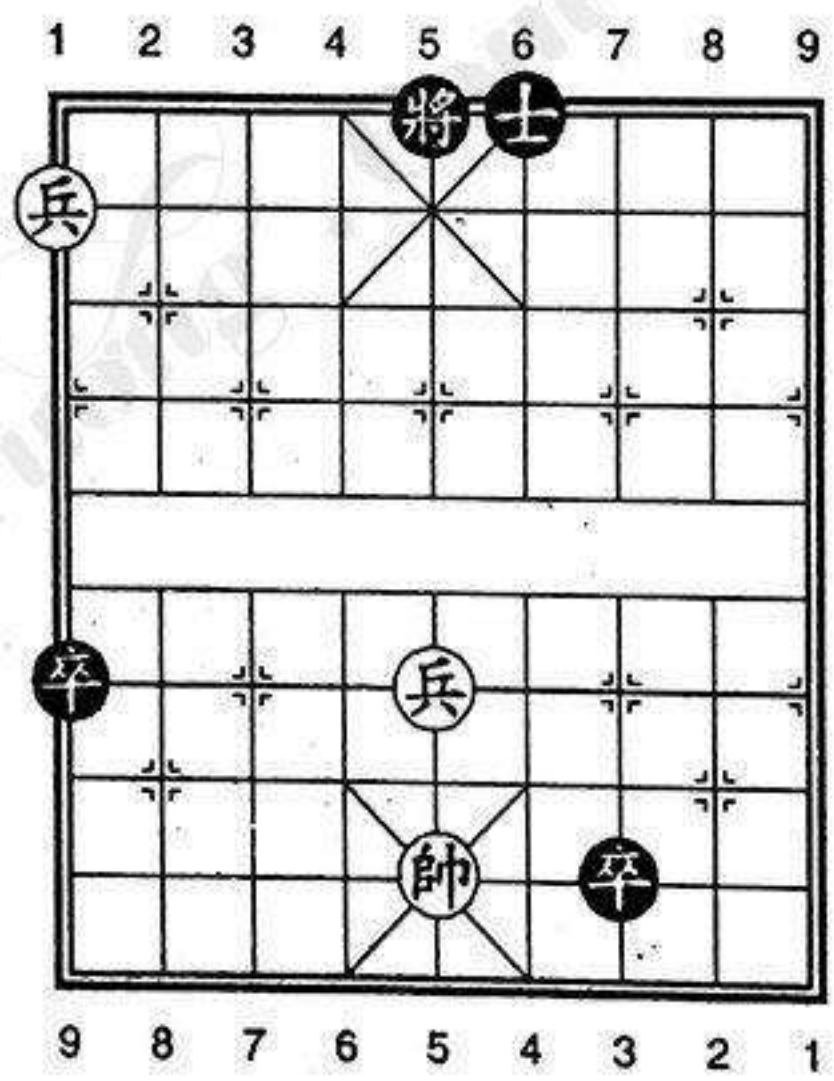

1. 車1.4 象5/7
2. 車1–3 士5/6
3. 馬3.4 將5.1
4. 馬4/6 將5–4
5. 車2.3 士4.5
6. 馬6.4 將4.1
7. 馬4/5 將4/1
8. 馬5.7 將4/1
9. 車3–4 士5/6
10. 馬7.8 車2/7
11. 兵8–7 將4–5
12. 車2–8 卒6–5
13. 帥5–4 卒4.1
14. 兵7–6 將5–4
15. 車8/8 卒9–8
16. 車8–6 將4–5
17. 車6–5 卒5.1
18. 帥4–5 卒8–7
19. 帥5.1

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 2: TRẮNG HÒA

1. 兵5–6	將4–5
2. 兵4–5	將5–6
3. 車2–4	馬5.6
4. 炮2–4	馬6/8
5. 炮4/2	馬8/6
6. 馬7.8	炮6/1
7. 馬s/6	卒6/1
8. 馬6.4	炮6.2
9. 帥5.1	炮5/6
10. 兵6–5	馬6/5
11. 帥5–4	馬7/8

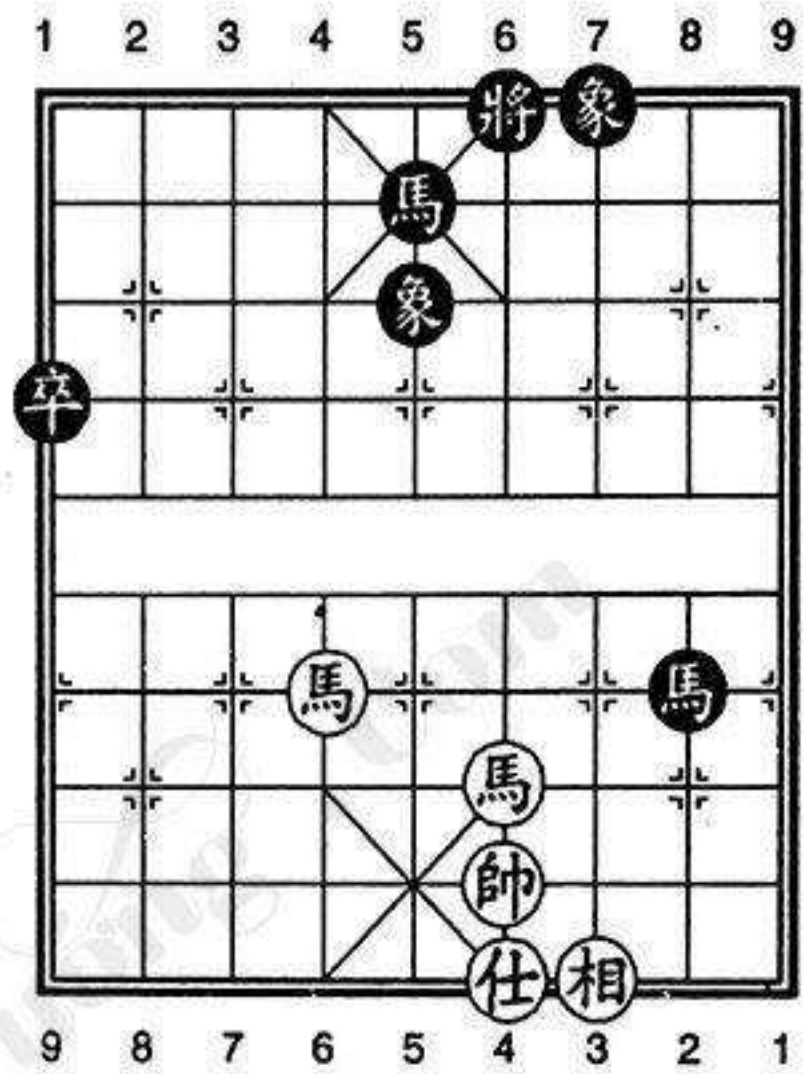

12. 馬8/6

THẾ 3: TRẮNG THẮNG

1. 車2–5	卒5–4
2. 車5.7	卒4.1
3. 炮2.8	士6/5
4. 車5–6	卒4/1
5. 兵4.1	

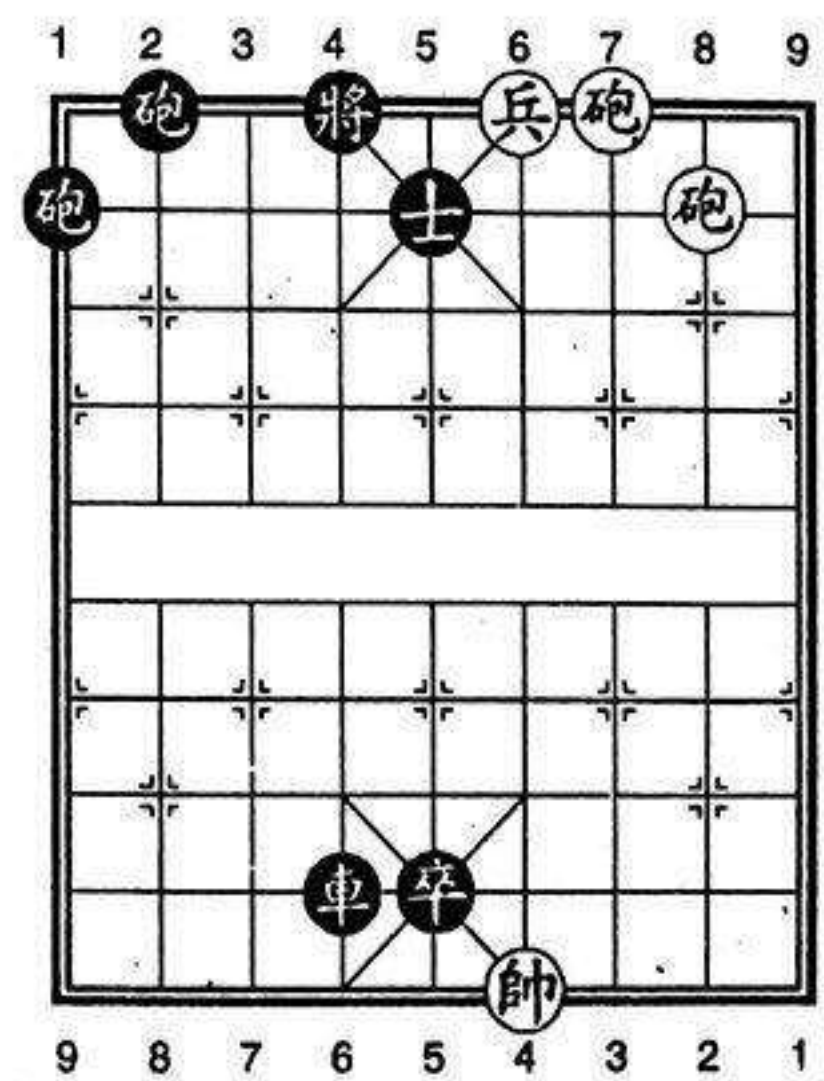

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 4: TRẮNG HÒA

1.	車t.1	炮5/1
2.	車t.1	炮5.1
3.	車s.2	炮5.1
4.	車s–8	卒5–4
5.	車6–5	炮5–6
6.	車8/7	車5–2
7.	帥6–5	炮6/1
8.	車5/1	炮6/1
9.	車5/6	車2–6
10.	炮9–2	車6/2
11.	車5.7	卒6.1
12.	炮2.1	車6–5
13.	車5/6	卒4–5

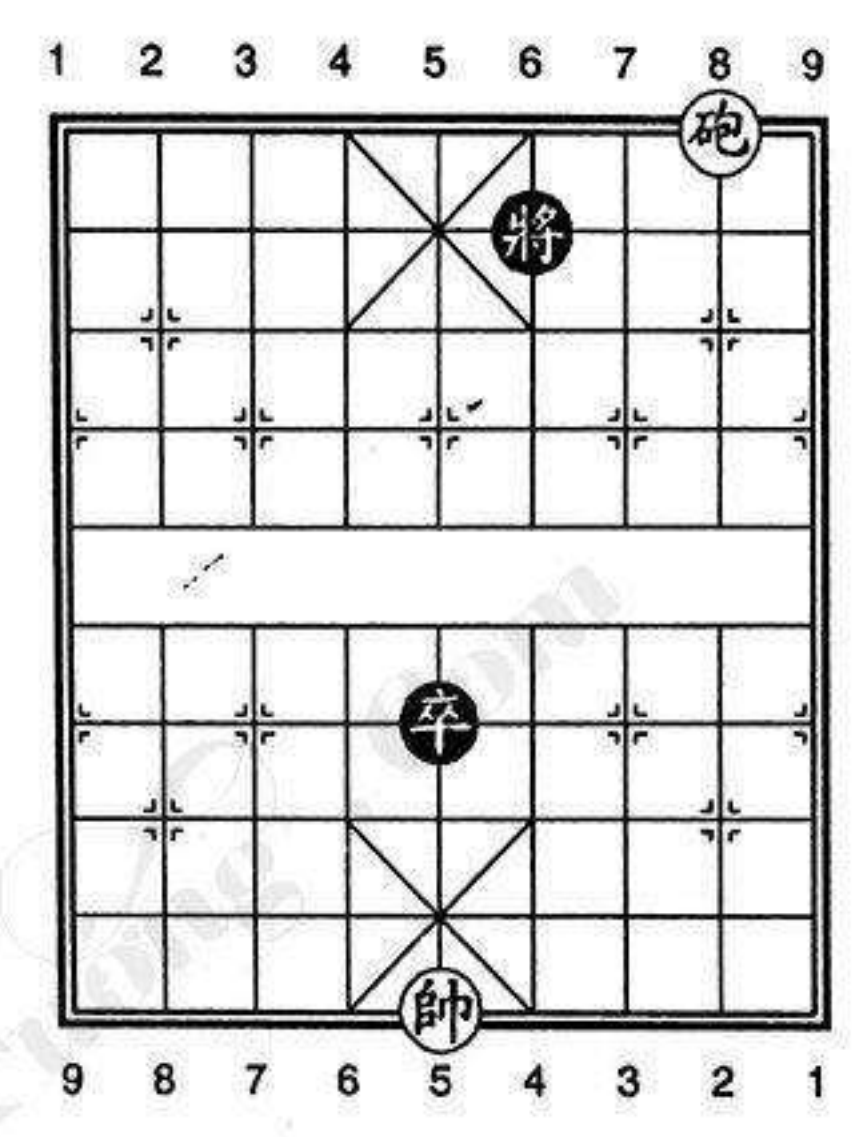

THẾ 5: TRẮNG HÒA

1.	車5.1	將4–5
2.	仕6/5	炮3–5
3.	兵t–5	炮5–4
4.	兵s–6	炮5/8
5.	兵4.1	馬7/5
6.	帥4/1	馬5/6
7.	兵4–5	馬6/4

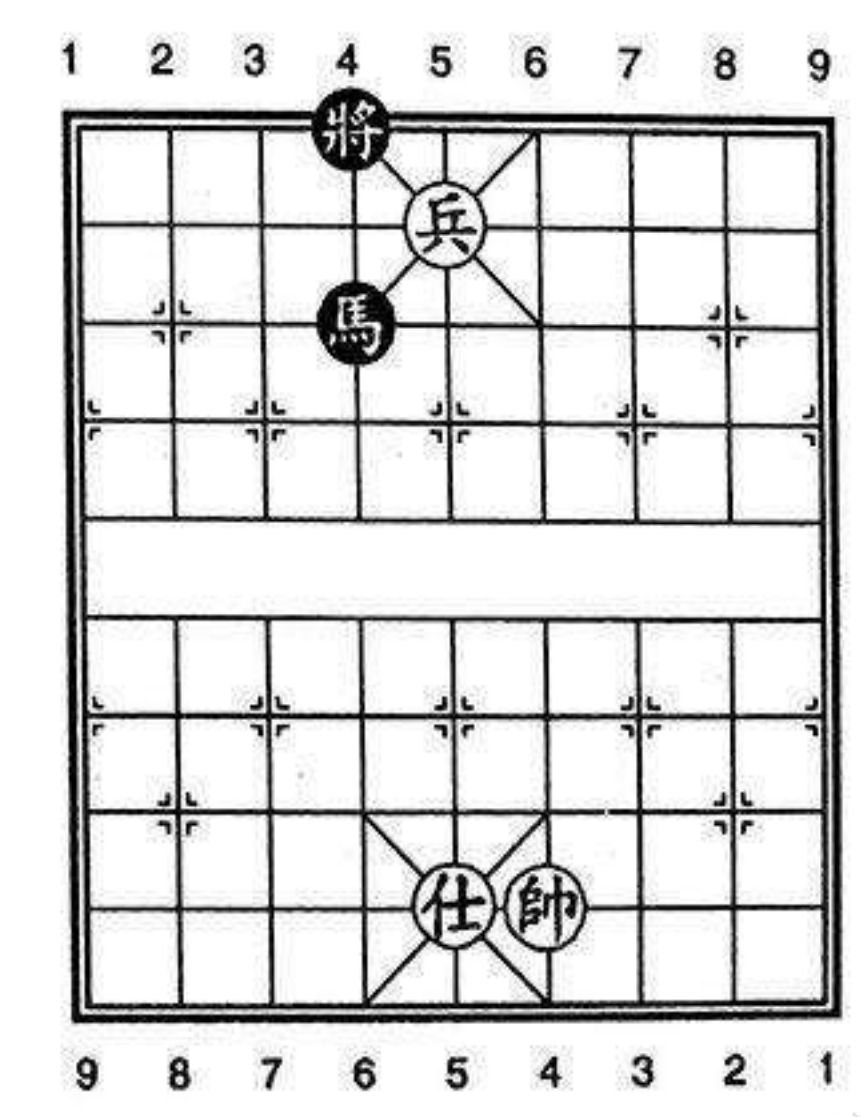

Sách Cờ Tướng.Com

THẾ 6: TRẮNG HÒA

1. 車s–4	車5–6
2. 仕6.5	象5/7
3. 兵5.1	卒6.1
4. 仕5.4	車6/1
5. 車1–5	卒1–2
6. 仕6/5	車6.1
7. 炮1–4	車6–5
8. 車5/2	卒4–5
9. 帥5.1	

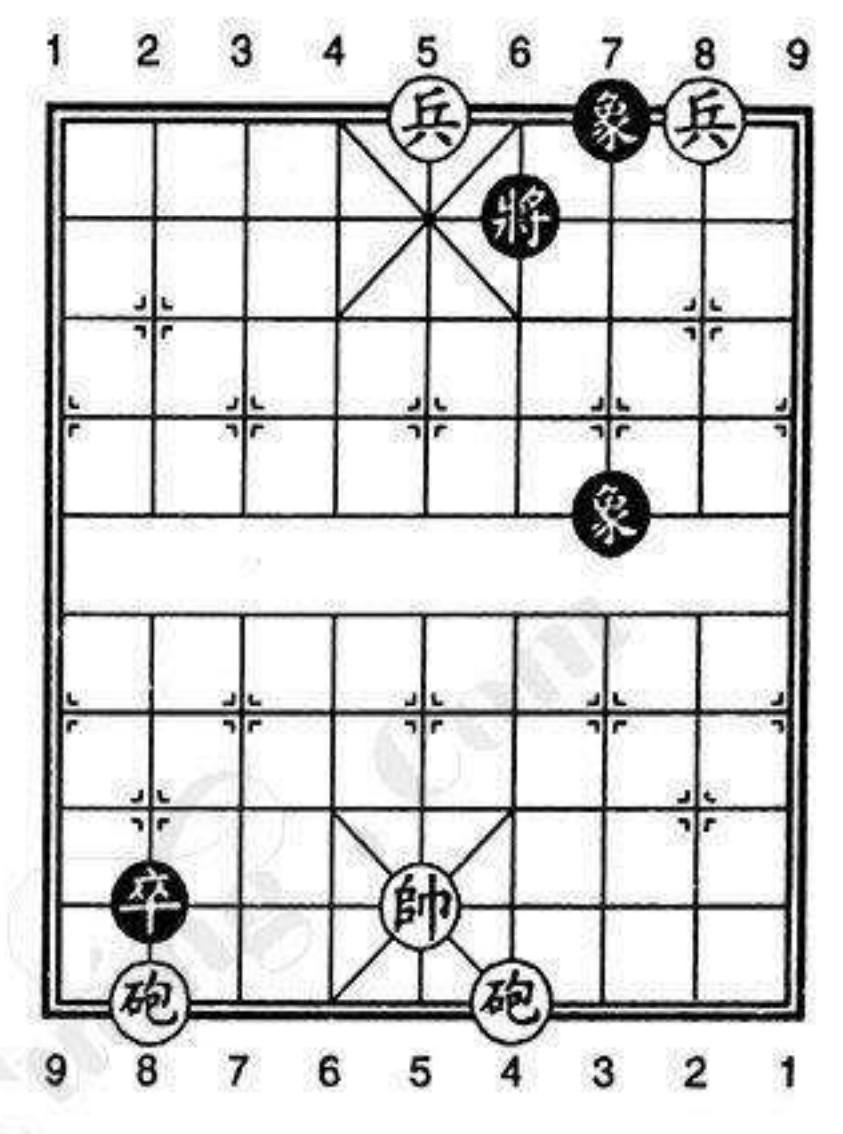

THẾ 7: TRẮNG HÒA

1. 車s–4	卒6–5
2. 車1.3	象5/7
3. 車1–3	士5/6
4. 車4.5	將5.1
5. 車4–5	將5–4
6. 車5–6	將4–5
7. 車3–5	將5–6
8. 車6/1	將6.1
9. 車5–4	將6–5
10. 車6/8	卒s.1
11. 車6.1	卒5–4

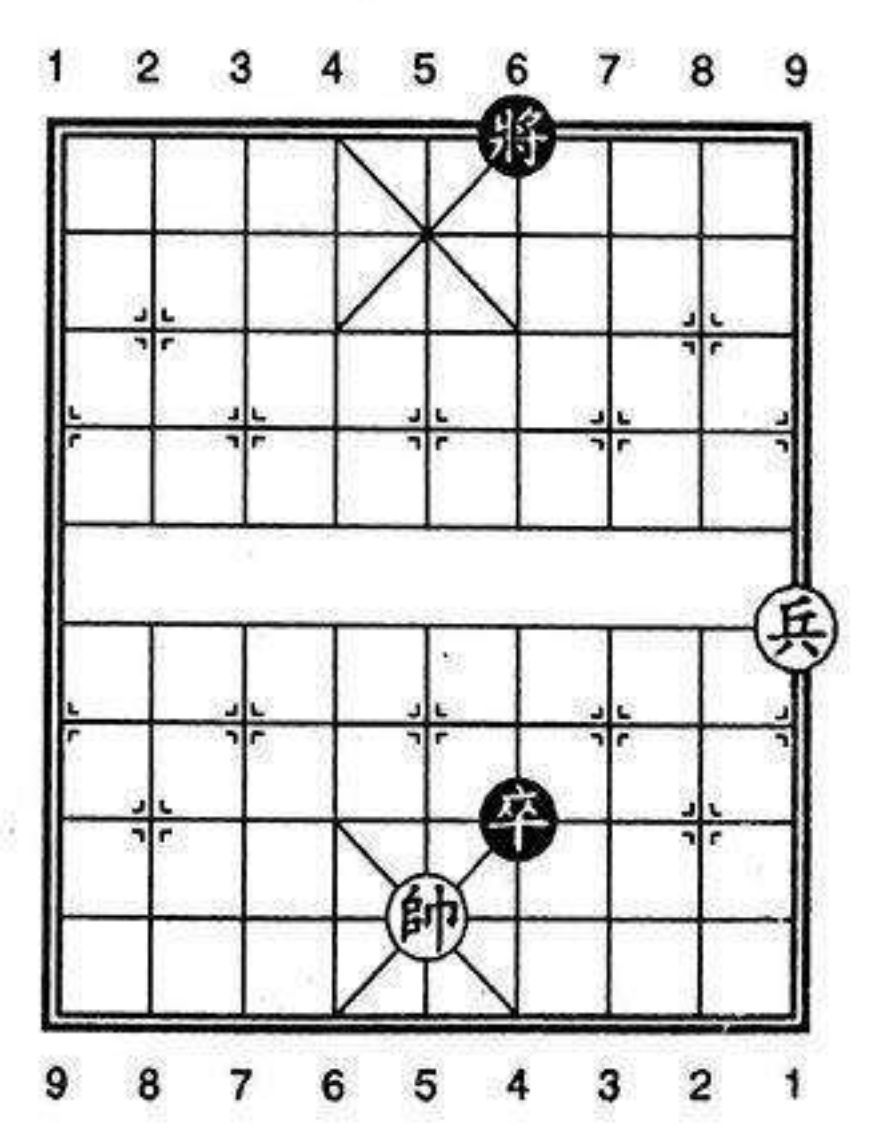

SachCoTuong.com

12. 車4–5 將5–6
13. 帥4–5 將6/1
14. 車5/5 卒5.1
15. 車5/3 卒4–5
16. 帥6.1 將6/1
17. 兵1.1

THẾ 8: TRẮNG HÒA

1. 兵4.1 將5/1
2. 兵4.1 將5/1
3. 車3–5 將5–4
4. 車5.3 將4.1
5. 炮3.4 士4/5
6. 兵4–5 將4.1
7. 車5–8 將4–5
8. 兵5–6 將5–4
9. 兵6–7 將4–5
10. 車8/2 將5/1
11. 車8/2 卒5–6
12. 車8–5 將5–6
13. 車5–4 將6–5
14. 車4/3 車5/2
15. 兵7–6 將5–4

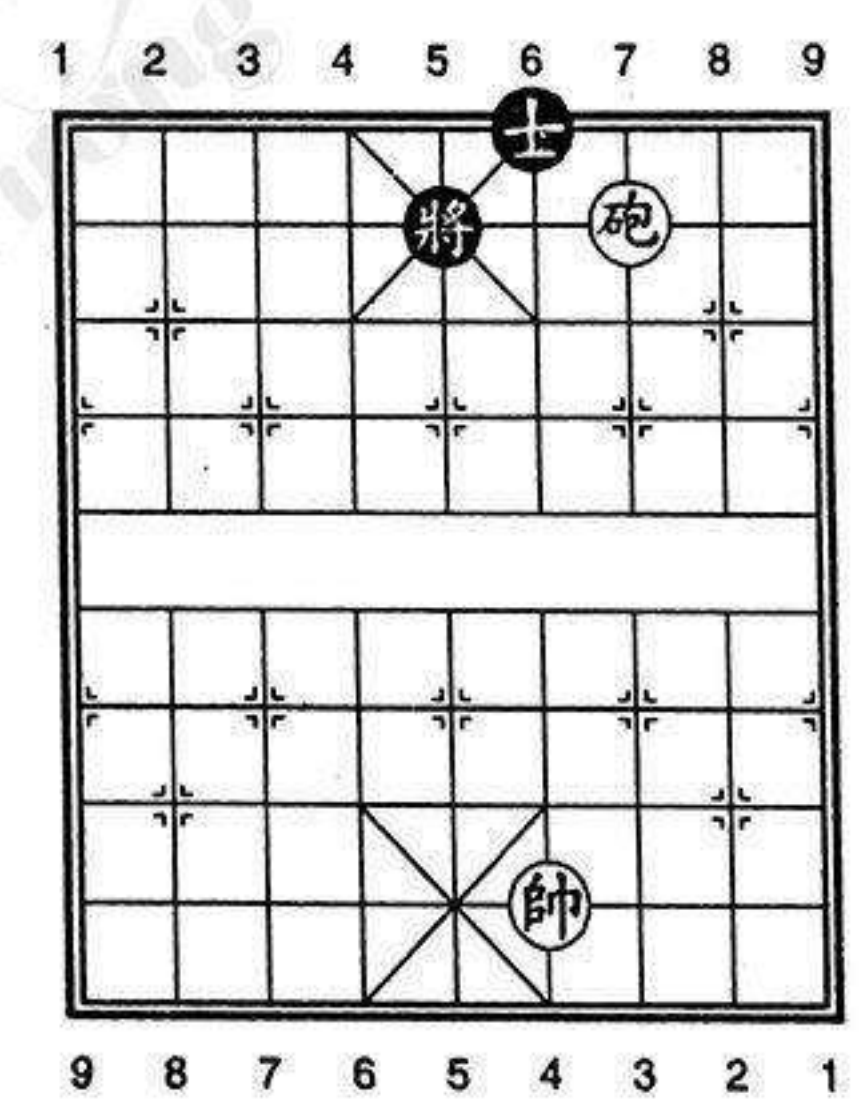

Sách Cờ Tướng .Com

16. 車4–6 將4–5
17. 車6/1 車5–6
18. 車6–4 車6.2
19. 帥4.1

THẾ 9: TRẮNG HÒA

1. 炮3–4 車6–9
2. 馬2/4 車9–6
3. 馬4.5 車6–8
4. 馬5/4 車8–6
5. 馬4.3 車6–7
6. 炮4–9 炮2–1
7. 炮9.5 車7/1
8. 兵9.5 車7–6
9. 馬3.5 車6–5
10. 炮9–5 象7.5
11. 炮5/7 炮1.9
12. 炮5.3 卒2–3
13. 炮5–7 炮1–3
14. 炮7/3 炮3/3

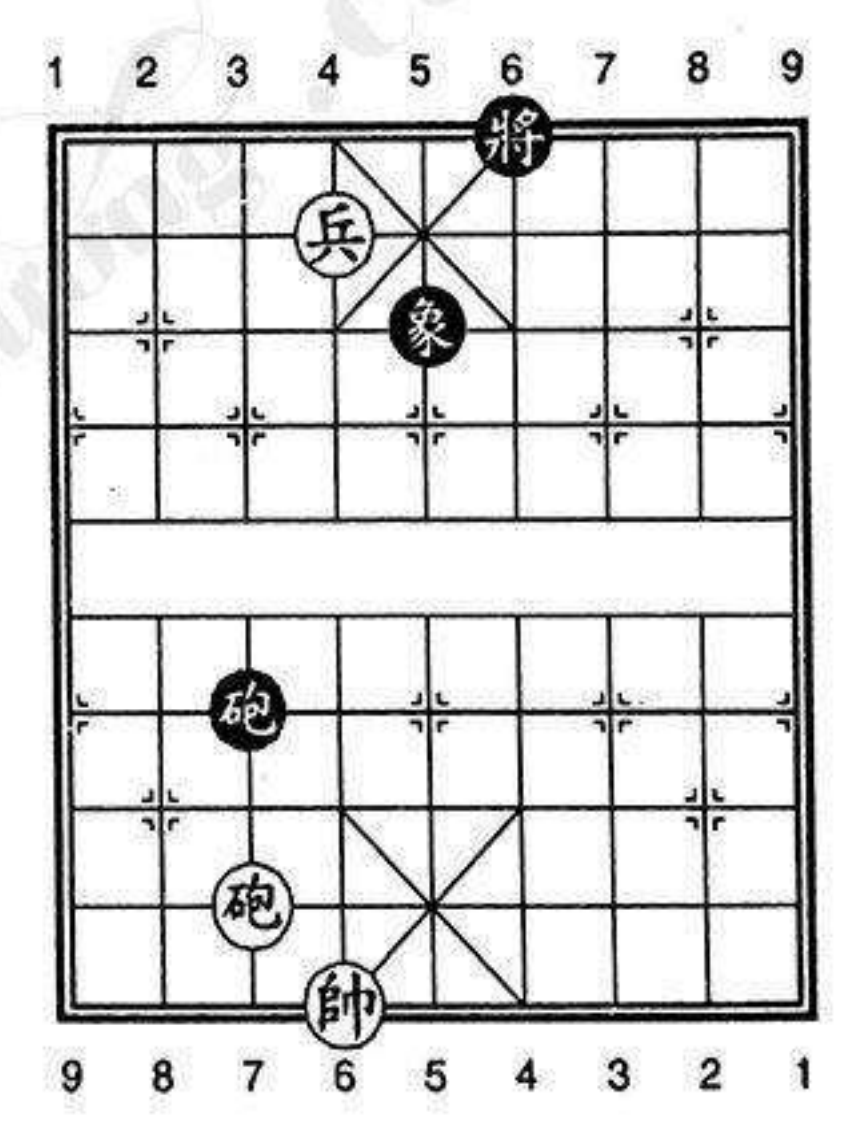

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 10: TRẮNG HÒA

1. 車s–5	卒4–5
2. 兵4–5	將5.1
3. 兵6.1	將5–4
4. 車2–5	車5.1
5. 帥6.1	卒5.1
6. 兵3–4	卒5.1
7. 車5/3	車5/1
8. 帥6–5	馬4/6
9. 炮2–4	炮4–1
10. 兵s–4	炮1.1
11. 兵4–5	炮1–6
12. 兵5.1	將4.1
13. 兵5–4	

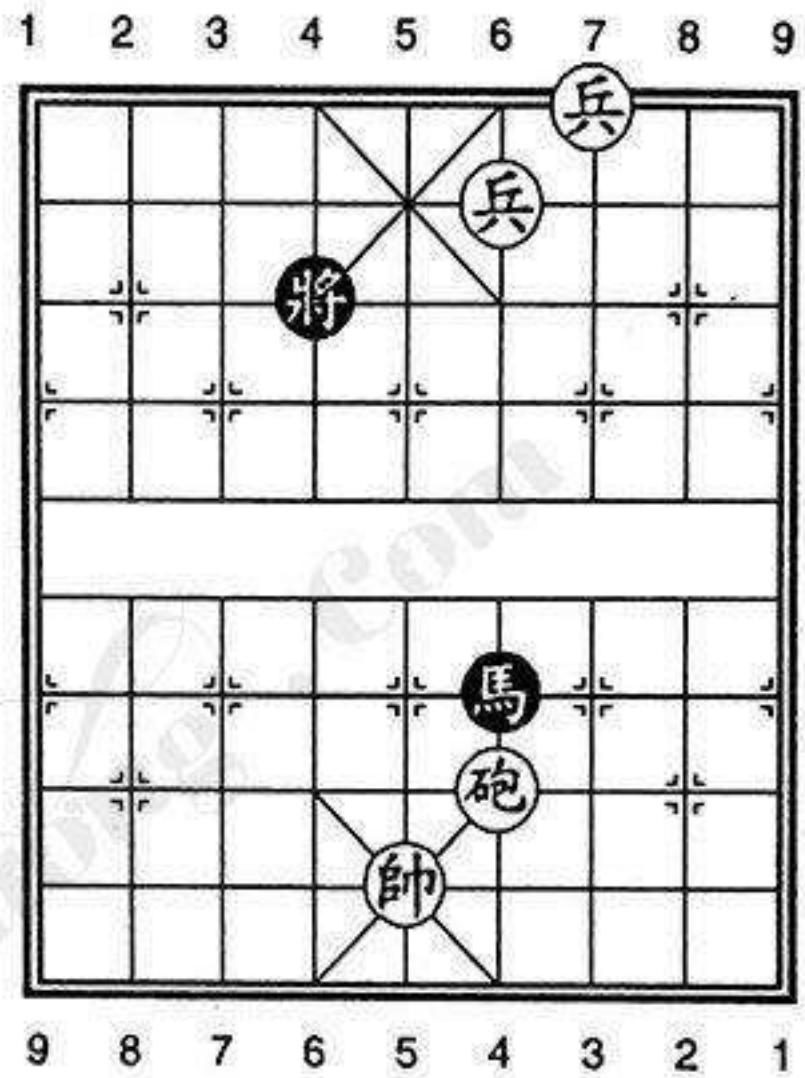

THẾ 11: TRẮNG HÒA

1. 兵t.1	象5/7
2. 兵2–3	將6.1
3. 車t.4	將6.1
4. 車s.4	象7/9
5. 車1/1	將6/1
6. 車1.1	將6.1
7. 兵s.1	將6–5

SachCoTuong.com

8. 炮1.5	車6/6
9. 炮1–4	將5–4
10. 炮4.2	卒4.1
11. 帥5.1	馬5/7
12. 車1–5	車5.1
13. 兵6–5	卒5–4
14. 炮4–6	卒4–5
15. 炮6–5	馬7/6
16. 兵3–4	卒3.1
17. 相3.5	卒5–4
18. 相5/7	卒3.1
19. 相7.9	卒3.1
20. 兵4–5	馬6/5
21. 炮5/2	卒s–5
22. 炮5/2	

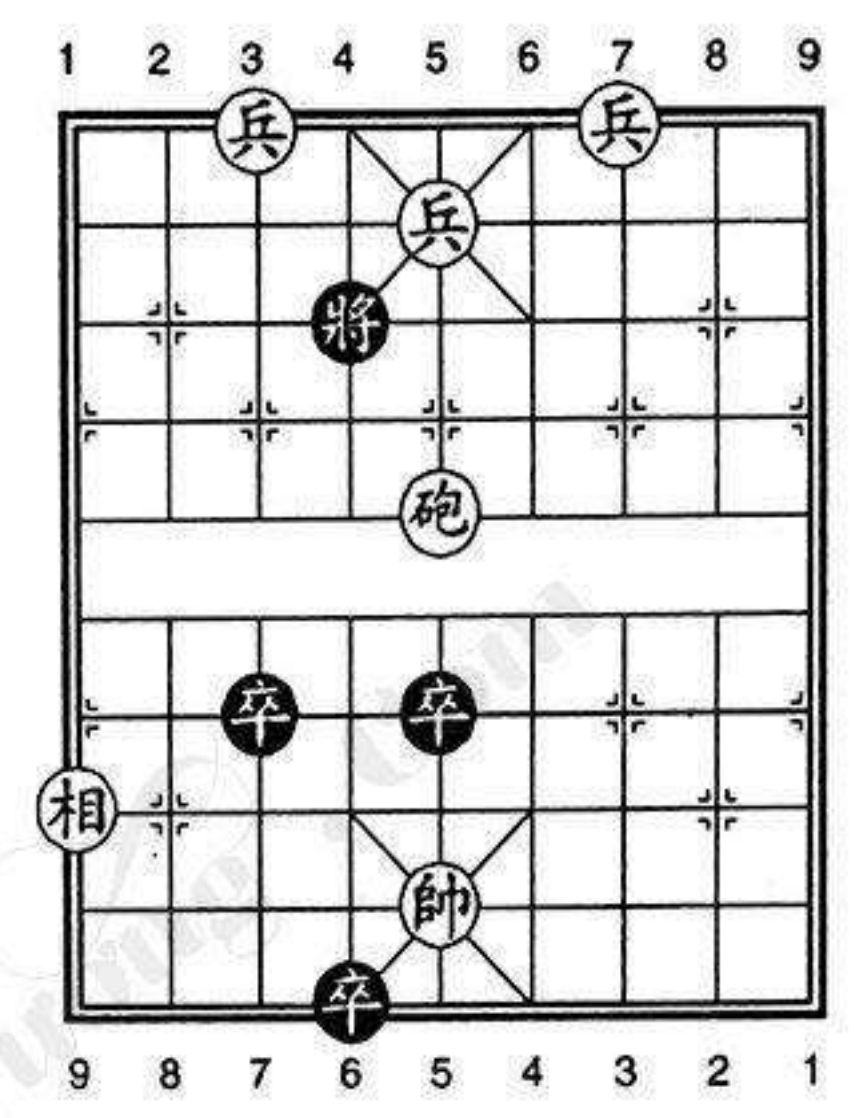

THẾ 12: TRẮNG HÒA

1. 炮s–4	車6/1
2. 炮1–4	馬5/6
3. 兵4.1	將6.1
4. 兵3.1	將6/1
5. 兵3–4	將6.1
6. 兵6–5	車5.1

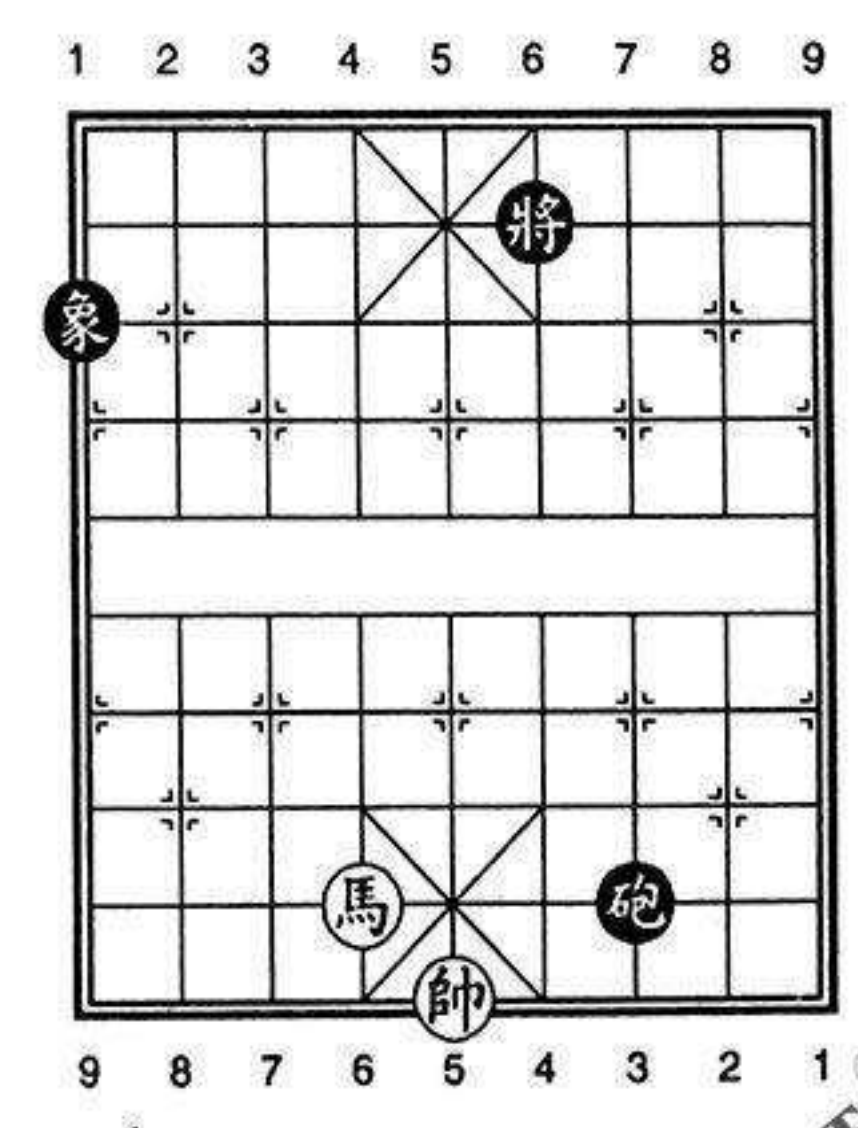

Sách Cờ Tướng .Com

7. 車3.8 將6/1
8. 車1.9 象5/7
9. 車3–5 車6–5
10. 車5/6 馬6.5
11. 車1–3 卒6.1
12. 馬9/7 馬5.7
13. 車3/8 炮2–7
14. 馬7/6

THẾ 13: TRẮNG HÒA

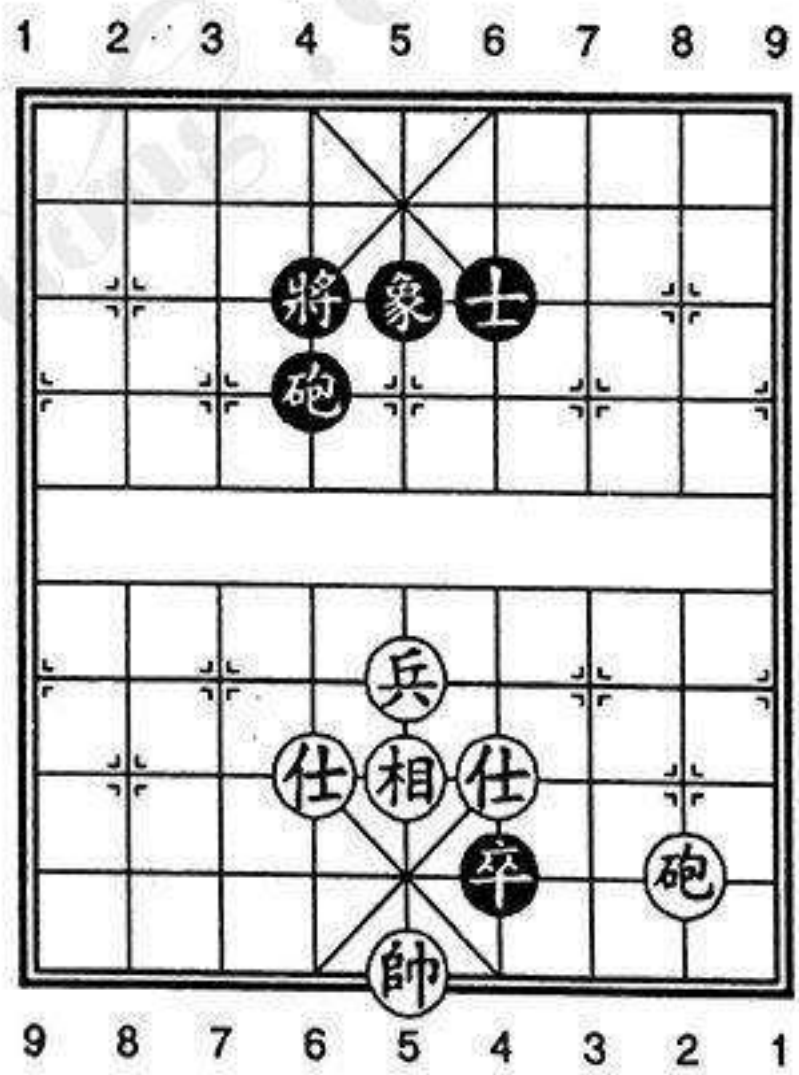

1. 兵4–5 將5–4
2. 車4.2 士5.6
3. 車5/2 象7/5
4. 兵5–6 炮4.2
5. 炮2–6 將4.2
6. 炮6/4 將5–4
7. 炮6–2

THẾ 14: TRẮNG HÒA

1. 車9–2 卒t–6
2. 帥4.1 卒7–6
3. 帥4/1 士5/6
4. 車2.3 士4/5

Sách Cờ Tướng .Com

5. 兵4.1	將5–4
6. 兵3–4	卒5.1
7. 兵4–5	將4.1
8. 車2/8	象5.7
9. 兵8–7	卒5–6
10. 車2–4	卒6.1
11. 帥4.1	士5.6
12. 帥4.1	

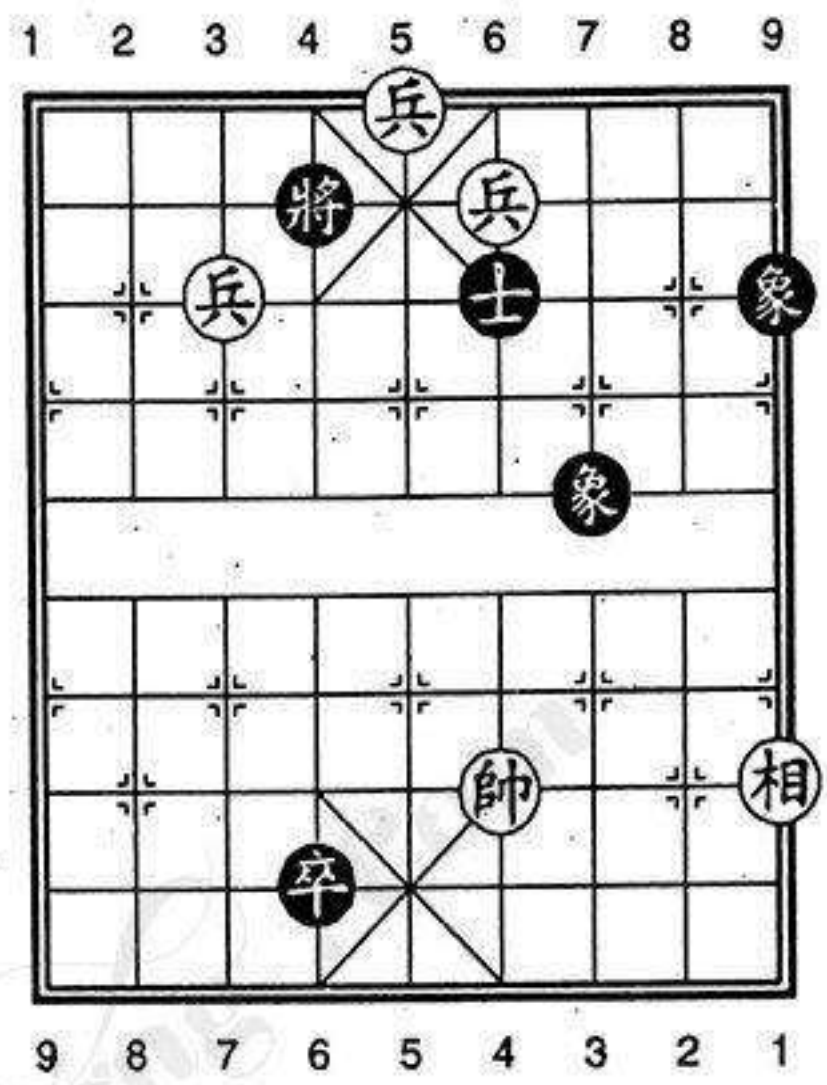

THẾ 15: TRẮNG HÒA

1. 炮s–4	卒t–6
2. 炮1–4	卒5–6
3. 兵4.1	將6.1
4. 兵3–4	將6/1
5. 兵4.1	將6.1
6. 兵6–5	車5.1
7. 車3.8	將6/1
8. 車1.9	象5/7
9. 車3–5	車6–5
10. 車5/7	卒4–5
11. 帥5.1	卒6–5
12. 車1–3	將6.1

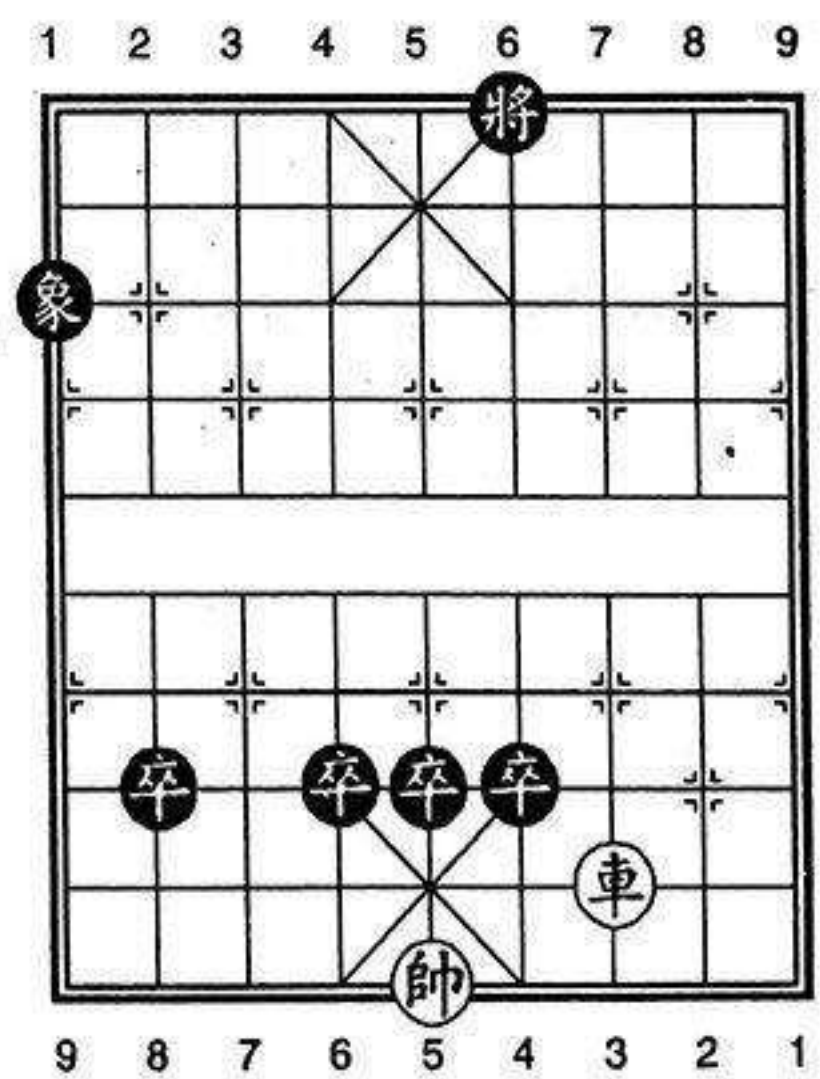

Sách Cờ Tướng .Com

13. 帥5/1 卒5.1
14. 車3/1 將6/1
15. 車3/4 卒3–4
16. 車3/3

THẾ 16: TRẮNG HÒA

1. 車3.2 士5/6
2. 炮3–5 車9–5
3. 車3/7 馬9/8
4. 兵6.1 將5–4
5. 車3–6 車5–4
6. 車6.6 馬2/4
7. 車8.3 卒t–5
8. 炮5/5 卒5.1
9. 帥6.1 將4–5
10. 車8–7 將5.1
11. 車7.1 將5.1
12. 車7–6 士6/5
13. 車6–8 馬8.6
14. 車8/1 象5/3
15. 車8.2 士5/4
16. 車8–7 馬6.4
17. 車7/5

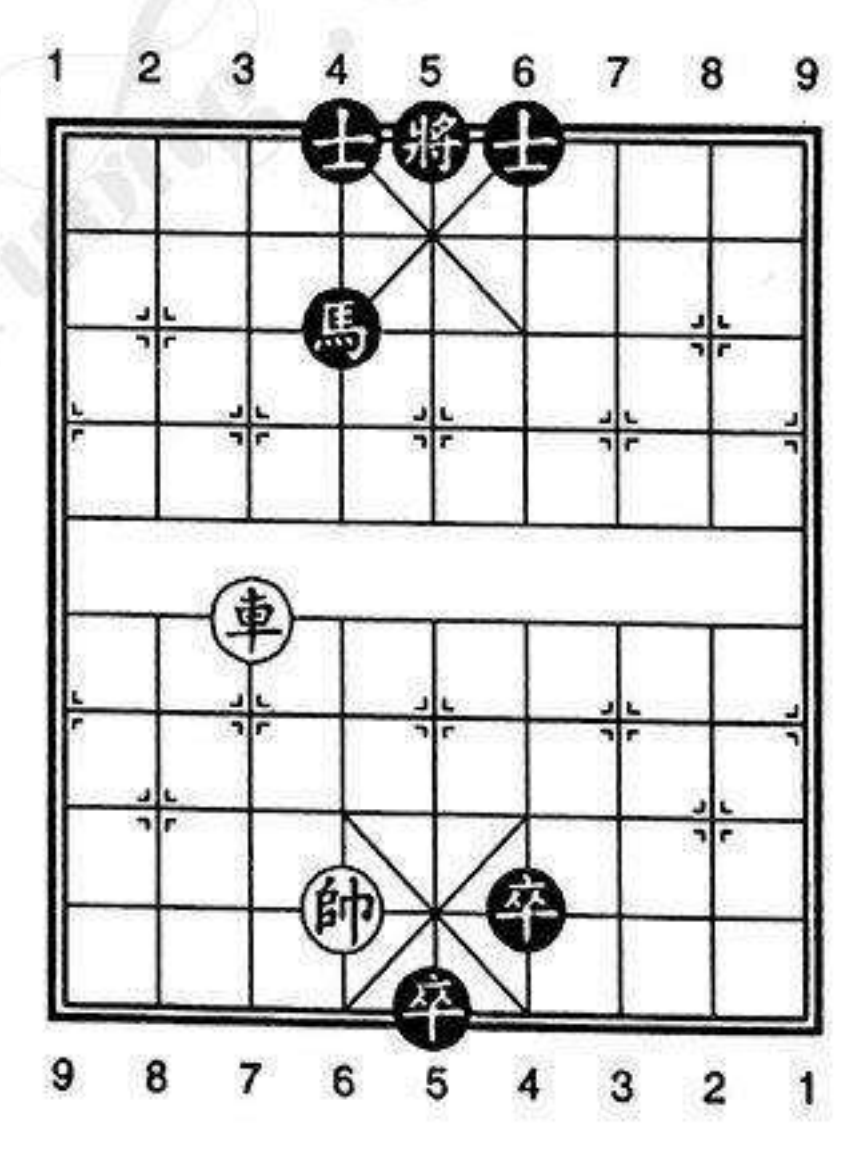

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 17: TRẮNG HÒA

1. 馬6.7 車7–3
2. 車8–5 士6.5
3. 炮2–7 卒1–2
4. 車5–9 車1–3
5. 車9–2 卒7–6
6. 帥5–4 車3.1
7. 車2.2 士5/6
8. 車2–4 將5.1
9. 車4/1 將5/1
10. 車4–7 卒2–3
11. 車7/5 卒3–4
12. 車7–5 士4.5
13. 帥4–5 卒8.1
14. 帥5–4 卒4–5
15. 車5/2 卒8–7
16. 帥4.1 炮9–5
17. 帥4–5 卒9.1

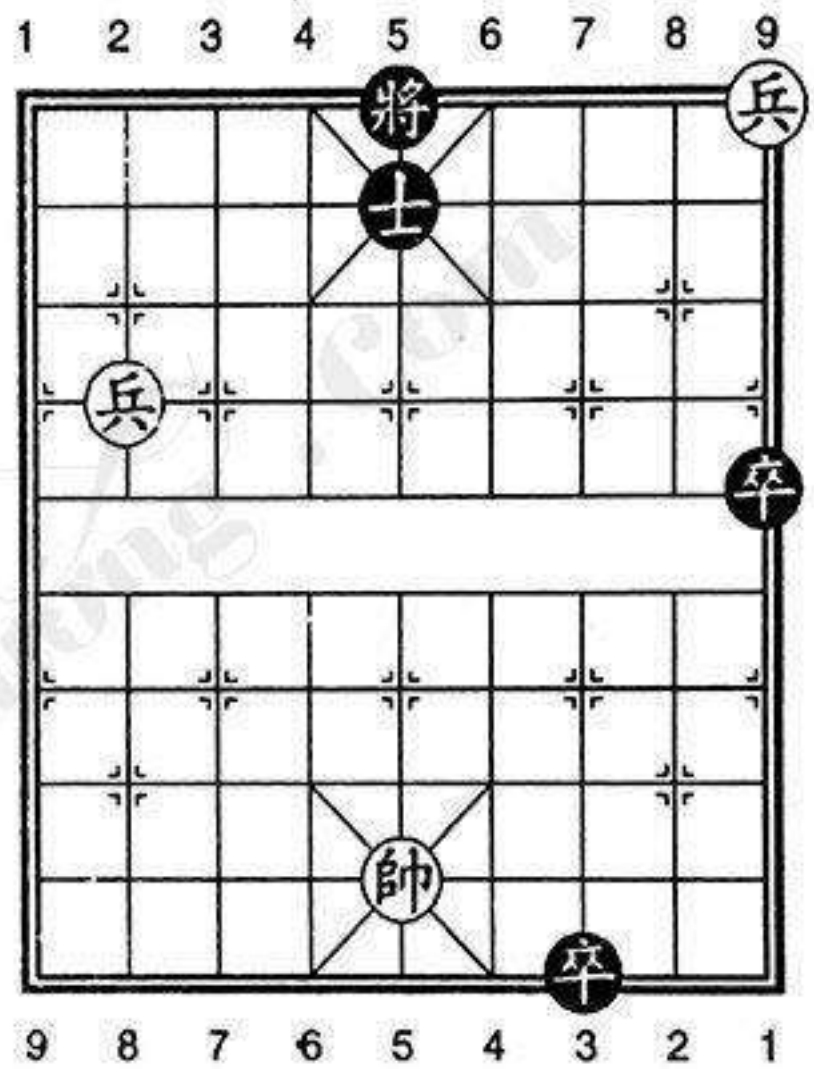

THẾ 18: TRẮNG HÒA

1. 車5.1 卒s–5
2. 馬4/5 卒5.1
3. 帥5–6 卒5.1

Sách Cờ Tướng .Com

4.	帥6.1	卒6–5
5.	帥6–5	車5–6
6.	車2–8	車6.4
7.	車8–5	卒5–6
8.	馬5.6	卒5–6
9.	車5–2	馬5.6
10.	馬6/4	車6/1
11.	車2.5	卒6/1
12.	車2–5	

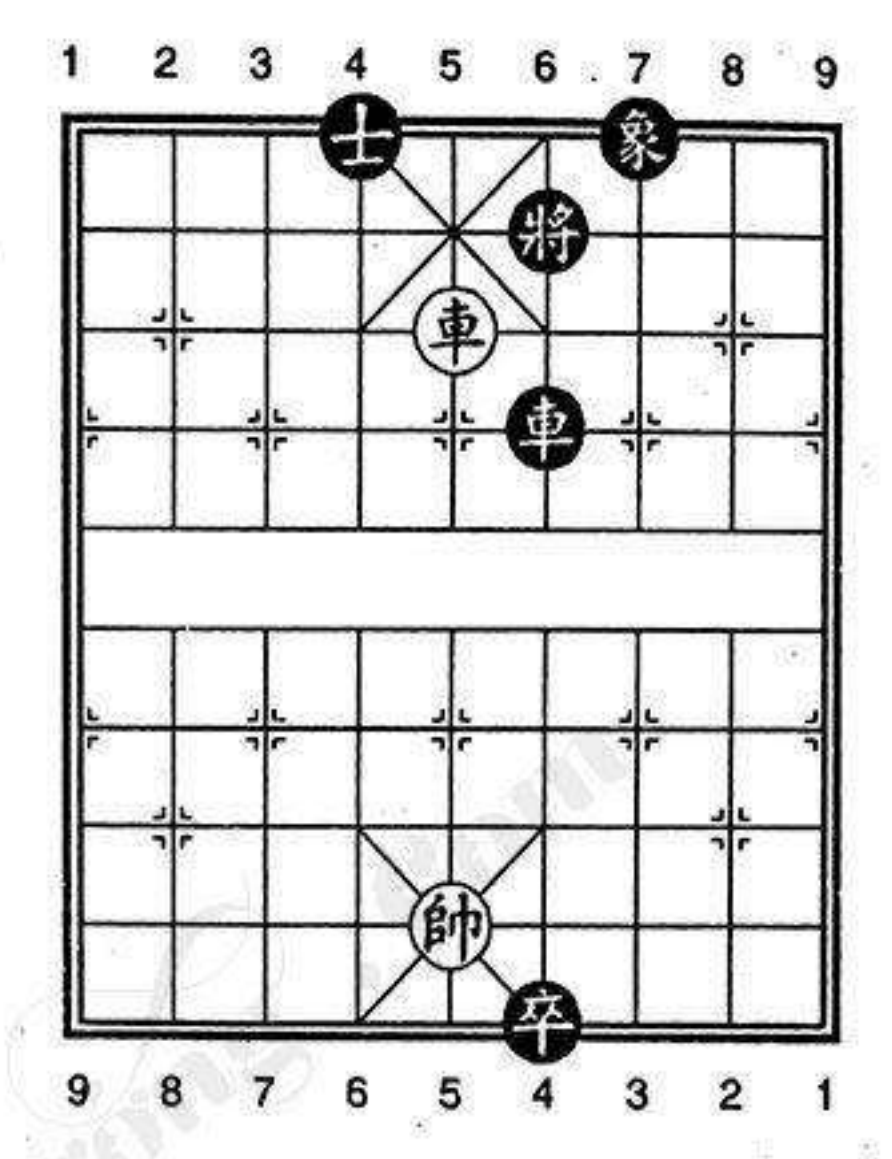

THẾ 19: TRẮNG HÒA

1.	車2–4	士5.6
2.	車4.4	車6.1
3.	兵3–4	車6–5
4.	炮1–5	車1–5
5.	兵4–5	將5–6
6.	兵5–4	將6/1
7.	炮5–4	車5–6
8.	兵4.1	將6/1
9.	兵4.1	將6–5
10.	兵4.1	車6/4
11.	炮4–9	士4/5
12.	炮9.5	卒5.1

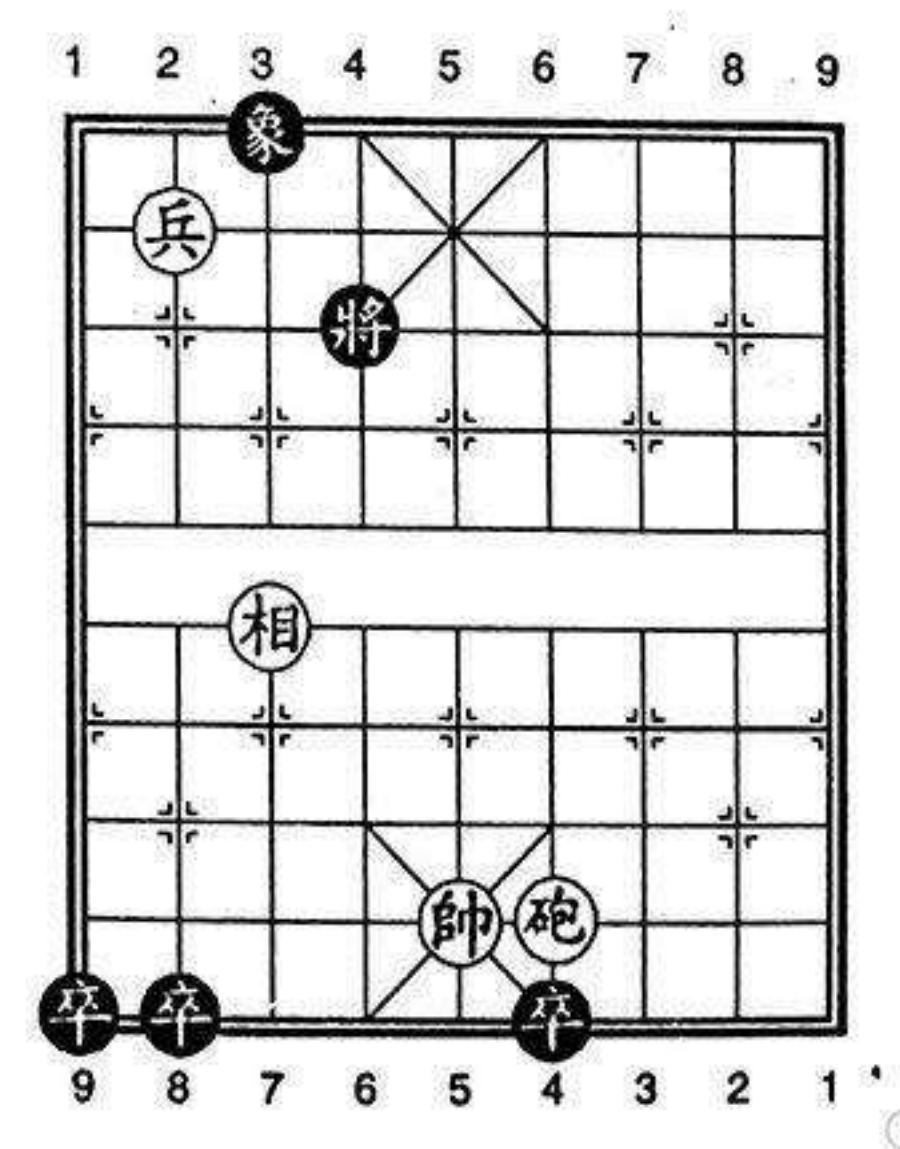

Sách Cờ Tướng .Com

13. 帥6.1 卒6–5
14. 帥6–5 士5/4
15. 兵6.1 將5–4
16. 炮9.1 將4.1
17. 炮9–4 卒5–6
18. 炮4/7 卒2.1
19. 炮4/1 卒2.1
20. 帥5.7 將4.1

THẾ 20: TRẮNG HÒA

1. 車5.1 卒5.1
2. 車5/5 炮5.6
3. 相1.3 卒2–3
4. 相3.1 卒3–4
5. 車5–2 將5–4
6. 車2.9 炮5/8
7. 帥6–5 卒4–5
8. 車2–5 炮4–5
9. 相3/5 卒2–3
10. 兵8–7 卒3–4
11. 兵7–6 象1/3
12. 相1.3

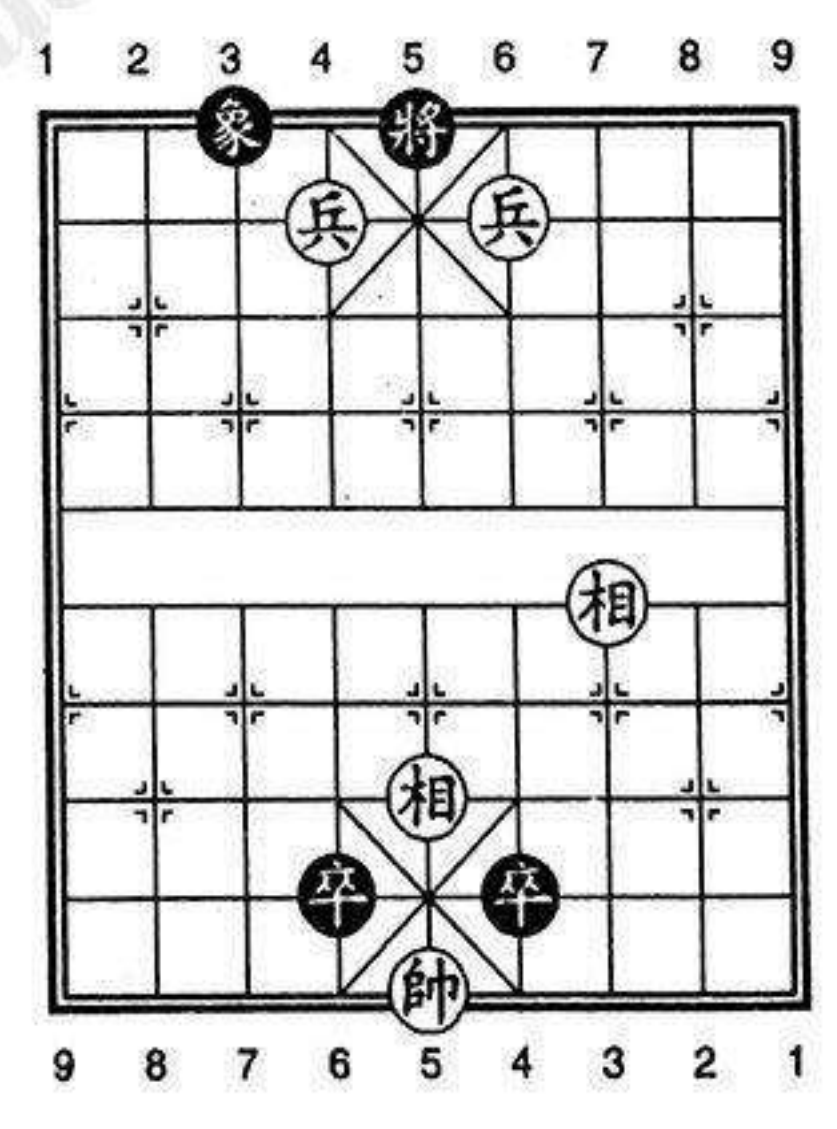

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 21: TRẮNG HÒA

1.	炮3–5	象5.7
2.	相5/3	車9–6
3.	車4/4	炮9.5
4.	相3.1	卒5–6
5.	帥4.1	炮2.8
6.	帥4.1	卒8–7
7.	帥4–5	炮9–8
8.	炮2/3	卒7–8
9.	帥5–6	卒4–3
10.	炮5–9	卒8–7
11.	相1.3	炮8/2
12.	相3/5	炮8/7
13.	炮9.2	炮2/7
14.	兵7–8	卒1–2
15.	兵8.1	炮8–2
16.	炮9–7	炮2–3
17.	相5.7	炮3.5
18.	炮7/7	炮3–8
19.	炮7–1	卒2–3

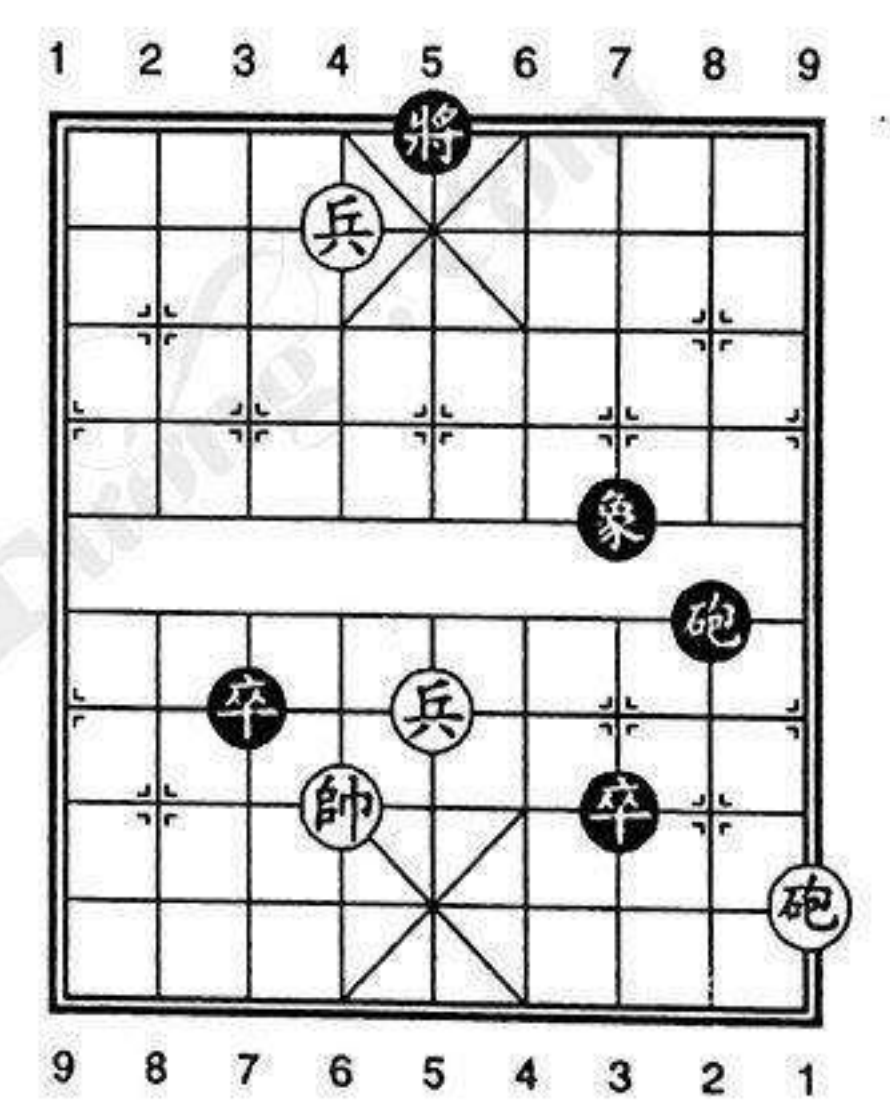

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 22: TRẮNG HÒA

1.	車5.1	將4–5
2.	車3–5	將5–4
3.	車5–6	將4–5
4.	炮1–5	車5/3
5.	車6/5	車5.3
6.	炮2–5	車5/2
7.	車6.7	將5.1
8.	帥6.1	車5–6
9.	兵4–3	卒5.1
10.	車6/3	車6.2
11.	帥6.1	車6–5
12.	兵3.1	卒5.1
13.	車6–5	將5–6
14.	兵3.1	將6.1
15.	兵5–1	將6–5
16.	兵3–4	將5–6
17.	兵4–5	將6–5
18.	兵5–6	將5–6
19.	車1.1	將6/1
20.	車1/5	車5–6
21.	車1.6	將6.1

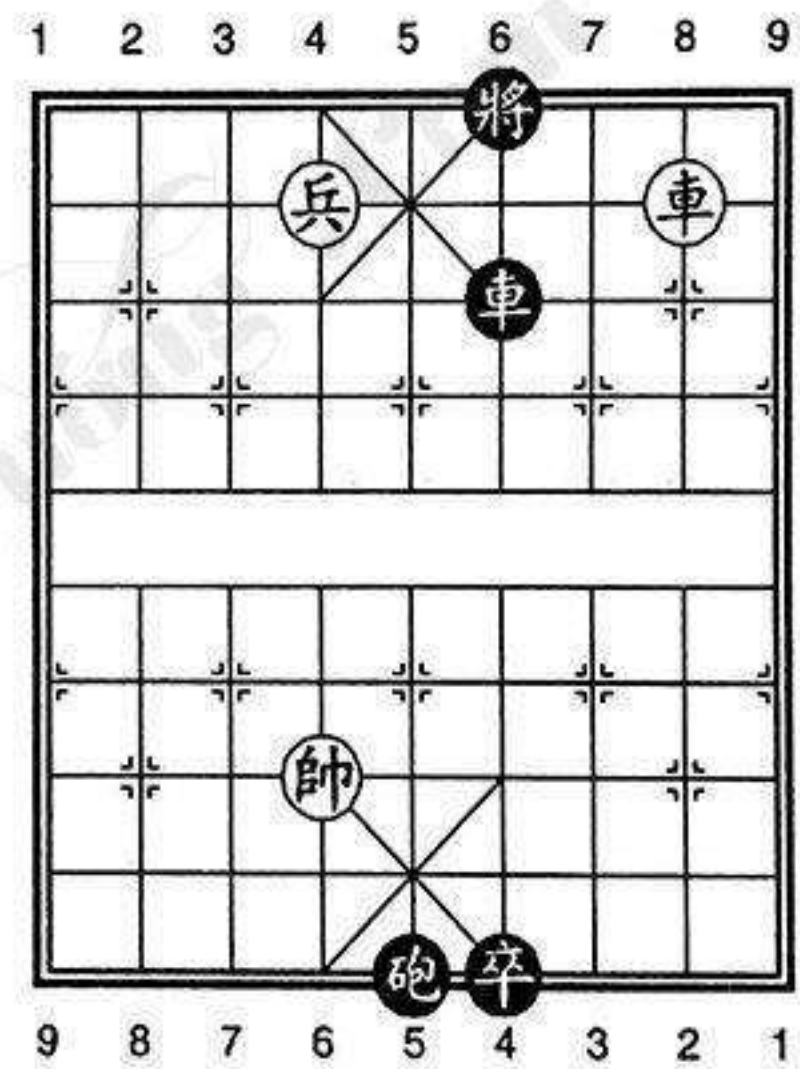

Sách Cờ Tướng .com

22. 車1/1	將6/1
23. 車1–5	炮9/7
24. 車5/3	炮9–4
25. 兵7.1	車6/4
26. 兵7.1	車6/1
27. 兵7.1	車6/1
28. 兵7.1	炮4.1
29. 兵7–6	炮4–5
30. 車5–2	炮5.7
31. 車2.4	將6/1

THẾ 23: TRẮNG HÒA

1. 車2.3	象9/7
2. 馬1.3	將6.1
3. 馬3/5	象7/5
4. 車1–4	士5.6
5. 車2/1	將6/1
6. 車4.2	將6–5
7. 車4–5	象7.5
8. 車2.1	象5/7
9. 車2–3	將5.1
10. 馬5.3	將5.1
11. 車3–5	將5–6

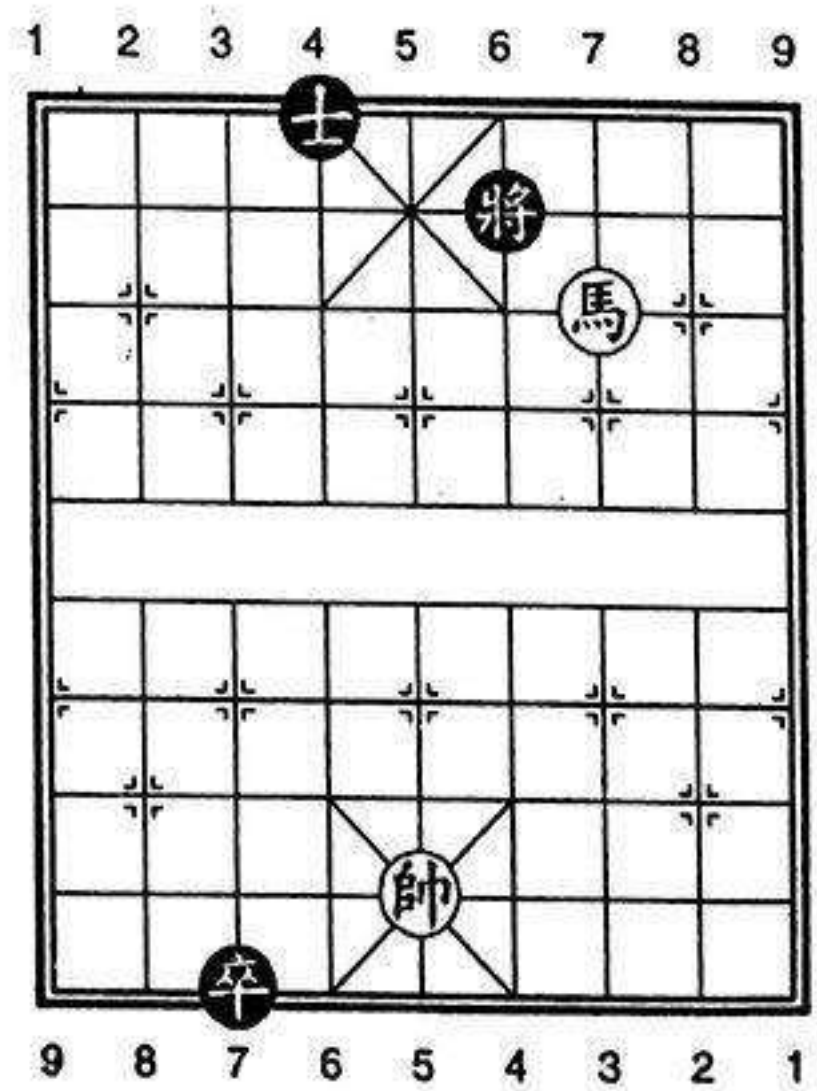

Sách Cờ Tướng.Com

12. 車5/8 卒2–3
13. 帥6.1 炮2–5
14. 帥6–5 將6/1

THẾ 24 TRẮNG HÒA

1. 車t–7 馬7.6
2. 帥5–4 炮6/3
3. 車7.4 象1/3
4. 車1–5 馬6/8
5. 帥4–5 馬8/7
6. 帥5–4 馬7/5
7. 兵1–5 馬5/4
8. 兵s–3 馬4/5
9. 炮5.5 將6–5
10. 兵3–4 炮6.2
11. 炮5–8 將5.7
12. 炮8.1 象3.5
13. 兵2–3 將5–4
14. 兵4–5 象5/7
15. 炮8–3 炮6–2
16. 炮3–5 炮2.4
17. 兵9.1 炮2–5
18. 炮5/8 卒4–5

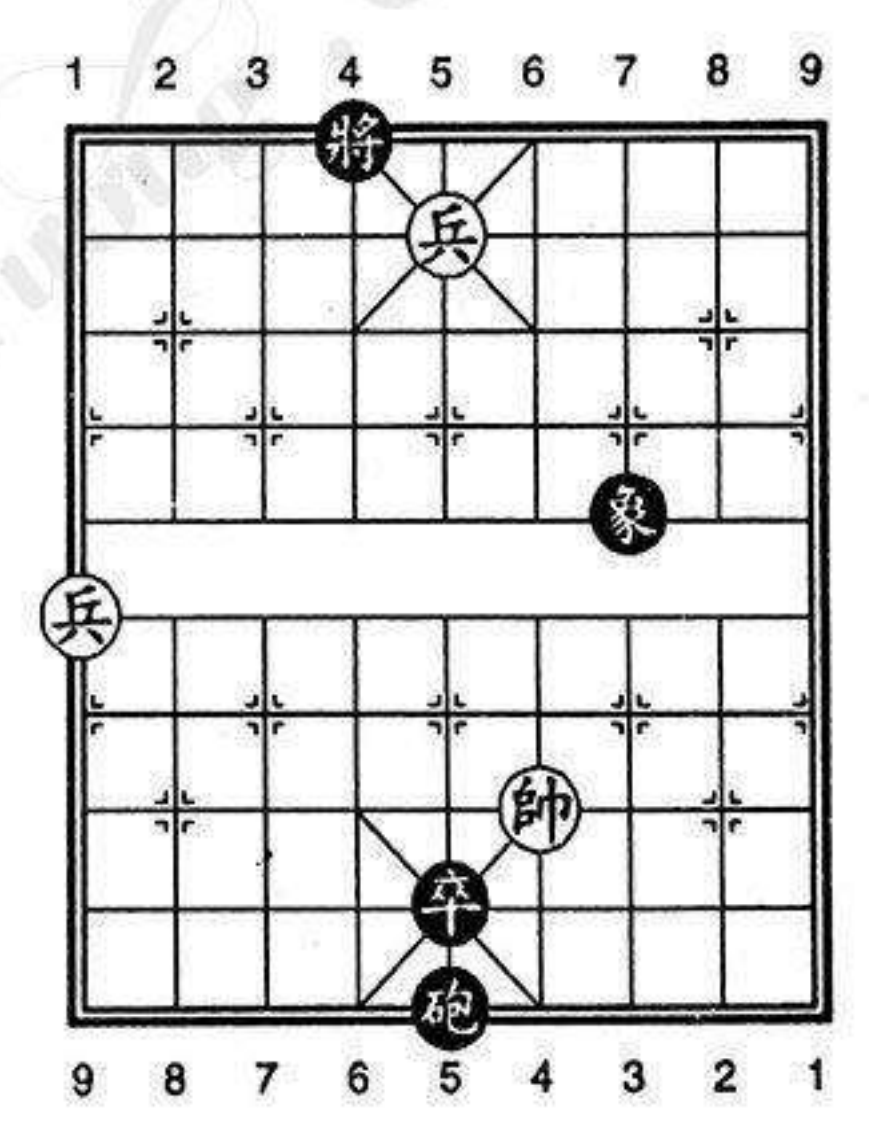

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 25 TRẮNG HÒA

1. 車3–4	士5.6
2. 車5.2	將6.1
3. 兵2–3	卒t.1
4. 帥5–4	士6/5
5. 兵3.1	將6.1
6. 兵6–5	將6–5
7. 車5–1	卒4–5
8. 車1/2	士5.6
9. 兵7–6	將5/1
10. 兵3–4	將5–6
11. 車1/6	卒6.1
12. 車1–4	卒5–6
13. 帥4.1	卒7–6
14. 兵6–5	士6/5

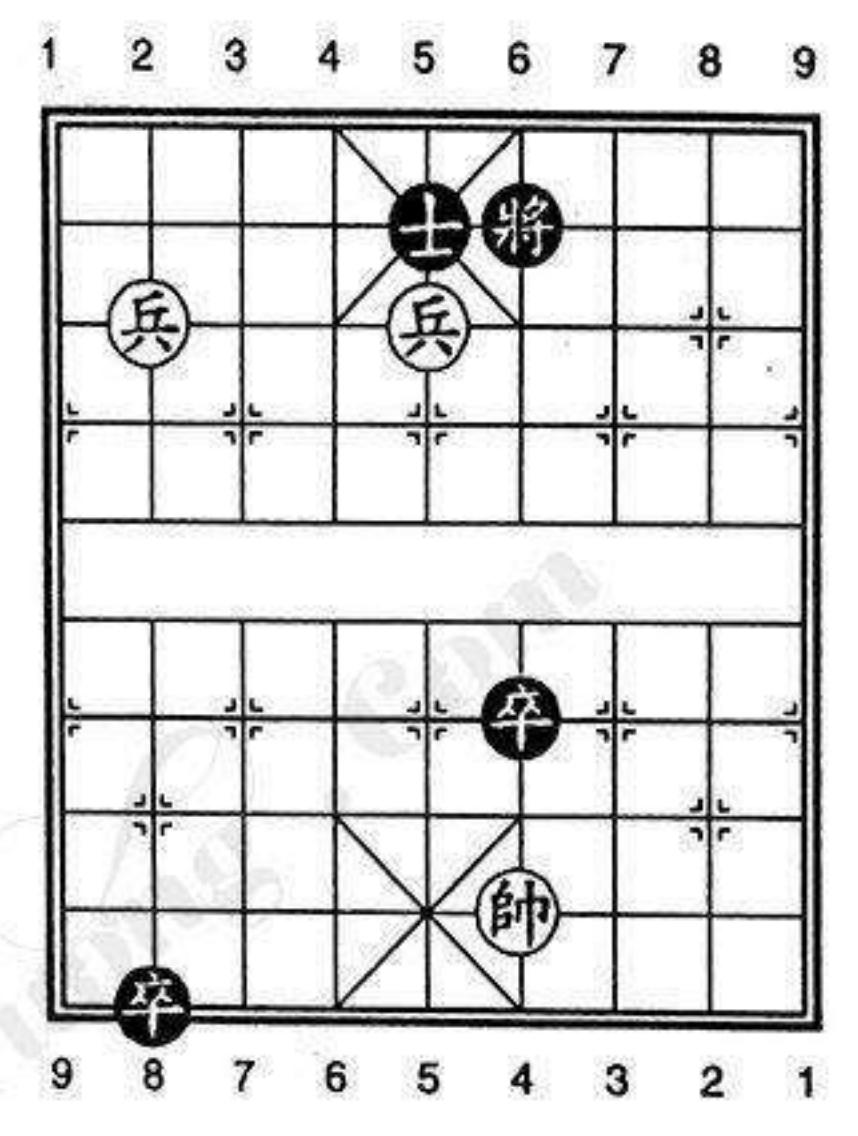

THẾ 26 TRẮNG HÒA

1. 車5–3	車8.1
2. 帥5.1	車8/8
3. 車3.3	炮2/8
4. 兵4.1	將6.5
5. 車7/6	卒1–2
6. 車7–3	車8.7

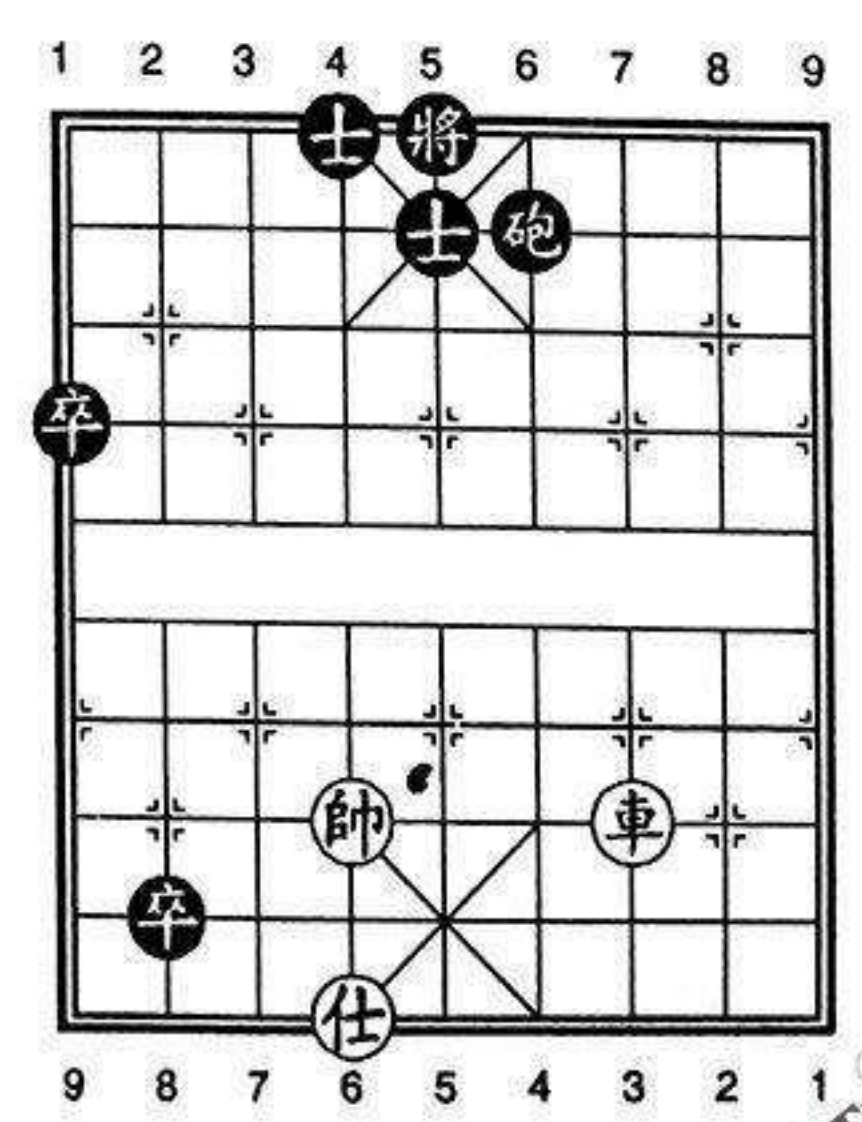

SachCoTuong.com

7. 車s/1 車8–7
8. 車3/6 車4.6
9. 帥5–6 炮2–6

THẾ 27 TRẮNG HÒA

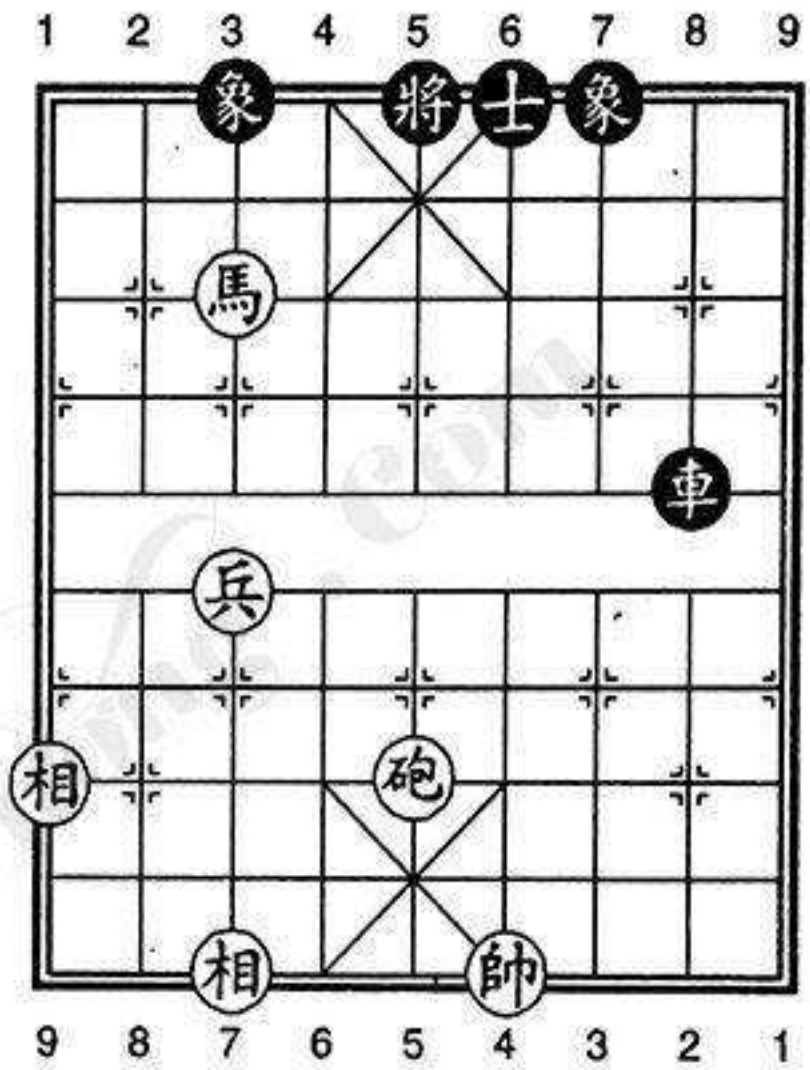

1. 炮7–2 車5/5
2. 馬8.7 士5.4
3. 車8/6 卒4–5
4. 車8–5 車5.5
5. 車1/2 車5/4
6. 車1–4 士4.5
7. 炮2.1 車5–8
8. 兵4–5 士4/5
9. 車4.2 車s–6
10. 車4.1 士5/6
11. 炮2–5 象5/7
12. 炮5/4

THẾ 28 TRẮNG HÒA

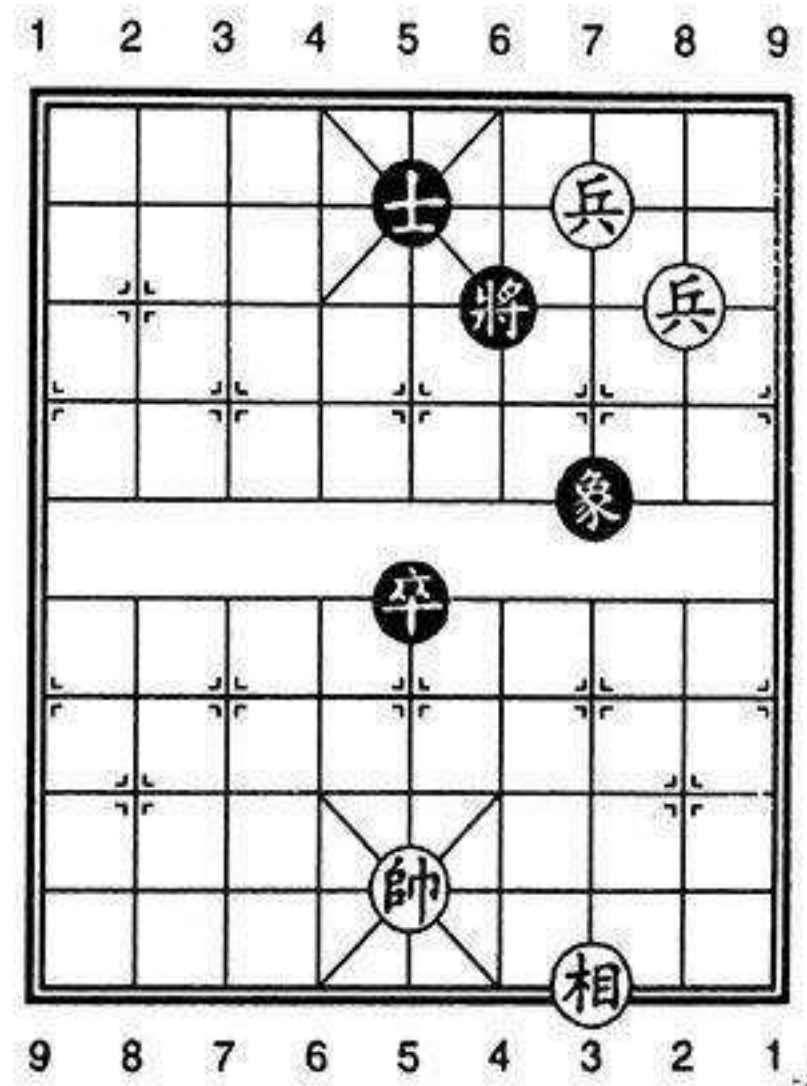

1. 車s–5 象5.7
2. 車1–5 卒6–5
3. 車s/1 卒4–5
4. 車5/2 炮5.8
5. 帥5.1 卒3–4

Sách Cờ Tướng .Com

6. 炮1.8 卒4–5
7. 炮1–5 士4/5

THẾ 29 TRẮNG HÒA

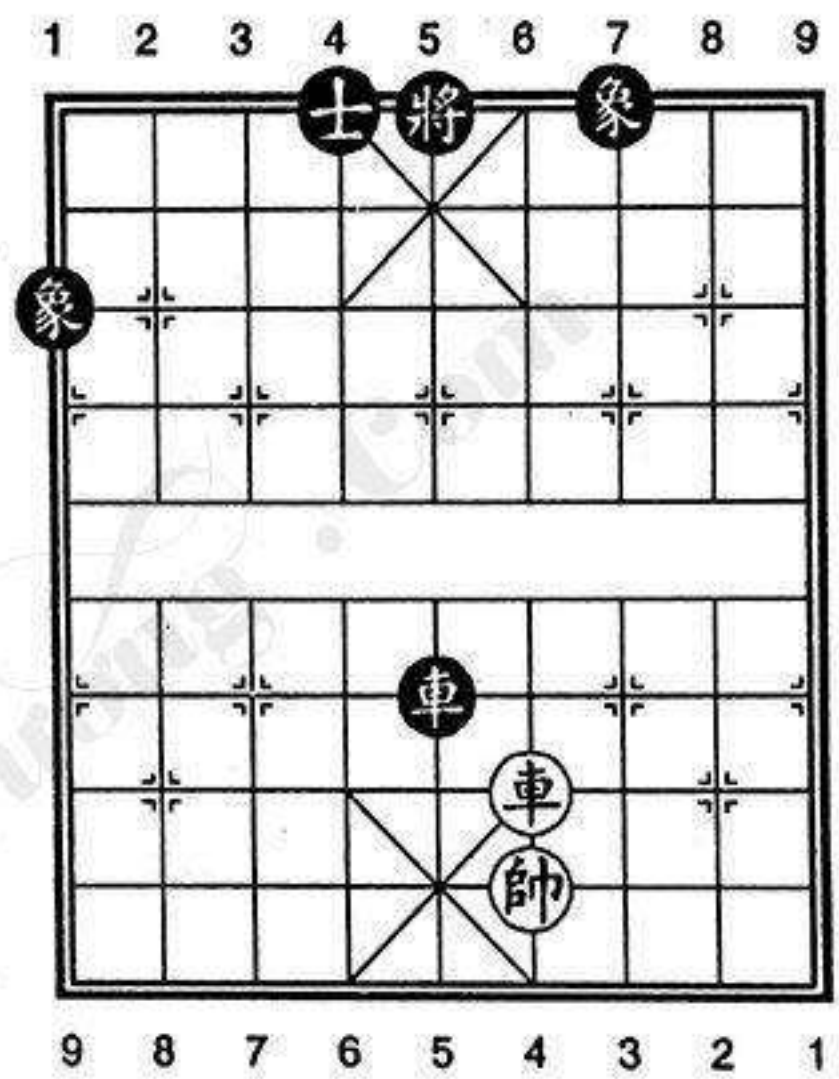

1. 兵5.1 將6–5
2. 兵2–3 象5/7
3. 車t–3 卒4.1
4. 帥5–6 馬5/3
5. 帥6–5 卒5.1
6. 炮1–5 車6–5
7. 帥5–4 車5.1
8. 帥4.1 馬3/5
9. 車3–5 車5/3
10. 車1–4

THẾ 30 TRẮNG HÒA

1. 兵6.1 將4–5
2. 車6–5 將5–6
3. 車5–1 車5–7
4. 車1.4 將6.1
5. 車1/1 卒4–5
6. 兵2–3 車7/7
7. 車1–3 將6/1

Sách Cờ Tướng.Com

8. 兵6–5 士6/5
9. 車3.1 將6.1
10. 車3/6 卒6.1
11. 車3–4 士5.6
12. 車4/1 卒3–4
13. 車4.5 將6–5
14. 車4–6 將5/1
15. 車6/6 卒5–4
15. 帥4.1

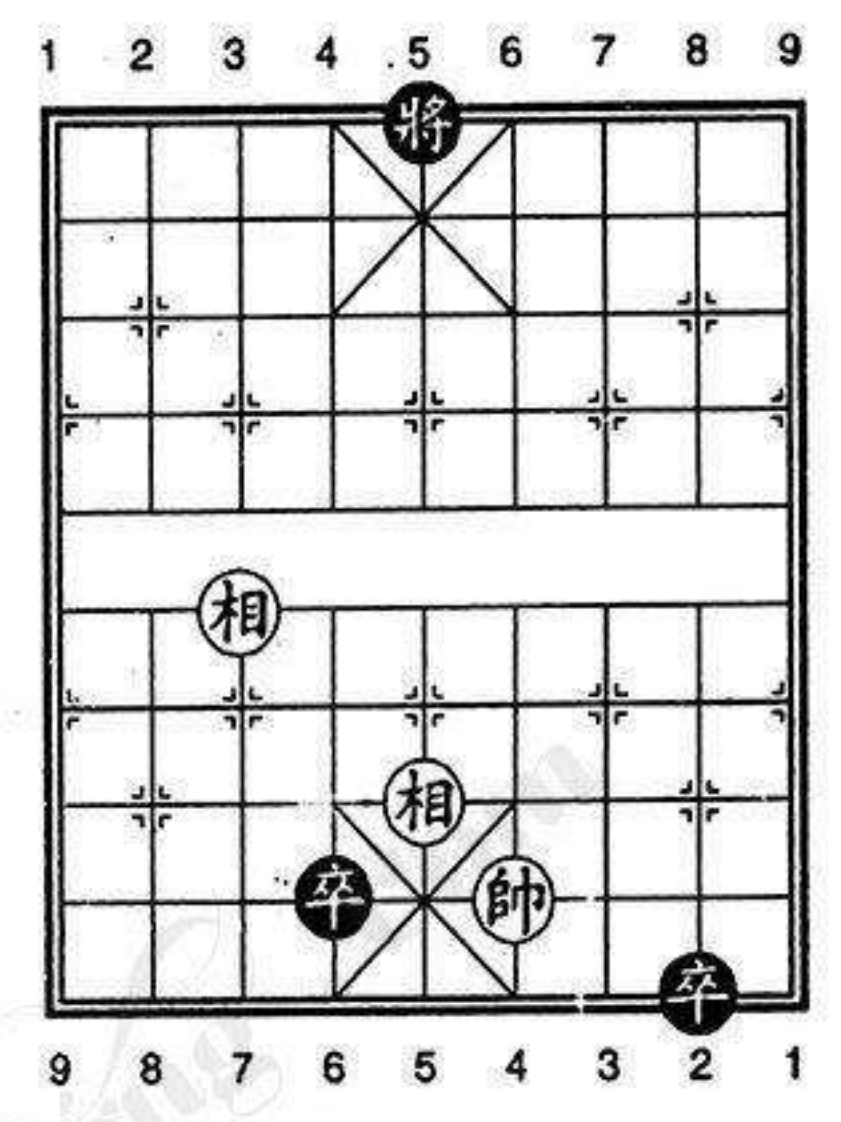

THẾ 31 TRẮNG HÒA

1. 車2.4 象5/7
2. 炮7.2 象1/3
3. 車2–3 士5/6
4. 馬3.4 將5.1
5. 馬4/6 將5–4
6. 車1.3 士4.5
7. 馬6.4 將4.1
8. 馬4/5 將4/1
9. 馬5.7 將4/1
10. 車3–4 士5/6
11. 馬7.8 車2/7
12. 兵8–7 將4–5

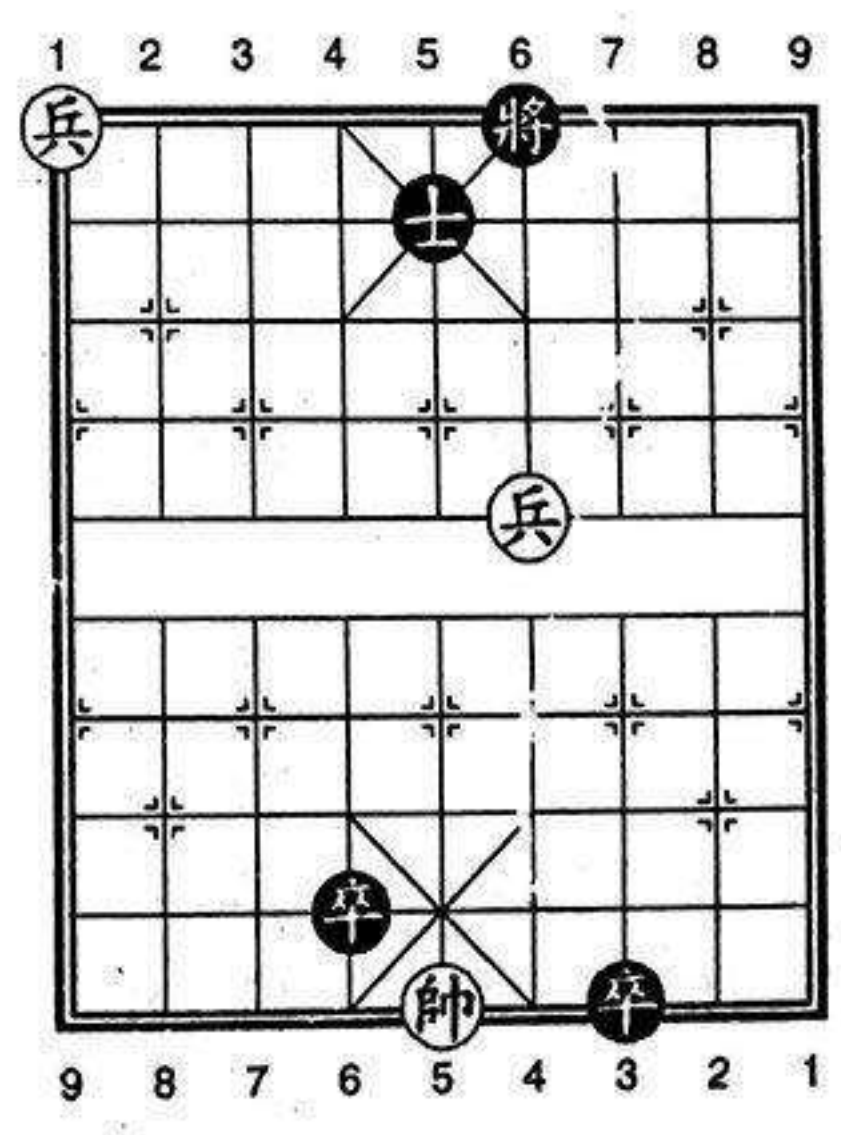

Sách Cờ Tướng .Com

13. 車1–8	卒5.1
14. 兵7–6	將5–4
15. 車8.1	將4.1
16. 車8/8	卒4.1
17. 車8–6	卒5–4
18. 帥6–5	士6.5
19. 兵9–8	將4/1
20. 兵8–7	將4–5
21. 兵7–6	將5–6
22. 兵6–5	卒8–7
23. 兵5–4	

THẾ 32 TRẮNG HÒA

1. 炮1–3	車7./1
2. 車2.9	士5/6
3. 炮3.5	車7/6
4. 車2–3	炮6/5
5. 兵4.1	將5–4
6. 兵4–5	將4.1
7. 車3/1	將4.1
8. 車3–4	卒5–6
9. 車4/1	卒6.1
10. 車4/6	卒5–6
11. 帥4.1	

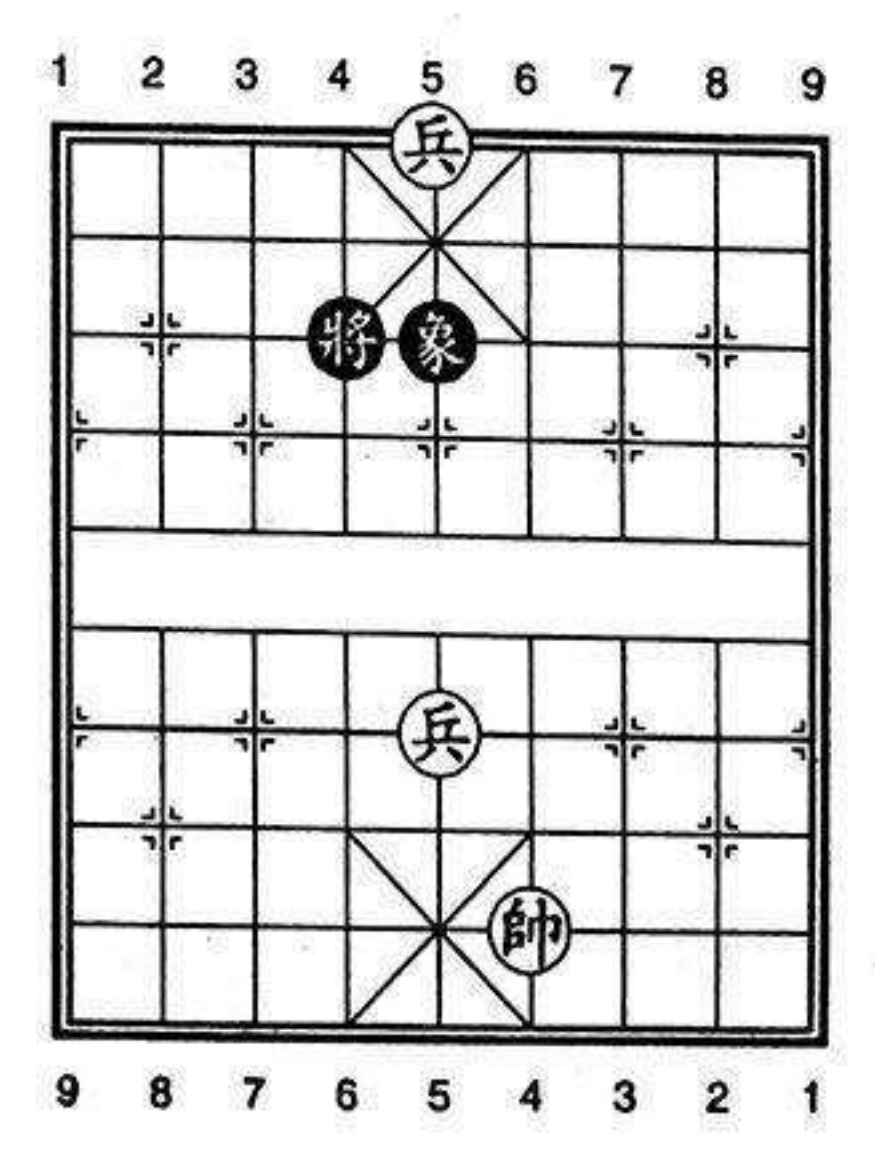

Sách Cờ Tướng . Com

THẾ 33 TRẮNG HÒA

1. 炮3.1	將5.1
2. 車2.2	將5.1
3. 炮1/1	炮6/1
4. 車2/1	將5/1
5. 車2–4	車6.5
6. 車4/7	卒1–2
7. 車4.8	將5–6
8. 炮3/9	卒s.1
9. 炮3–8	卒s.1
10. 炮8.4	卒s.1
11. 炮8–5	卒5–4
12. 炮1/6	卒4.1
13. 炮1–6	卒5–4
14. 帥6.1	

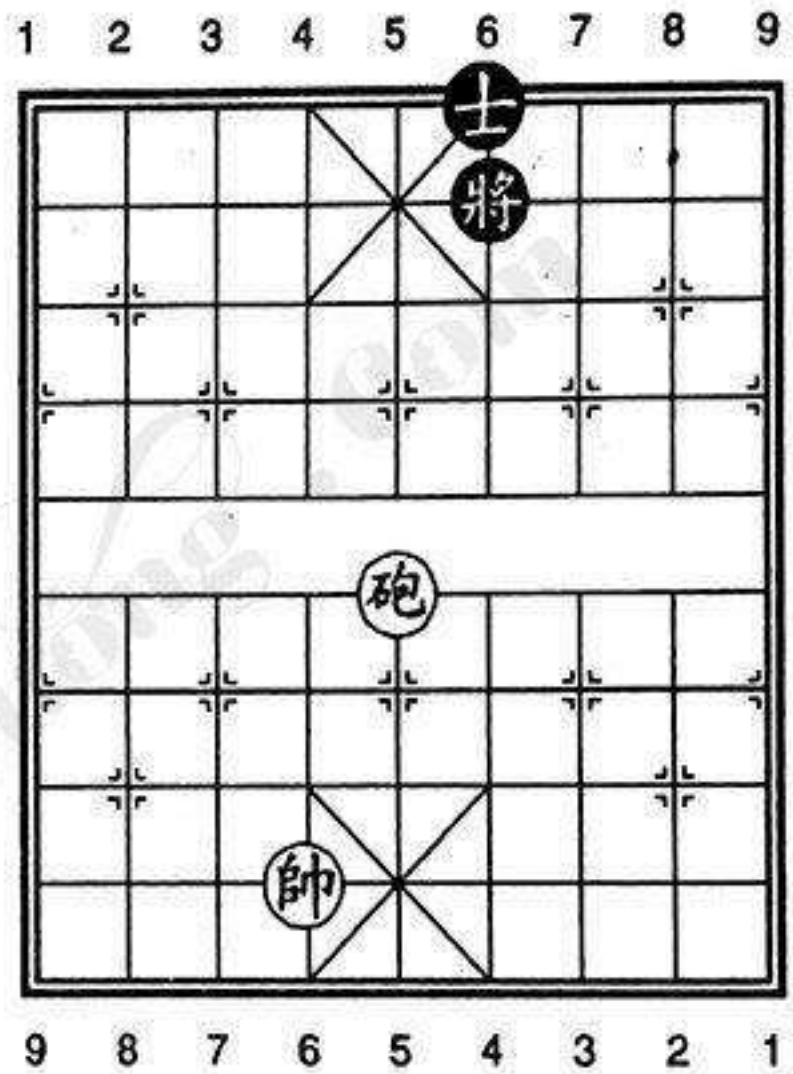

THẾ 34 TRẮNG HÒA

1. 車s–6	炮5–4
2. 車6–4	卒6.1
3. 車4/2	卒5–6
4. 帥4–5	炮4–8
5. 車1–5	象1.3
6. 炮1.9	象7.9

Sách Cờ Tướng . Com

7. 炮1–5	炮8–5
8. 炮5/2	象3/5
9. 車5.2	象9.7
10. 車5/2	車4/6
11. 兵5–4	車4–5
12. 車5.2	象7/5

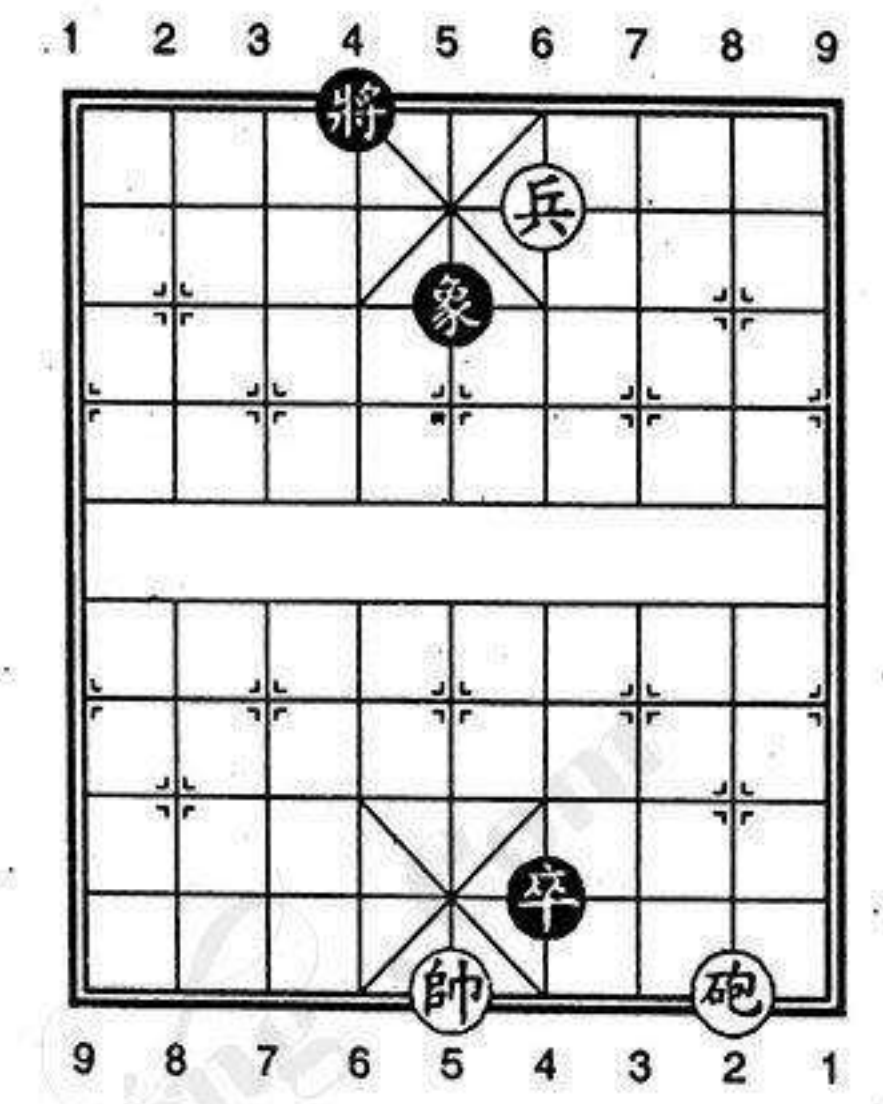

THẾ 35 TRẮNG HÒA

1. 車s–5	卒4–5
2. 車2–5	馬t/5
3. 兵t–7	炮4–7
4. 兵1.6	馬5/4
5. 炮2–9	車5–1
6. 炮9–6	卒5–4
7. 炮6.4	車1–5
8. 兵7–6	炮7–4
9. 炮6.3	車5/1
10. 兵4–5	車5/6
11. 兵6–5	將5.1
12. 帥6.1	

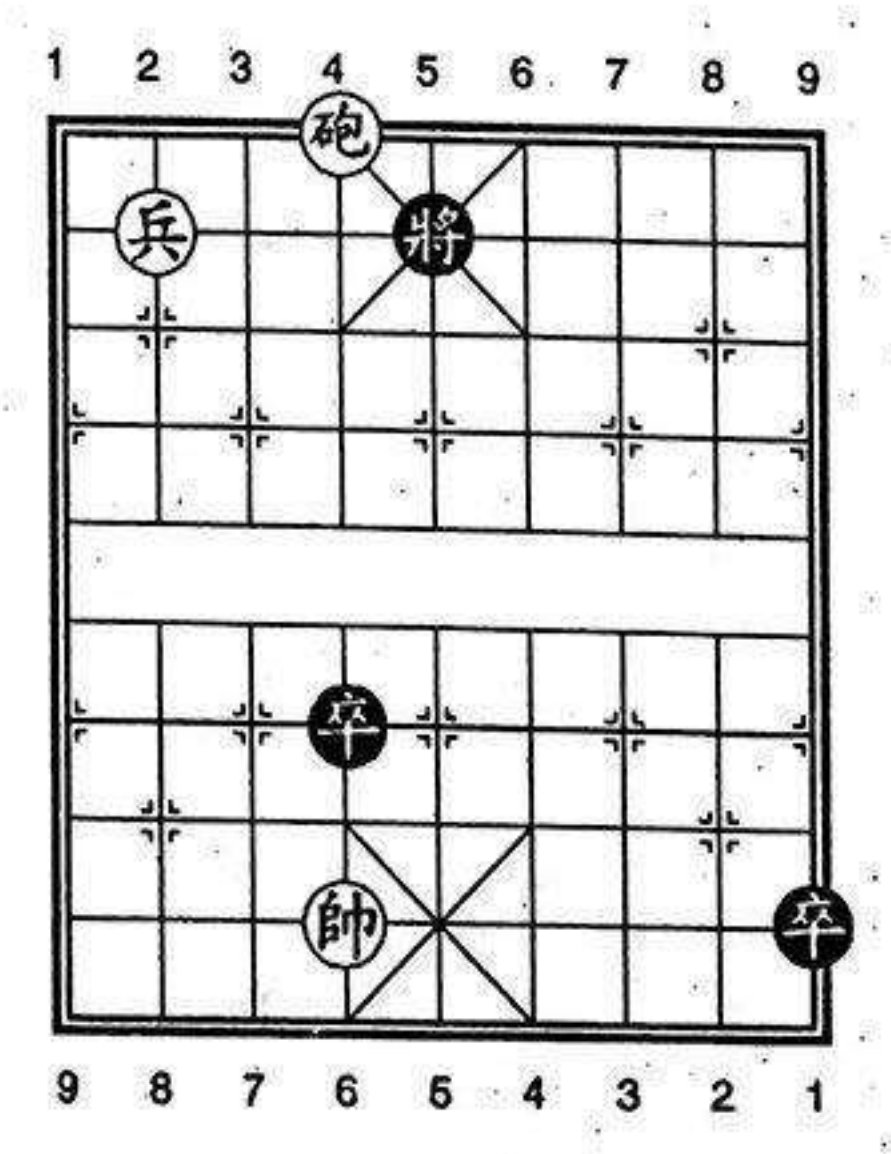

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 36 TRẮNG HÒA

1. 炮s–4	車6/2
2. 炮1–4	馬5/6
3. 兵4.1	將6.1
4. 兵6–5	車5.1
5. 車3.8	將6/1
6. 車1.8	象5/7
7. 車3–5	象3.5
8. 車5–8	卒4–5
9. 帥5.1	馬6.4
10. 帥5–6	車6.2
11. 帥6.1	車6/1
12. 帥6/1	馬4.2
13. 車8/6	車6–2
14. 車1/1	卒8–7
15. 車1–6	卒7–6
16. 車6.1	將6.1
17. 兵2–3	車2.1
18. 帥6.1	車2.1
19. 兵3.1	將6.5
20. 帥6–5	車2/2
21. 車6/7	車2/2
22. 車6.7	車2–7

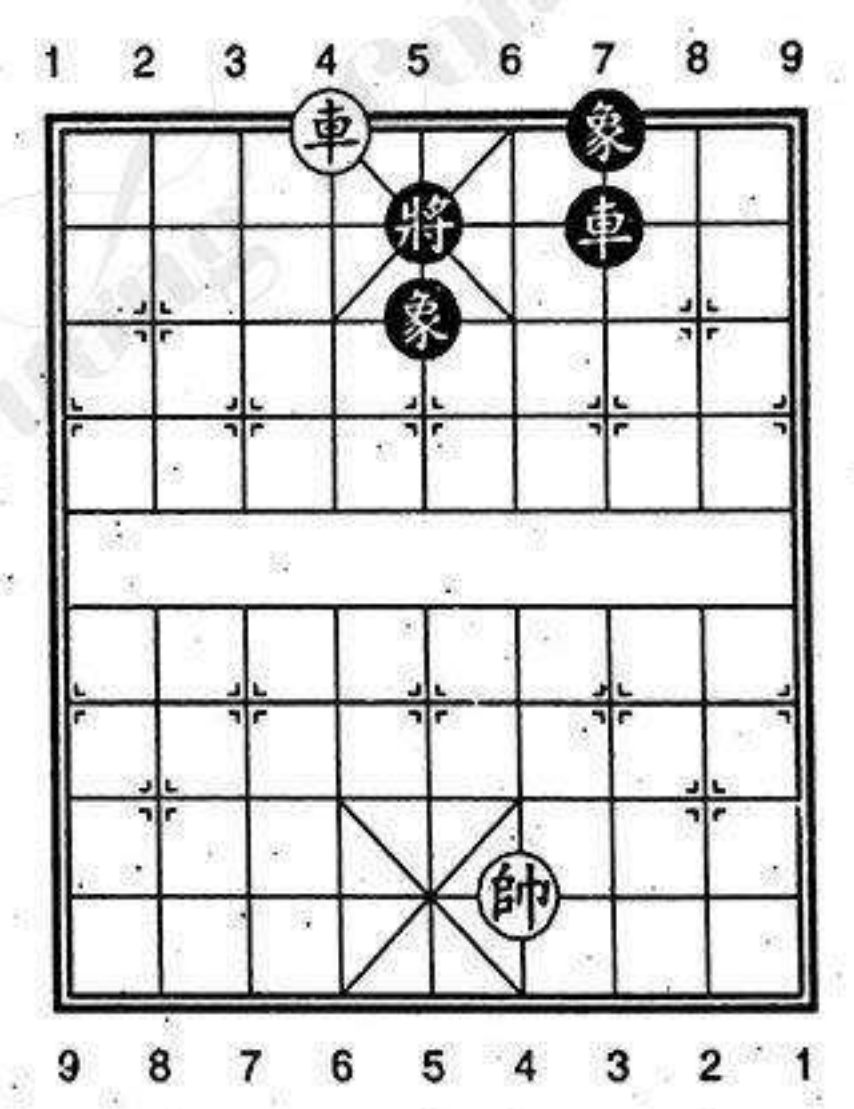

SáchCờTướng.Com

23. 帥5–4 車7/4

24. 帥4/1

THẾ 37 TRẮNG HÒA

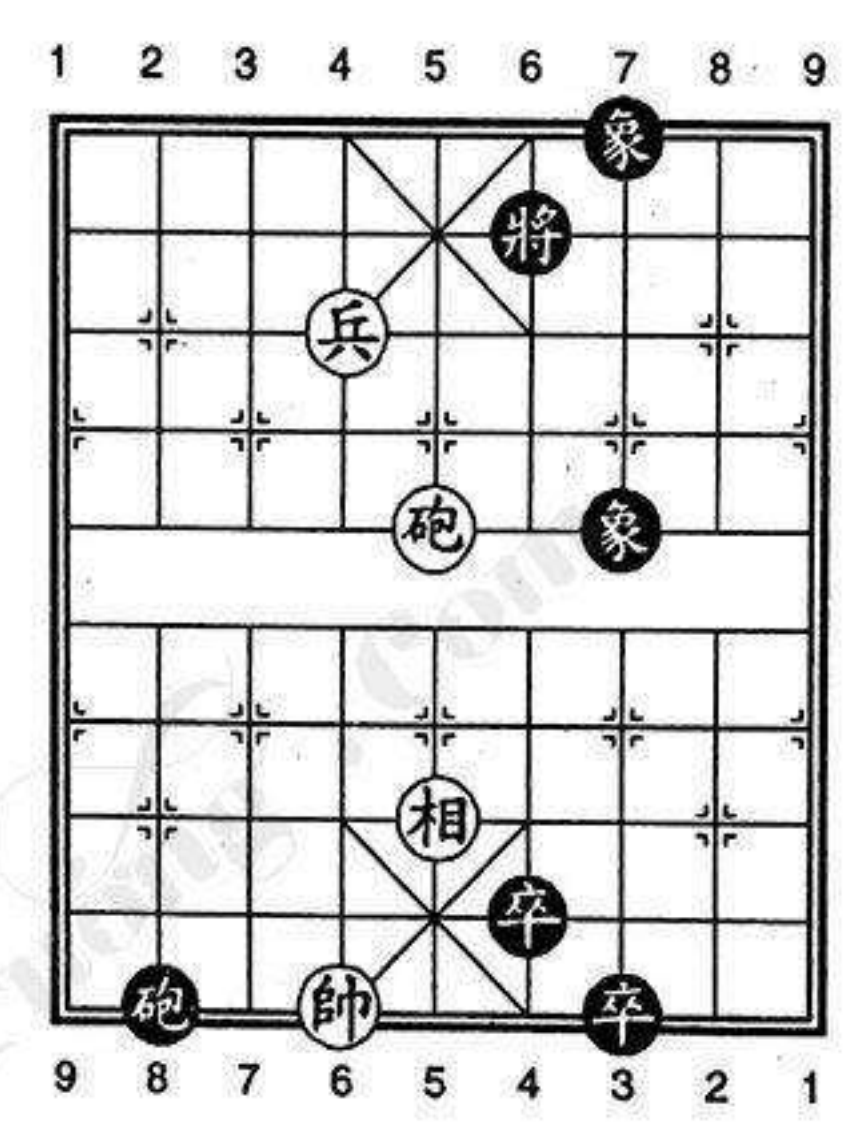

1. 炮8–3 卒6–5
2. 炮7–5 炮6.1
3. 炮5.5 炮6–2
4. 兵5–4 車6/2
5. 車6–4 將6.1
6. 炮3.7 象9/7
7. 相7/5 卒5–6
8. 兵5–6

THẾ 38 TRẮNG HÒA

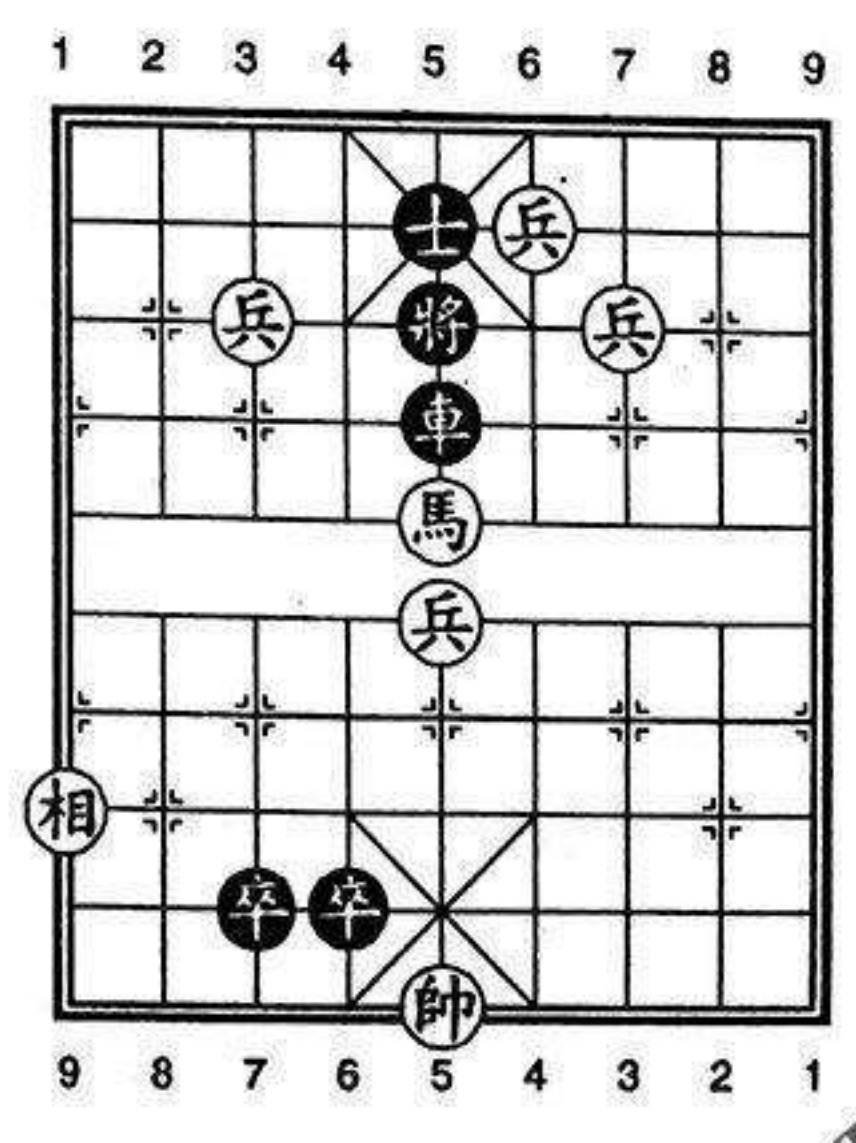

1. 馬5/7 將4.1
2. 馬7/5 將4–5
3. 兵4–5 車6/8
4. 兵9–8 士4.5
5. 兵8–7 車6.3
6. 兵3–4 車6–5
7. 兵5.1 卒1–2
8. 相9.7 卒2–3
9. 相7/9 士5/6

Sách Cờ Tướng .Com

10. 帥5–4 士6.5

11. 帥4–5

THẾ 39 TRẮNG HÒA

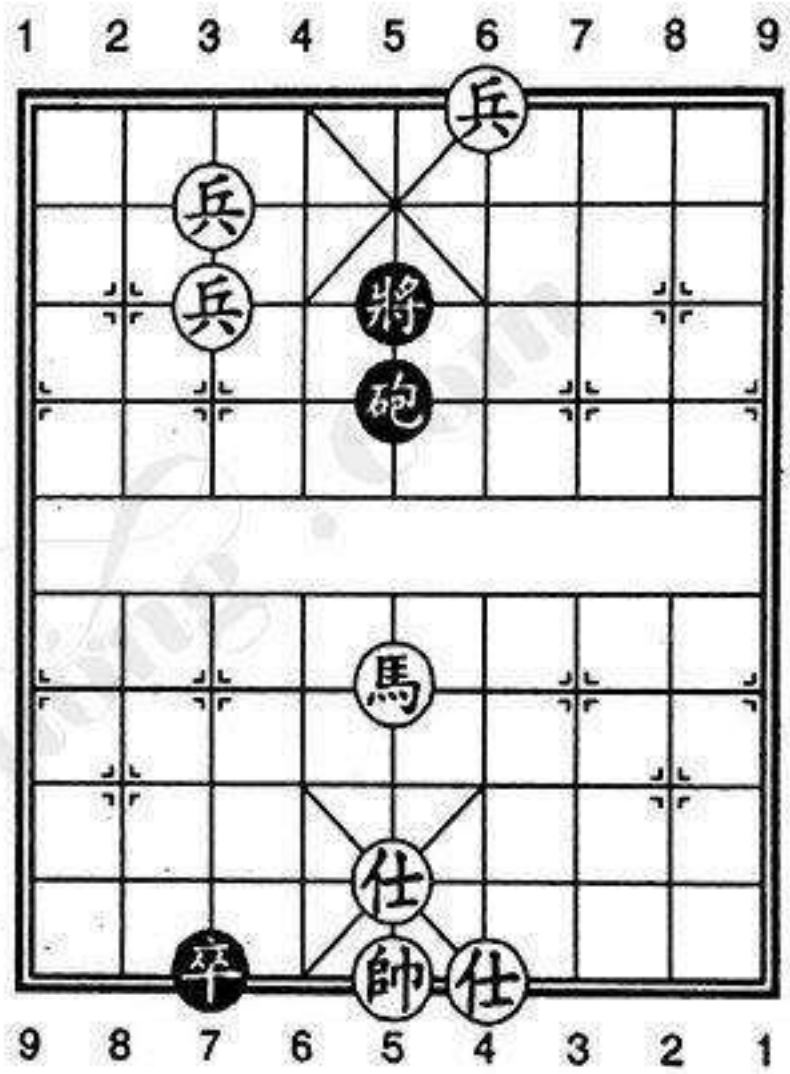

1. 兵t–8 卒3.1
2. 帥6–5 炮8/3
3. 馬2/4 炮8.3
4. 馬4.2 炮8/4
5. 馬2/4 炮8.4
6. 馬4.2 炮8/5
7. 馬2/4 炮8–1
8. 兵4.1 將5.1
9. 馬4.5 炮1–5
10. 兵9–8 將5–4
11. 兵8–7 將4.1
12. 兵8–7 將4–5

THẾ 40 TRẮNG HÒA

1. 炮2.6 車6–8
2. 炮3/2 卒3–4
3. 炮3–6 卒4–5
4. 炮6.7 卒6–5
5. 相1/3 車8–7

Sách Cờ Tướng .com

6. 相3.1	車7–6
7. 兵5–4	卒t.1
8. 帥6–5	車6.1
9. 炮6/8	卒5–6
10. 車1.4	卒5.1
11. 車1–6	將4–5
12. 車6–5	將5–6

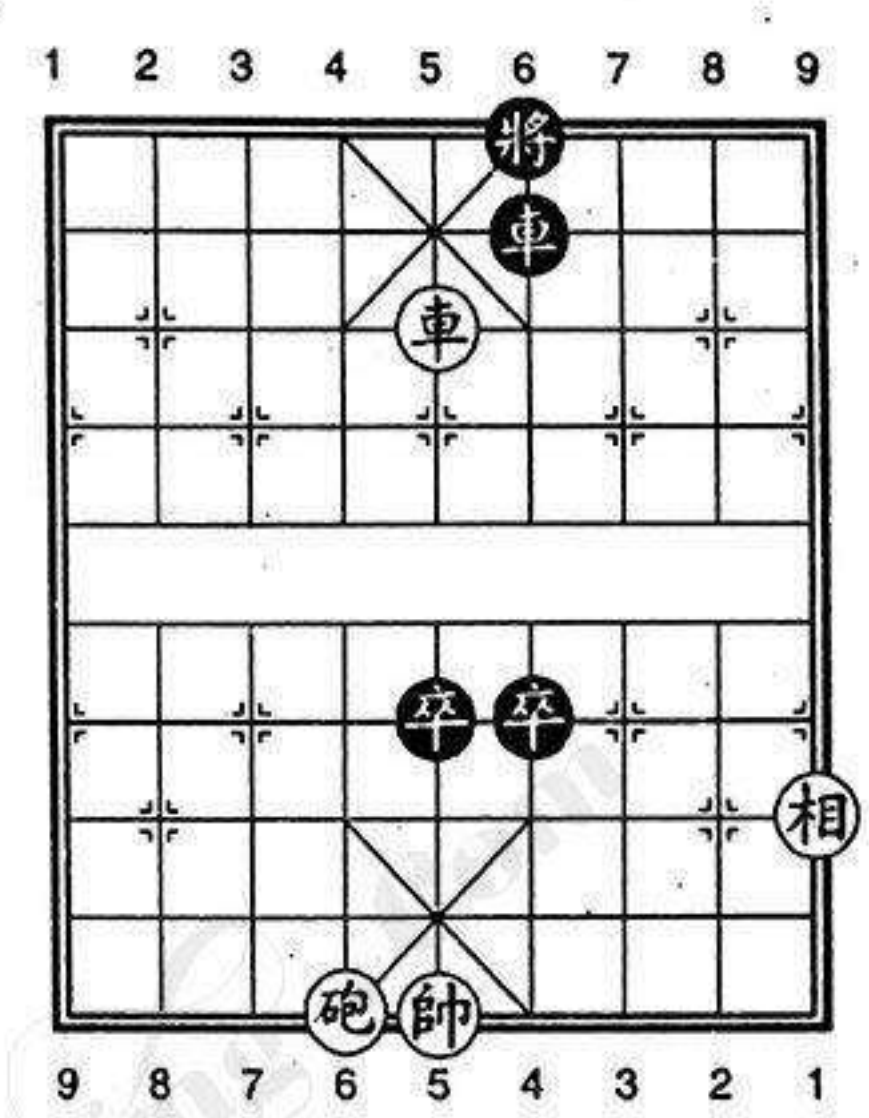

THẾ 41 TRẮNG HÒA

1. 車1.5	象5/7
2. 車1–3	士5/6
3. 車3/8	車5–7
4. 車6.7	車7–8
5. 炮2–3	卒6.1
6. 帥4–5	卒6–5
7. 帥5–6	士6.5
8. 車6/2	車8.1
9. 炮3/4	車8/6
10. 炮3.4	車8.6
11. 炮3/4	車8/7
12. 炮3.6	車8.7

Sách Cờ Tướng .Com

13. 炮3/6 車8/3
14. 炮3.5 (*) 車8–5
15. 炮3–5 士5/4
16. 炮5/4 車5.2
17. 車6.2 車5.1
18. 帥6.1 卒1–2
19. 車6.2 將5.1
20. 馬9/7 將5–6
21. 相1.3 卒2–3
22. 相6.1 車5–4
23. 帥6–5 車4/9
24. 馬7.6 將6.1

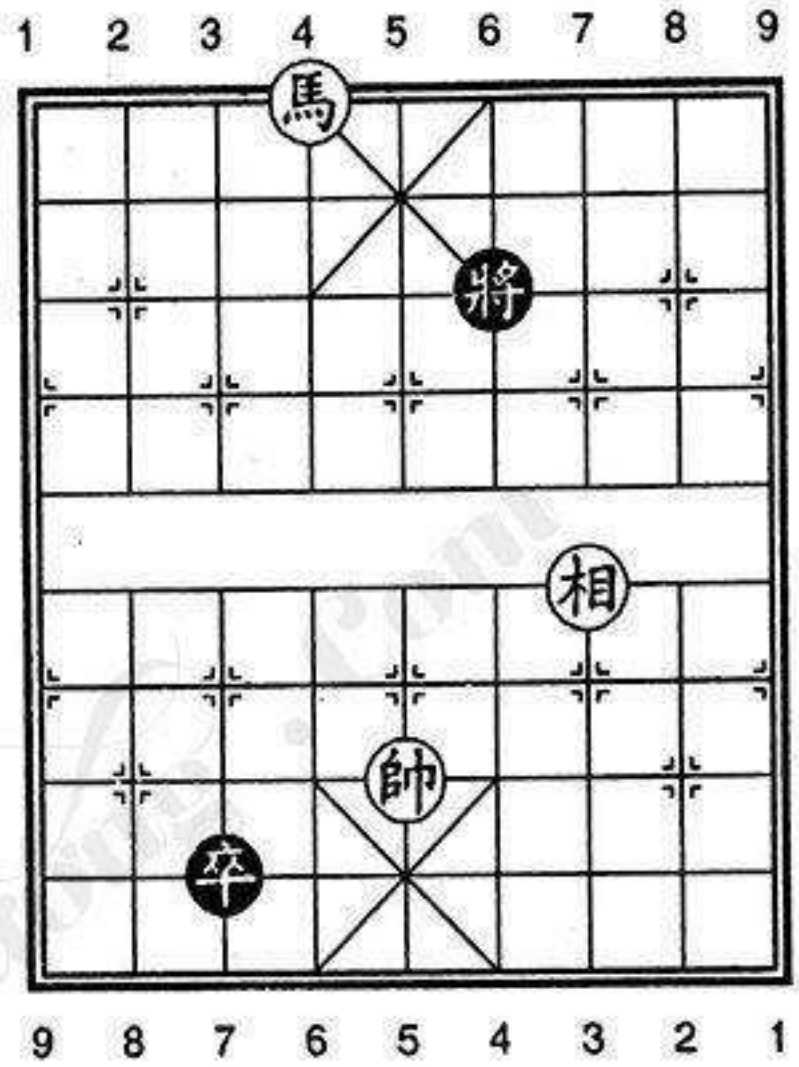

THẾ 42 TRẮNG HÒA

1. 兵t–4 將6.1
2. 兵5–4 將6.1
3. 炮s–4 卒6.1
4. 車2–4 將6.5
5. 炮1–5 卒5.1
6. 車3–5 將5–4
7. 車5–6 炮3–4
8. 車6.1 將4–5
9. 車4–5 車3/4

(*) Xem sách HĐH

Sách Cờ Tướng .Com

10. 相5/7 將5–6
11. 相7.9 車3–4
12. 車5.2 象9.7
13. 帥6–5 車4–6

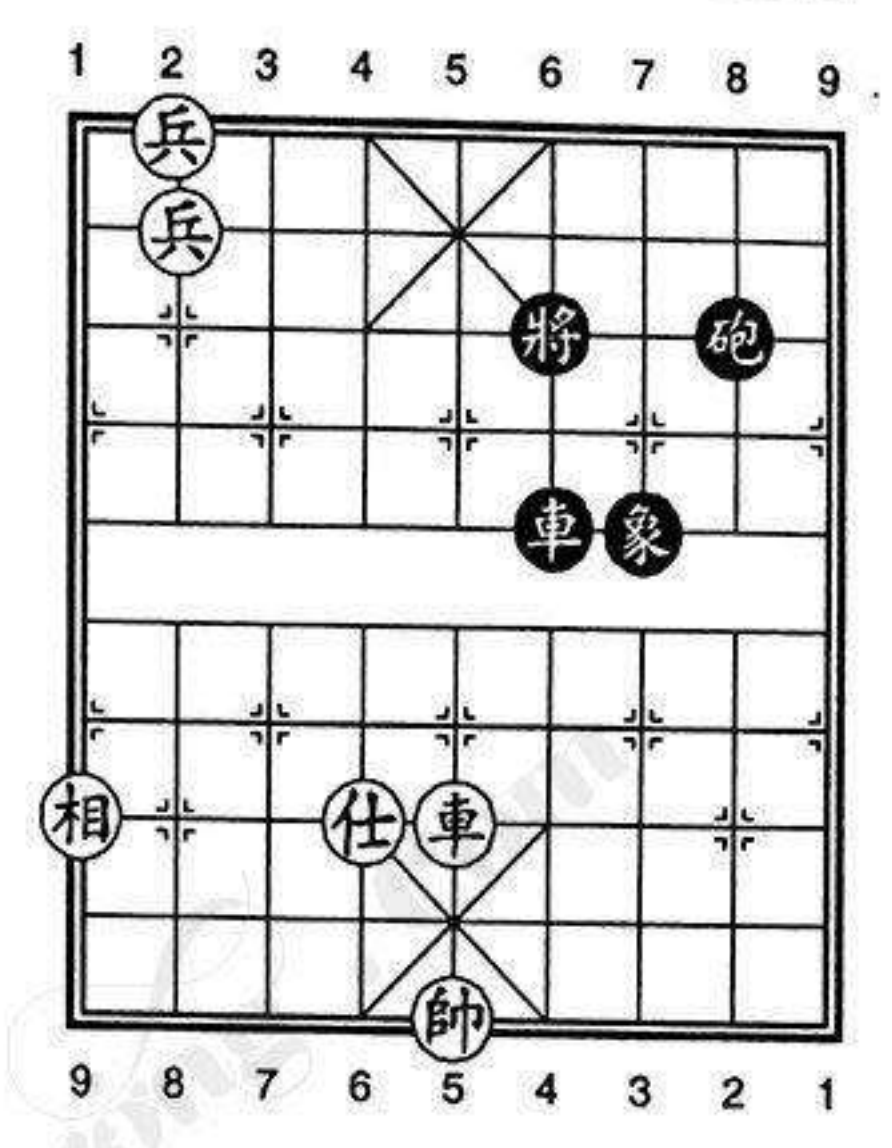

THẾ 43 TRẮNG HÒA

1. 炮t–6 車4.1
2. 兵5–6 車4/2
3. 車4–6 將4.1
4. 車1–2 馬5.7
5. 車2–3 炮8–9
6. 車3–1 炮9–6
7. 車1/2 卒8–9
8. 炮1–6 卒9–8
9. 炮6/5 炮3–6
10. 馬3/4 炮t–9
11. 馬4/6 將4–5
12. 馬6/5 炮9.1
13. 帥4.1 炮9–4

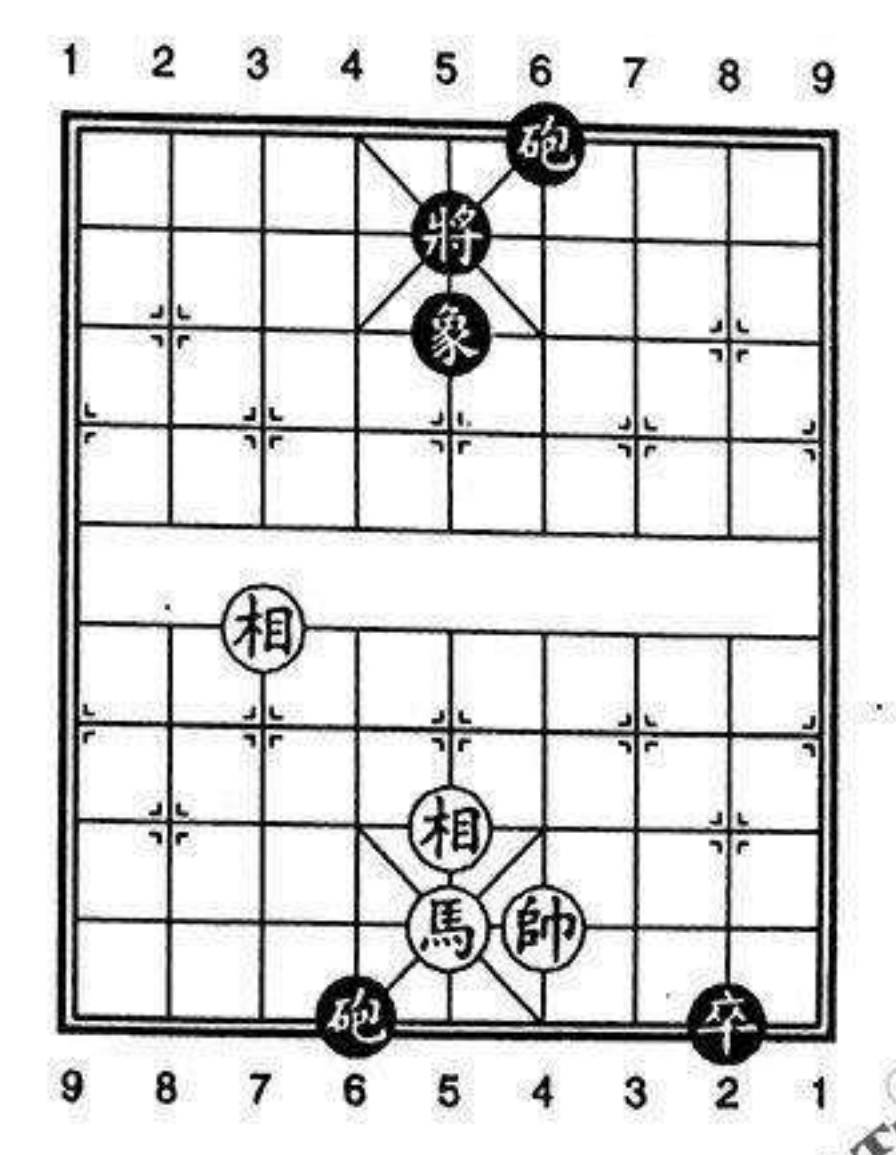

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 44 TRẮNG HÒA

1. 兵8–7	車3–2
2. 兵3.2	象5/7
3. 車2–8	炮7.1
4. 仕4.5	卒6–7
5. 仕5.4	車2.2
6. 兵7.1	車2–8
7. 兵5–4	象7.5
8. 馬2.4	車8–6
9. 兵4.1	卒7–6
10. 兵4–5	炮7/5
11. 兵5.1	士6.5
12. 兵6–5	將5–6
13. 兵7–6	炮7/4
14. 兵6–5	炮7–5
15. 兵5.1	將6.1
16. 帥5–6	將6–5
17. 兵5–6	卒1–2
18. 帥6.1	卒2–3
19. 兵6–7	卒3–4
20. 兵7–8	卒5–4
21. 仕4/5	

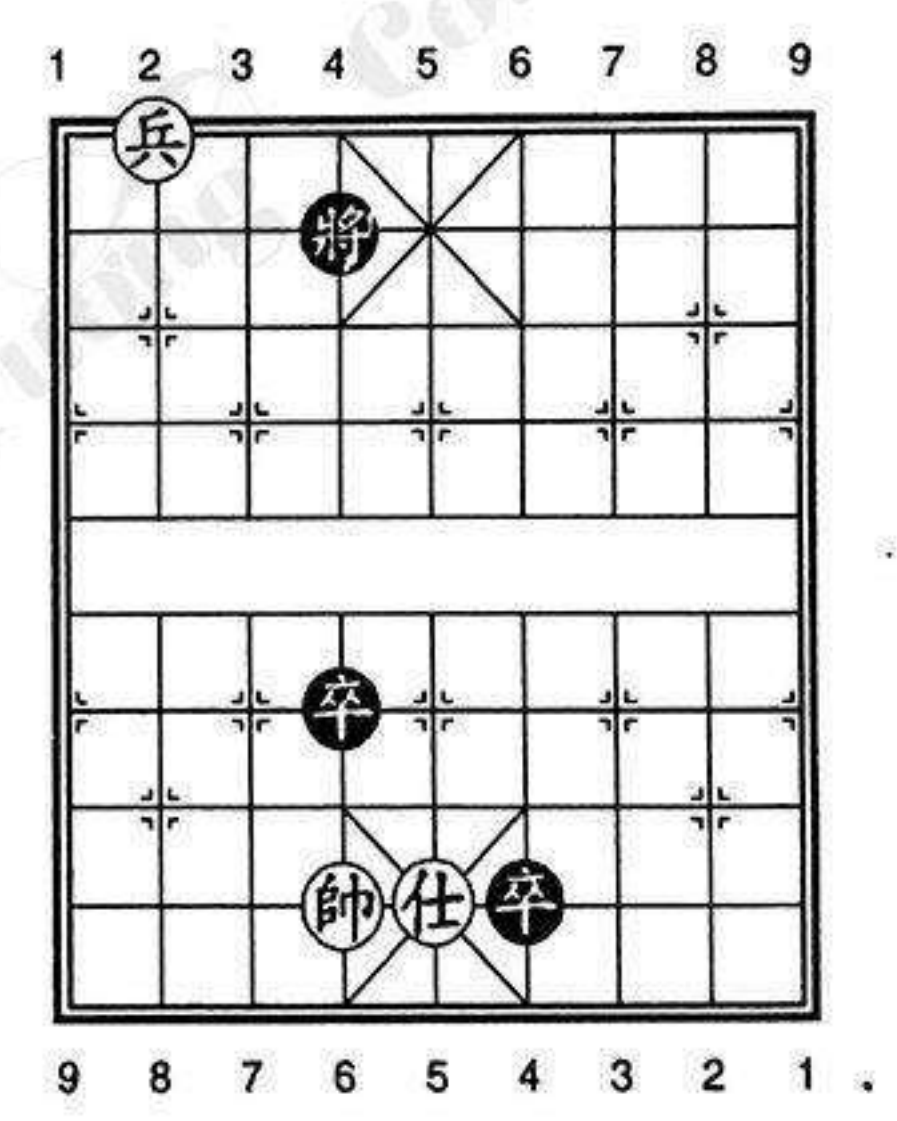

SáchCờTướng.Com

THẾ 45 TRẮNG HÒA

1. 炮3.2	象5/7
2. 車2–7	卒t–4
3. 帥6.1	卒3–4
4. 帥6/1	象7.9
5. 兵3–4	卒5.1
6. 車7/6	士5/4
7. 兵4–5	卒4.1
8. 車7–6	卒4.1
9. 帥6.1	卒8–7
10. 相3.1	卒7–6
11. 相1.3	士6.5
12. 兵5.1	

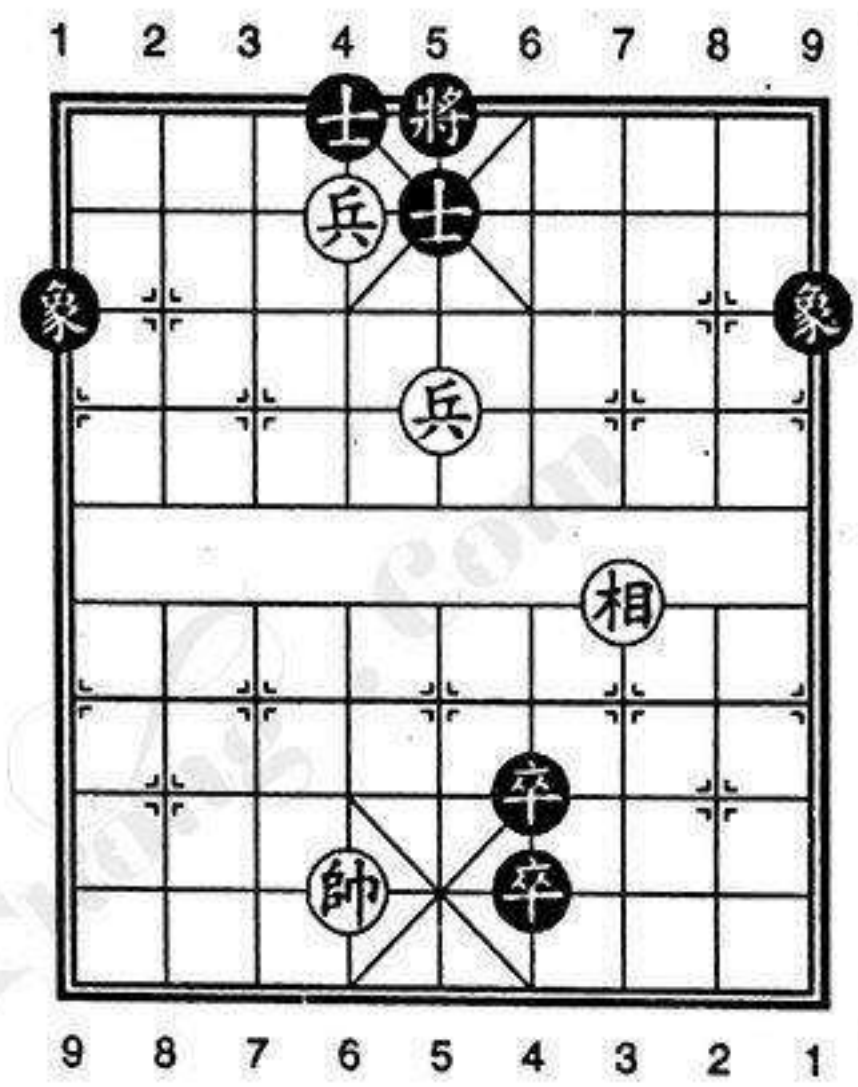

THẾ 46 TRẮNG HÒA

1. 車t.4	士5/6
2. 炮2.4	士6.5
3. 兵4.1	將5–6
4. 炮2/7	將6.1
5. 車s–4	炮5–6
6. 炮2–7	卒5–4
7. 車1/1	將6/1
8. 車4.3	士5.6

Sách Cờ Tướng.com

9.	車1–6	卒4–3
10.	車6/7	卒5–4
11.	帥6.1	卒1.1
12.	兵1.1	象3.5
13.	兵1.1	卒s.1
14.	兵1–2	卒s.1
15.	兵2.1	士6/5

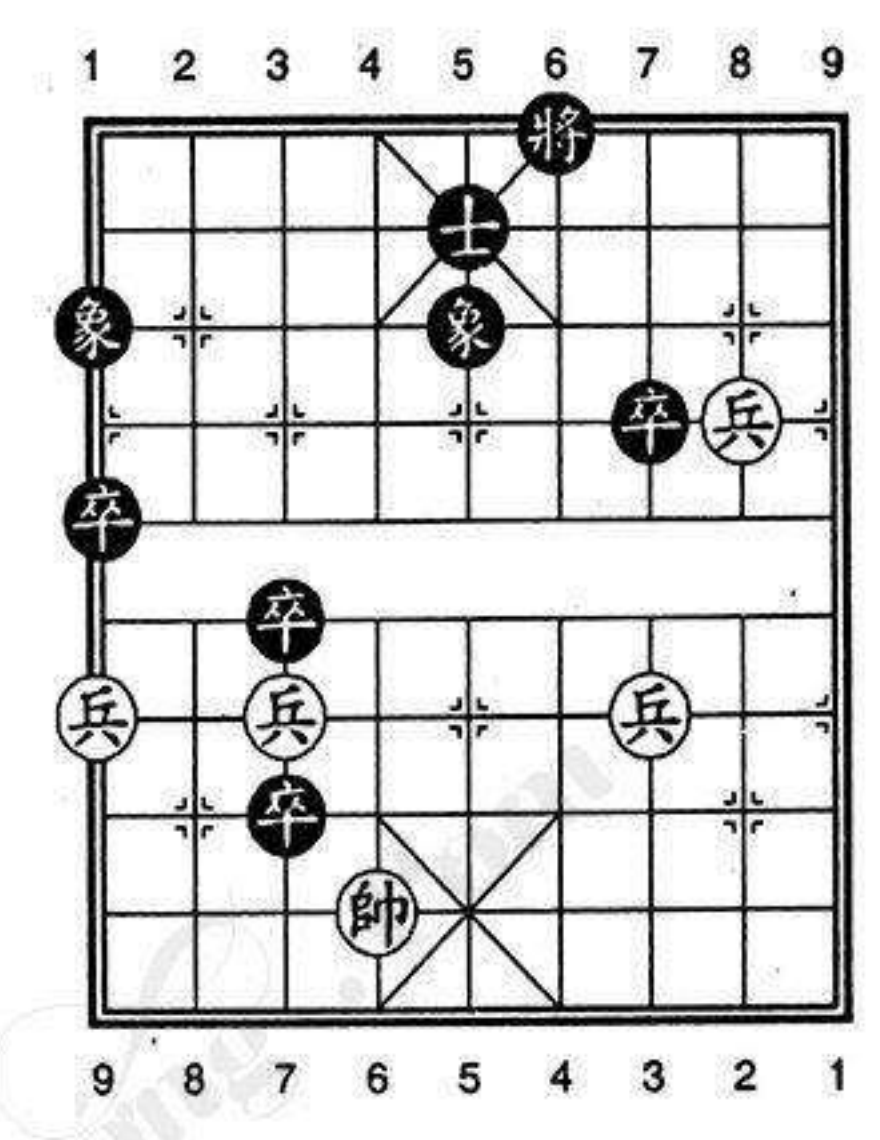

THẾ 47 TRẮNG THẮNG

1.	車1.1	車8–9
2.	車7–5	卒3.1
3.	馬8.6	車5–6
4.	帥4.1	炮9–3
5.	車5–7	士5.4
6.	車7–6	卒4–5
7.	帥4/1	車9–8
8.	車6–2	車8–7
9.	車2–4	士4.5
10.	兵4–5	將5–4
11.	車4–6	

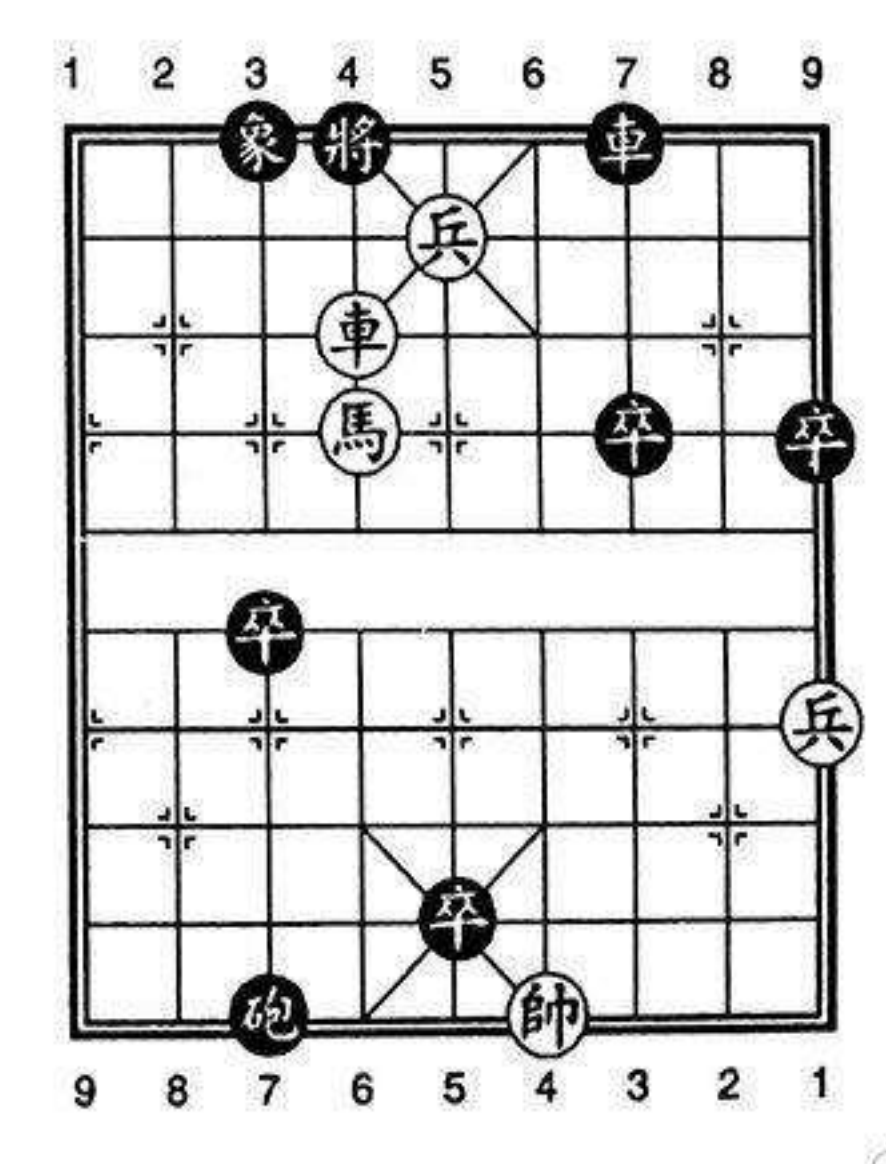

Sách Cờ Tướng.com

THẾ 48 TRẮNG THẮNG

1. 車s–6	士5.4
2. 車8.1	象5/3
3. 車8–7	將4.1
4. 馬9.8	將4–5
5. 車7–5	將5–6
6. 兵3.1	將6.1
7. 馬8/6	士4/5
8. 車5/1	士6.5
9. 炮9–5	士5.4
10. 炮s.2	

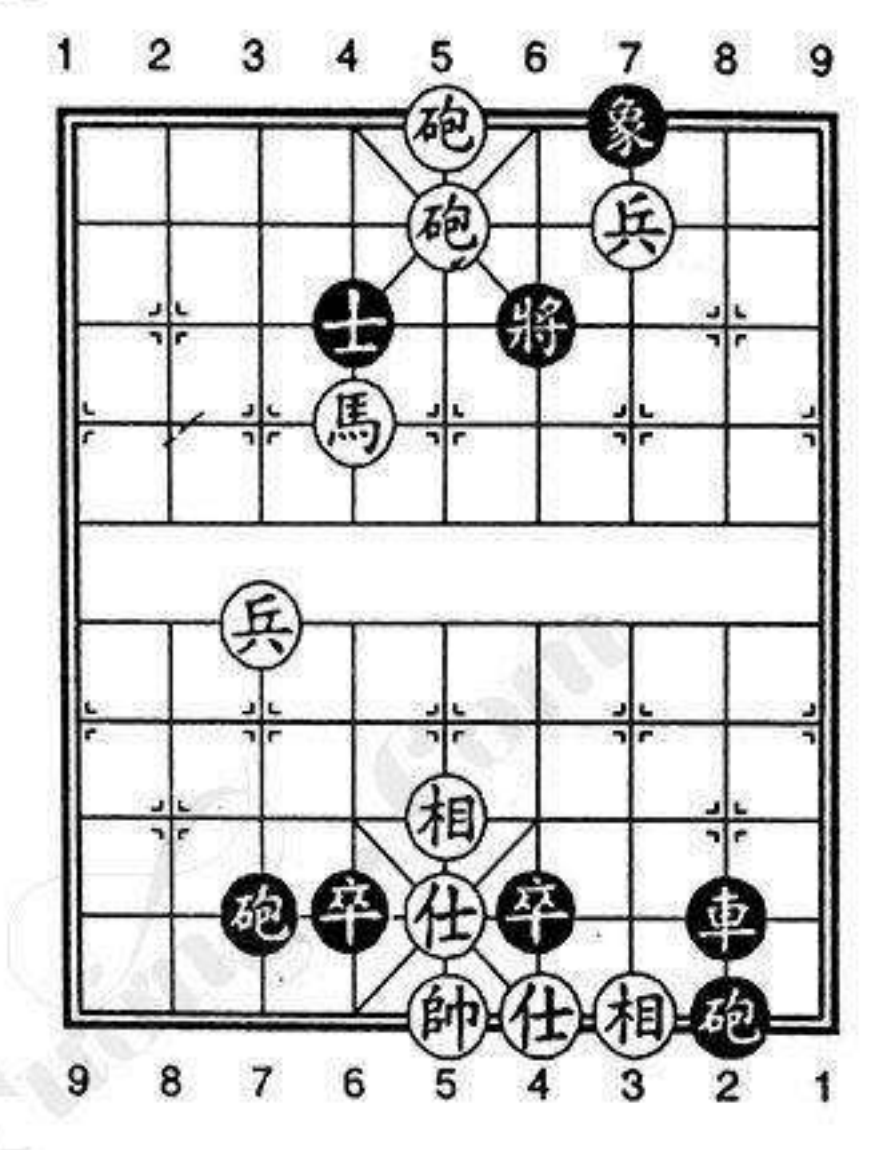

THẾ 49 TRẮNG HÒA

1. 車1.3	士5/6
2. 炮2.3	士6.5
3. 炮2/7	士5/6
4. 車3–5	將5–4
5. 車5–6	將4–5
6. 炮2–5	車2–5
7. 車1–4	將5–6
8. 車6.3	將5/1
9. 車6–5	將6.1
10. 車5/1	將6/1

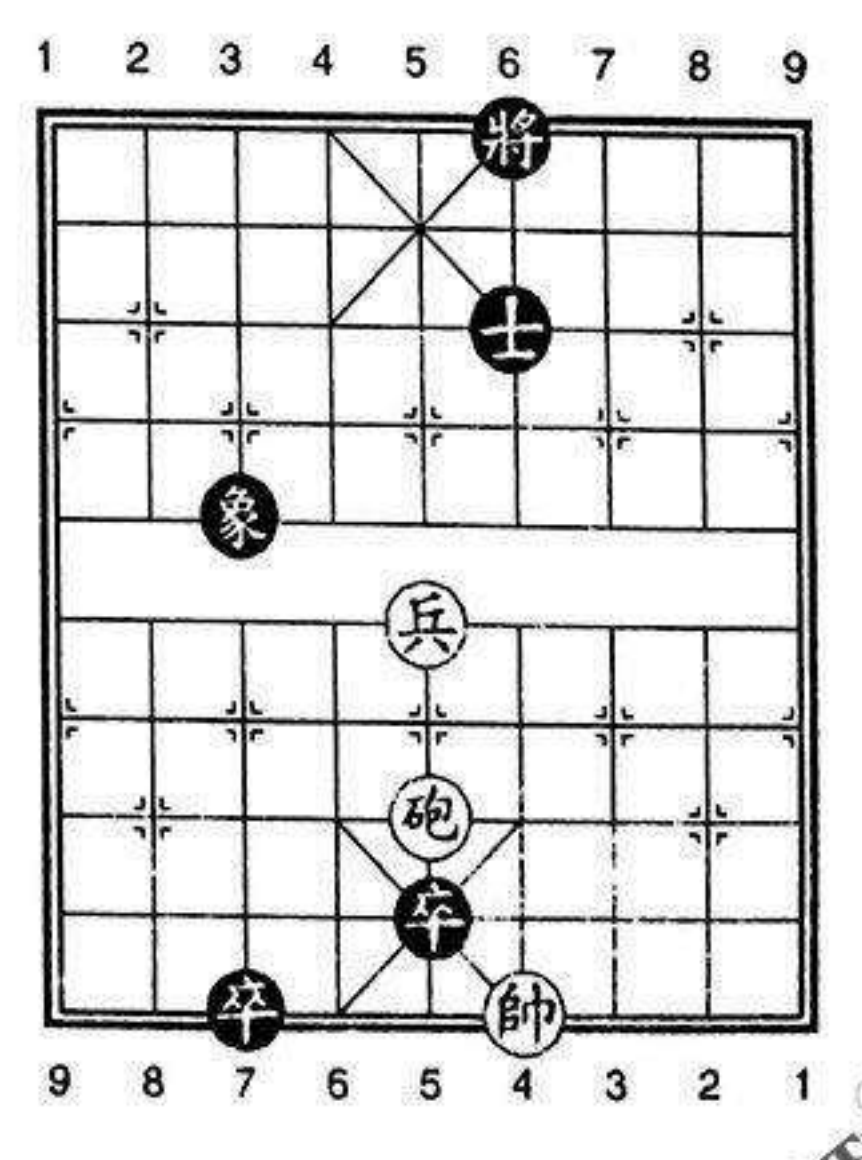

Sách Cờ Tướng.Com

11. 車5–9 炮1–3
12. 車9/8 卒4.1
13. 車9–7 卒4.3
14. 兵5.1

THẾ 50 TRẮNG HÒA

1. 兵6.1 將4–5
2. 兵6.1 士5/4
3. 車3–5 士6.5
4. 馬8.6 將5–6
5. 炮8.5 將6.1
6. 車5–4 將6.1
7. 炮8/2 象3/5
8. 兵5.1 將6/1
9. 兵5–4 將6/1
10. 炮8.2 炮3/9
11. 兵4.1 車6/5
12. 馬6.7 士5.4
13. 馬7/6 士4.5
14. 馬6.8 馬6.5
15. 帥6–5 將6–5
16. 馬8/6 將5–6
17. 馬6.4 將6.1

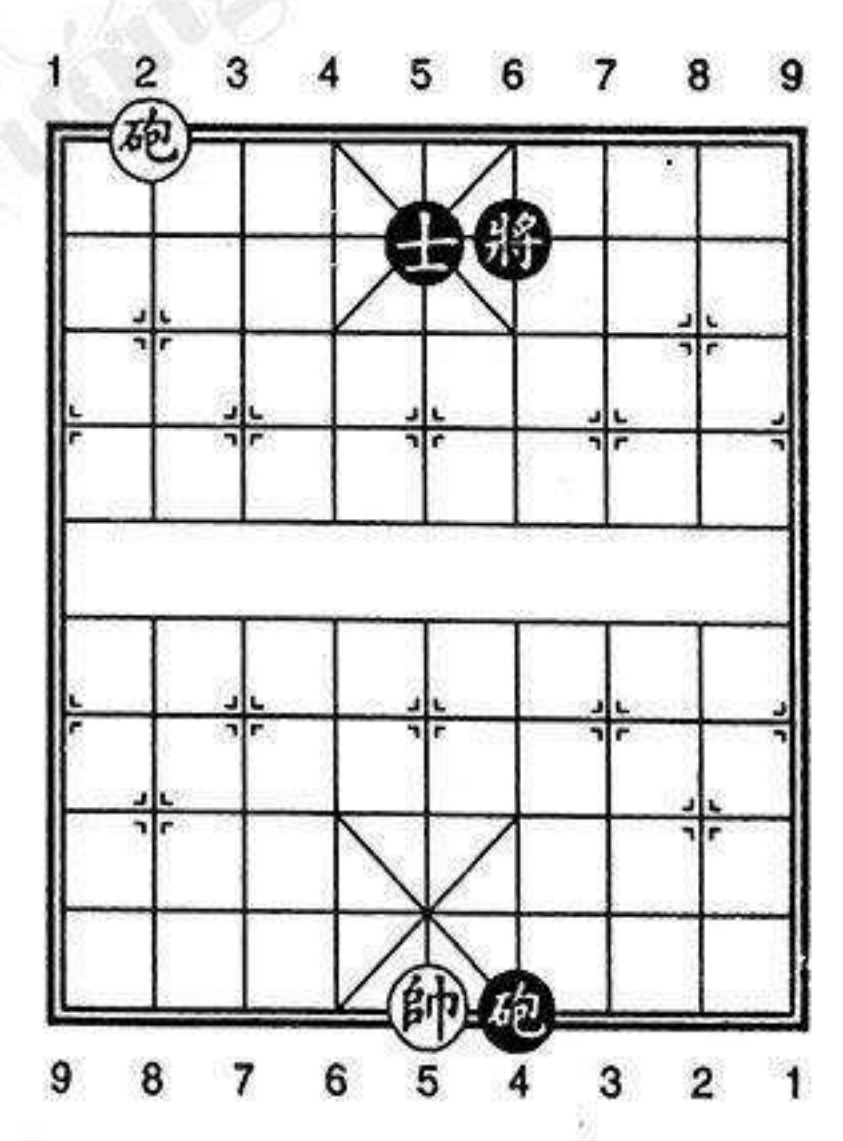

Sách Cờ Tướng . Com

THẾ 51 TRẮNG HÒA

1. 車2.5	象5/7
2. 車2–3	士5/6
3. 車3/8	士6.5
4. 車3.8	士5/6
5. 炮1–4	卒6–7
6. 兵7–6	將4.1
7. 兵6.1	將4–5
8. 兵6.1	將5–6
9. 炮4/8	卒2.1
10. 炮4/1	卒1–2
11. 車3/7	將6.1
12. 車3.5 ?	將6/1
13. 車3.1	將6.1
14. 車3–5	車5/7
15. 兵6–5	將6–5
16. 兵5–6	卒2–3
17. 炮4–8	卒3.1
18. 帥6.1	卒3–2

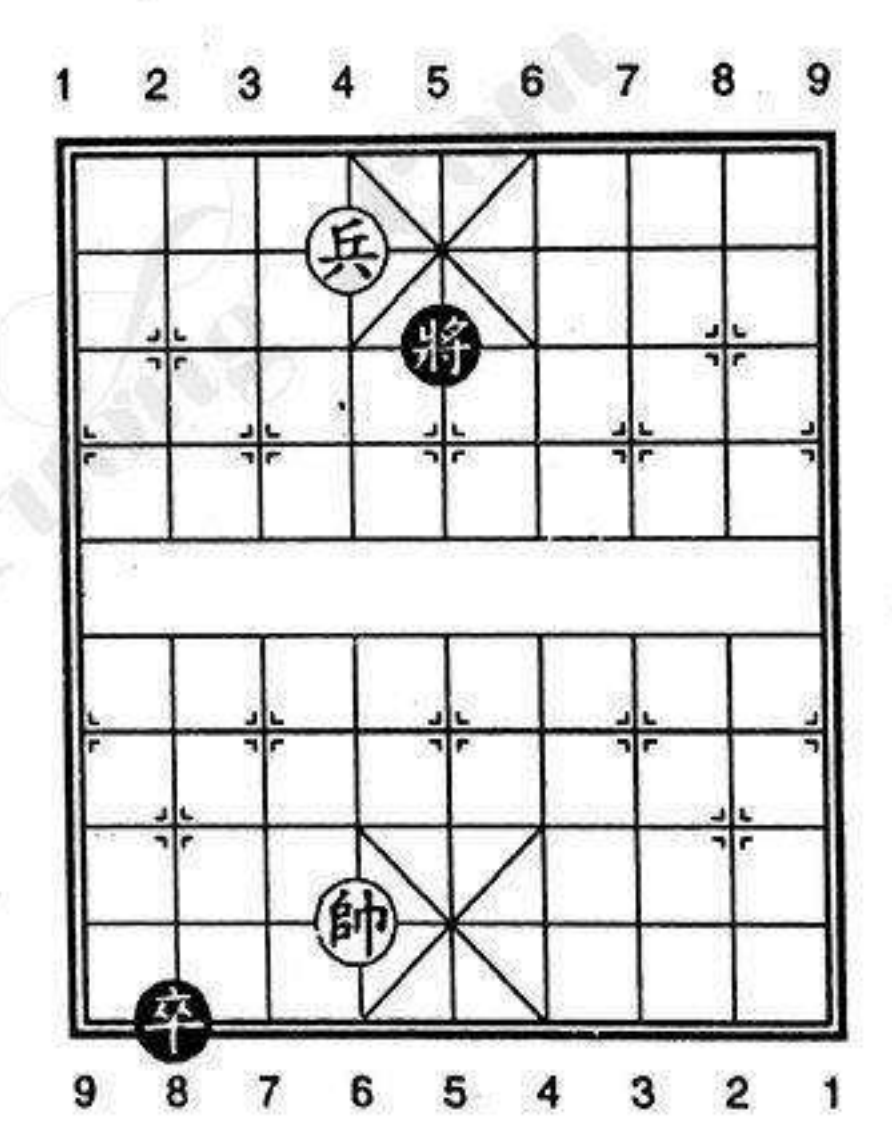

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 52 TRẮNG THẮNG

1.	車2.5	象5/7
2.	車2–3	士5/6
3.	車3/8	士6.5
4.	車3.8	士5/6
5.	炮1–4	卒6–7
6.	兵7–6	將4.1
7.	兵6.1	將4–5
8.	兵6.1	將5–6
9.	炮4/8	卒2.1
10.	炮4/1	卒1–2
11.	車3/7	將6.1
12.	炮4–8	卒2.1
13.	車3–7	車5/2
14.	帥6.1	車5–4
15.	帥6–5	車4–5
16.	帥5–6	車5/2
17.	車7–3	車5.5
18.	車3–4	將6–5
19.	車4.7	車5–7
20.	車4–5	將5–6
21.	帥6–5	

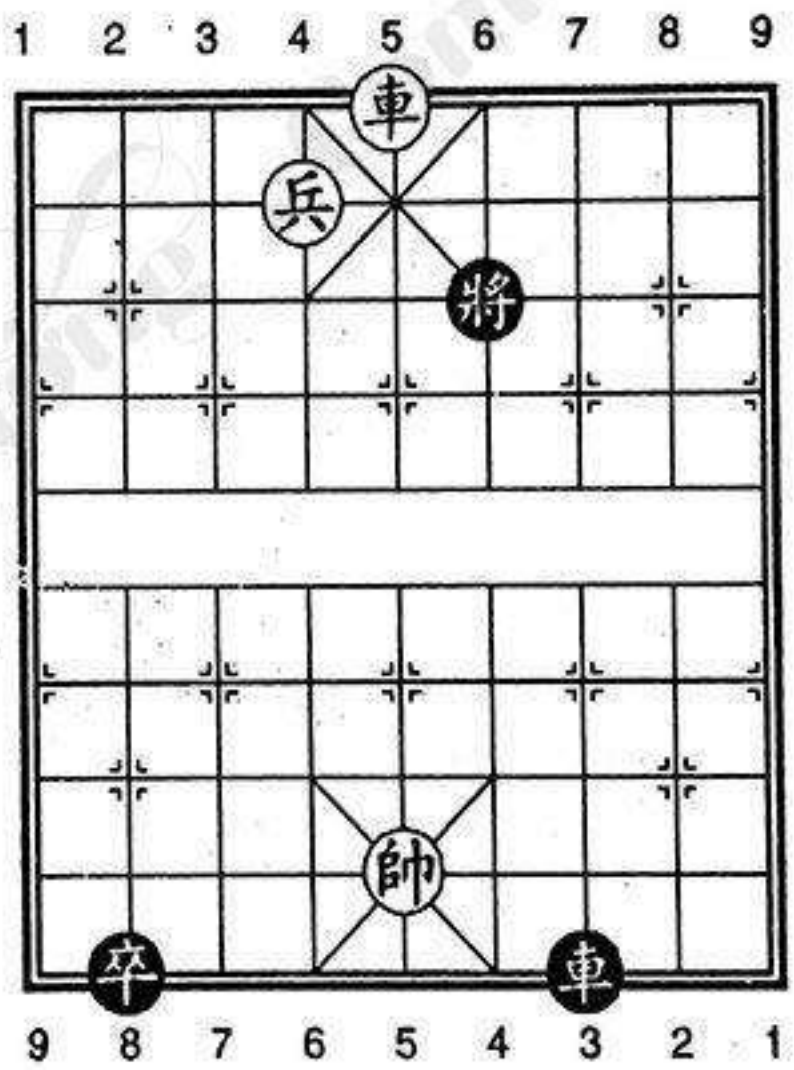

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 53 TRẮNG HÒA

1.	車4/6	車5/2
2.	車4–8	將4–5
3.	車8.7	將5/1
4.	炮4–6	卒1–2
5.	兵7–6	卒2–3
6.	兵3–4	車5.3
7.	帥6.1	車5/1
8.	帥6/1	卒3.1
9.	兵4–5	卒3.1
10.	相3.5	車5/1
11.	炮6–7	車5.1
12.	炮7.1	士4.5
13.	兵5.1	將5–6
14.	兵5–4	將6–5
15.	車8–5	車5/7
16.	兵4.5	將5.1
17.	兵6–7	卒3–2
18.	帥6.1	卒8–7
19.	兵7–6	卒7–6
20.	炮7/6	卒6–5
21.	帥6–5	卒5.1
22.	帥5–4	卒2–3

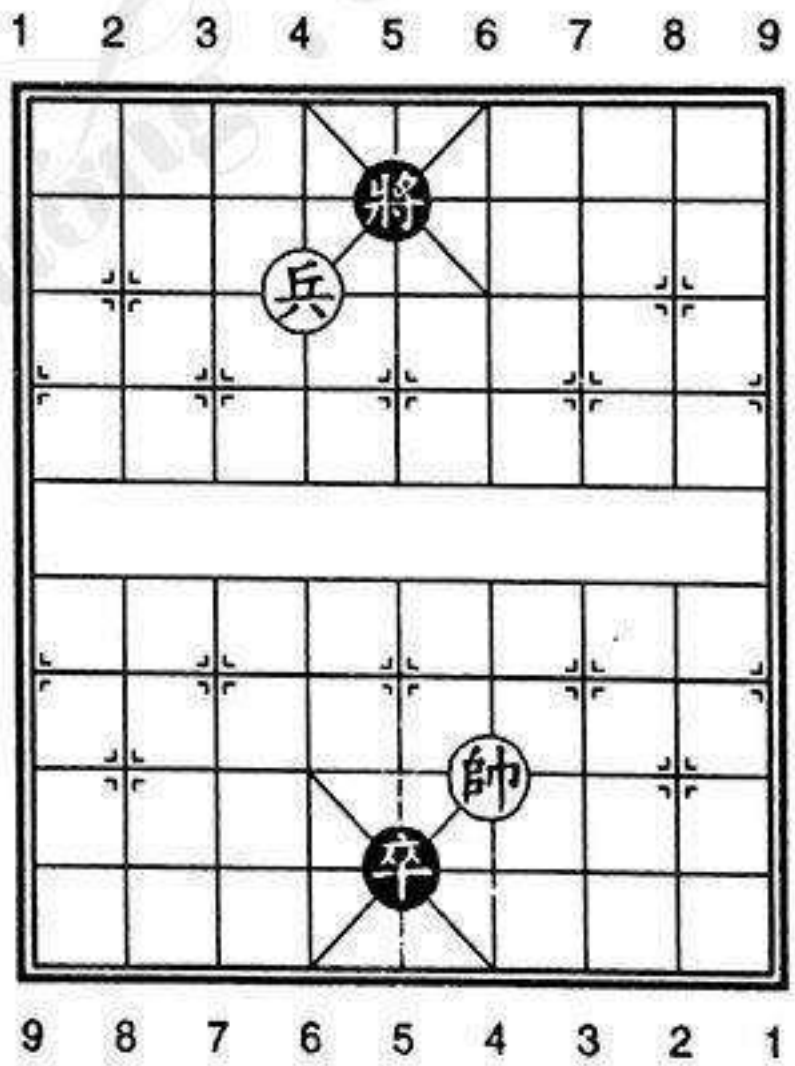

SachCoTuong.com

23. 炮7–2 卒3–4
24. 炮2/3 卒4–5
25. 炮2–5 卒5.1
26. 帥4.1

THẾ 54 TRẮNG THẮNG

1. 相3.5 車5/1
2. 車4–6 將4–5
3. 車6.1 將5/1
4. 車6.1 將5.1
5. 車6/1 將5/1
6. 炮4–5 卒2–3
7. 兵7.1 車5–7
8. 車6.1 將5.1
9. 兵7–6 將5–6
10. 兵3.1 將6.1
11. 車6–4 將6–5
12. 車4–5 將5–6
13. 帥6–5 車7.2
14. 帥5.1 卒3–4
15. 帥5–6 車7/8
16. 帥6–5 車7–4
17. 車5/3

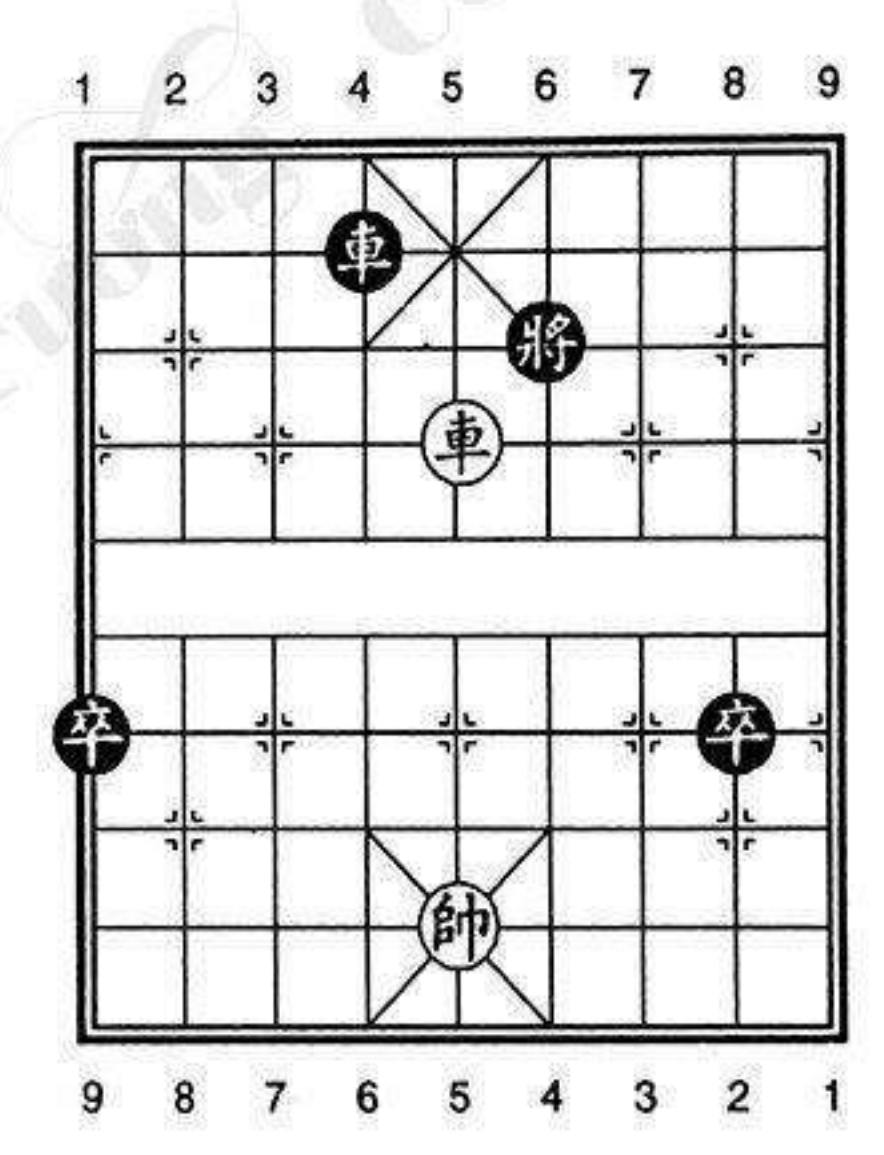

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 55 TRẮNG HÒA

1. 車1.5	馬s/8
2. 車1–2	馬6/7
3. 馬2.3	車8/9
4. 馬3.4	士4/5
5. 兵7.1	將4–5
6. 炮9.7	車4/8
7. 馬4.2	炮6/9
8. 炮9–6	炮6–4
9. 兵7–6	將5–4

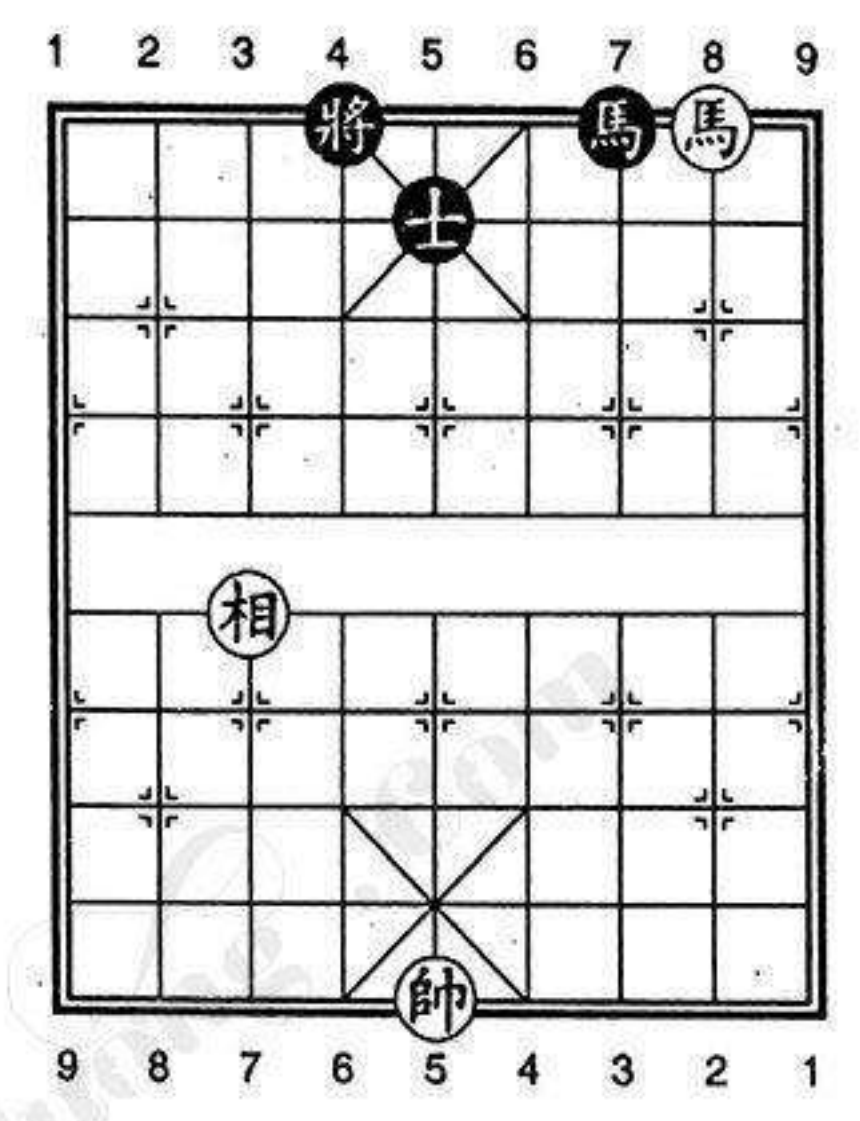

THẾ 56 TRẮNG HÒA

1. 車3–5	車t–5
2. 車5.1	馬t/5
3. 炮5.4	車4–2
4. 炮5–6	馬4.5
5. 車5.3	將5–4
6. 兵9–8	卒3–4
7. 車5/5	卒4.1
8. 車5–6	卒t–4
9. 帥6.1	車2.1
10. 炮3–8	卒3–4
11. 炮8/7	卒8.1

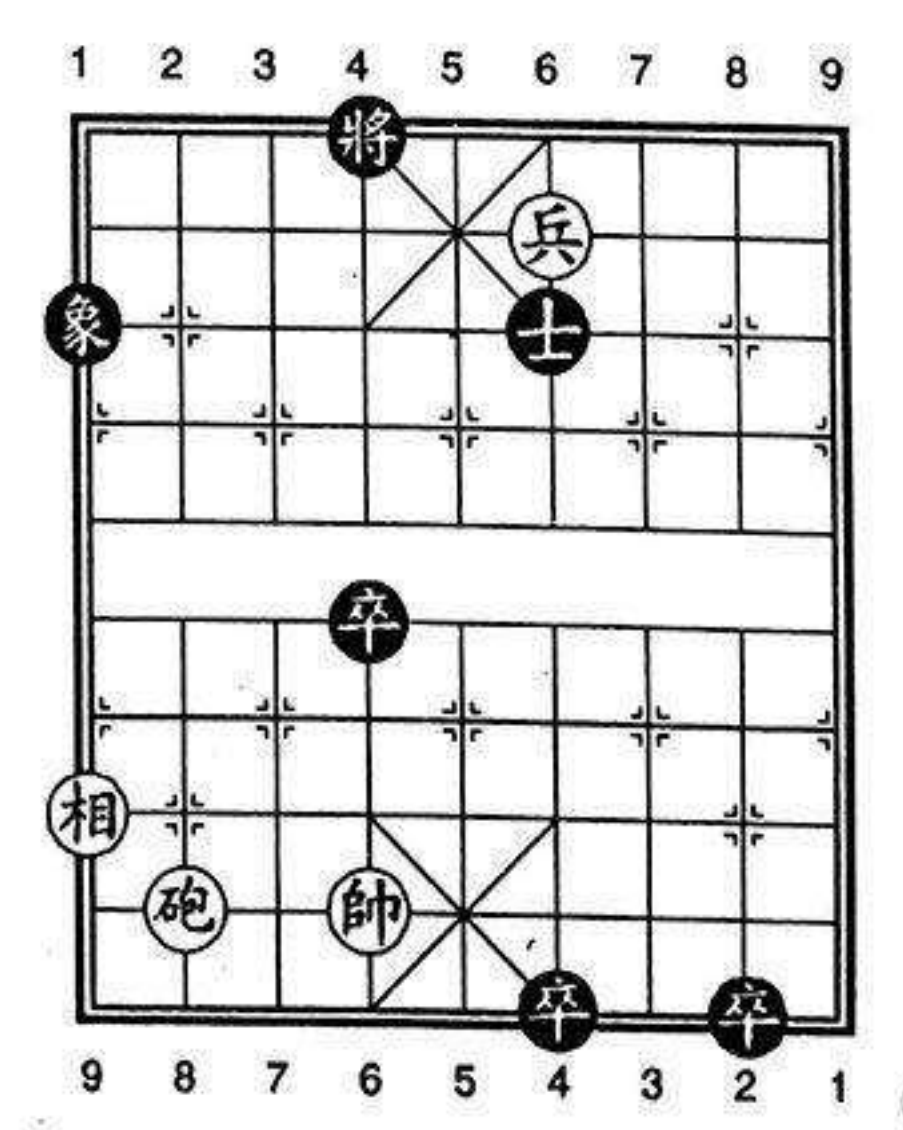

SáchCờTướng.com

THẾ 57 TRẮNG HÒA

1. 車1.4	馬6/8
2. 車1–2	象5/7
3. 車2–3	士5/6
4. 馬4.5	將4–5
5. 車3–4	將5.1
6. 兵7–6	將5–4
7. 車4–6	將4–5
8. 車6/7	炮5/2
9. 車6–9	象1.3
10. 車9.2	象3/5
11. 帥4–5	

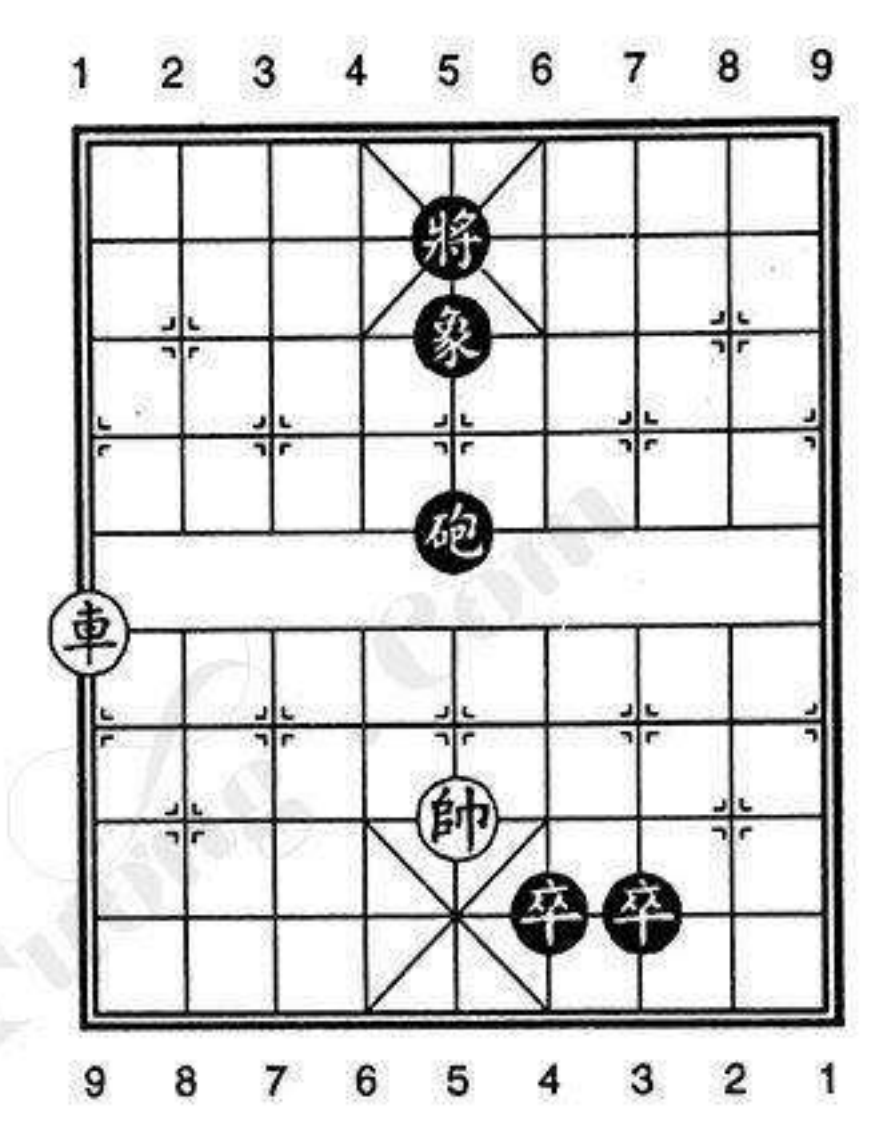

THẾ 58 TRẮNG THẮNG

1. 炮t–4	車6–7
2. 炮1–4	卒7–6
3. 車1.9	車7/2
4. 兵t.1	將6–5
5. 炮4–5	車2–5
6. 車1–3	炮4–7
7. 車2.4	車5.1
8. 兵5.1	卒4–5
9. 帥5–6	炮7.9

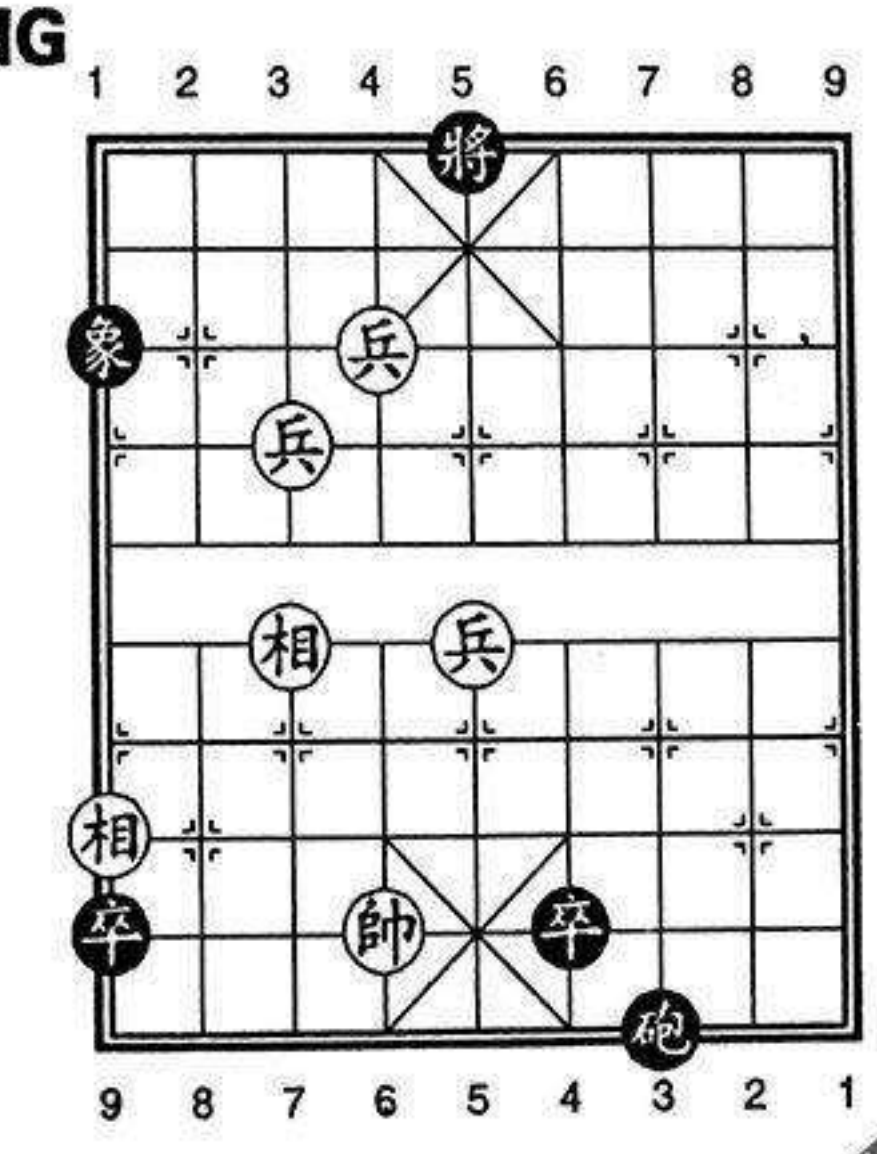

Sách Cờ Tướng.Com

10. 車2–5 將5–6
11. 車5–4 將6–5
12. 車4/5 卒5–6
13. 帥6.1

THẾ 59 TRẮNG THẮNG

1. 兵6–7 車3/4
2. 馬5/7 ? 車3.3
3. 炮5–7 車3/3
4. 相5.7 車3.2 ?
5. 炮7.2 車3/5
6. 車2.2 將6.1
7. 兵5.1 士4.5
8. 車2–7 卒2–3
9. 車7/9 卒8–7
10. 車7.2 卒9.8

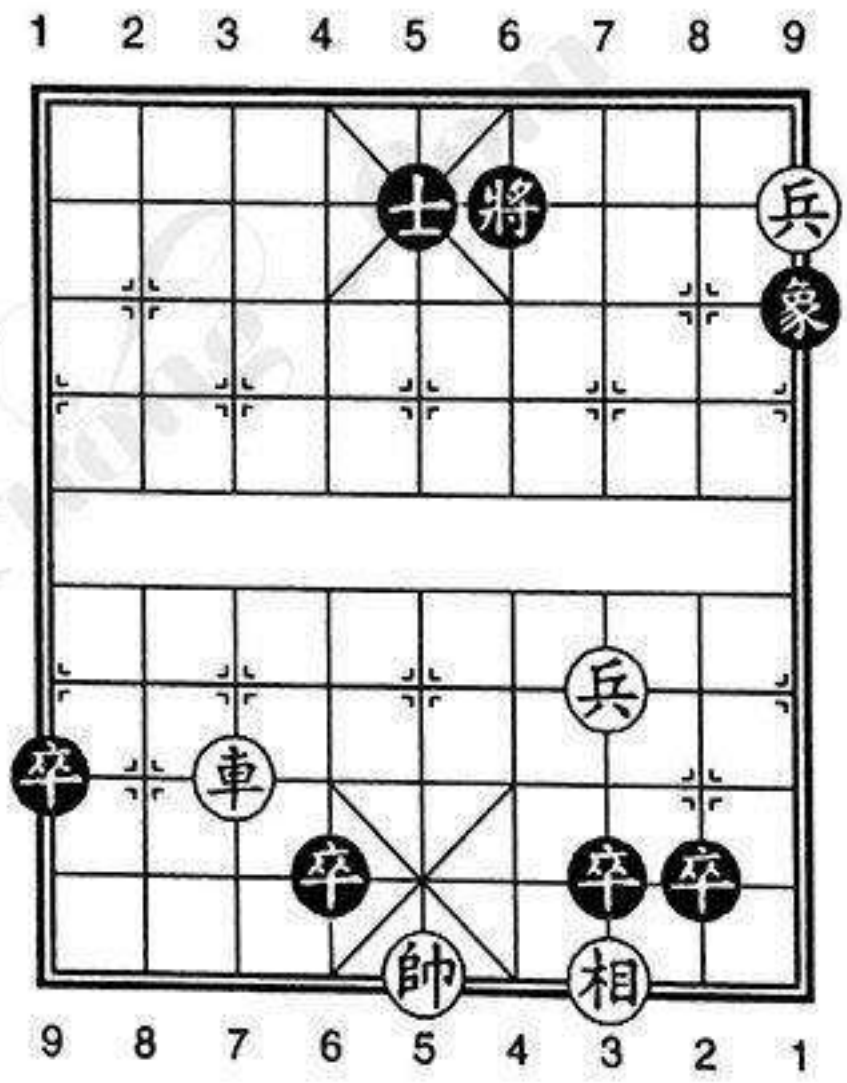

THẾ 60 TRẮNG HÒA

1. 車s–6 炮t–4
2. 車6/2 車2.9
3. 炮3–8 卒3–4
4. 炮8.1 卒7–6
5. 車2–4 卒6.1

Sách Cờ Tướng .Com

6.	車4/3	卒5–6
7.	炮8–4	炮4–6
8.	帥4–5	象5/7
9.	炮2/1	炮1–5
10.	炮2–6	炮6–5
11.	帥5–4	炮t/2
12.	炮4.1	

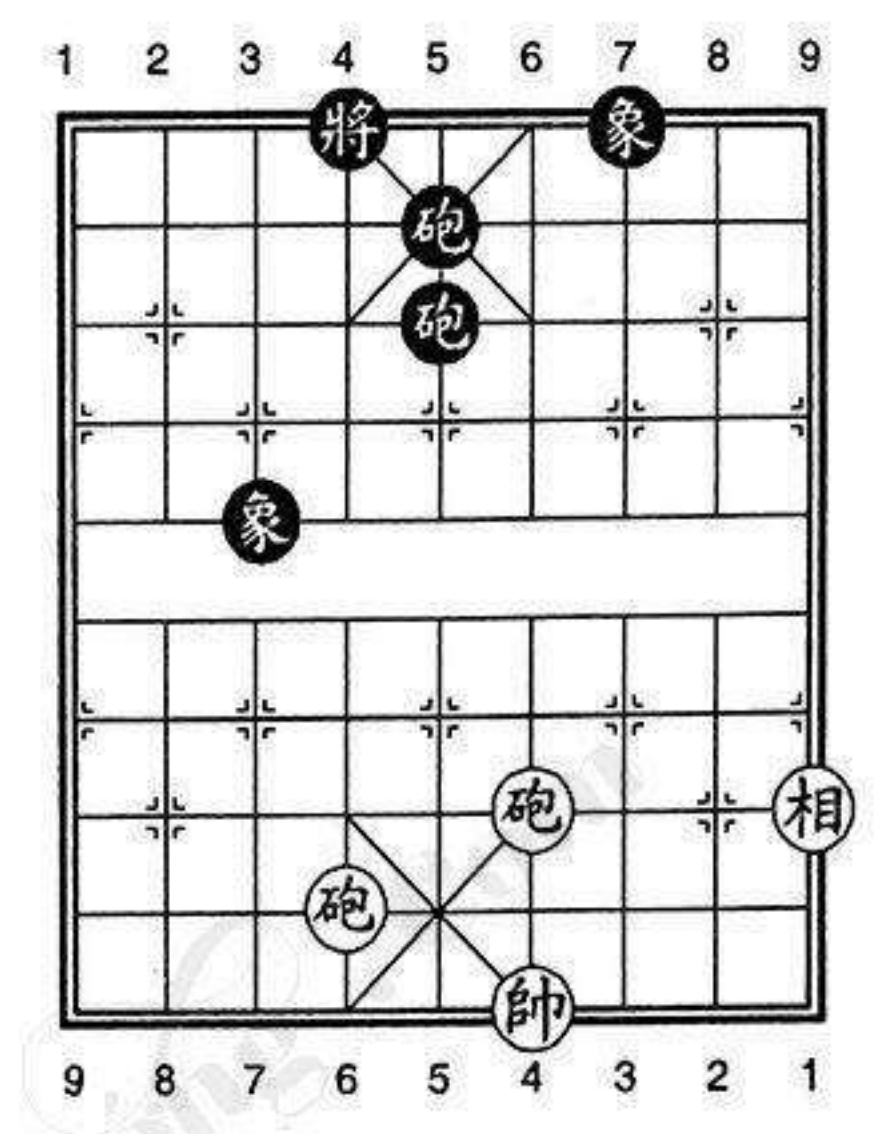

THẾ 61 TRẮNG HÒA

1.	兵3–4	將6.1
2.	車8.2	將6/1
3.	車8–4	將6.1
4.	車5.2	將6/1
5.	車5–4	將6.1
6.	炮s–4	車6/5
7.	兵3–4	車4.4
8.	相7/5	車4–1
9.	炮9–7	車1–6
10.	相5/3	車6/1
11.	炮7/6	車6.3
12.	炮7–5	車6–7

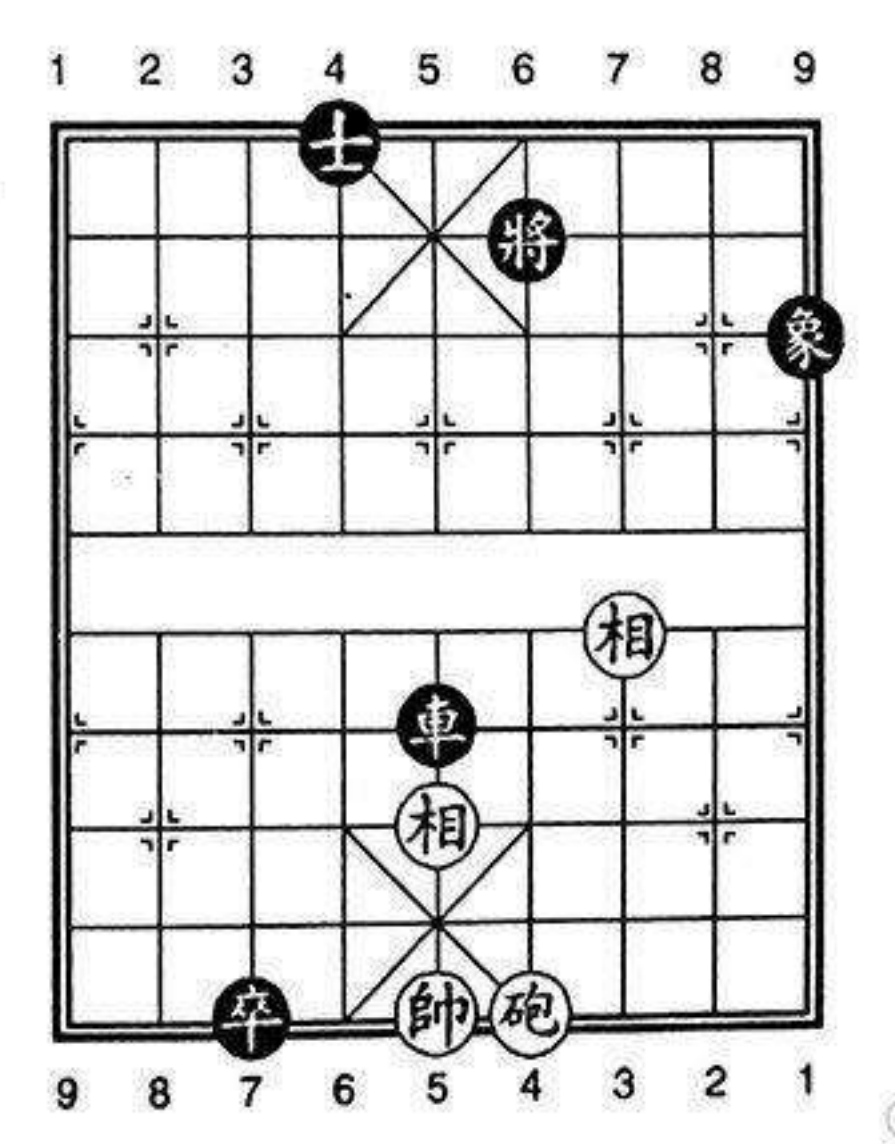

Sách Cờ Tướng .Com

13. Ⓣ相3.1	●卒2–3
14. Ⓣ炮5–4	●士6/5
15. Ⓣ相3/5	●車7–5
16. Ⓣ相1.3	●士5/4
17. Ⓣ炮4/2	

THẾ 62 TRẮNG HÒA

1. Ⓣ車s–5	●炮1–5
2. Ⓣ兵4.1	●將5–6
3. Ⓣ車1–4	●將6–5
4. Ⓣ車5–6	●炮5–4
5. Ⓣ車6.3	●卒5–4
6. Ⓣ車4.4	●將5.1
7. Ⓣ車4/1	●將5–6
8. Ⓣ車6/5	●車5–2
9. Ⓣ車6.6	●將6.1
10. Ⓣ炮1–7	●車2.1
11. Ⓣ車6.1	●車2–1
12. Ⓣ車6–7	

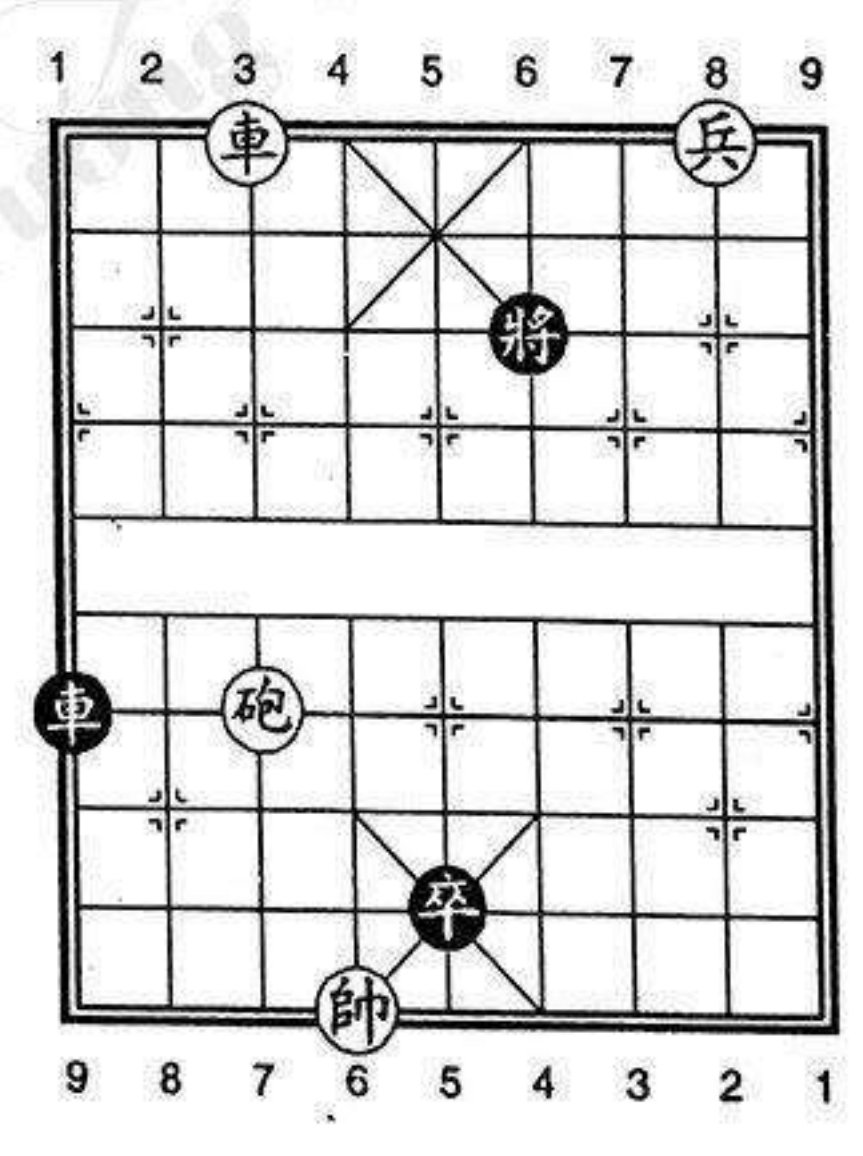

SachCoTuong.Com

THẾ 63 TRẮNG HÒA

1. 車1.3	象5/7
2. 車1–3	士5/6
3. 車4.3	將5.1
4. 車4–5	將5–4
5. 車5–6	將4–5
6. 車3–5	將5–6
7. 車6/1	將6.1
8. 車5–4	將6–5
9. 車6/4	卒t–4
10. 車6/3	卒3–4
11. 車6.1	卒5–4
12. 車4–7	炮1/9
13. 車4–6	炮1–5
14. 車6–4	卒6–5
15. 車4–6	將5/1
16. 車6.7	卒5–6
17. 帥6.1	卒6–5
18. 帥6.1	卒5–6
19. 車6/2	卒6–5
20. 車6–4	炮5–4
21. 車4/1	炮4–5

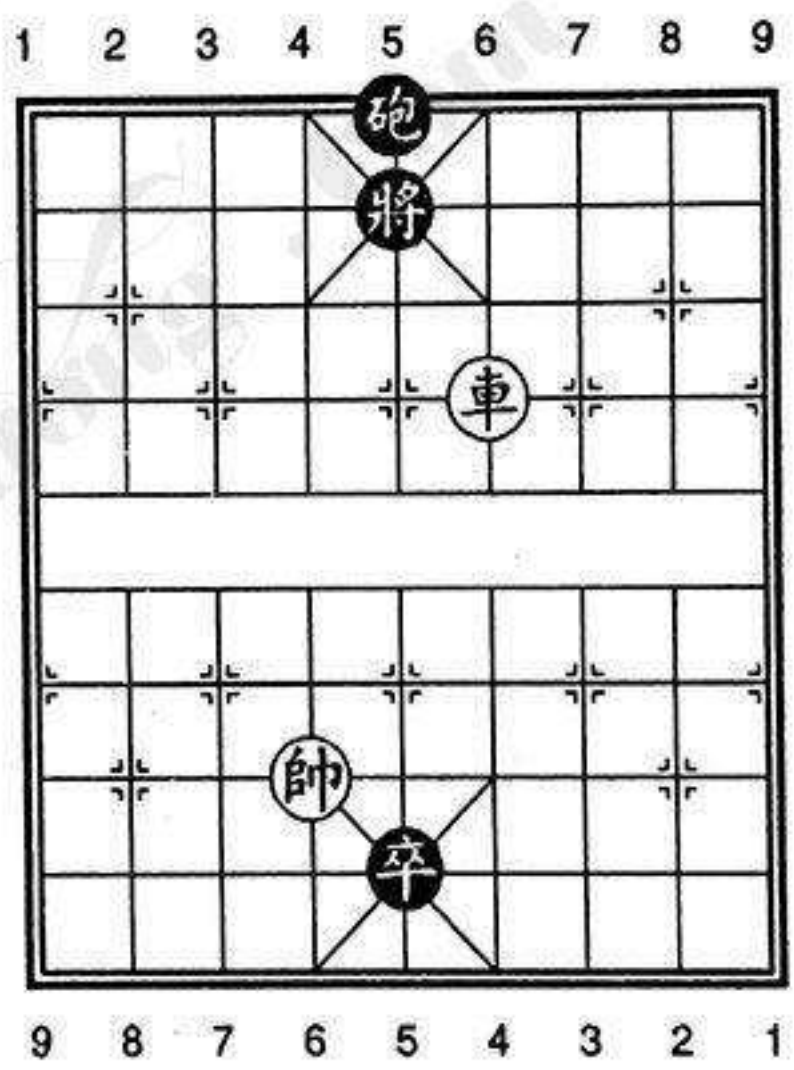

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 64 TRẮNG HÒA

1. 車1.2	象5/7
2. 車3.2	馬6/7
3. 車1–3	將5.1
4. 車3/1	將5/1
5. 車3–6	卒7.1
6. 車6/5	卒7–6
7. 兵2.1	卒4.1
8. 車6/3	卒6.1
9. 車6–5	卒8.7
10. 相5/3	卒5.1
11. 帥4.1	

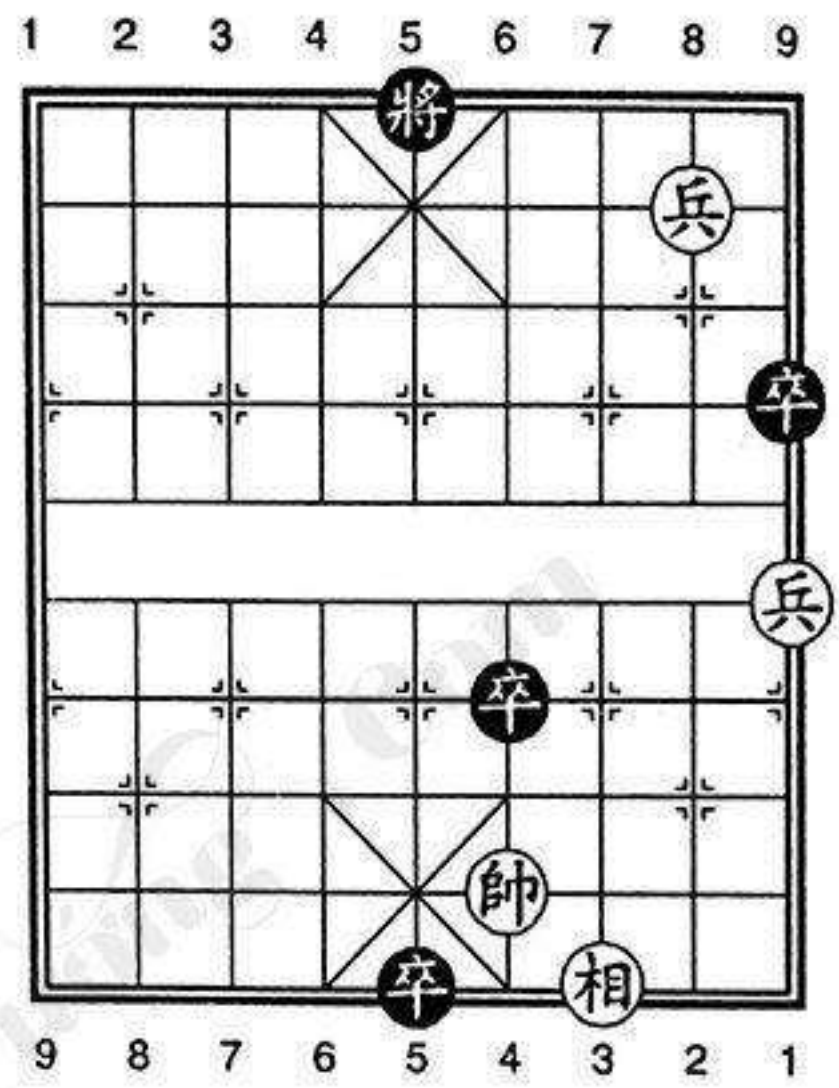

THẾ 65 TRẮNG HÒA

1. 炮s.9	車6–9
2. 車3/1	炮6/6
3. 車3/2	炮6–4
4. 車2–6	炮1.3
5. 相7.9	卒t.1
6. 車3–5	車9.5
7. 車5–7	車9–4
8. 帥6–5	炮4–5
9. 帥5–4	車4–6

SáchCờTướng.Com

10.	車7–4	車6.3
11.	帥4.1	炮1–9
12.	兵8–7	炮9/8
13.	兵6.1	炮5–8
14.	兵6.1	炮8/1
15.	兵6.1	炮8–4
16.	兵7–6	炮9–4
17.	兵5–6	將4.1
18.	兵4–5	

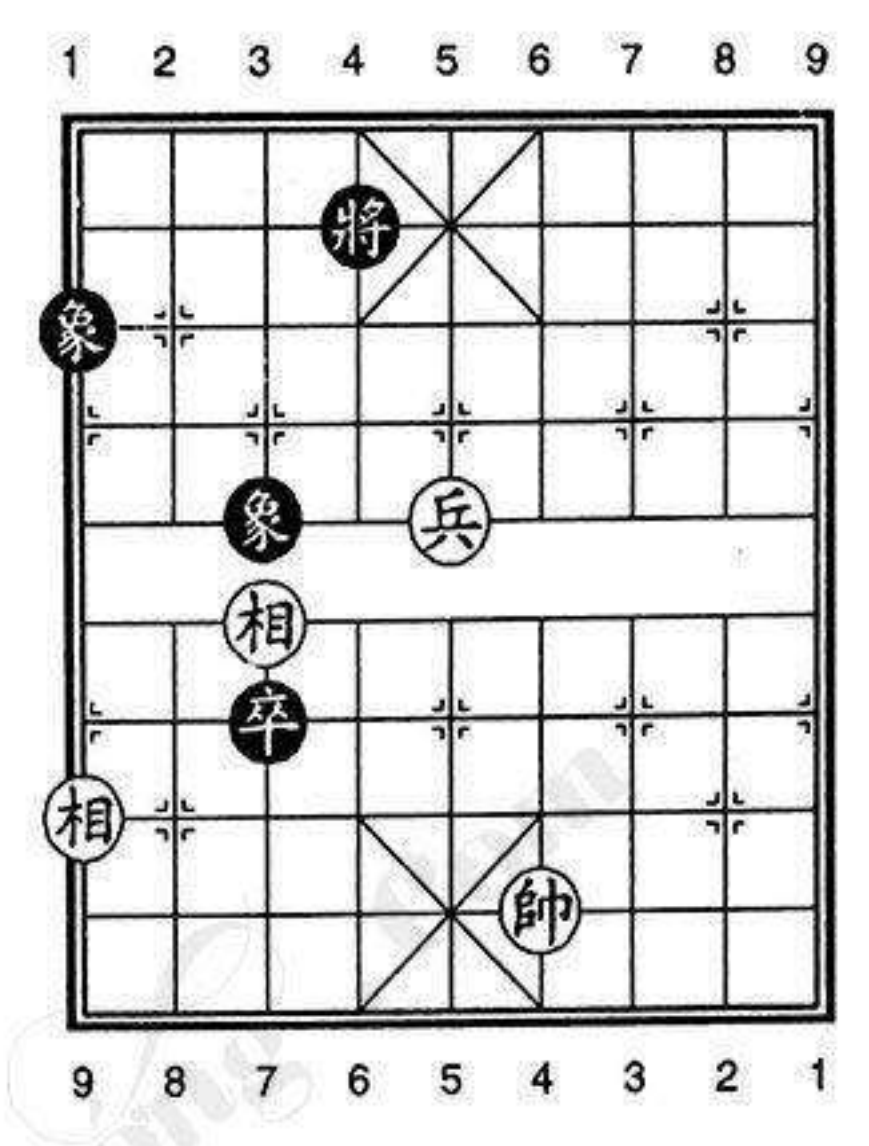

THẾ 66 TRẮNG HÒA

1.	車3–4	卒5–6
2.	炮1–7	車3/1
3.	車1.3	將6.1
4.	炮t.4	車3/5
5.	車1/1	將6/1
6.	炮7.9	車3/1
7.	車1.1	將6.1
8.	兵5.1	士4.5
9.	車1–7	卒2–3
10.	車7/9	卒7–8 ?

Sách Cờ Tướng .Com

11.	車7.4	炮2–5
12.	帥5–6	卒4–5 ?
13.	車7–4	士5.6
14.	車4–3	炮5–1
15.	兵3.1	炮1.8
16.	兵3.1	卒8–7
17.	車3/3 ?	炮1–7
18.	兵3–4	將6–5

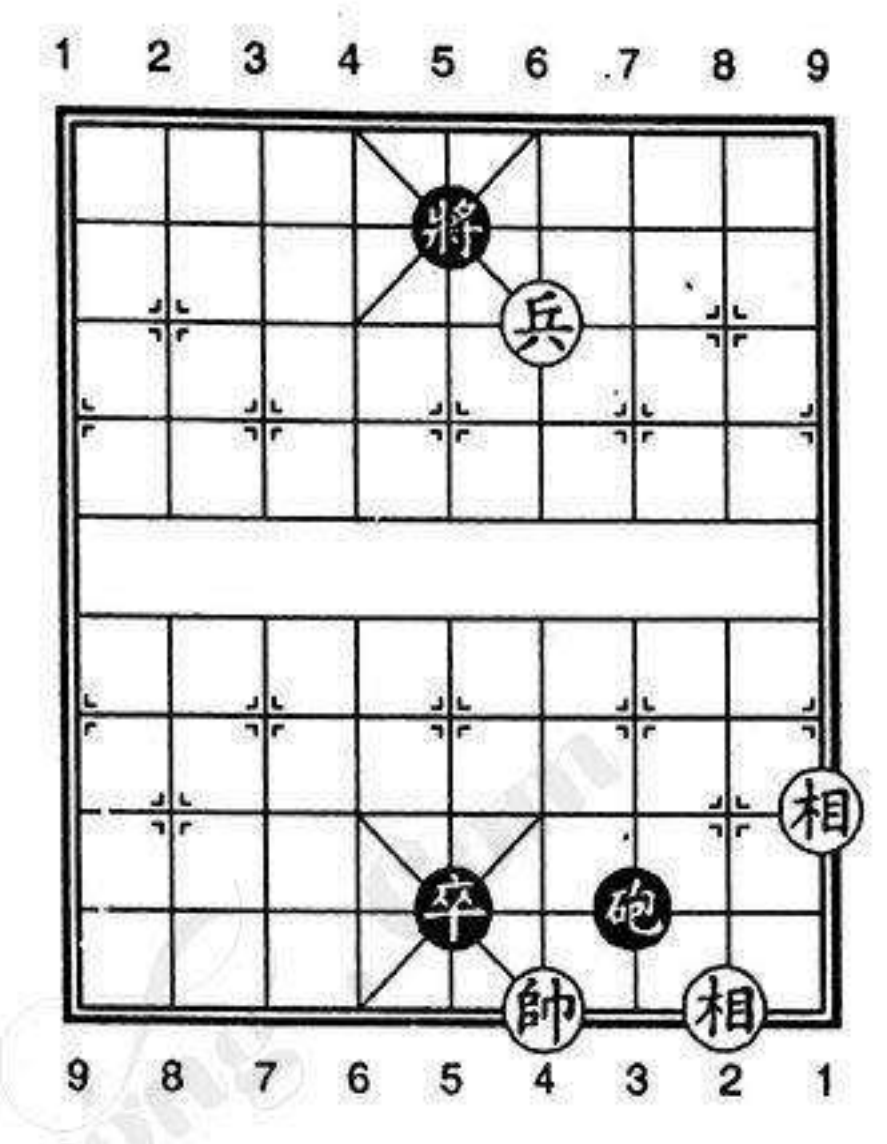

THẾ 67 TRẮNG HÒA

1.	車t.1	將5.1
2.	車s.1	將5.1
3.	車t–5	將5–6
4.	車5–4	將6–5
5.	車6/4	車1–6 !
6.	車6.2	車6/7
7.	車6–5	將5–6
8.	車5–4	將6–5
9.	車4.3	卒1–2
10.	車4–5	將5–6
11.	車5/8	卒2–3
12.	帥6.1	炮1–5
13.	帥6–5	

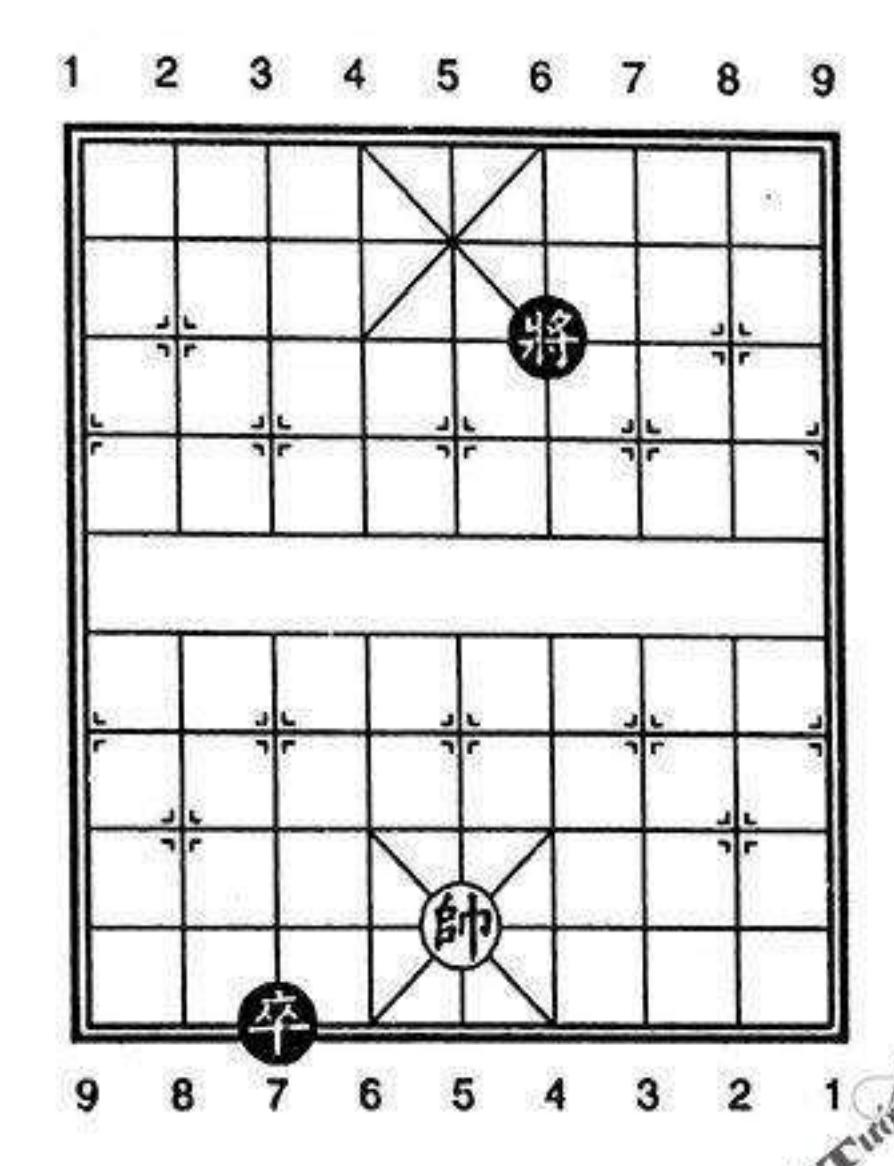

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 68 TRẮNG HÒA

1. 炮t–4	車6.1
2. 炮1–4	車6–7
3. 車1.7	炮4–9
4. 車3.2	卒4–5
5. 帥5–6	車3–4
6. 兵5–6	卒6.1
7. 車3/6	卒6–7
8. 相5/3	炮9.9
9. 相3.1	卒3.1
10. 相9.7	炮9–5
11. 相1.3	將6.1

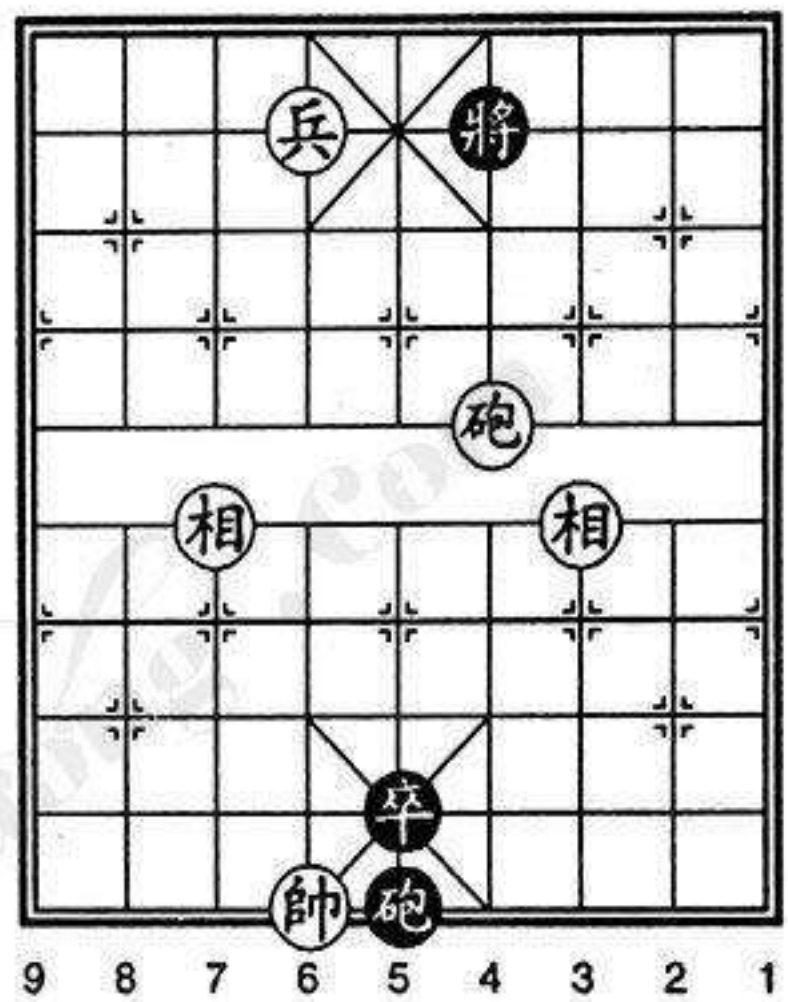

THẾ 69 TRẮNG HÒA

1. 車5.1	炮2–4
2. 車5–4	炮1/1
3. 車4.1	車1/1
4. 兵5.1	炮1–5
5. 車4–9	卒8–7
6. 車9/2	卒g–8
7. 車9–1	卒9–8
8. 車1.1	將4.1
9. 帥5–6	炮4.1

Sách Cờ Tướng.Com

10. 車1–5 炮5–4
11. 車5/4 卒t–7
12. 帥6.1 卒7.6
13. 帥6/1 卒7.1
14. 車5–2 卒6–5
15. 車2–5 卒7–6
16. 帥6.1 炮t.4
17. 車5.3 炮s–7
18. 車5–3 將4–5
19. 車3.2 將5.1
20. 車3.1 卒5.1
21. 帥6/1 卒6.1
22. 車3–5 卒5–6
23. 車5/7

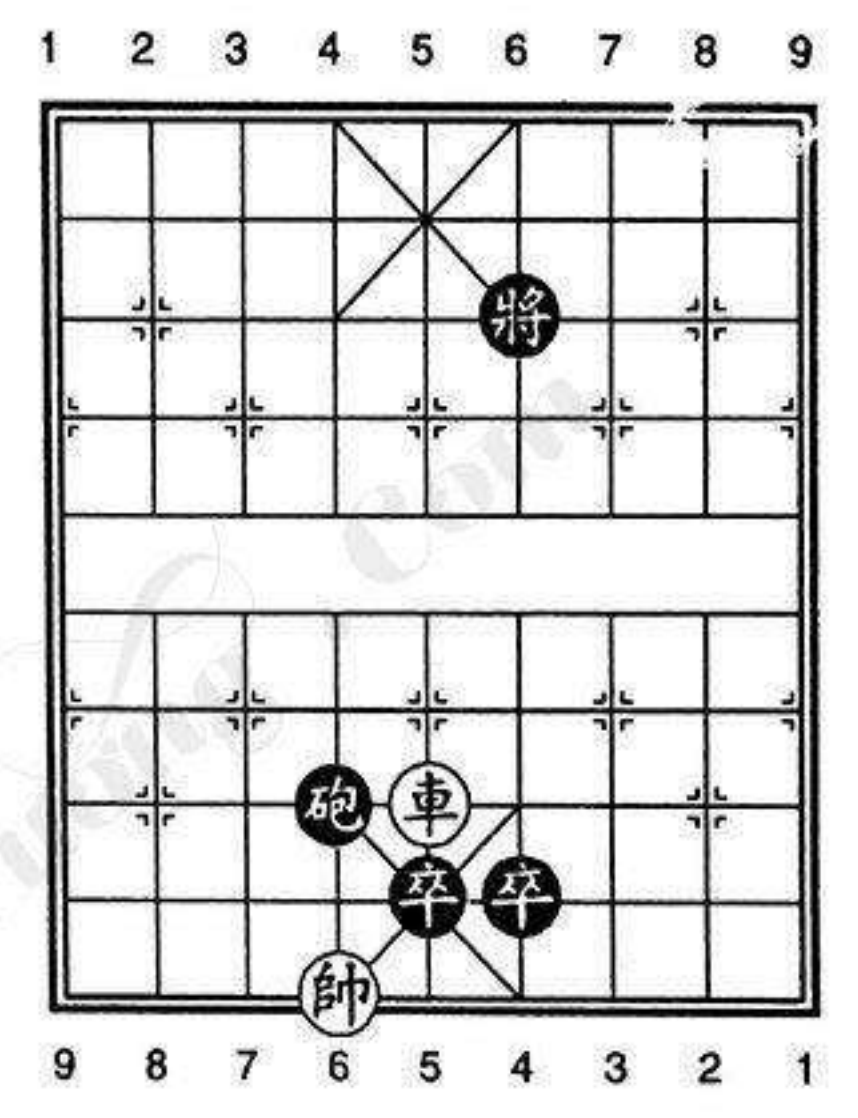

THẾ 70 TRẮNG HÒA

1. 炮3–6 炮7.1
2. 車3/6 車4/3
3. 炮4–6 車4–2
4. 兵t–6 將4/1
5. 車3.8 將4.1
6. 車3–7 象5/7
7. 車7/7 卒6.1

Sách Cờ Tướng .Com

8.	帥5–4	卒8–7
9.	兵5.1	卒7–6
10.	兵5.1	車2–9
11.	車7–6	將4–5
12.	兵5.1	將5/1
13.	車6–3	車9/4
14.	炮6/6	卒6–5
15.	炮6–5	象7.5
16.	炮5.4	卒5–6
17.	帥4–5	卒8–7
18.	車3.2	卒6.1
19.	帥5–6	卒1–2
20.	車3–9	車9.8
21.	帥6.1	車9/4
22.	車9–6	卒2–3
23.	車6.5	將5/1
24.	兵7–6	將5–6
25.	炮5–8	車9–4
26.	車6//4	卒3–4
27.	炮8/6	將6.1

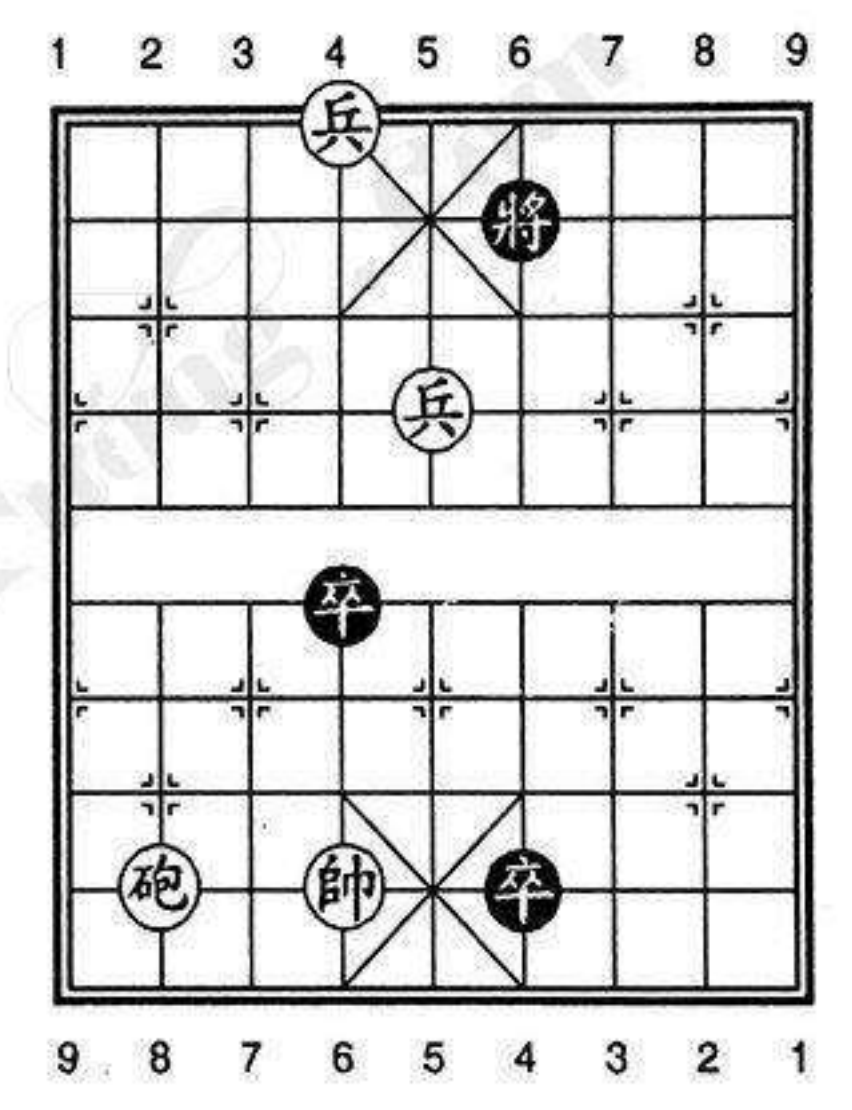

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 71 TRẮNG HÒA

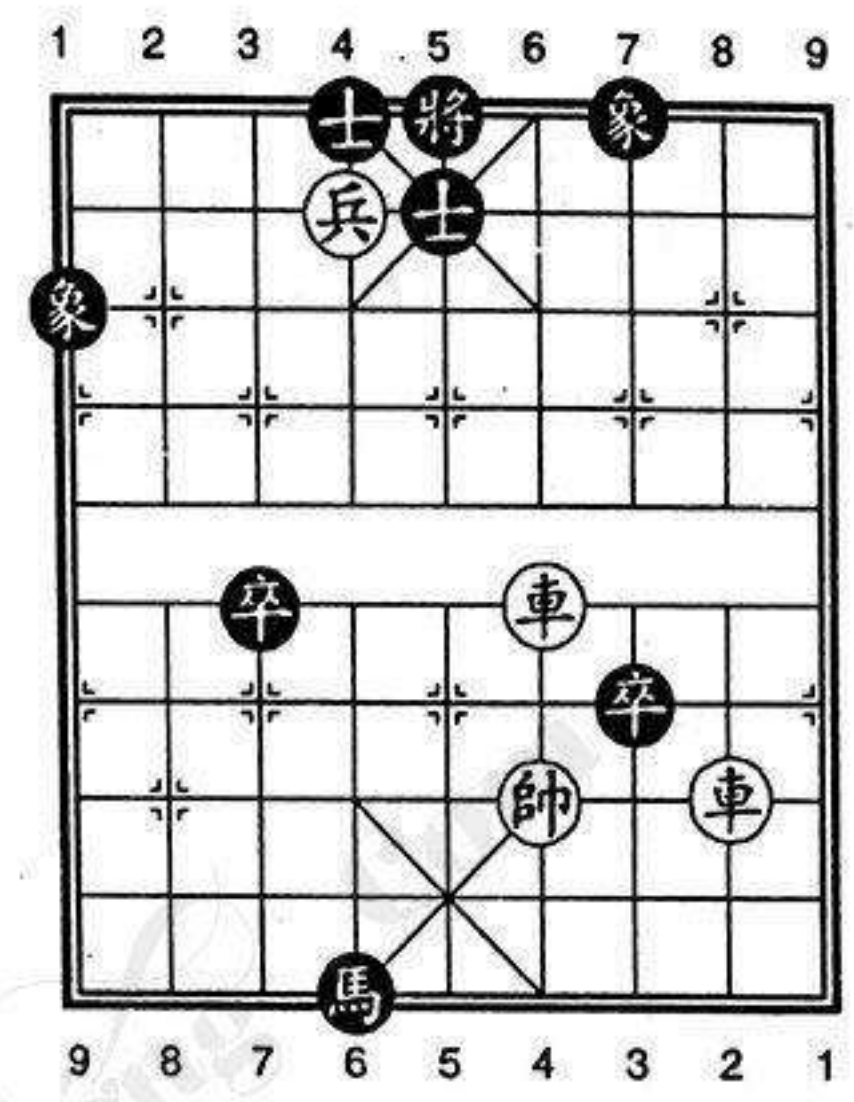

1. 兵9–8	卒1.1
2. 兵8–7	卒1.1
3. 兵7–6	卒1–2
4. 兵6.1	卒2–3
5. 車4/4	象5.3
6. 車2–1	象3/1
7. 車1–2	

THẾ 72 TRẮNG HÒA

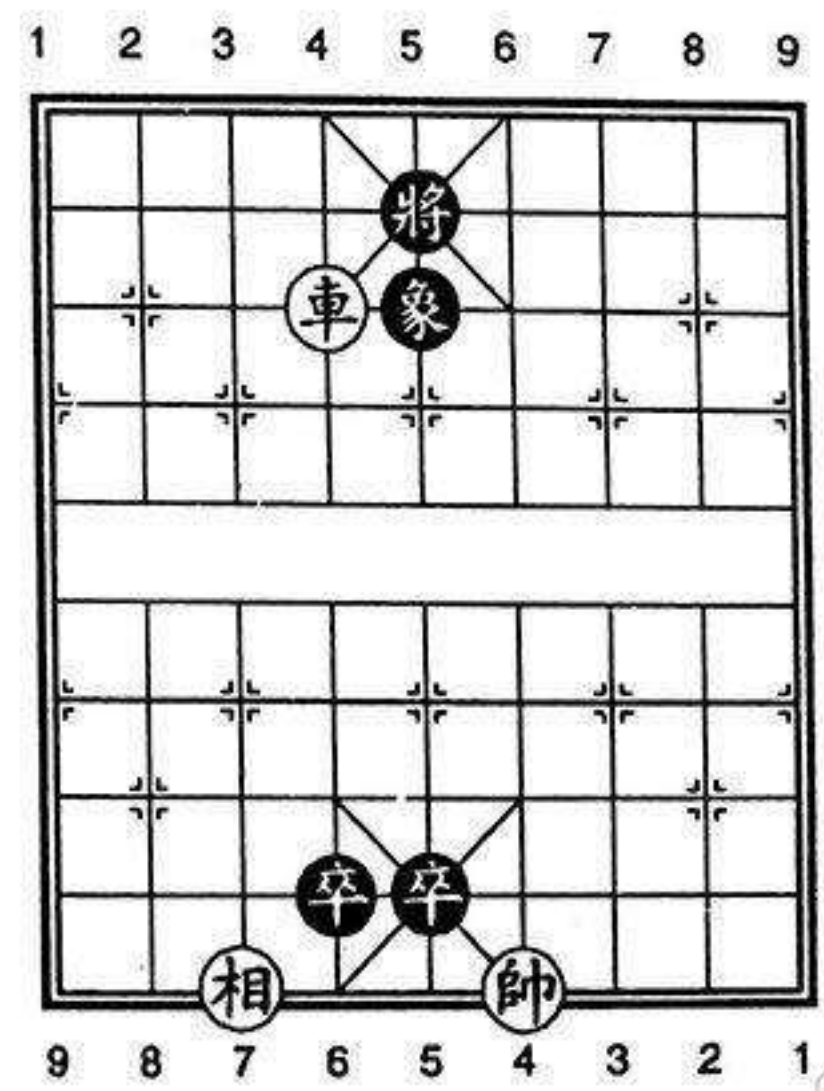

1. 車5–4	士5.6
2. 車4/4	卒5–6
3. 車4–1	象7/9
4. 車1.5	車5–7
5. 車1.2	將6.1
6. 車1/1	卒4–5
7. 兵2–3	車7/7
8. 車1–3	將6/1
9. 兵6–5	士6/5
10. 車3.1	將6.1
11. 車3/6	士5.6
12. 車3–4	卒3–4

Sách Cờ Tướng .Com

13. 車4.4 將6–5
14. 車4–6 象3.5

THẾ 73 TRẮNG HÒA

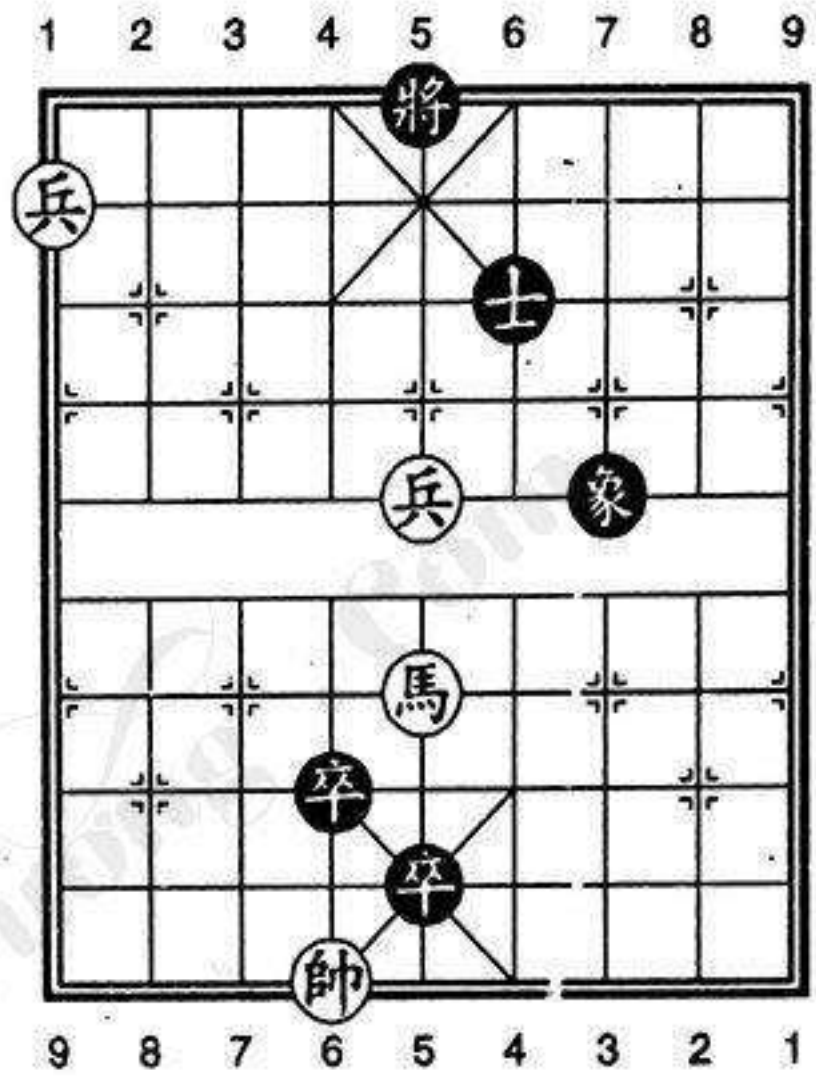

1. 馬6/5 將6–5
2. 兵t–4 士5.6
3. 兵4.1! 將5–6
4. 兵6–5! 士6/5
5. 兵3.1! 象5.7
6. 兵7.1 將6–5
7. 兵7–6 士5.6
8. 兵6–5

THẾ 74 TRẮNG HÒA

1. 車3–2 將5.1
2. 車3/1 將5/1
3. 車9–5 將5–6
4. 車5–4 將6–5
5. 車3/8 卒1–2
6. 車4.1 卒6.1
7. 車4/7 卒5–6
8. 帥4.1 卒5.1
9. 帥4/1 卒2.1

Sách Cờ Tướng.Com

10. 車3.5	卒2.1
11. 車3–5	將5–4
12. 車5–1	卒2–3
13. 車1–9	炮1–2
14. 車9–8	將4–5
15. 車8–5	將5–4
16. 車5–8	

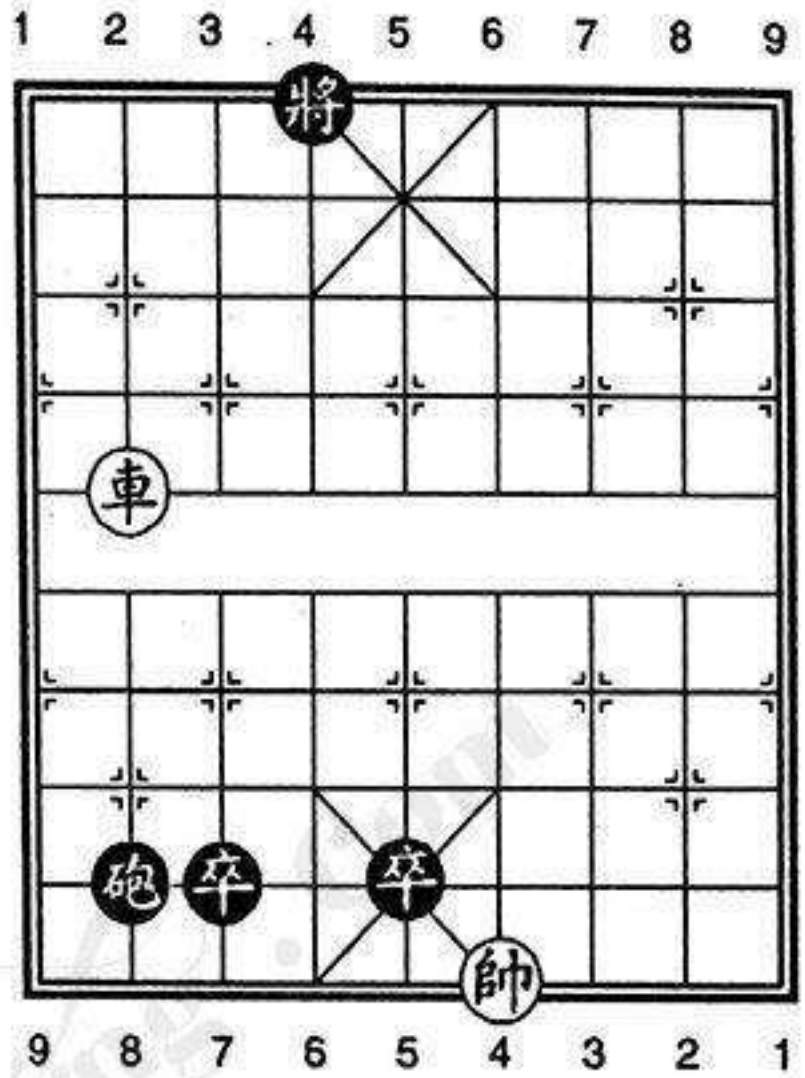

THẾ 75 TRẮNG HÒA

1. 車1–5	將5–4
2. 車5/1	炮4.2
3. 車5.8	將4.1
4. 炮1.8	將4.1
5. 車5–6	將4–5
6. 相3/5	馬3/4
7. 車6/1	炮4/7
8. 炮1–6	馬4.5
9. 炮6–8	馬5.4
10. 炮8/8	馬4.2
11. 炮8–4	卒3–4
12. 帥6–5	馬2/4
13. 炮4.3	卒4–5

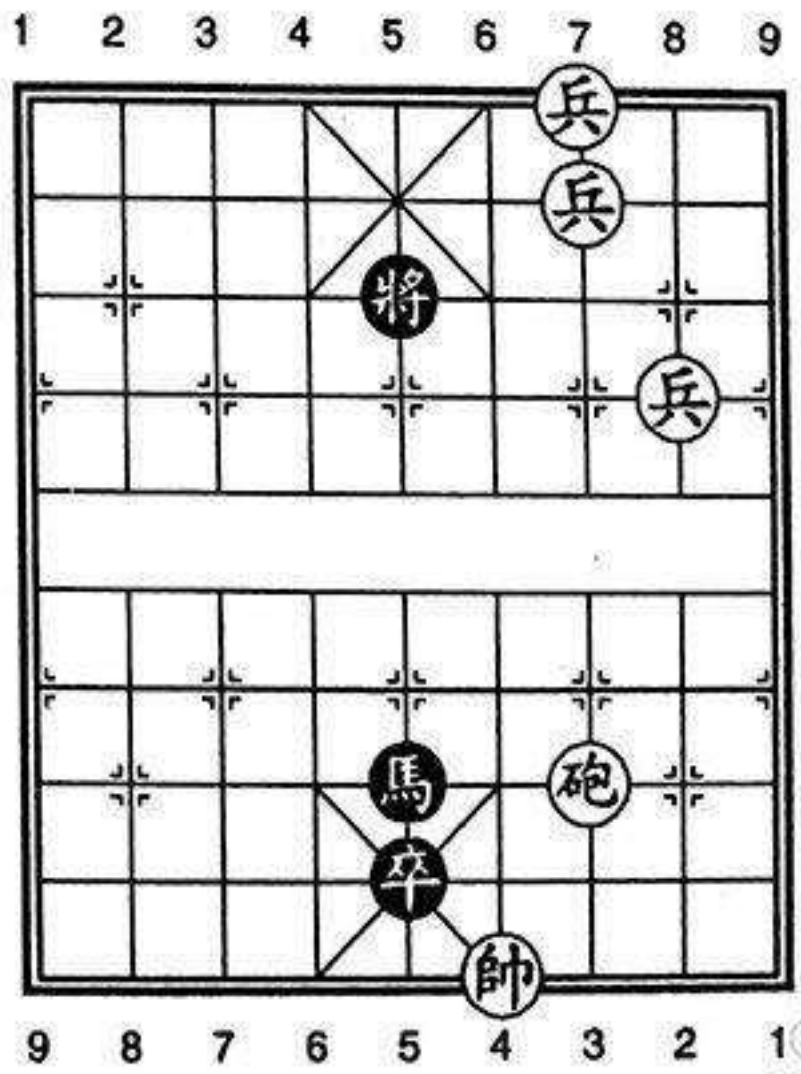

Sách Cờ Tướng.com

14. 帥5–4 馬4.6
15. 炮4–3 馬6.8
16. 炮3/2 馬8/7
17. 炮3.1 馬7.5
18. 兵4–3

THẾ 76 TRẮNG HÒA

1. 兵5–4 車6/1
2. 炮1–4 車6–9
3. 兵3–4 將6–5
4. 車9–8 馬5.3
5. 車8–7 車9.6
6. 兵6–5 士4.5
7. 炮4–5 將5–6
8. 炮5/2 炮2–4
9. 兵6–5 士5.4
10. 車7–6 卒2–3
11. 帥6.1 車9–5
12. 炮5–4 將6–5
13. 兵7–6 象1.3
14. 車6.4 車5/4
15. 炮4–5 將5–6
16. 炮5–4 將6–5

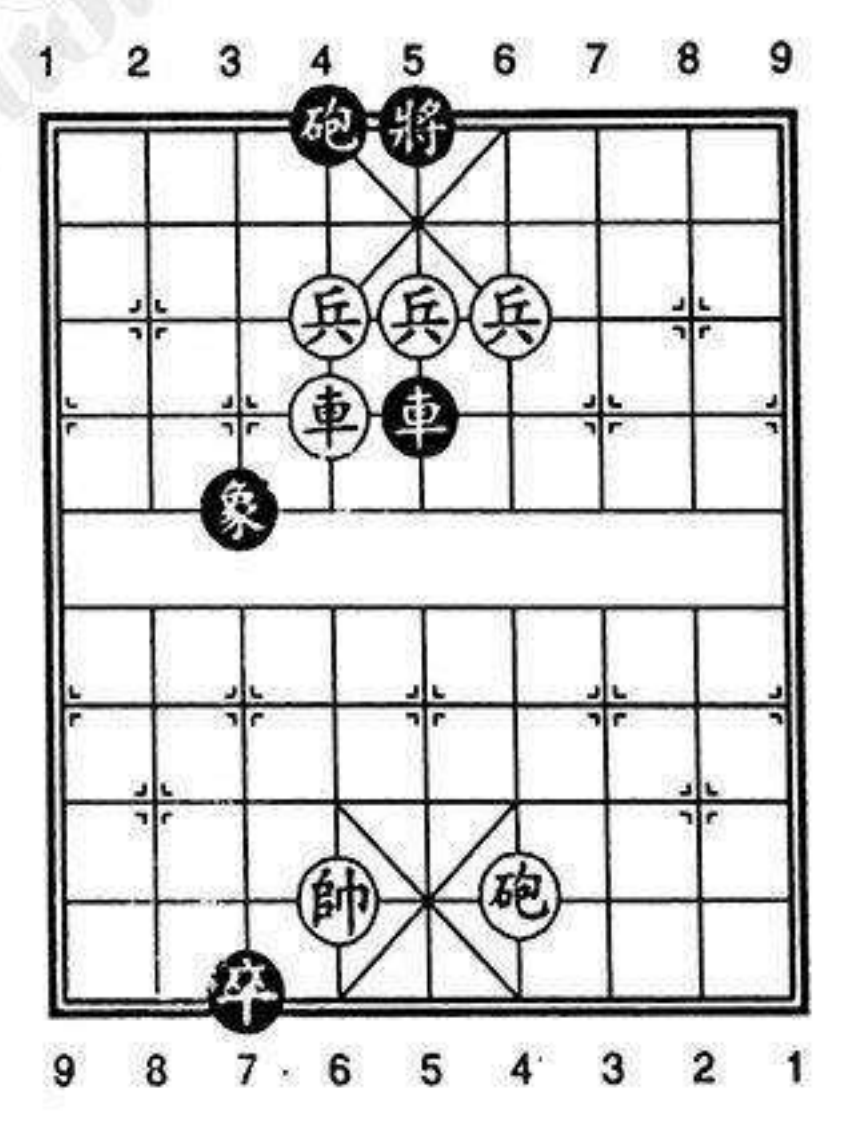

Sách Cờ Tướng . Com

THẾ 77 TRẮNG HÒA

1. 車1–5	象7.5
2. 兵6.1	將5–4
3. 車5–6	將4–5
4. 相3/1	卒4.1
5. 車6/4	炮9–4
6. 車3–4	炮4/8
7. 炮1.4	象5/3
8. 兵2–3	車5/4
9. 兵4–5	車5/3
10. 炮1–5	將5.1

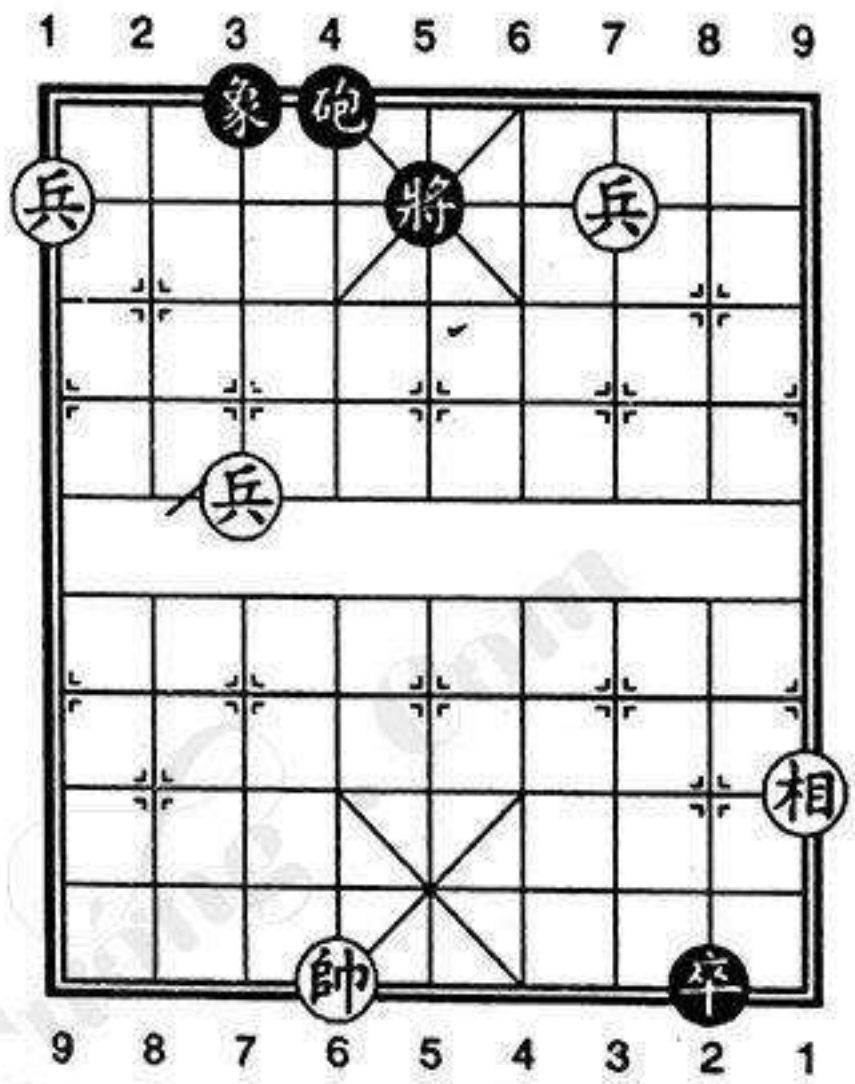

THẾ 78 TRẮNG HÒA

1. 車2.5	士5/6
2. 炮4–5	卒s.1
3. 車4.7	將5.1
4. 車4–5	將5–4
5. 車5–6	將4–5
6. 車2–5	將5–6
7. 車6/1	將6.1
8. 車5–4	將6–5
9. 車6/6	車1–6
10. 車6.3	車6/5

Sách cờ Tướng .Com

11. 車6–5 將5–6
12. 車5–4 將6–5
13. 車4.4 將5/1
14. 車4/3 卒1–2
15. 車4–5 將5–6
16. 車5/5 卒2–3
17. 帥6.1 炮1–5
18. 帥6–5 象7/5

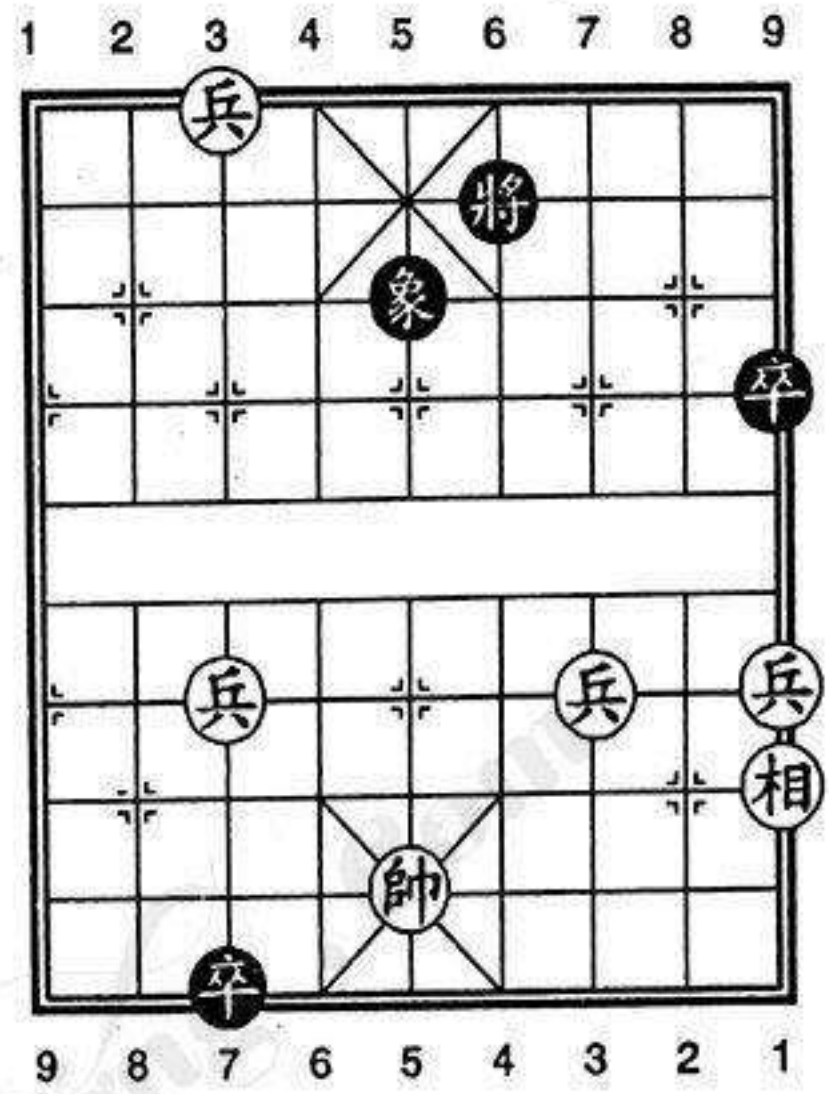

THẾ 79 TRẮNG HÒA

1. 車4.1 車t–6 !
2. 車4/5 卒t.1
3. 帥4–5 車2.9
4. 車2–7 象5.3!
5. 車4–5 將5–6
6. 車7.1 將6.1
7. 車7/4 卒5.1
8. 車5/2 卒4–5
9. 帥5.1 車2/1
10. 帥5/1 車2–6
11. 兵1.1 卒8.1
12. 兵1.1 卒8.1

Sách Cờ Tướng .Com

13. 兵1–2 卒8–7
14. 兵2–3 車6/2
15. 車7–5 車6.3
16. 帥5.1 卒7–6
17. 帥5–6 車6–3
18. 兵3.1 車3/1
19. 帥6.1 車3–5
20. 車5/4 卒6–5

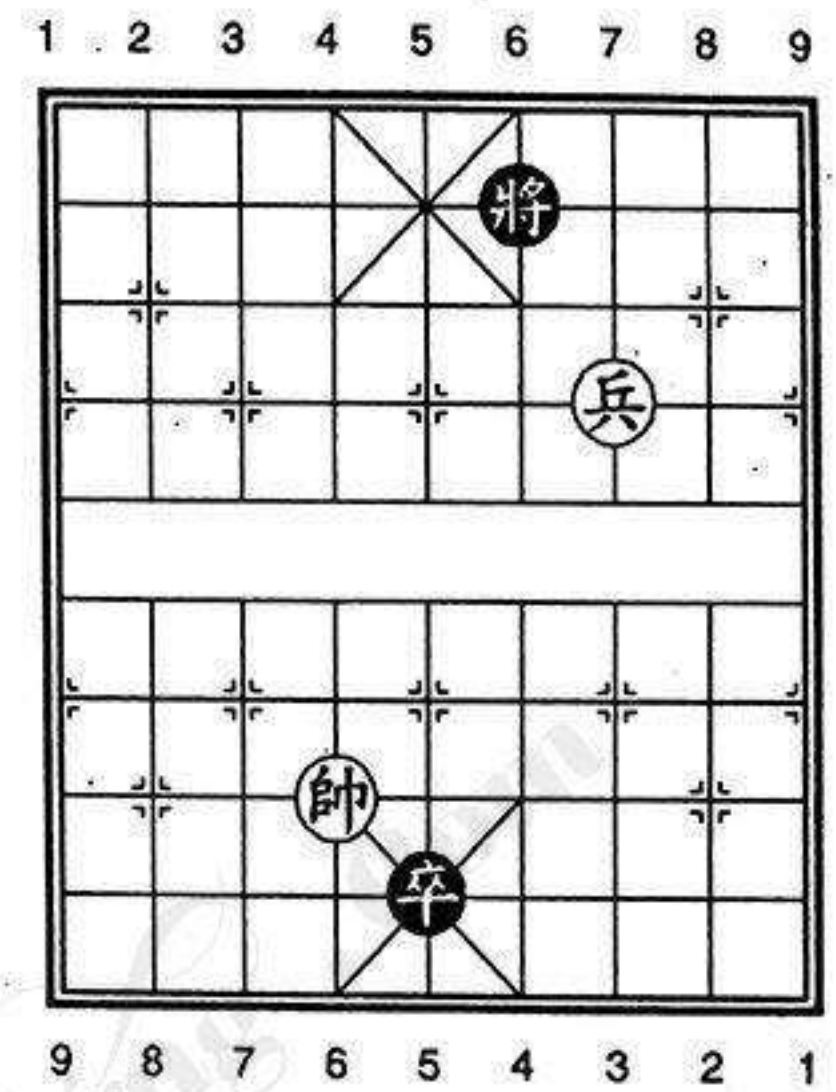

THẾ 80 TRẮNG HÒA

1. 車t.1 將5.1
2. 車s.4 將5.1
3. 車t–5 將5–4
4. 車5–3 車5.1
5. 炮9–5 卒5–6
6. 車4/7 車8–6
7. 帥4.1 車5/6
8. 車3/2? 將4/1
9. 車3/2 車5.4
10. 兵1.1 將4–5
11. 車3–4 卒1.1
12. 兵1–2 卒1–2

Sách Cờ Tướng .Com

13. 兵2–3	卒2–3
14. 兵3.1	卒3–4
15. 兵3.1	卒4.1
16. 相1.3	卒4.1
17. 車4/3	車5.3
18. 帥4/1	卒4.1
19. 車4–5	車5/1
20. 相3/5	

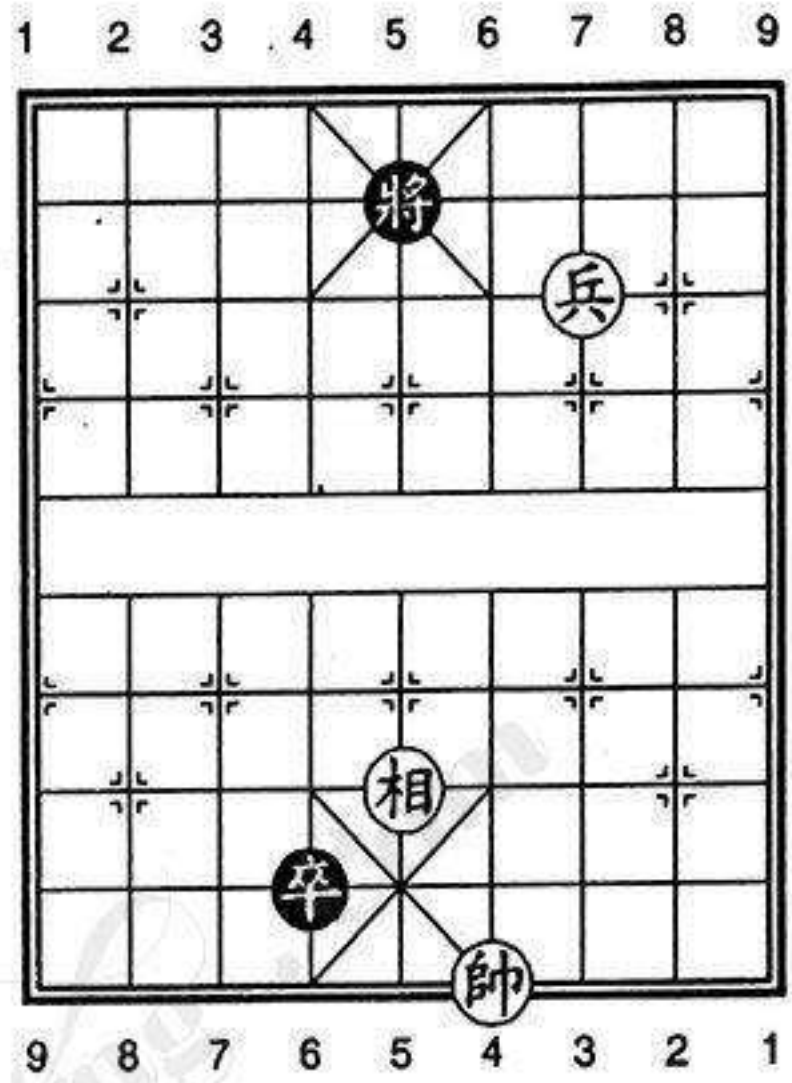

THẾ 81 TRẮNG HÒA

1. 車3–5	士4.5
2. 車7–5	將5.1
3. 炮1–5	象5.7
4. 炮5/5	象7/5
5. 相5/3	象5/7
6. 相3.5	象7.5
7. 相5.3	象5.7
8. 相3/5	象7/5
9. 相5.7	象5.7
10. 相7/5	象7/5
11. 相5/7	象5.3
12. 炮5–8!	

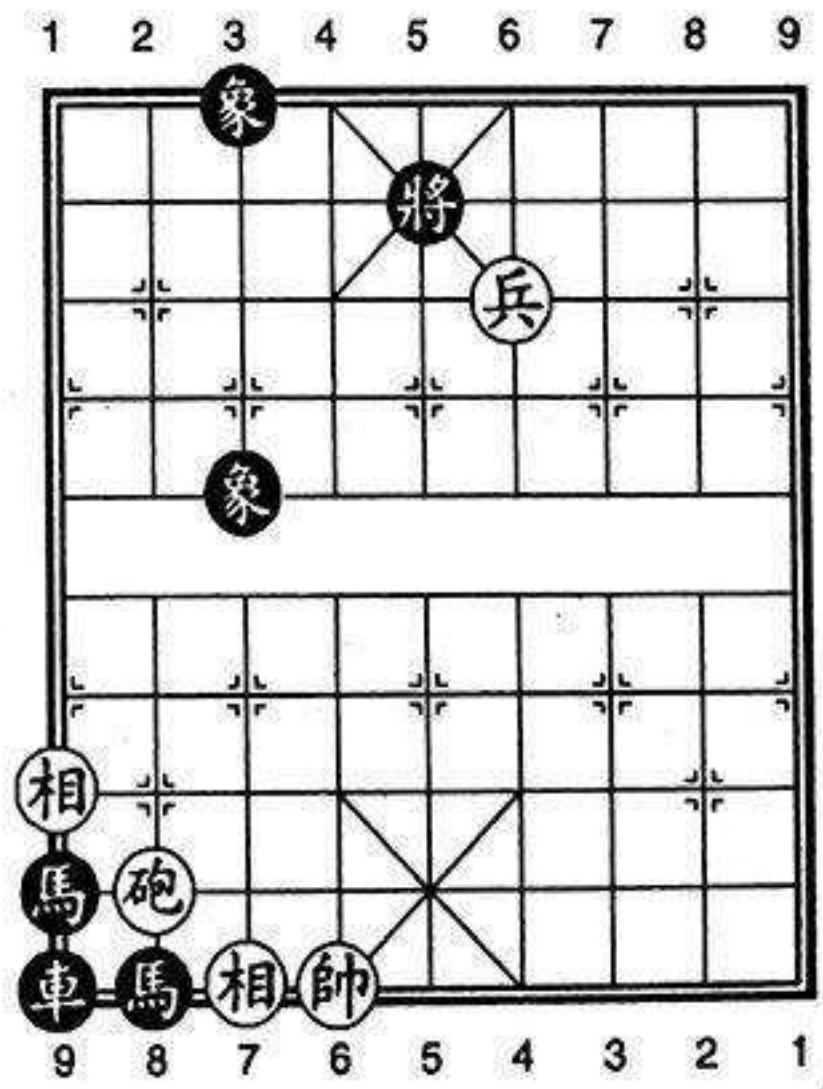

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 82 TRẮNG HÒA

1. 帥6/1	卒3.1
2. 兵t–4	卒3.1
3. 帥6–5	車7/1
4. 兵s–6	卒3–4
5. 帥5–6	車7–4
6. 帥6–5	車4/5
7. 兵7–6	車4/1
8. 炮3–6	將5–4
9. 兵4–5	馬2/3
10. 兵2–3	馬3/5
11. 兵3–4	馬5/6
12. 仕5/6	卒1.1
13. 兵4–5	馬6/5
14. 兵5.1	將4.1

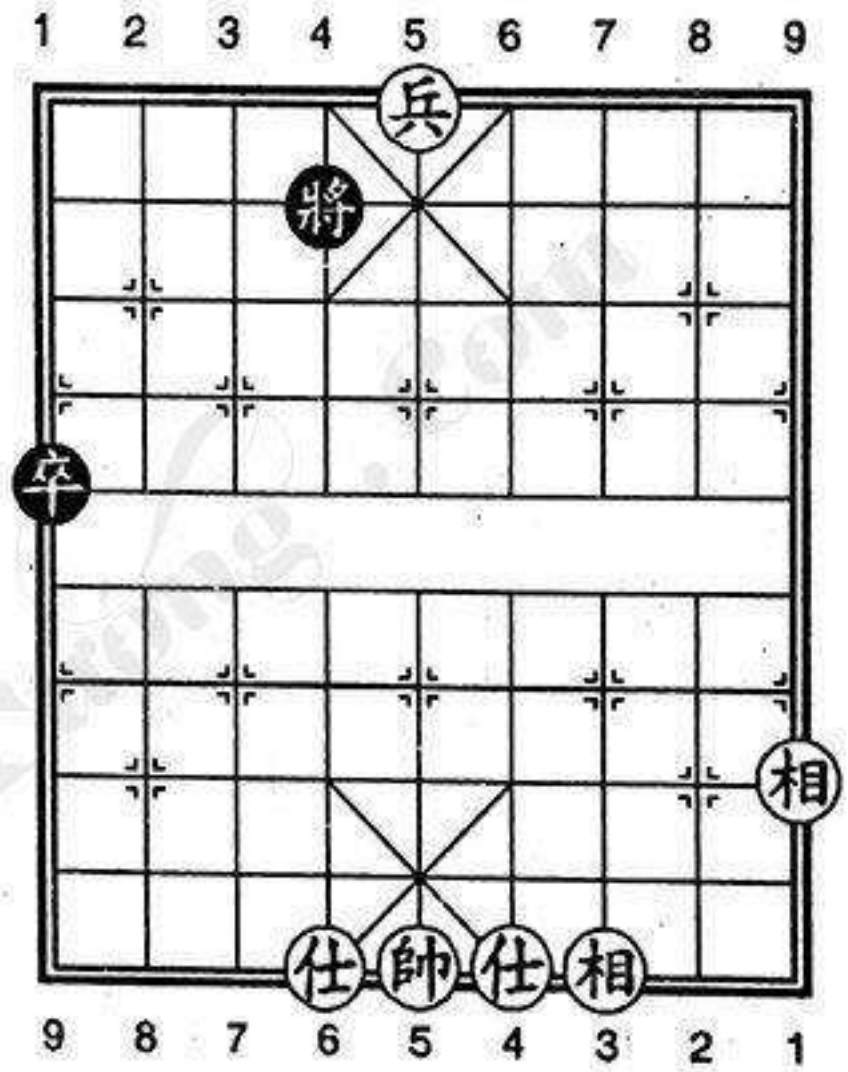

THẾ 83 TRẮNG HÒA

1. 車s–6	車4/4
2. 車1–6	將4–5
3. 車6/1	車2–4!
4. 車6.4?	車4/8
5. 炮1.5	象7.9
6. 炮1–6	炮2.3

Sách Cờ Tướng .com

7. 相7.5	卒5.1
8. 帥5–6	卒5–4
9. 兵7–6	炮2/8
10. 炮6/7	炮2–6
11. 帥6.1	

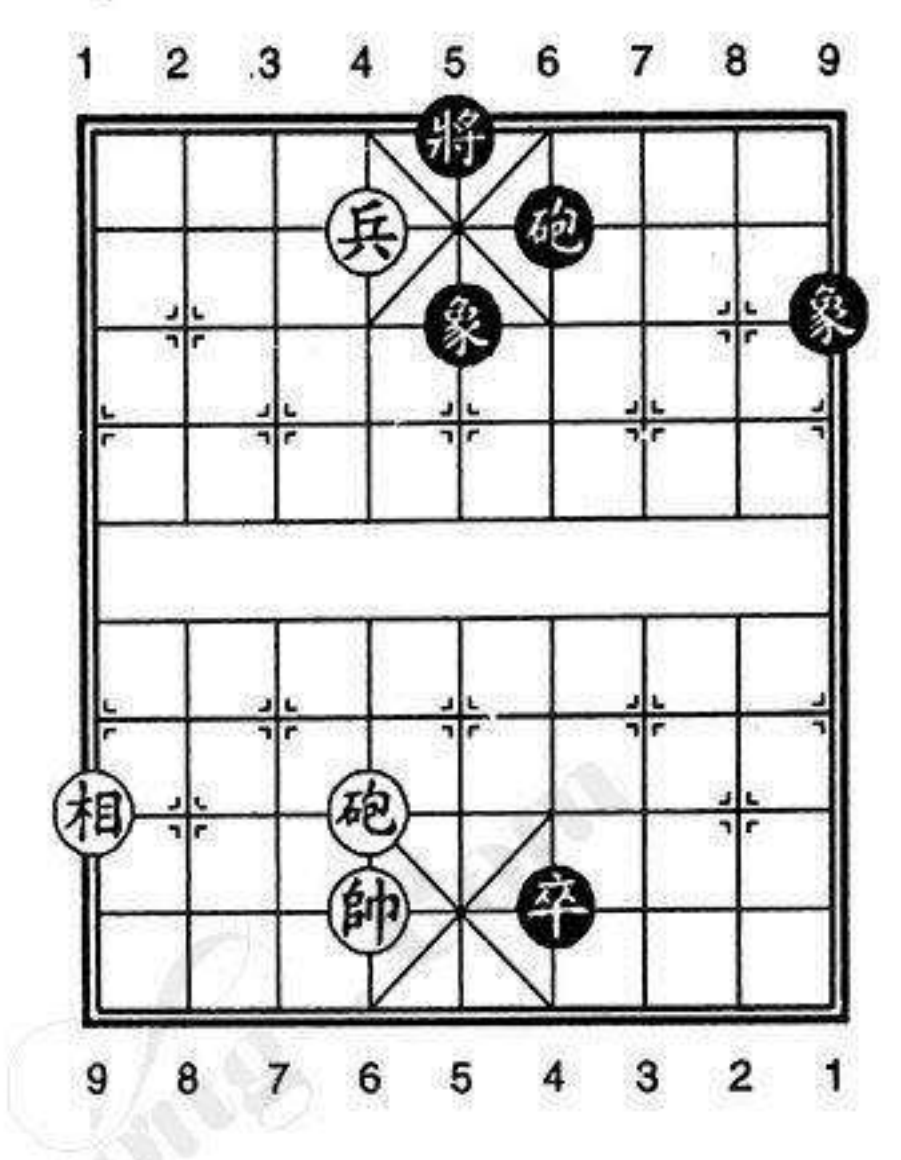

THẾ 84 TRẮNG HÒA

1. 車2.5	象5/7
2. 車2–3	士5/6
3. 相3/5	車7/9
4. 兵6.1	將4–5
5. 炮1–9	車3–4
6. 帥6.1	炮5–1
7. 馬8/7	士6/5
8. 炮9–8	車7.8
9. 帥6/1	車7–2
10. 炮8.5	車2/8
11. 馬7.8	

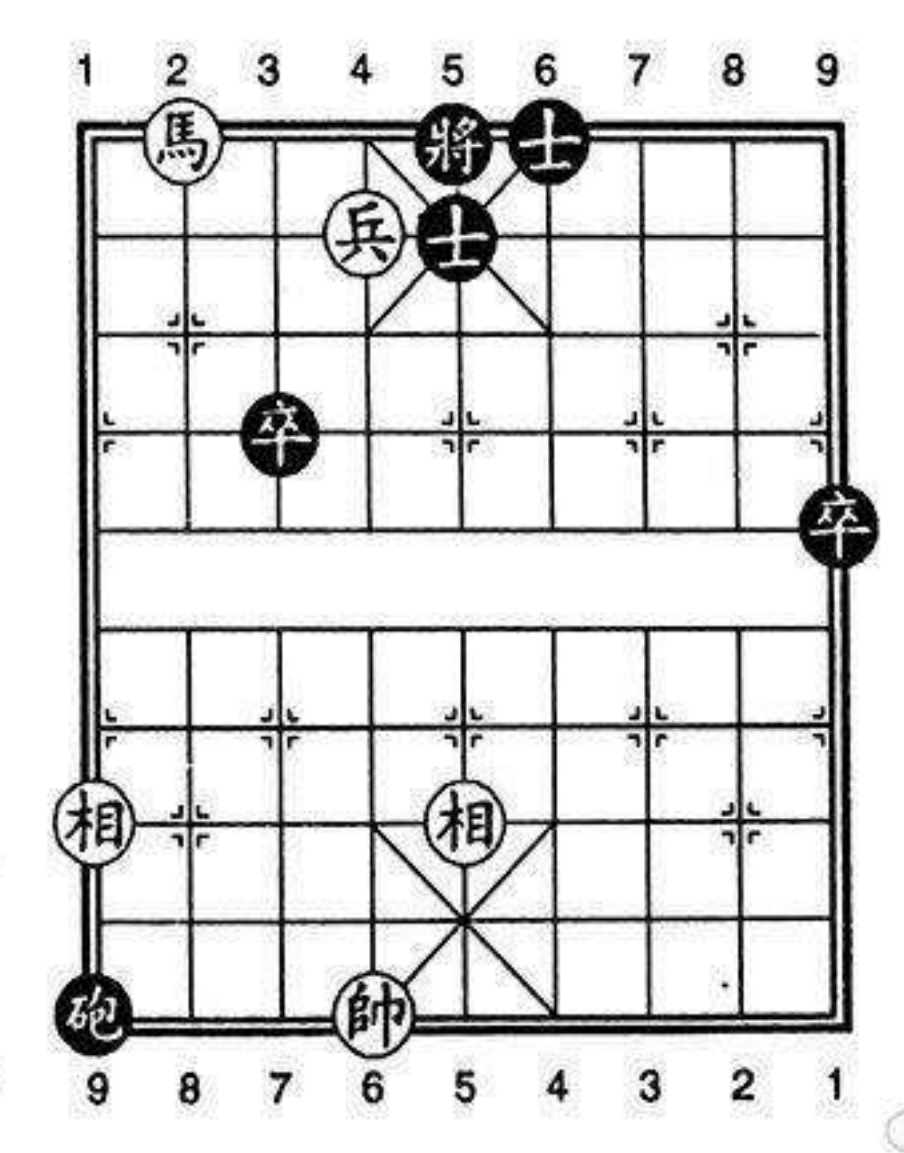

Sách Cờ Tướng .com

THẾ 85 TRẮNG HÒA

1. 炮t–4	車6.1
2. 炮3–4	車6–7
3. 車t–4	炮5.7
4. 仕5/4	炮1–5
5. 車3–5	炮5/6
6. 車5.5	卒6–5
7. 仕6.5	車2.3
8. 炮4–9	車2–6
9. 車4.2	車7–6
10. 炮9/4	象3/5
11. 炮9–2	卒9–8

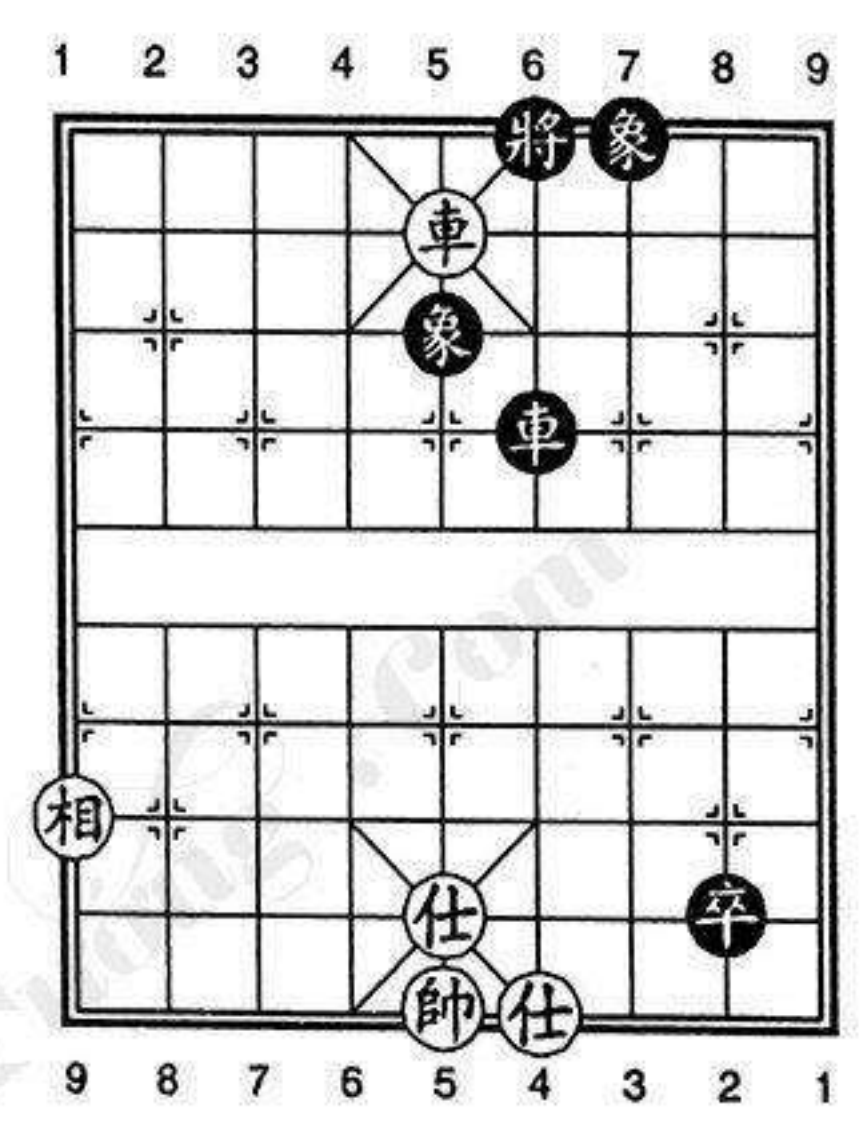

THẾ 86 TRẮNG HÒA

1. 兵1–2	炮3–5
2. 兵9–8	炮5/6
3. 兵2–3	將6–5
4. 仕5/6	炮5–6
5. 兵4–5	炮6.8
6. 兵8–7	炮6–5
7. 兵7–6	炮5/5
8. 兵3–4	炮5–6
9. 兵4–5	將5–6

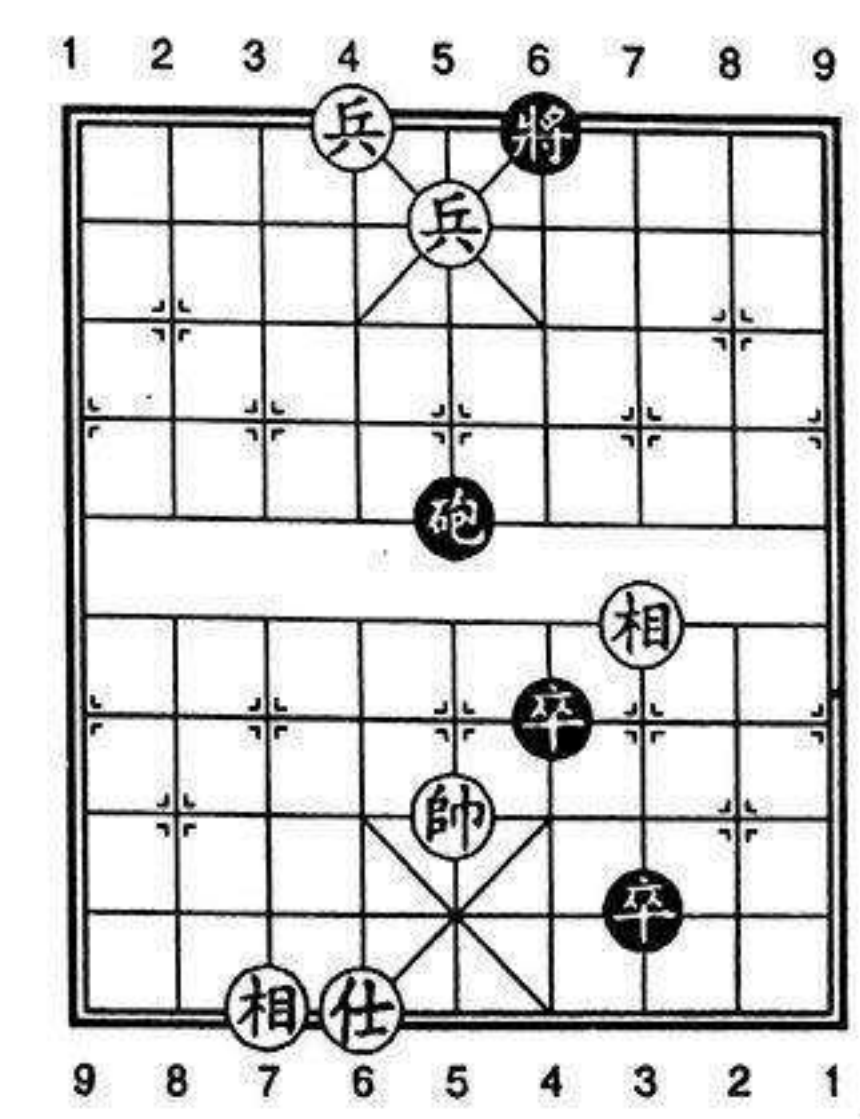

Sách Cờ Tướng.Com

10. 兵6.1 卒5–6

11. 帥4–5 炮6–5

THẾ 87 TRẮNG HÒA

1. 兵6–5 士6.5

2. 兵4–5 將5–4

3. 馬7/6 炮1–4

4. 馬6/8 炮4–1

5. 馬8/6 炮1–4

6. 馬6/7 炮4–1

7. 馬7/6 炮1–4

8. 馬6/4 炮4–1

9. 車3–2 卒8.1

10. 兵3–4 炮1/1

11. 仕4/5 卒6–5

12. 帥5.1 炮9–6

13. 兵4–5 炮1–5

14. 兵5.1 將4–5

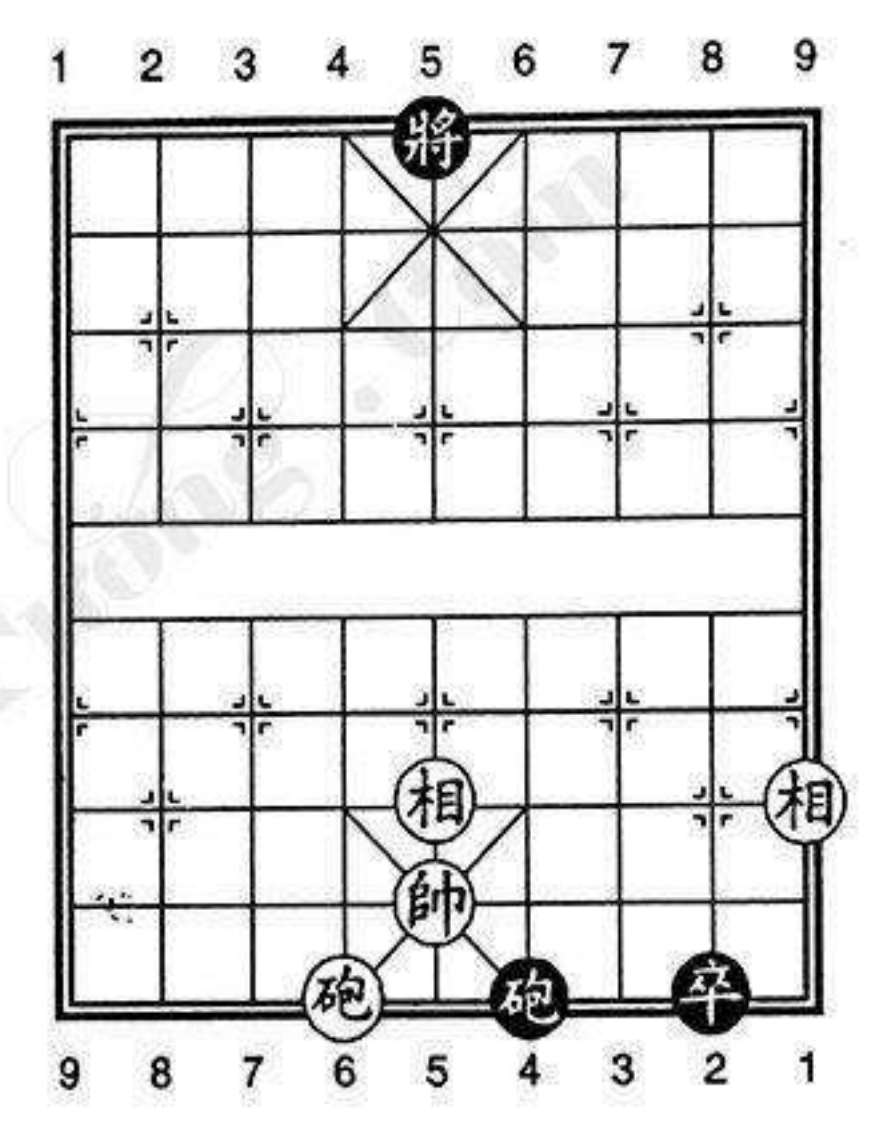

THẾ 88 TRẮNG HÒA

1. 車2.9 象5/7

2. 馬1.2 將6–5

3. 車2–3 士5/6

SachCoTuong.com

4. 馬2/4	將5.1
5. 馬4/6	將5–4
6. 車3/1	士4.5
7. 馬6.4	將4/1
8. 馬4/5	將4/1
9. 馬5.7	將4/1
10. 兵8–7	將4–5
11. 車3–5	將5.1
12. 車1.3	將5/1
13. 兵7–6	將5–4
14. 車1–6	將4–5
15. 相3.5	車5/1
16. 馬7/5	士6.5
17. 馬5/7	卒4–3
18. 相1.3	車5–7
19. 車6/4	車7.2
20. 帥6.1	車7/1
21. 帥6/1	卒3.1
22. 帥6–5	卒3–4
23. 車6/3	車7–4
24. 相3/5	

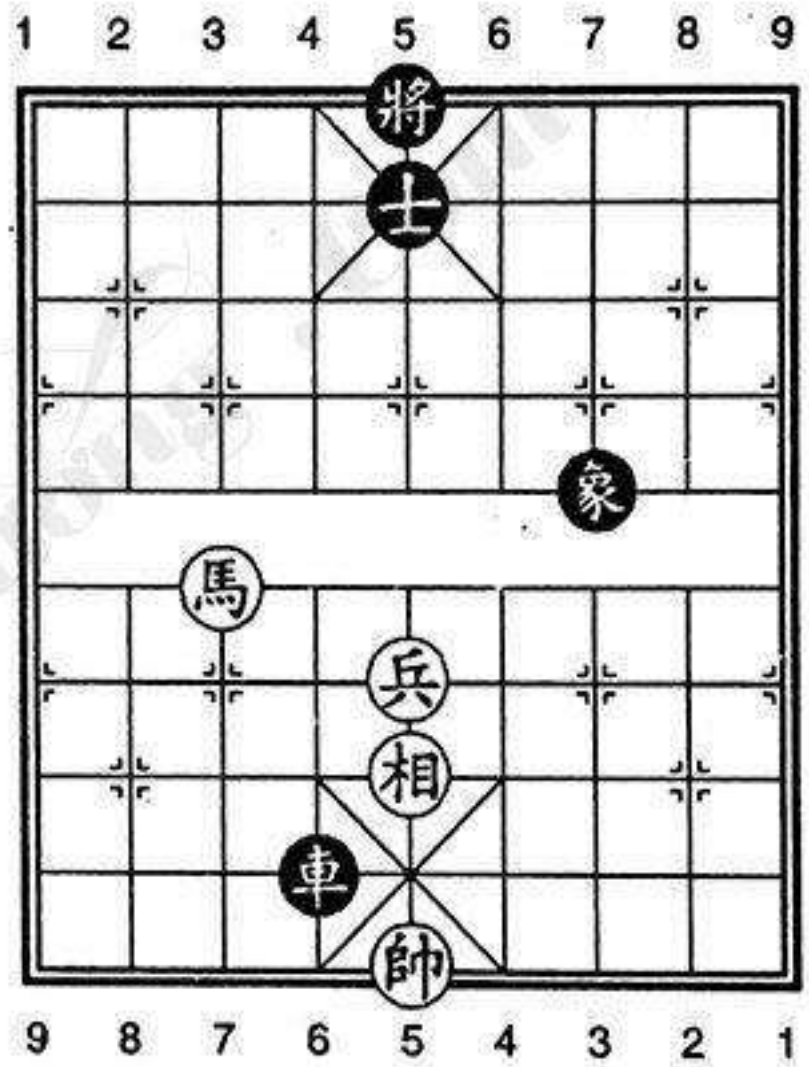

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 89 TRẮNG HÒA

1.	車s–6	車4/5
2.	車1–6	馬3.4
3.	炮1.4	卒6.1
4.	帥5–4	車4–6
5.	帥4–5	車6/2
6.	兵5–6	將4–5
7.	炮1.1	車6/1
8.	兵9–8	卒3–4
9.	兵8–7	馬4/6
10.	兵7.1	卒9–8
11.	兵2–3	卒8–7
12.	兵3–4	將5–6
13.	炮1/8	卒5.1
14.	相5.3	馬6.5
15.	兵6–5	馬5/3
16.	兵7–6	卒7–6
17.	炮1–6	馬3/5
18.	兵6–5	卒5–4
19.	炮6–9	卒4.1
20.	相3/1	卒4–3

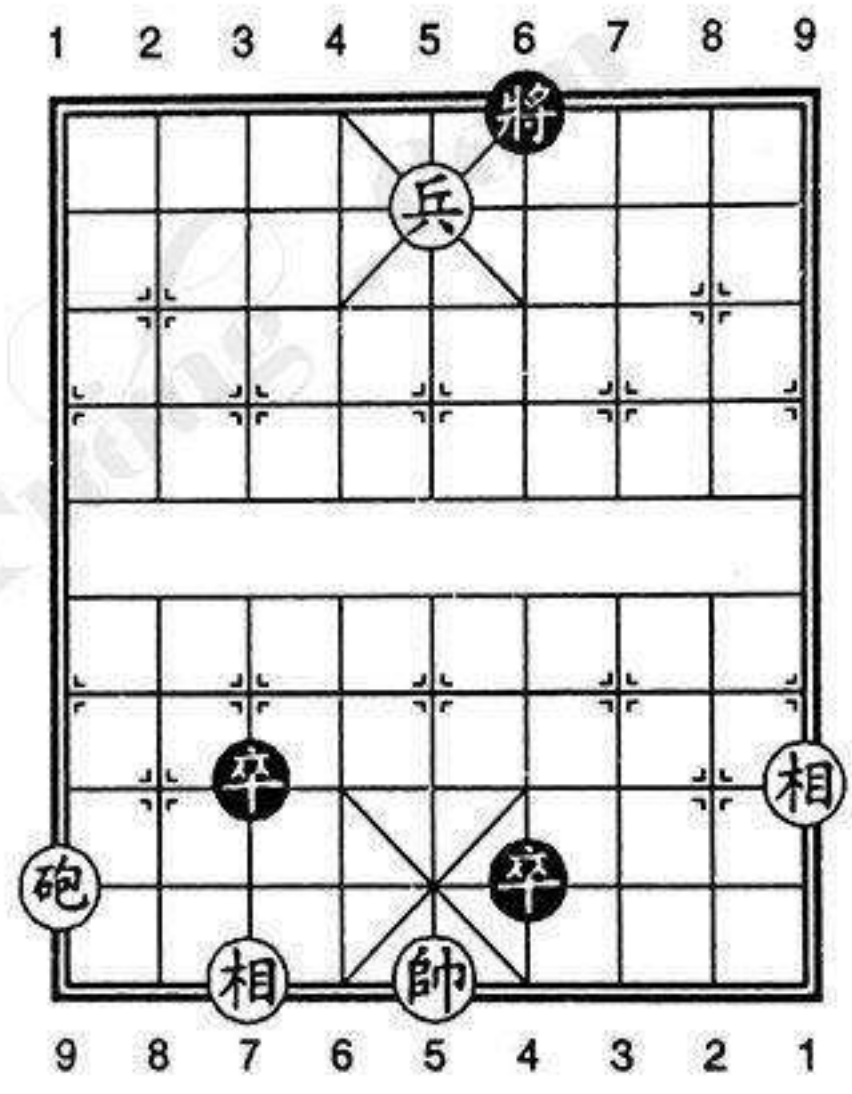

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 90 TRẮNG HÒA

1. 炮4/8 卒t–6
2. 車s–6 車4/4
3. 仕4.5 卒2–3
4. 車5–4 卒6–5
5. 帥5.1 車4.4
6. 帥5/1 卒7.1
7. 相5.7 車4.1
8. 帥5.1 卒3–4
9. 帥5–4 卒7.1
10. 帥4.1 車4–6
11. 帥4–5 車6/6
12. 兵9–8 車6–5
13. 帥5–4 車5–9
14. 兵4.1 車9–6
15. 帥4–5 車6/3
16. 兵8–7 車6–5
17. 兵5.1 將4–5
18. 兵7–6 將5.1

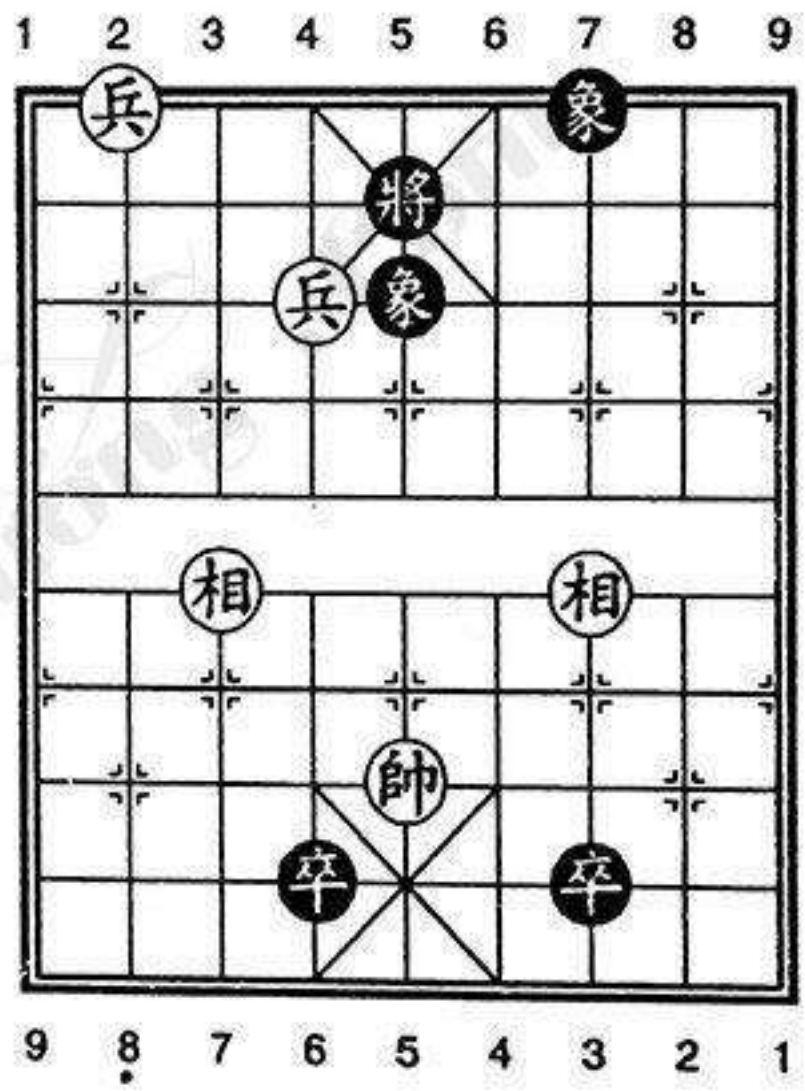

THẾ 91 TRẮNG HÒA

1. 車t–6 車4/3
2. 仕4.5 卒2–3

SáchCờTướng.Com

3. 車5–4	卒3–4
4. 車4/2	車4–2
5. 仕5/6	卒4.1
6. 帥5–4	卒4–5
7. 帥4–5	車2.4
8. 帥5.1	車2/1
9. 帥5/1	車2–6
10. 相5.3	車5/3
11. 相3/1	車6–5
12. 帥5–4	車5.2
13. 帥4.1	

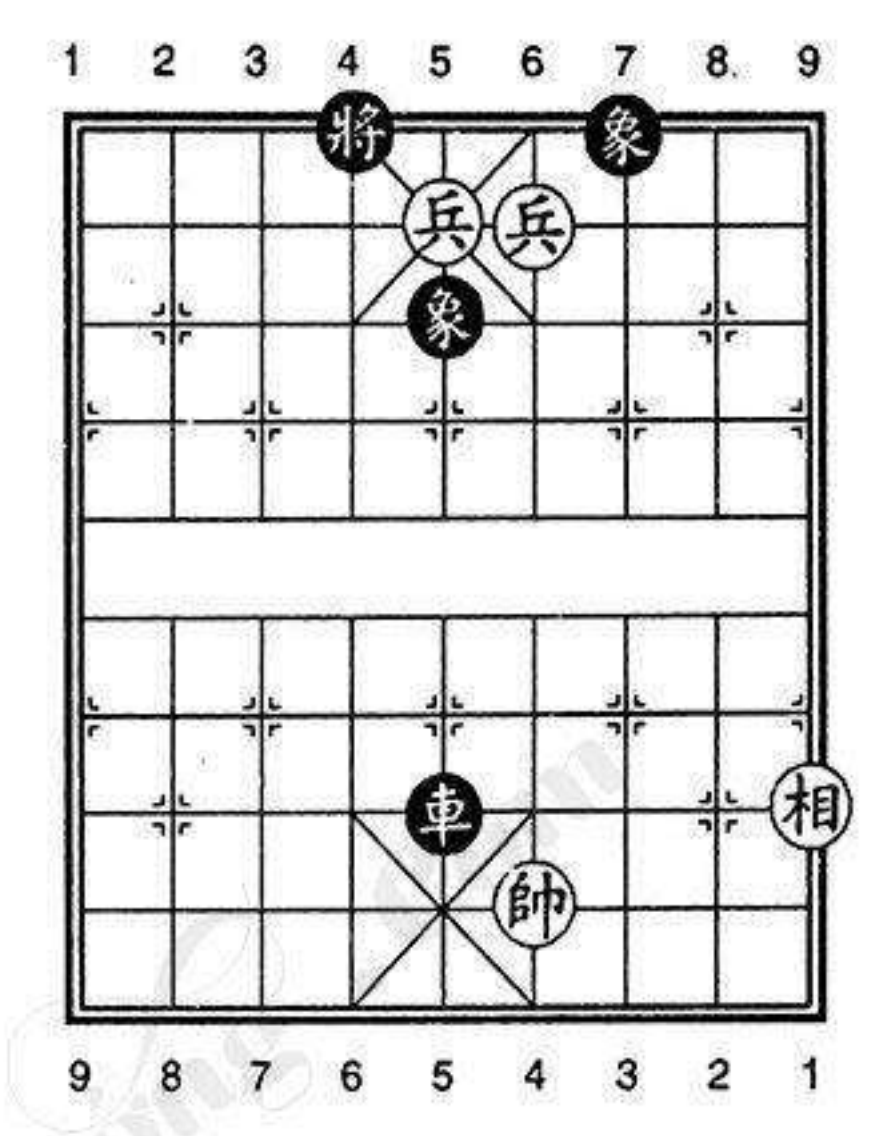

THẾ 92 TRẮNG HÒA

1. 車s–6	車4/4
2. 仕4/5	卒2–3
3. 車5–4	卒6–5
4. 帥5.1	車4.4
5. 帥5/1	卒7.1
6. 相5.7	車4.1
7. 帥5.1	卒3–4
8. 帥5–4	卒7.1
9. 帥4.1	車4–6
10. 帥4–5	車6/6

SáchCờTướng.com

11. 兵9–8 車6–5
12. 帥5–4 象7.9
13. 馬1.3 象9/7
14. 兵4.1 車5–6
15. 帥4–5 車6/3
16. 兵8–7 車6–5
17. 兵5.1 將4–5

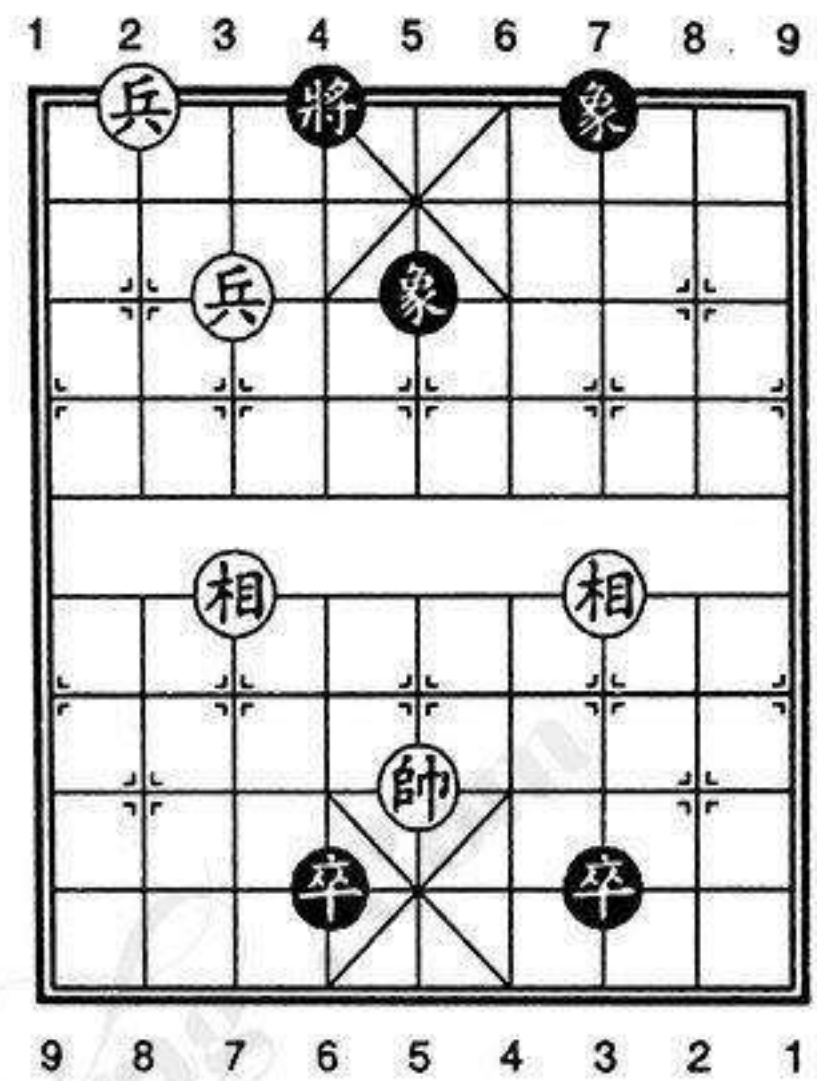

THẾ 93 TRẮNG HÒA

1. 兵5.1 將4.1
2. 兵4–5 將4.1
3. 車t–6 車4/5
4. 仕4/5 卒2–3
5. 車5–4 卒6–5
6. 帥5.1 卒7.1
7. 相5.7 車4.5
8. 帥5.1 車4.1
9. 帥5/1 卒3–4
10. 帥5–4 卒7.1
11. 帥4.1 車4–6
12. 帥4–5 車6/5

Sách Cờ Tướng .com

13. 兵9–8 車6–5
14. 帥5–4 車5–3
15. 馬1.3 象5.7
16. 兵8–7 車3/2
17. 馬3/4 將4–5
18. 馬4/6 將5/1
19. 馬6.7 將5.1

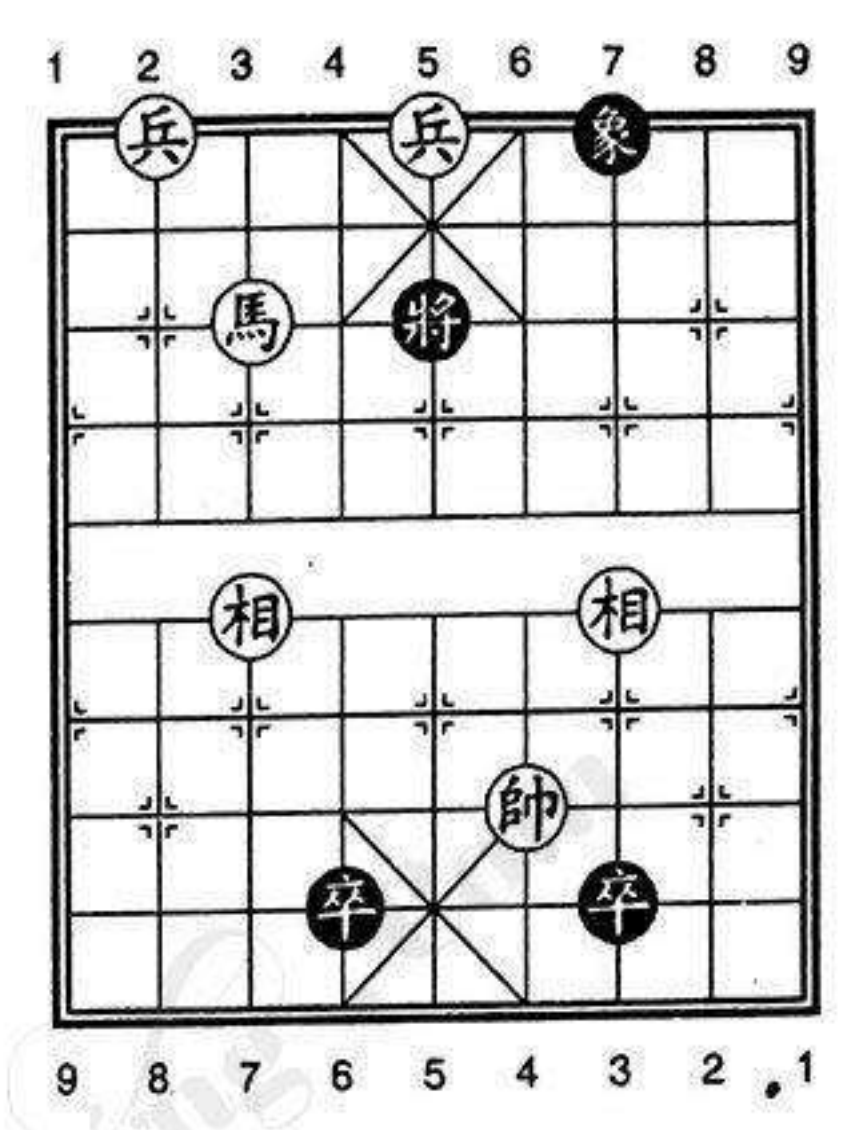

THẾ 94 TRẮNG HÒA

1. 兵1.1 卒3.1
2. 兵1–2 象5/7
3. 兵2–3 卒3–4
4. 兵3–4 士5/6
5. 兵4–5 士4.5
6. 兵5.1 卒4–5
7. 車4.1 卒s.1
8. 兵5–4 卒s.1
9. 車1–2 將5–4
10. 車4/1 士5.4
11. 兵4–5 士6.5
12. 兵5–6 卒5–4

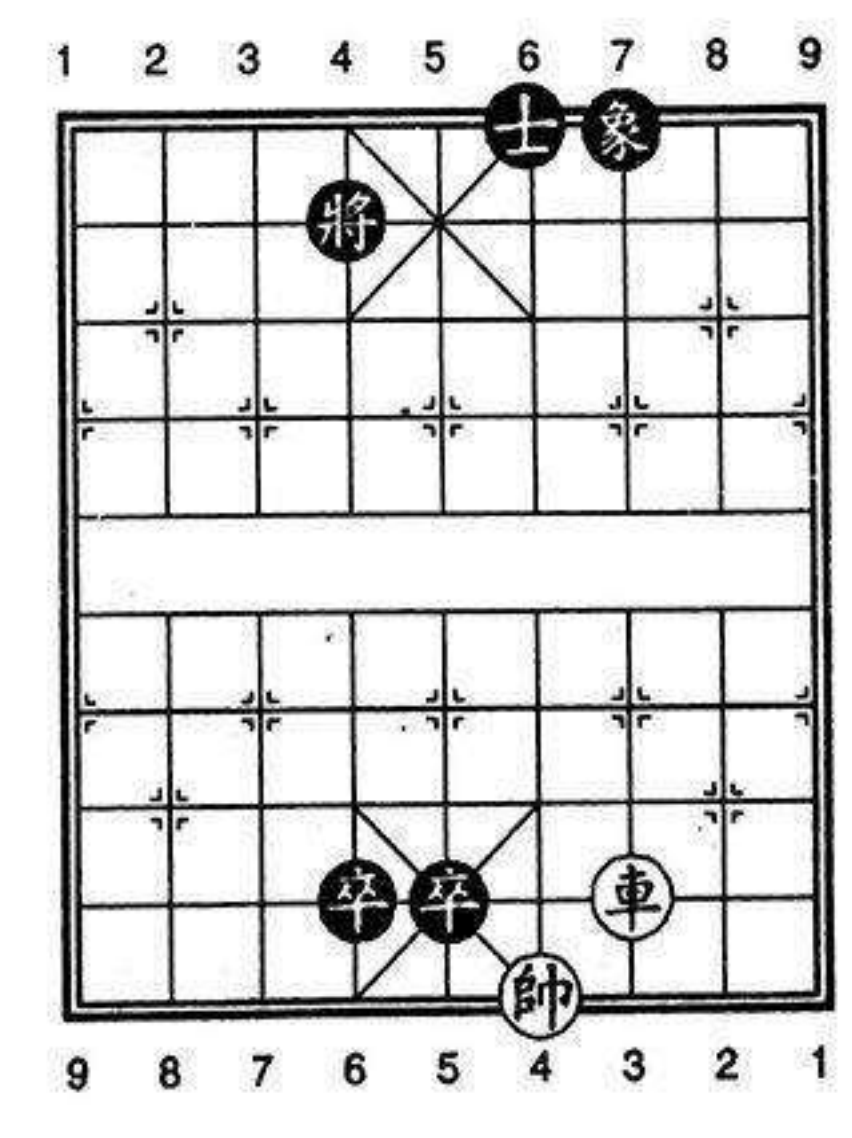

Sách Cờ Tướng .Com

13. 兵6.1 士5.4
14. 車4.5 將4.1
15. 車2.8 士4/5
16. 車2–3 卒7.1
17. 車3/8 士5/6
18. 車3.1 卒4.1

THẾ 95 TRẮNG HÒA

1. 車1.3 馬s/8
2. 車1–2 馬6/7
3. 炮2–8 車8–9
4. 車2–1 車9–7
5. 車1–3 車7/9
6. 兵8–7 象1/3
7. 炮8.3 象3.5
8. 炮8–3 象5/7
9. 帥5–4

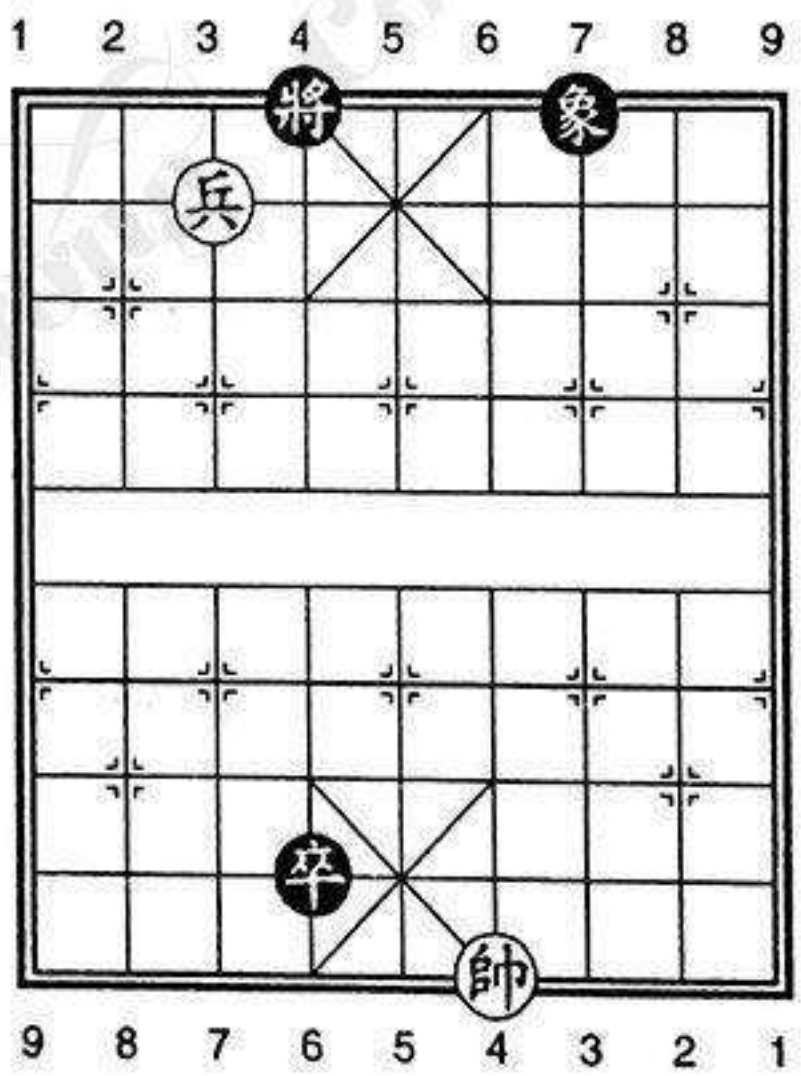

THẾ 96 TRẮNG HÒA

1. 車s–4 馬8.6
2. 車1–7 卒2–3
3. 車7/6 炮2–8
4. 兵5–4 將6–5

Sách Cờ Tướng .Com

5.	炮1.7	炮8.9
6.	車4/3	車1.2
7.	兵4.1	將5–6
8.	車4.5	將6–5
9.	車7.9	象5/3
10.	炮1–7	車1–6
11.	兵3–4	將5.1
12.	炮7/4	卒1–2
13.	相5.7	炮8/3
14.	兵3.1	炮8–3
15.	相7/5	炮3.1
16.	炮7–5	卒5–6
17.	兵3.1	卒2–3
18.	兵3–4	卒3–4
19.	兵s.1	卒4.1
20.	兵4–5	將5–4
21.	兵5–6	炮3–5
22.	兵4.1	將4/1
23.	兵6.1	將4–5
24.	炮5.3	炮5/2
25.	帥6–5	卒4.1
26.	兵6–5	炮5–8
27.	炮5–7	將5–4
28.	兵5–6	卒6–5

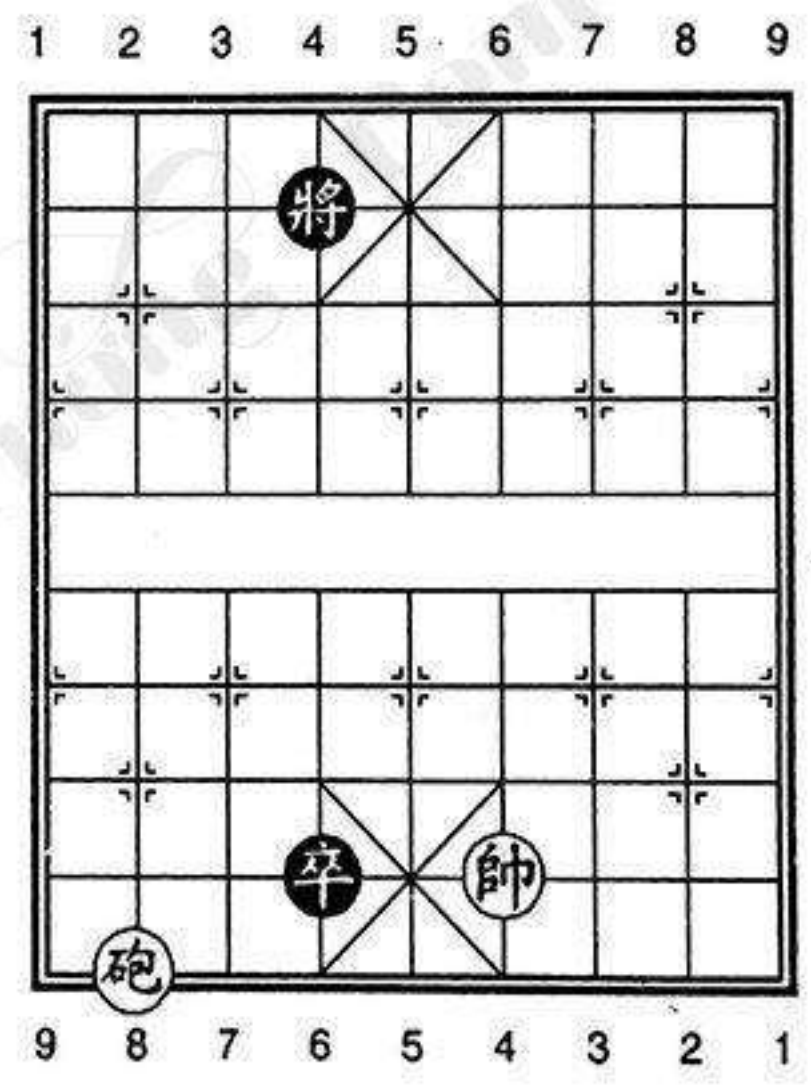

SachCoTuong.com

29. 帥5–4 卒4.1
30. 炮7–5 卒4–5
31. 炮5/8 炮8–4
32. 炮5–8 炮4.4
33. 兵4–5 卒5–4
34. 兵6.1 炮4/8
35. 兵5–6 卒4.1
36. 帥4.1

THẾ 97 TRẮNG HÒA

1. 炮4.1 象5.7
2. 車3–6 將4–5
3. 車6.3 車4/6
4. 炮3.4 將5–6
5. 炮3–6 炮9–5
6. 帥5–6 卒6–5
7. 炮6/2 將6–5
8. 炮6–5 炮5.3
9. 炮5/4 炮5/5
10. 炮5.7 炮6–4
11. 兵6.1 將5/1

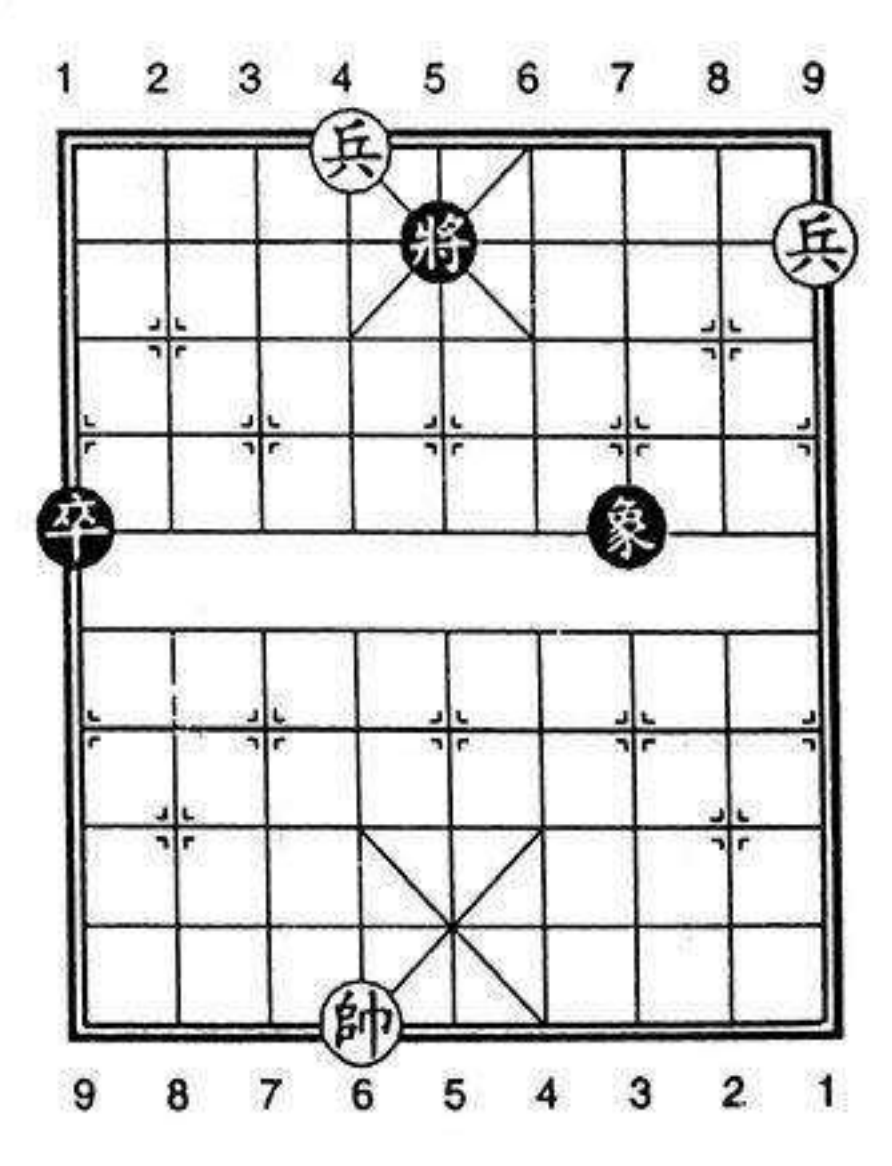

Sách Cờ Tướng .Com

THẾ 98 TRẮNG HÒA

1. 車5–2 象9/7
2. 車2.7 卒4–5
3. 帥5–6 士4/5
4. 車2–3 士5/6
5. 兵5.1 將5.1
6. 車3/5 卒1.1
7. 車3–5 將5–6
8. 車5–4 將6–5
9. 車4.5 卒1.1
10. 車4/5 卒1.1
11. 車4–5 將5–6
12. 車5/1 卒1–2
13. 車5–3 卒2.1
14. 車3/1 卒2.1
15. 車3–4 將6–5
16. 車4/1 卒5–6
17. 帥6.1

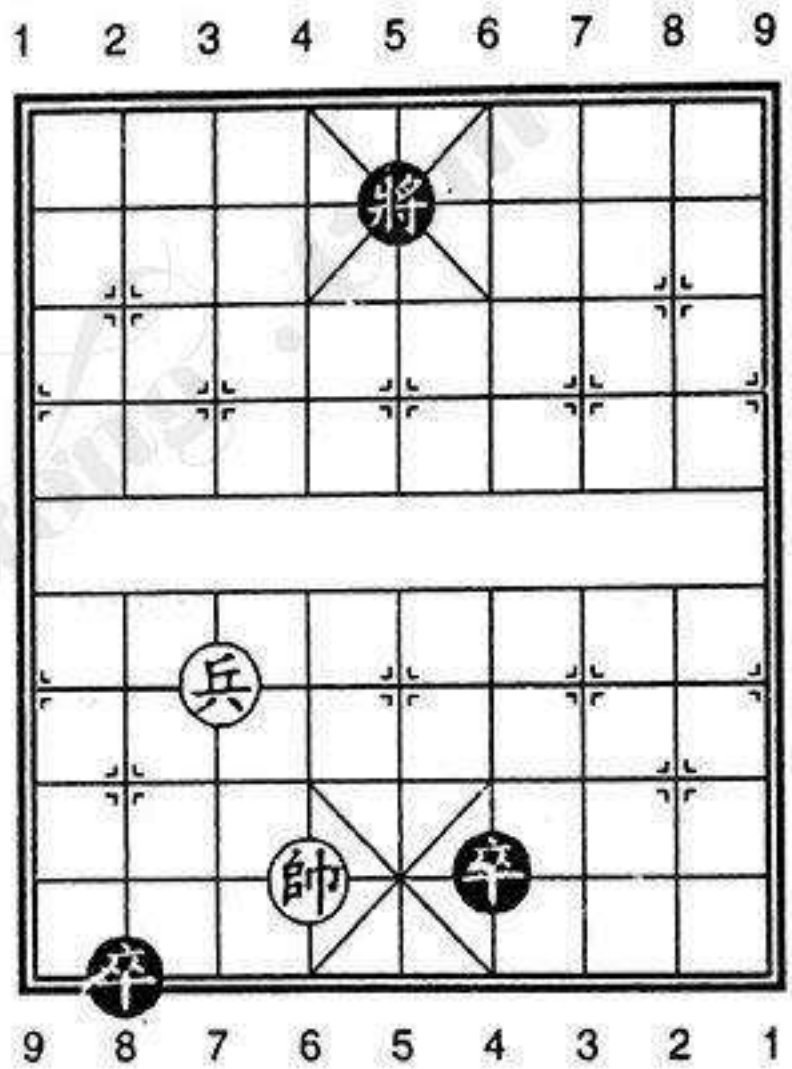

THẾ 99 TRẮNG HÒA

1. 馬5/7 將4.1
2. 馬7.5 將4–5
3. 兵4–5 車6/8

Sách Cờ Tướng .Com

4. 兵t–4	車6–8
5. 兵t–2	車8.1
6. 兵3–4	炮2–6
7. 馬5.3	將5–4
8. 馬3.2	炮6–1
9. 兵5.1	卒9–8
10. 兵5.1	炮1/1
11. 馬2/4	炮1.1
12. 馬4.2	炮1/1
13. 馬2/4	炮1–5
14. 兵4–5	士4.5
15. 馬4/3	卒8–7
16. 馬3/4	卒7–6
17. 馬4/6	卒4–5
18. 帥5–6	卒6.1
19. 兵5–6	

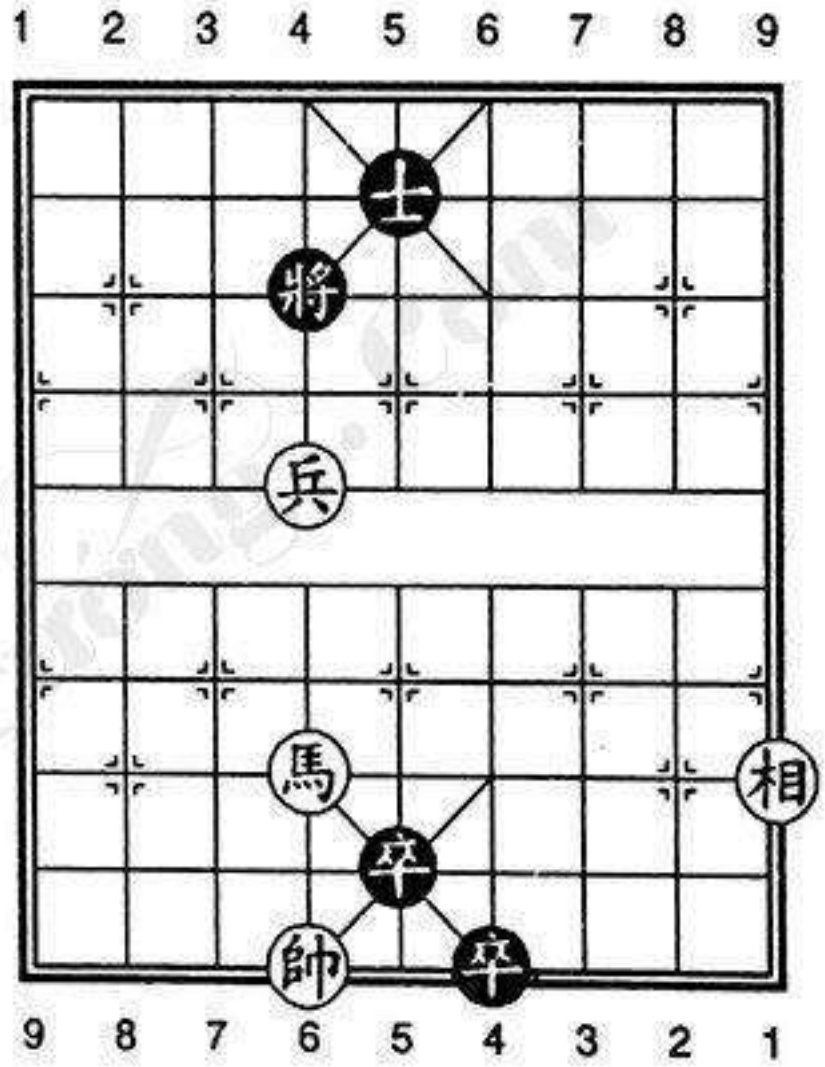

THẾ 100 TRẮNG HÒA

1. 炮t–6	車4.2
2. 炮2–6	車4–8
3. 馬6.5	車8.1
4. 炮6.1	卒t.1
5. 帥6–5	卒6–5
6. 帥5–6	卒5–4

Sách Cờ Tướng .Com

7. 帥6–5 卒5.1
8. 帥5–4 車8–6
9. 馬5/4 炮1/5
10. 炮6–1 卒4.1
11. 車5/7 炮1.7
12. 車5/1 卒4–5
13. 帥4–5 車6–4
14. 炮1/4 車4.3
15. 帥5.1 卒3.1
16. 車2.7 車4/1
17. 帥5.1 車4–6
18. 炮1.7 車6–9
19. 炮1–2 車9/1
20. 帥5/1 炮1/1
21. 帥5/1 車9.2
22. 炮2/7 炮1.1
23. 車2/4 車9–8
24. 車2/4 炮1–8

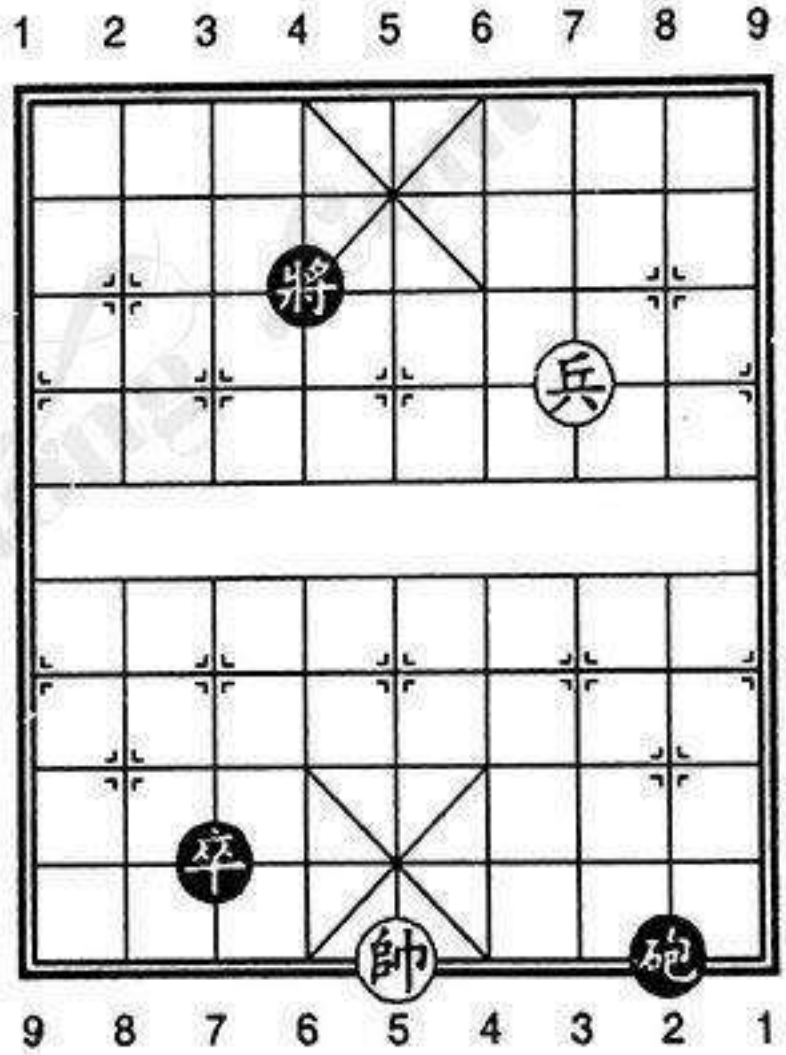

THẾ 101 TRẮNG HÒA

1. 炮t–4 車6.1
2. 炮2–4 車6–8
3. 車s–4 車2–5
4. 炮4/4 車5–6

Sách Cờ Tướng.Com

5.	帥5–4	車8.2
6.	炮4.7	車8.4
7.	相5/3	車8–7
8.	帥4.1	車7/1
9.	帥4.1	炮5.1
10.	炮4–1	炮5–6
11.	車4–7	炮6.1
12.	炮1–9	將6–5
13.	車7.6	將5.1
14.	兵8.1	將5.1
15.	車7–5	將5–4
16.	車5–4	車7/6
17.	炮9.1	卒2–3
18.	車4–6	將4–5
19.	車6–5	將5–4
20.	炮9–6	車7.5
21.	帥4/1	車7.1
22.	帥4.1	車7–5
23.	車5/7	車5/1
24.	帥4–5	卒4–3
25.	兵8–7	炮6.1
26.	帥5/1	炮6–1
27.	帥5/1	炮1.6

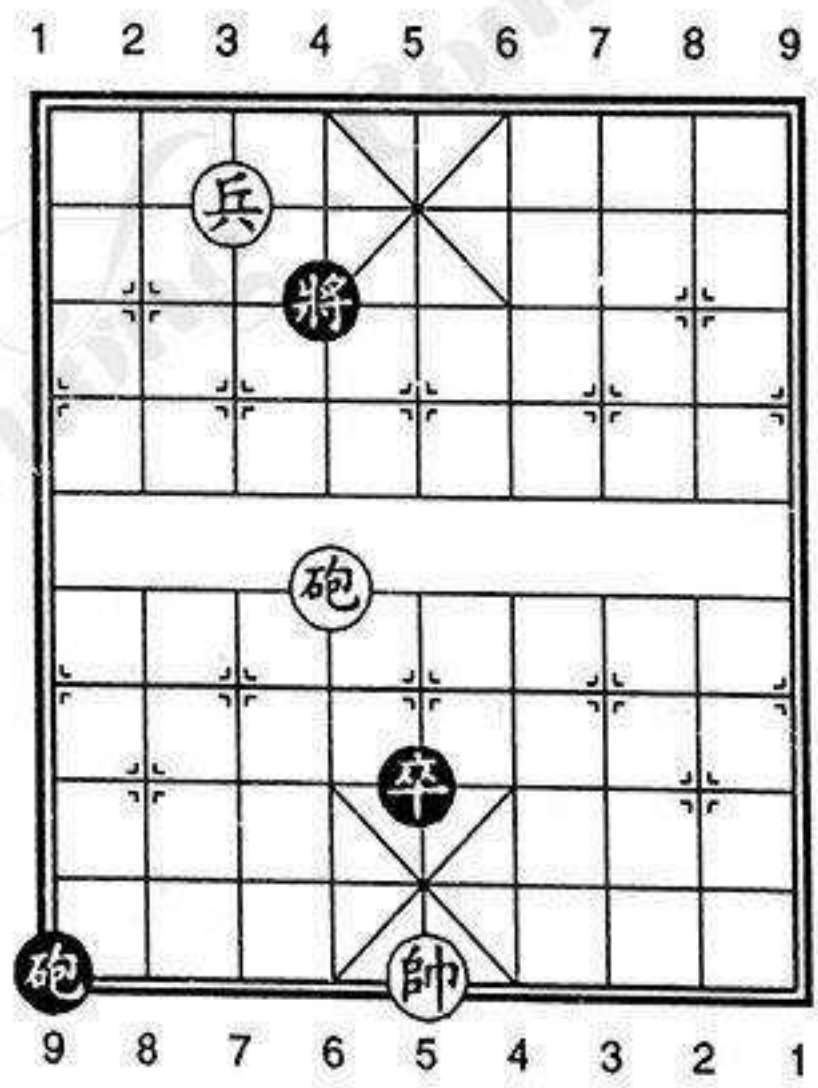

SachCoTuong.com

28. 炮6–7 炮1–3
29. 帥5.1 卒s3–4
30. 炮7–6 卒t3–4
31. 帥5/ 1 炮3–4
32. 炮6/1 卒s4–5
33. 炮6/7 炮4–1
34. 炮6/3

THẾ 102 TRẮNG HÒA

1. 車2.5 象5/6
2. 車2–3 士5/6
3. 馬3.4 將5.1
4. 馬4/6 將5–4
5. 車3/1 士4.5
6. 車3–5! 將4/1
7. 車5.1 將4–5
8. 馬6.7! 炮3/7
9. 車1–5 將5–4!
10. 車5/4! 炮3–6
11. 車5–4 炮6.7
12. 炮3/1 炮6–8
13. 炮3–6 象3.1
14. 炮6.6 炮8/3

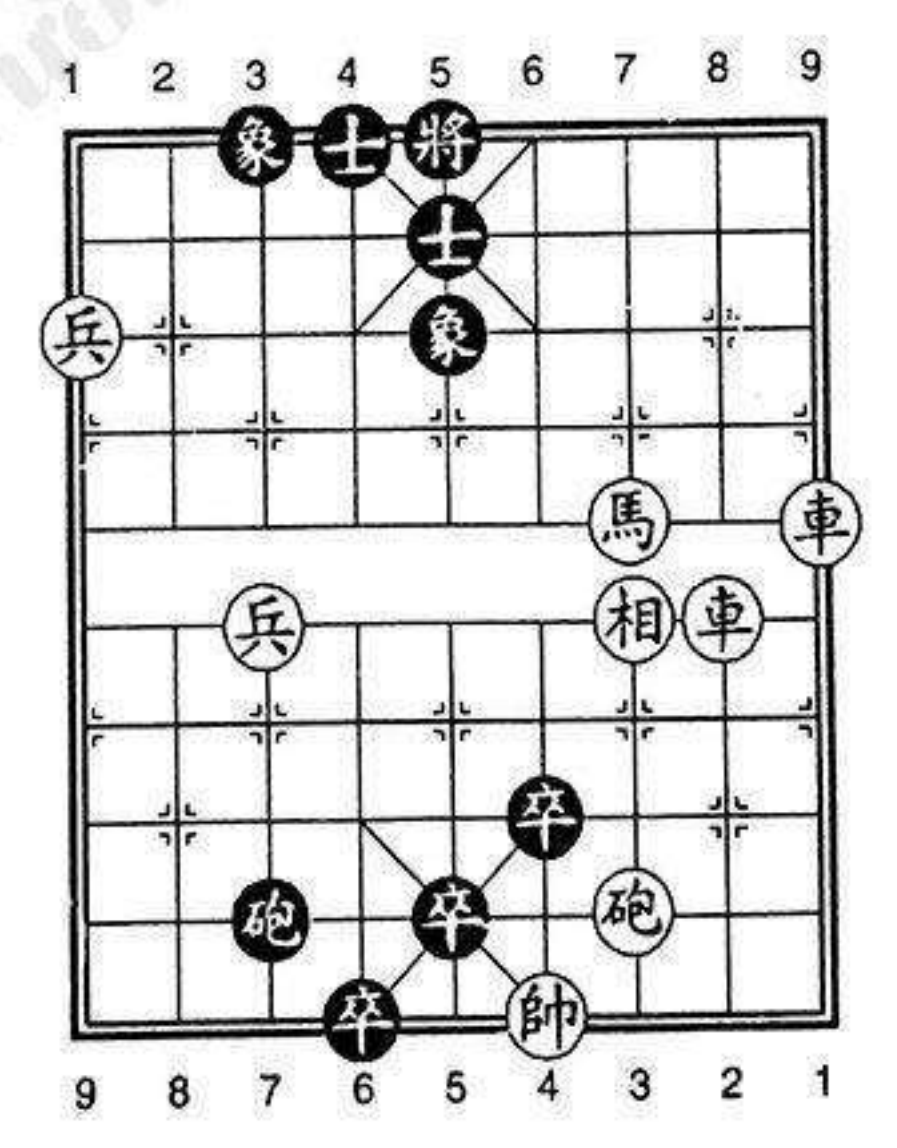

Sách Cờ Tướng .Com

15. 相3/1 炮8/5
16. 相1.3 士6.5
17. 炮6–8 士5.6
18. 兵7.1 將4–5
19. 相3/5 將6–5
20. 兵7–6 卒5.1
21. 炮8–4 士6/5
22. 炮4–5 將5–4
23. 兵6–5 卒5–4
24. 帥4.1 炮8–6
25. 炮5–3 士5.6
26. 兵5–4 將4–5
27. 炮3/5 卒4.1
28. 兵4.1 炮6.3
29. 帥4.1 炮6–7
30. 炮3–4 士6/5
31. 帥4–5 將5–4
32. 炮4–5 士5.6
33. 炮5–6 炮7/3
34. 炮6–7 炮7–5
35. 炮7–6 將4.1
36. 炮6–7 將4.1
37. 炮7–6 士6/5

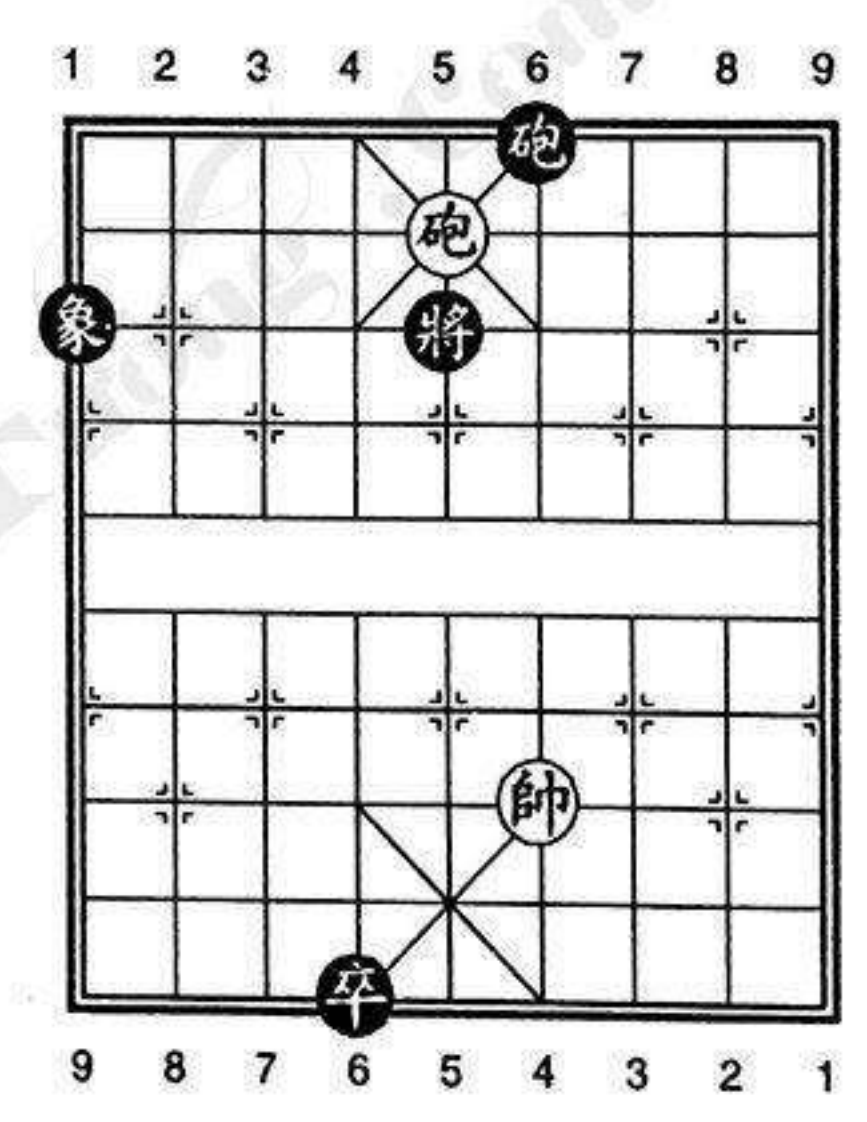

SachCoTuong.com

38. 帥5–4 將4–5

39. 炮6–5 炮5–6

40. 炮5.7

THẾ 103 TRẮNG HÒA

1. 車1.4 象5/7
2. 車1–3 士5/6
3. 馬3.4 將5.1
4. 馬4/6 將5–4
5. 馬6.4 將4–5
6. 馬4/6 將5–4
7. 車3/1 士4.5
8. 馬6.4 將4.1
9. 馬4/5 將4/1
10. 馬5.7 將4/1
11. 車2–6 將4–5
12. 相5/7 車2–3
13. 相7/9 卒5–4
14. 帥6–5 車3–5
15. 帥5–4 卒4–5
16. 車6–4 車5–9
17. 車3/8 卒4.1
18. 馬7.5 卒4.1

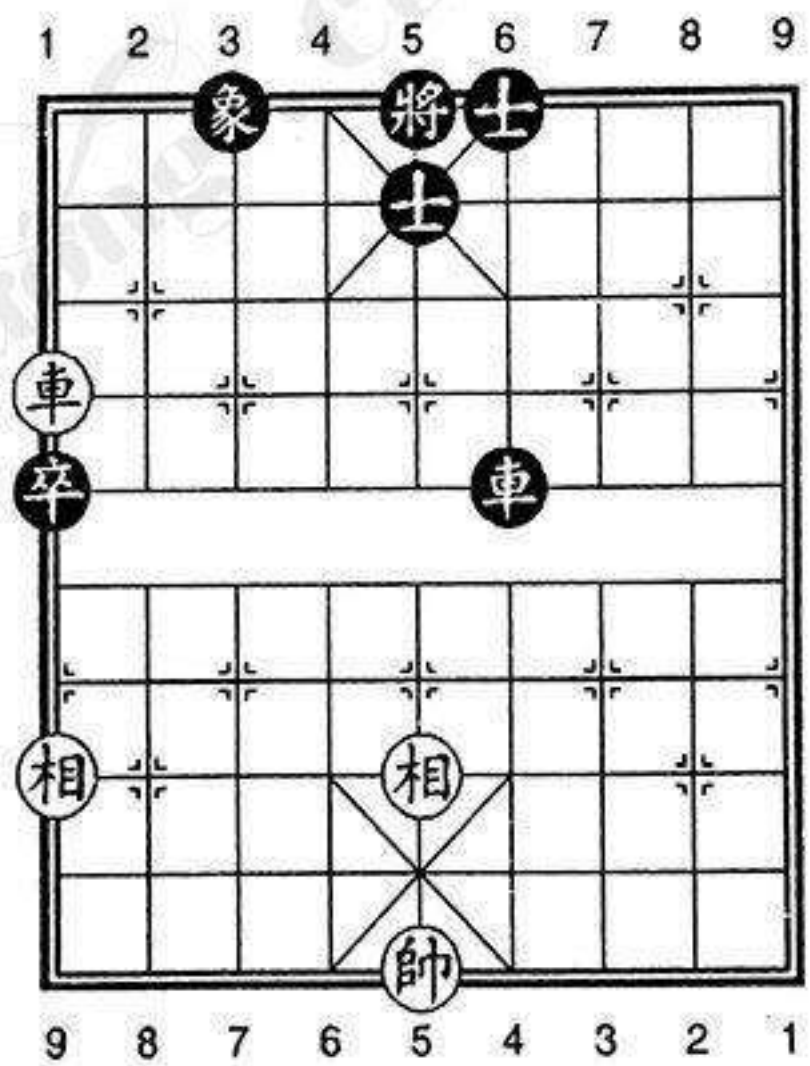

Sách Cờ Tướng.com

19. 馬5/4 士5.6
20. 車4–5 士6/5
21. 車5/4 車9–6
22. 車5–4 卒4–5
23. 帥4–5 車6.2
24. 車3.6 卒1.1
25. 車3–9 車6/4
26. 相7.5

THẾ 104 TRẮNG HÒA

1. 車6.3 炮9–4
2. 車2.7 將4.1
3. 炮1.6 士5.6
4. 車2/1 將4/1
5. 車2–7 車5–7
6. 兵3–4 車7/3
7. 帥6.1 炮4.1
8. 炮1–4 車7–4
9. 帥6–5 炮4–5
10. 帥5–4 卒6–5
11. 仕6.5 車4/2
12. 兵4–5 車4–5

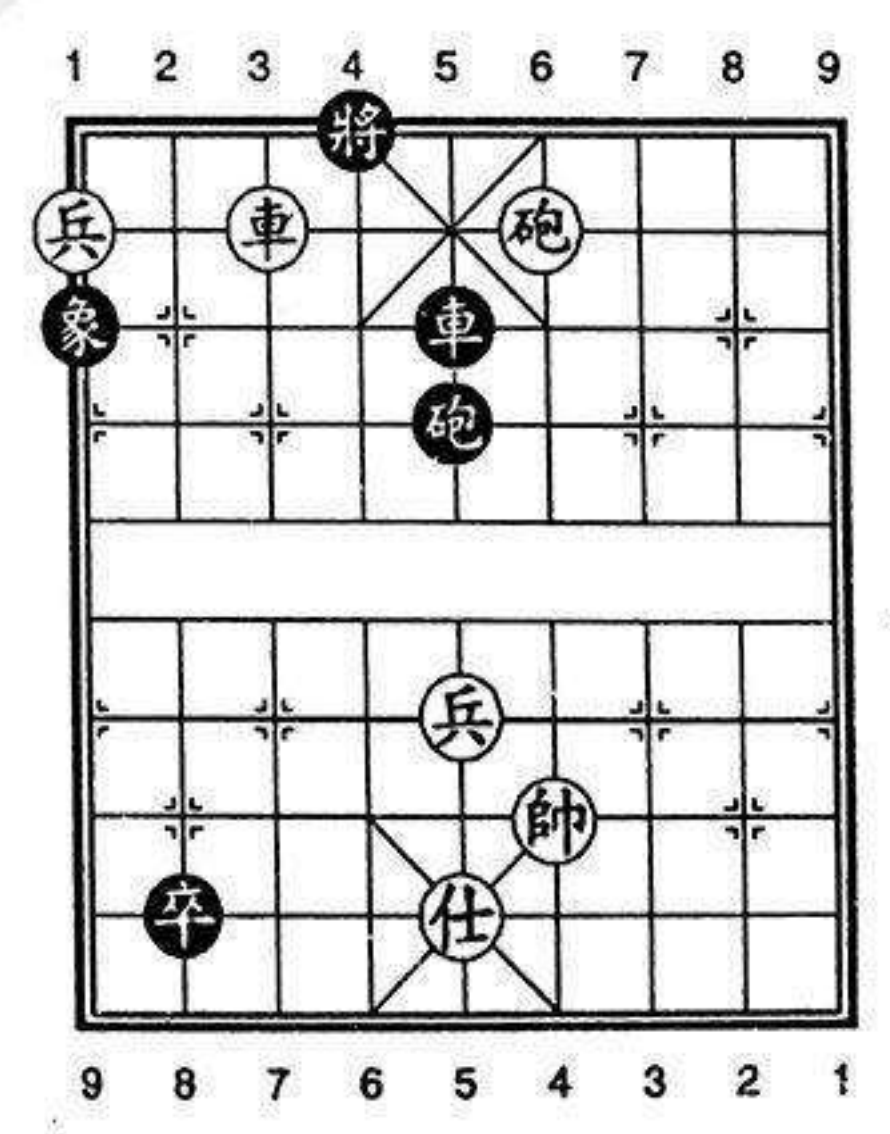

SachCoTuong.Com

THẾ 105 TRẮNG HÒA

1.	炮t–6	車4.1
2.	炮3–6	車4–7
3.	車1–6	車7.2
4.	相3.5	車7–8
5.	炮6–3	車8–4
6.	車6.2	卒3–4
7.	炮3–5	卒5–6
8.	帥6.1	炮3.6
9.	相5.3	炮3–5
10.	炮5–6	卒4–5
11.	兵5–4	炮5–7
12.	兵4–5	炮7.3
13.	兵2–3	炮7/7
14.	兵9.1	炮7–6
15.	兵9–8	炮6.4
16.	兵8–7	炮6–5
17.	兵5–4	將4–5
18.	兵7.1	卒5–4
19.	兵7–6	炮5–8
20.	炮6–5	卒4.1
21.	兵6.1	炮8.2
22.	帥6/1	卒4.1

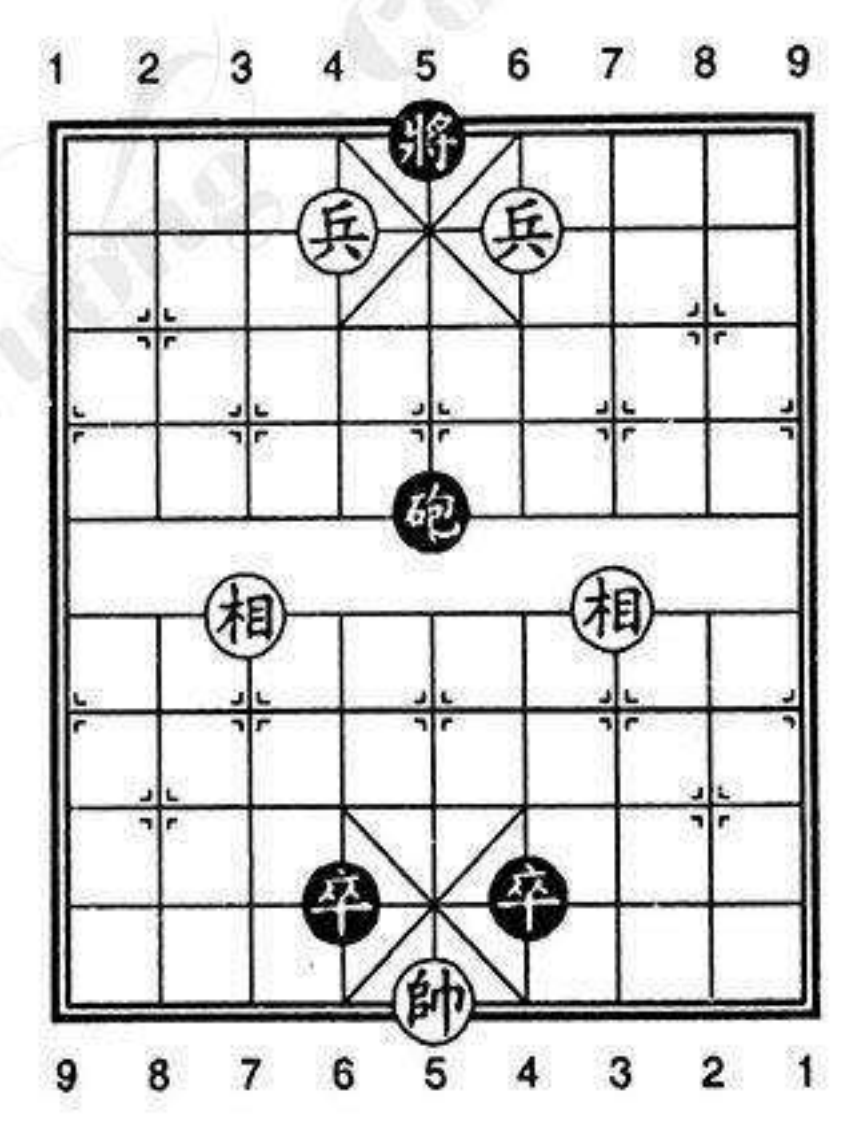

Sách Cờ Tướng .Com

23. 帥6–5	卒4.1
24. 兵6.1	炮8.1
25. 相3/5	炮8/8
26. 炮5.3	炮8–5
27. 相5.3	炮5.3
28. 相9.7	

THẾ 106 TRẮNG HÒA

1. 炮2–4	卒5–6
2. 兵4.1	將6.1
3. 車3.8	將6/1
4. 車2.1	卒t–5
5. 車2–5	卒4–5
6. 帥5.1	卒6.1
7. 帥5.1	車5–3
8. 兵6–7	車3–1
9. 車3/2	車1.7
10. 車3–4	將6–5
11. 車4/5	卒2–3
12. 車4–6	卒3.1
13. 車6.1	車1/2
14. 車6.5	車1–5
15. 帥5–6	車5.4

SáchCờTướng.Com

16. 車6.2 將5.1
17. 車6–4 車5–4
18. 帥6–5 車4–9
19. 帥5/1 車9/1
20. 帥5.1 車9/3
21. 帥5/1 車9–5
22. 帥5–4 象5.7
23. 車4/1 將5.1
24. 兵7–6 將5–4
25. 兵6–5 卒3–4
26. 車4/1 象7/5
27. 帥4.1 車5.4
28. 車4–2 車5–9
29. 車2/1 象5.7
30. 車2–6 將4–5
31. 車6–5 將5–4
32. 帥4/1 車9/3
33. 帥4.1

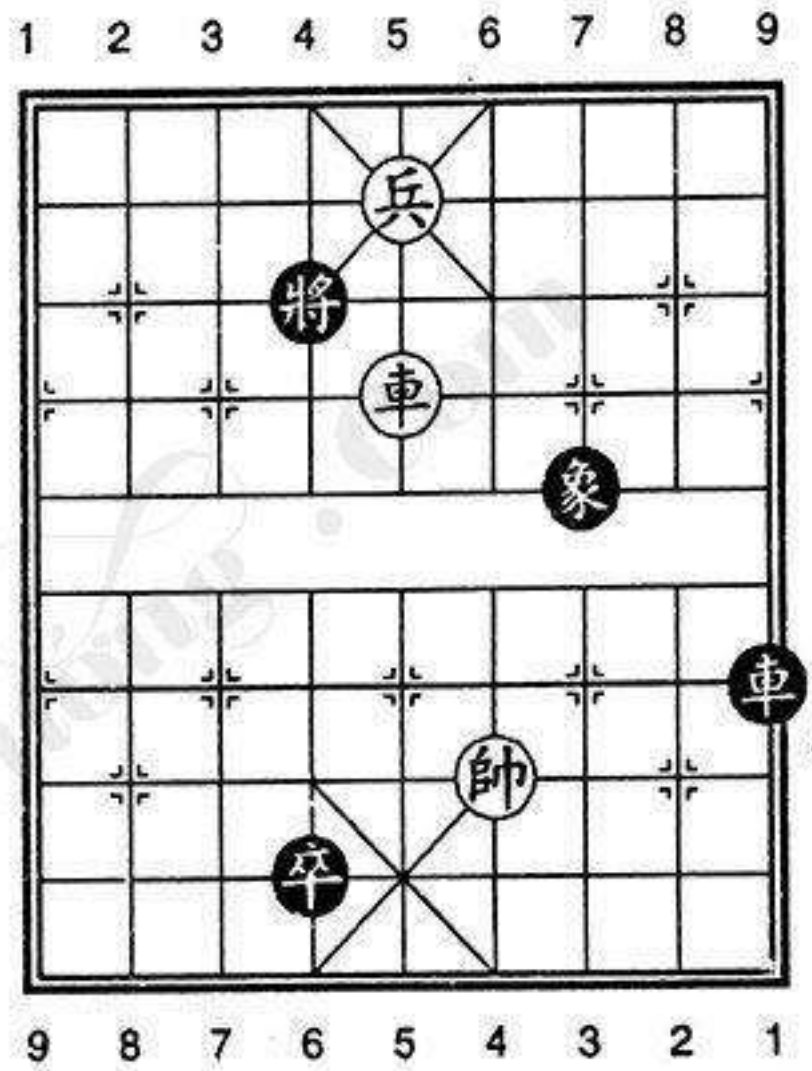

Sách Cờ Tướng .Com

MỤC LỤC

– Lời nói đầu 3

– Cách ghi chép cờ tướng 5

– Cách gọi tên các vị trí 6

• Phần 1: **Các thế cờ** 11

• Phần 2: **Bài giải các thế cờ** 64

Sách Cờ Tướng . Com